

QUYỂN “MƯỜI”

(Dasaka-Nipāta)

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
[Năm Mười Kinh Đầu].....	1
NHÓM 1. NHỮNG ÍCH LỢI.....	1
1 (1) Mục Đích Gì	1
2 (2) Sự Cố-Ý.....	2
3 (3) Giới Hạnh	4
4 (4) Nguyên Nhân Cận Kế	6
5 (5) Ānanda.....	6
6 (6) Sự Định Tâm	6
7 (7) Xá-Lợi-Phất	7
8 (8) Niềm Tin	8
9 (9) Bình An	10
10 (10) Những Trí Biết Đích Thực (tam minh).....	11
NHÓM 2. NGƯỜI BẢO HỘ.....	14
11 (1) Chỗ Ở	14
12 (2) Năm Yếu Tố	15
13 (3) Những Gong Cùm	17
14 (4) Sự Căn Cối Của Tâm	17
15 (5) Sự Chuyên Chú	21
16 (6) Đáng Được Tặng Vật	22
17 (7) Người Bảo Hộ (1).....	23

18 (8) <i>Người Bảo Hộ</i> (2).....	25
19 (9) <i>Những Cư Trú Của Bậc Thánh</i> (1) (ngắn gọn)	28
20 (10) <i>Những Cư Trú Của Bậc Thánh</i> (2) (chi tiết)	28
NHÓM 3. NHÓM LỚN	32
21 (1) <i>Sư Tử</i>	32
22 (2) <i>Những Nguyên Lý Học Thuyết</i>	34
23 (3) <i>Thân</i>	35
24 (4) <i>Cunda</i>	38
25 (5) <i>Những Kasiṇa</i>	40
26 (6) <i>Kāḷī</i>	40
27 (7) <i>Những Câu Hỏi Lớn</i> (1).....	42
28 (8) <i>Những Câu Hỏi Lớn</i> (2).....	45
29 (9) <i>Kosala</i> (1).....	48
30 (10) <i>Kosala</i> (2).....	53
NHÓM 4. UPĀLI	57
31 (1) <i>Upāli</i>	57
32 (2) <i>Đình Chỉ</i>	57
33 (3) <i>Sự Phán Quyết</i>	58
34 (4) <i>Ban Truyền Cự Túc Giới</i>	59
35 (4) <i>Sự Nương Dựa</i>	60
36 (6) <i>Sa-Di</i>	60
37 (7) <i>Sự Chia Rẽ</i> (1)	61
38 (8) <i>Sự Chia Rẽ</i> (2)	61
39 (9) <i>Ānanda</i> (1)	62

40 (10) <i>Ānanda</i> (2)	63
NHÓM 5. NHỮNG SỰ MẮNG CHỬI.....	64
41 (1) <i>Những Tranh Chấp</i>	64
42 (2) <i>Những Góc Rẽ</i> (1)	64
43 (3) <i>Những Góc Rẽ</i> (2)	64
44 (4) <i>Kusinārā</i>	65
45 (5) <i>Đi Vô</i>	67
46 (6) <i>Những Người Thích-Ca</i>	69
47 (7) <i>Mahāli</i>	72
48 (8) <i>Những Điều</i> (nên thường quán chiếu).....	73
49 (9) <i>Tồn Tại Nhờ Thân</i>	74
50 (10) <i>Những Tranh Cãi</i>	74
[Năm Mươi Kinh Thứ Hai]	79
NHÓM 1. TÂM CỦA MÌNH.....	79
51 (1) <i>Tâm Của Mình</i>	79
52 (2) <i>Xá-Lợi-Phất</i>	80
53 (3) <i>Sự Ngưng Trệ</i>	81
54 (4) <i>Sự Vững Lặng</i>	82
55 (5) <i>Sự Sa Sút</i>	85
56 (6) <i>Những Nhận Thức</i> (1)	87
57 (7) <i>Những Nhận Thức</i> (2)	87
58 (8) <i>Những Góc Rẽ</i>	87
59 (9) <i>Sự Xuất Gia</i>	88
60 (10) <i>Girimānanda</i>	89

NHÓM 2. CÁC CẶP ĐÔI.....	95
61 (1) <i>Vô Minh</i>	95
62 (2) <i>Dục Vọng</i>	98
63 (3) <i>Sự Chắc Chắn</i>	100
64 (4) <i>Không Lay Chuyển</i>	101
65 (5) <i>Hạnh Phúc (1)</i>	101
66 (6) <i>Hạnh Phúc (2)</i>	102
67 (7) <i>Naḷakapāna (1)</i>	103
68 (8) <i>Naḷakapāna (2)</i>	105
69 (9) <i>Những Chủ Đề Để Thảo Luận (1)</i>	106
70 (10) <i>Những Chủ Đề Để Thảo Luận (2)</i>	107
NHÓM 3. ƯỚC NGUYỆN	110
71 (1) <i>Ước Nguyện</i>	110
72 (2) <i>Những Gai Nhọn</i>	112
73 (3) <i>Thường Được Ước ...</i>	114
74 (4) <i>Sự Tăng Trưởng</i>	115
75 (5) <i>Cô Migasālā</i>	116
76 (6) <i>Không Khả Năng</i>	121
77 (7) <i>Con Quạ</i>	125
78 (8) <i>Những Ni-Kiền-Tử</i>	126
79 (9) <i>Những Căn Cớ (1)</i>	126
80 (10) <i>Những Căn Cớ (2)</i>	126
NHÓM 4. CÁC TRƯỞNG LÃO.....	128
81 (1) <i>Bāhuna</i>	128

82 (2) <i>Ānanda</i>	128
83 (3) <i>Ngài Puṇṇiya</i>	129
84 (4) <i>Tuyên Bố</i>	131
85 (5) <i>Người Khoác Lác</i>	133
86 (6) <i>Trí Biết Cuối Cùng</i>	135
87 (7) <i>Những Vấn Đề Thuộc Giới Luật</i>	139
88 (8) <i>Người Sĩ Nhục</i>	143
89 (9) <i>Kokālika</i>	143
90 (10) <i>Những Sức Mạnh</i>	147
NHÓM 5. UPĀLI	149
91 (1) <i>Người Thụ Hưởng Dục Lạc</i>	149
92 (2) <i>Những Sự Thù Oán</i>	154
93 (3) <i>Sự Thấy</i> (gia chủ Cấp Cô Độc).....	157
94 (4) <i>Gia Chủ Vajjiyamāhita</i>	160
95 (5) <i>Du Sĩ Uttiya</i>	163
96 (6) <i>Du Sĩ Kokanada</i>	166
97 (7) <i>Xứng Đáng Được Tặng Vật</i>	168
98 (8) <i>Một Trông Lão</i>	171
99 (9) <i>Ngài Upāli</i>	171
100 (10) <i>Không Khả Năng</i>	180
[Năm Mươi Kinh Thứ Ba]	181
NHÓM 1. NHỮNG NHẬN-THỨC CỦA MỘT SA-MÔN	181
101 (1) <i>Những Nhận Thức Của Một Sa-Môn</i>	181
102 (2) <i>Các Chi Giác Ngộ</i>	181

103 (3) <i>Đường Sai</i>	182
104 (4) <i>Một Hạt Giống</i>	183
105 (5) <i>Minh</i>	184
106 (6) <i>Phai Mòn</i>	185
107 (7) <i>Dhovana</i> (Ri-ra)	186
108 (8) <i>Những Thầy Thuốc</i> (thuốc xỏ)	188
109 (9) <i>Thuốc Ói</i>	190
110 (10) <i>Tổng Bỏ</i>	191
111 (11) <i>Vô Học Nhân</i> (1)	192
112 (12) <i>Vô Học Nhân</i> (2)	192
NHÓM 2. LỄ PACCOROHANĪ	194
113 (1) <i>Phi Giáo Pháp</i> (1).....	194
114 (2) <i>Phi Giáo Pháp</i> (2).....	194
115 (3) <i>Phi Giáo Pháp</i> (3).....	196
116 (4) <i>Ajita</i>	199
117 (5) <i>Bà-La-Môn Saṅgāra</i>	201
118 (6) <i>Bờ Này</i> (bờ gần).....	202
119 (7) <i>Lễ Paccorohaṇī</i> (1).....	203
120 (8) <i>Lễ Paccorohaṇī</i> (2).....	205
121 (9) <i>Thứ Dẫn Trước</i>	205
122 (10) <i>Những Ô Nhiễm</i>	206
NHÓM 3. THANH LỘC	207
123 (1) <i>Thứ Nhất</i>	207
124 (2) <i>Thứ Hai</i>	207

125 (3) <i>Thứ Ba</i>	207
126 (4) <i>Thứ Tư</i>	207
127 (5) <i>Thứ Năm</i>	207
128 (6) <i>Thứ Sáu</i>	208
129 (7) <i>Thứ Bảy</i>	208
130 (8) <i>Thứ Tám</i>	208
131 (9) <i>Thứ Chín</i>	208
132 (10) <i>Thứ Mười</i>	209
133 (11) <i>Thứ Mười Một</i>	209
NHÓM 4. TỐT	210
134 (1) <i>Tốt</i>	210
135 (2) – 144 (11) <i>Giáo Pháp Thánh Thiện</i>	210
NHÓM 5. ĐƯỜNG THÁNH THIÊN	212
145 (1) <i>Đường Thánh Thiện</i>	212
146 (2) – 154 (10) <i>Đường Sáng</i>	212
[Năm Mười Kinh Thứ Tư]	215
NHÓM 1. NHÓM “NHỮNG NGƯỜI” (1)	215
155 (1) <i>Gặp Gỡ</i>	215
156 (2) – 166 (12) <i>Nương Dựa</i>	215
NHÓM 2. BÀ-LA-MÔN JĀṆUSSONĪ	217
167 (1) <i>Lễ Paccorohaṇī (1)</i>	217
168 (2) <i>Lễ Paccorohaṇī (2)</i>	218
169 (3) <i>Saṅgāra</i>	219
170 (4) <i>Bên Đây</i>	220

171 (5) <i>Phi Giáo Pháp (1)</i>	220
172 (6) <i>Phi Giáo Pháp (2)</i>	221
173 (7) <i>Phi Giáo Pháp (3)</i>	224
174 (8) <i>Những Nguyên Nhân Của Nghiệp</i>	225
175 (9) <i>Tránh Bỏ</i>	226
176 (10) <i>Cunda</i>	226
177 (11) <i>Bà-La-Môn Jāṇussoṇī</i>	233
NHÓM 3. TỐT	238
178 (1) <i>Tốt</i>	238
179 (2) – 188 (11) <i>Giáo Pháp Thánh Thiện</i> ...	238
NHÓM 4. ĐƯỜNG THÁNH THIỆN	240
189 (1) <i>Đường Thánh Thiện</i>	240
190 (2) – 198 (10) <i>Đường Sáng</i>	240
NHÓM 5. THÊM NHÓM “NHỮNG NGƯỜI” (2)	241
199 (1) <i>Gặp Gỡ</i>	241
200 (2) – 210 (12) <i>Nương Dựa</i>	241
[Năm Mươi Kinh Thêm]	243
NHÓM 1. THÂN SINH RA TỪ NGHIỆP	243
211 (1) <i>Địa Ngục (1)</i>	243
212 (2) <i>Địa Ngục (2)</i>	246
213 (3) <i>Phụ Nữ</i>	248
214 (4) <i>Nữ Đệ Tử Tại Gia</i>	248
215 (5) <i>Sự Tự Tin</i>	249
216 (6) <i>Bò Trườn</i>	249

217 (7) <i>Cố Ý (1)</i>	252
218 (8) <i>Cố Ý (2)</i>	258
219 (9) <i>Thân Sinh Từ Nghiệp</i>	260
220 (10) <i>Hành Vi Trái Với Giáo Pháp</i>	263
NHÓM 2. GIỐNG NHAU	265
221 (1).....	265
222 (2).....	265
223 (3).....	266
224 (4).....	266
225 (5).....	267
226 (6) – 228 (8)	267
229 (9).....	267
230 (10) – 232 (12)	268
233 (13).....	268
234 (14) – 236 (16)	268
NHÓM 3. NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC	269
237 (1)	269
238 (2).....	269
239 (3).....	269
240 (4) – 266 (30)	270
267 (31) – 746 (510)	270
BẢNG VIẾT TẮT	271
CHÚ THÍCH	275

Kính Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

[Năm Mười Kinh Đầu]

NHÓM 1

NHỮNG ÍCH LỢI

1 (1) Mục Đích Gì

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

(1) “Thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành?”

(2) “Này Ānanda, mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành là (để có được) sự thanh-thản [sự không bị hối tiếc].”

(3) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự thanh-thản?”

“Mục đích và ích lợi của sự thanh-thản là niềm-vui.”

(4) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của niềm-vui?”

“Mục đích và ích lợi của niềm-vui là sự hoan-hỷ (hỷ).”

(5) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ?”

“Mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ là sự tĩnh-lặng (khinh an).”

(6) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng?”

“Mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng là sự sảng (lạc) [thân lạc].”

(7) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự srong?”

“Mục đích và ích lợi của sự srong là sự định-tâm (định).”

(8) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự định-tâm?”

“Mục đích và ích lợi của sự định-tâm là sự-biết và sự-thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là.”

(9) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự-biết và sự-thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là?”

“Mục đích và ích lợi của sự-biết và sự-thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là sự tỉnh-ngộ [không còn mê-đắm] và sự chán-bỏ.”

(10) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ?”

“Mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.”

“Nhu vậy đó, này Ānanda, (1)–(2) mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành là sự thanh-thản; (3) mục đích và ích lợi của sự thanh-thản là niềm-vui; (4) mục đích và ích lợi của niềm-vui là sự hoan-hỷ (hỷ); (5) mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ là sự tĩnh-lặng (khinh an). (6) mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng là sự srong (lạc); (7) mục đích và ích lợi của sự srong là định-tâm (định); (8) mục đích và ích lợi của sự định-tâm là sự-biết và sự-thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là; (9) mục đích và ích lợi của sự-biết và sự-thấy về mọi thứ đúng như chúng thực là sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ; (10) mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Như vậy, này Ānanda, giới-hạnh thiện lành dẫn dắt tiến dần tới chỗ cao nhất.”¹⁹⁶⁴

2 (2) Sự Cố-Ý

(1)–(2) “Này các Tỳ kheo, đối với một người có giới-hạnh, hành vi

của người đó là có giới-hạnh, thì không cần cố dụng sự cố-ý (tự) để: ‘Cầu mong sự thanh-thản [không bị hối-tiếc] khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên,¹⁹⁶⁵ rằng sự thanh-thản sẽ khởi sinh trong một người có giới-hạnh, hành vi của người đó là có giới-hạnh.

(3) “Đối với một người thanh-thản [không có sự hối tiếc] thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong niềm-vui khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người thanh-thản sẽ khởi sinh niềm-vui.

(4) “Đối với người được niềm-vui thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong sự hoan-hỷ khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người có niềm-vui sẽ khởi sinh sự hoan-hỷ (hỷ).

(5) “Đối với người có một cái tâm hoan-hỷ thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong thân tôi tĩnh-lặng’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người có tâm hoan-hỷ thì thân sẽ được tĩnh-lặng (khinh an).

(6) Với người được tĩnh-lặng trong thân thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi cảm thấy sảng’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người được tĩnh-lặng trong thân thì cảm thấy sảng (lạc) [thân lạc].

(7) “Với một người cảm giác sảng thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tâm tôi đạt-định’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng tâm của một người cảm thấy lạc thì sẽ đạt định.

(8) “Đối với người đạt-định thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Mong sao tôi biết và thấy (tri kiến) mọi sự đúng như chúng thực là’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người đạt-định thì sẽ biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là.

(9) “Đối với người biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi biết tinh-ngộ (không còn mê-đắm) và biết chán-bỏ.’ Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là sẽ biết tinh-ngộ và chán-bỏ.

(10) “Đối với người biết tinh-ngộ và biết chán-bỏ thì không cần cố dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn (minh

kiến) của sự giải-thoát'. Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người biết tỉnh-ngộ và chán-bỏ thì sẽ chứng ngộ trí-biết và tâm-nhìn của sự giải-thoát.

“Nhu vậy là, này các Tỳ kheo, (10)–(9) trí-biết và tâm-nhìn của sự giải-thoát là mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ; (8) sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là mục đích và ích lợi của sự biết và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là; (7) sự biết và sự thấy về mọi sự đúng như chúng thực là mục đích và ích lợi của sự định-tâm (định); (6) sự định-tâm là mục đích và ích lợi của lạc (sự sướng); (5) lạc là mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng (trong thân); (4) sự tĩnh-lặng (trong thân) là mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ; (3) sự hoan-hỷ là mục đích và ích lợi của niềm-vui; (2) niềm-vui là mục đích và ích lợi của sự thanh-thản [không bị hối-tiếc]; và (1) sự thanh-thản là mục đích và ích lợi của (sự giữ, sự có được) giới-hạnh.

“Nhu vậy, này các Tỳ kheo, một giai đoạn chảy vào giai đoạn kế tiếp, một giai đoạn đồ đầy giai đoạn kế tiếp, để đi từ bờ này qua bờ kia (đáo bỉ ngạn).”¹⁹⁶⁶

3 (3) Giới Hạnh ¹⁹⁶⁷

(I) “Này các Tỳ kheo, (1) với người vô đạo đức, với người thiếu hụt về giới-hạnh, người thiếu hụt về giới-hạnh (2) là thiếu nhân cận kề (kế trước) đưa đến sự thanh-thản [không bị hối-tiếc]. Khi không có sự thanh-thản, với người thiếu sự thanh-thản (3) là thiếu nhân cận kề đưa đến niềm-vui. Khi không có niềm-vui, với người thiếu niềm-vui (4) là thiếu nhân cận kề đưa đến sự hoan-hỷ (hỷ). Khi không có sự hoan-hỷ, với người thiếu sự hoan-hỷ (5) là thiếu nguyên-nhân kề cận đưa đến sự tĩnh-lặng [trong thân] (khinh an). Khi không có sự tĩnh-lặng, với người thiếu sự tĩnh-lặng (6) là thiếu nhân cận kề đưa đến sự sướng (lạc) [thân lạc]. Khi không có sự sướng, với người thiếu sự sướng (7) là thiếu nhân cận kề đưa đến sự định-tâm (định). Khi không có sự định-tâm, với người thiếu sự định-tâm là (8) là thiếu nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy (tri kiến)

về mọi sự đúng như chúng thực. Khi không có sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là, với người thiếu sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực (9) là thiếu nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ (không còn mê-đắm) và sự chán-bỏ. Khi không có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, với người thiếu sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ (10) là thiếu nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

“Ví dụ một cây thiếu cành và lá. Thì rễ của nó không phát triển đầy đủ; rồi vỏ cây, phần gỗ mềm, và phần gỗ lõi cũng không phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) với người vô đạo đức, với người thiếu hụt về giới-hạnh, người thiếu hụt về giới-hạnh (2) là thiếu nhân cận kề đưa đến sự thanh-thản [không bị hối-tiếc] ... (10) là thiếu nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

(II) “Này các Tỳ kheo, (1) với một người có giới-hạnh, hành vi của người đó là có giới-hạnh (2) là có được nhân cận kề đưa đến sự thanh-thản [không bị hối-tiếc]. Khi có sự thanh-thản, với người có sự thanh-thản (3) là có được nhân cận kề đưa đến niềm-vui. Khi có niềm-vui, với người có niềm-vui (4) là có được nhân cận kề đưa đến sự hoan-hỷ (hỷ). Khi có sự hoan-hỷ, với người có sự hoan-hỷ (5) là có được nguyên-nhân kẻ cận đưa đến sự tĩnh-lặng [trong thân] (khinh an). Khi có sự tĩnh-lặng, với người có sự tĩnh-lặng (6) là có được nhân cận kề đưa đến sự sảng (lạc) [thân lạc]. Khi có sự sảng, với người có sự sảng (7) là có được nhân cận kề đưa đến sự định-tâm (định). Khi có sự định-tâm, với người có sự định-tâm là (8) là có được nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy (tri kiến) về mọi sự đúng như chúng thực. Khi có sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là, với người có sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực (9) là có được nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ (không còn mê-đắm) và sự chán-bỏ. Khi có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, với người có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ (10) là có được nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

“Ví dụ một cây có đủ cành và lá. Thì rễ của nó sẽ phát triển đầy đủ; rồi vỏ cây, phần gỗ mềm, và phần gỗ lõi cũng phát triển đầy đủ. Cũng

giống như vậy, (1) với một người có giới-hạnh, hành vi của người đó là có giới-hạnh (2) là có được nhân cận kề đưa đến sự thanh-thản [không bị hối-tiếc] ... (10) là có được nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.”

4 (4) Nguyên Nhân Cận Kề

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: ... *[Tiếp tục giống kinh 10:03 kể trên, chỉ khác là kinh này do thầy Xá-lợi-phất nói].*

5 (5) Ānanda

Ở đó Ngài Ānanda đã nói với các Tỳ kheo: ... *[Tiếp tục giống kinh 10:03 kể trên, chỉ khác là kinh này do thầy Ānanda nói].*

6 (6) Sự Định Tâm

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, có phải rằng một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất;¹⁹⁶⁸ (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về không vô biên xứ trong liên hệ với không vô biên xứ; (6) về thức vô biên xứ trong liên hệ với thức vô biên xứ; (7) về vô sở hữu xứ trong liên hệ với vô sở hữu xứ; (8) về phi tưởng phi phi tưởng xứ trong liên hệ với phi tưởng phi phi tưởng xứ; (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?”

“Người đó có thể, này Ānanda.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?”

“Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo có nhận-thức (tưởng) như vậy: ‘Đây (trạng thái này) là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặn tất cả hành-vi (hành vi tạo tác; các hành), sự từ-bỏ mọi sự thu-nạp (sanh y), sự tiêu-diệt dục-vọng (ái), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn.’¹⁹⁶⁹ Này Ānanda, chính theo cách này một Tỳ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó): (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về không vô biên xứ trong liên hệ với không vô biên xứ; (6) về thức vô biên xứ trong liên hệ với thức vô biên xứ; (7) về vô sở hữu xứ trong liên hệ với vô sở hữu xứ; (8) về phi tưởng phi phi tưởng xứ trong liên hệ với phi tưởng phi phi tưởng xứ; (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức.”

7 (7) *Xá-Lợi-Phát*

Lúc đó có Ngài Ānanda đã đã đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Xá-lợi-phát. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phát:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phát, có phải rằng một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về không vô biên xứ trong liên hệ với không vô biên xứ; (6) về thức vô biên xứ trong liên hệ với thức vô biên xứ; (7) về vô sở hữu xứ trong liên hệ với vô sở hữu xứ; (8) về phi tưởng phi phi tưởng xứ trong liên hệ với phi tưởng phi phi tưởng xứ; (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác}— nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?”

“Người đó có thể, này đạo hữu Ānanda.”

“Nhưng, này đạo hữu, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?”

“Này đạo hữu Ānanda, trong một lần khi tôi đang trú ngay ở Sāvattthī này, trong Khu Vườn Cửa Người Mù. Ở đó tôi đã {chứng đắc một trạng thái định-tâm như vậy (mà trong đó) (1) tôi không có nhận-thức (phi tướng) về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về không vô biên xứ trong liên hệ với không vô biên xứ; (6) về thức vô biên xứ trong liên hệ với thức vô biên xứ; (7) về vô sở hữu xứ trong liên hệ với vô sở hữu xứ; (8) về phi tướng phi phi tướng xứ trong liên hệ với phi tướng phi phi tướng xứ; (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác}— nhưng tôi vẫn còn có nhận-thức.”

“Nhưng trong lúc đó thầy Xá-lợi-phất vẫn còn nhận-thức về cái gì?”

“Một nhận-thức đã khởi sinh (sinh) và một nhận-thức khác đã chấm dứt (diệt) trong tôi: ‘Sự chấm-dứt hiện-hữu là Niết-bàn; sự chấm-dứt hiện-hữu là Niết-bàn’.¹⁹⁷⁰ Ví dụ như, một cành củi đang cháy, có một ngọn lửa cháy lên và một ngọn lửa khác chấm dứt; cũng giống như vậy, một nhận-thức đã khởi sinh và một nhận-thức khác chấm dứt trong tôi: ‘Sự chấm-dứt hiện-hữu là Niết-bàn; sự chấm-dứt hiện-hữu là Niết-bàn’. Này đạo hữu, trong lúc đó, tôi có nhận-thức: ‘Sự chấm-dứt hiện-hữu là Niết-bàn’.”

8 (8) Niềm Tin¹⁹⁷¹

(1) Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin, nhưng người đó thiếu giới-hạnh; như vậy người đó là không hoàn thành (không đầy đủ) về chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: ‘Làm cách nào ta được phú cho niềm-tin và cũng có luôn giới-hạnh?’ Nhưng khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin và cũng có luôn giới-hạnh, thì người đó là hoàn thành (đầy đủ) về phương diện chi phần đó.

(2) “Một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin và có giới-hạnh, nhưng người đó không có sự học-hiểu ... (3) có thể được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, có sự học-hiểu, nhưng người đó không phải là người giỏi thuyết về Giáo Pháp ... (4) ... là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp, nhưng không phải là người hay đến những hội chúng ... (5) ... là một người hay đến những hội chúng, nhưng không phải là người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng ... (6) ... là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng, nhưng không phải là người thiện thảo về giới-luật ... (7) ... là một người thiện thảo về giới-luật, nhưng không phải là người sống tu trong rừng, lui về sống tu ở những nơi xa lánh ... (8) ... là một người sống tu trong rừng, lui về sống tu ở những nơi xa lánh, nhưng không phải là người ‘tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiên định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này’ ... (9) ... là một người ‘tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiên định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc ngay trong kiếp này’, nhưng không phải là người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’.

“Như vậy là một người đó không hoàn thành về phương diện chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: ‘Làm cách nào (1) ta được phú cho niềm-tin ... (9) ... và cũng là một người “tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiên định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc ngay trong kiếp này”?’

(10) “Nhưng khi một Tỳ kheo (i) được phú cho niềm-tin, (ii) có giới-hạnh, và (iii) có sự học-hiểu; (iv) là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp; (v) là một người hay đến những hội chúng; (vi) là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng; (vii) là một người thiện thảo về giới-luật; (viii) là một người sống tu trong rừng, lui về sống tu ở những nơi xa

lánh; (ix) là một người ‘tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiên định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc ngay trong kiếp này’; và (x) là một người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’, thì người đó là hoàn thành về phương diện chi phần đó.

“Một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất này là người khích lệ niềm-tin về tất cả mọi phương diện và người hoàn thành về tất cả mọi mặt.”

9 (9) *Bình An* ¹⁹⁷²

(1) Đây các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin nhưng người đó thiếu giới-hạnh ... (2) được phú cho niềm-tin và có giới-hạnh, nhưng người đó không có sự học-hiểu ... (3) ... có sự học-hiểu, nhưng người đó không phải là người giỏi thuyết về Giáo Pháp ... (4) ... là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp, nhưng không phải là người hay đến những hội chúng ... (5) là một người hay đến những hội chúng, nhưng không phải là người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng ... (6) ... là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng, nhưng không phải là người thiện tạo về giới-luật ... (7) ... là một người thiện tạo về giới-luật, nhưng không phải là người sống tu trong rừng, lui về sống tu ở những nơi xa lánh ... (8) ... là một người sống tu trong rừng, lui về sống tu ở những nơi xa lánh, nhưng không phải là người ‘tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát đầy bình-an, nó vượt trên những thể-sắc (sắc giới), đó là vô-sắc’ (tức những tầng chứng đắc vô-sắc giới) ... (9) ... là một người ‘tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát đầy bình-an, nó vượt trên những thể-sắc, đó là vô-sắc’, nhưng không phải là người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’.

“Nhu vậy là một người đó không hoàn thành về phương diện chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: ‘Làm cách nào (1) ta được phú cho niềm-tin ... (9) ... và cũng là một người “với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó”?’

(10) “Nhưng khi một Tỳ kheo (i) được phú cho niềm-tin, (ii) có giới-hạnh, và (iii) có sự học-hiểu; (iv) là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp; (v) là một người hay đến những hội chúng; (vi) là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng; (vii) là một người thiện thạo về giới luật; (viii) là một người sống tu trong rừng, lui về sống tu ở những nơi xa lánh; (ix) là một người ‘tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát đầy bình-an, nó vượt trên những thể-sắc, đó là vô-sắc’; và (x) là một người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’, thì người đó là hoàn thành về phương diện chi phần đó.

“Một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất này là người khích lệ niềm-tin về tất cả mọi phương diện và người hoàn thành về tất cả mọi mặt.”

10 (10) Những Trí Biết Đích Thực (tam minh)

(1) Nay các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin nhưng người đó thiếu giới-hạnh ... (2) được phú cho niềm-tin và có giới-hạnh, nhưng người đó không có sự học-hiểu ... (3) ... có sự học-hiểu, nhưng người đó không phải là người giỏi thuyết về Giáo Pháp ... (4) ... là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp, nhưng không phải là người hay đến những hội chúng ... (5) là một người hay đến những hội chúng, nhưng không phải là người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng ... (6) ... là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng,

nhưng không phải là người thiện thảo về giới-luật ... (7) ... là một người thiện thảo về giới-luật, nhưng không phải là người (có trí-biết) ‘có thể nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ’ (*túc mạng minh*): [Đó là: một lần sinh, hai lần sinh ... *[như đoạn mẫu (4), kinh 6:02]* ... Người đó *không thể* nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy’] ... (8) ... là một người (có trí-biết) ‘có thể nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ’ ...’, nhưng không phải là người: [‘Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (*thiên nhãn minh*) ... *[như đoạn mẫu (5), kinh 6:02]* ... và người đó *không* hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy’] ... (9) ... là một người: [‘Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người ...’ và người hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy’], nhưng không phải là người: [‘Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’ (*lậu tận minh*)].

“Như vậy là một người đó không hoàn thành về phương diện chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: ‘Làm cách nào (1) ta được phú cho niềm-tin ... (10) ... và cũng là một người: [“Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’ (*lậu tận minh*)]?’

(10) “Nhưng khi một Tỷ kheo (i) được phú cho niềm-tin, (ii) có giới-hạnh, và (iii) có sự học-hiểu; (iv) là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp; (v) là một người hay đến những hội chúng; (vi) là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng; (vii) là một người thiện thảo về giới-luật; (viii) là một người (có trí-biết) ‘có thể nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ’ (*túc mạng minh*): [Đó là ... Người đó *có thể* nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy’] ... ; (ix) là người:

[‘Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người ... và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy’]; và (x) là người: [‘Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’ (*lậu tận minh*)], thì người đó là hoàn thành về phương diện chi phần đó.

“Một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất này là người khích lệ niềm-tin về tất cả mọi phương diện và người hoàn thành về tất cả mọi mặt.”

NHÓM 2

NGƯỜI BẢO HỘ

11 (I) *Chỗ Ở* 1973

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo (I) có được năm yếu-tố để nương dựa và (II) sử dụng một chỗ-ở có được năm yếu-tố, thì không bao lâu sau, người đó: ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’.

(I) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo có được năm yếu-tố?

(1) “Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: [*Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thế), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.*’]

(2) “Người đó hiếm khi bị bệnh hay đau yếu, thậm chí còn có được hệ tiêu hóa không quá lạnh không quá nóng mà vừa phải và thích hợp cho sự chuyên-cần tu.

(3) “Người đó chân thật và cởi mở, người thể hiện đúng như bản thân mình đối với Vị Thầy và những đồng đạo trí hiền của mình.

(4) “Người đó đã phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện lành; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong sự cố-gắng, không lơ là khỏi bốn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện.

(5) “Người đó là có trí; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh

và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được năm yếu-tố.

(II) “Và theo cách nào là một chỗ-ở có được năm yếu-tố?

(6) “Ở đây, chỗ-ở đó không quá xa [để bộ hành đến nơi để khát thực] cũng không quá gần (như trên đồi, rẫy, núi có thể đi bộ tới làng xóm để khát thực), và nó có (ít nhất) một cách (đường, phương tiện) để đi và về.

(7) “Ban ngày không bị nhiều người quấy rầy và ban đêm yên lặng và yên tĩnh.

(8) “Ít bị ruồi muỗi, gió máy, nắng nóng, và những loài rắn rít, bò sát.

(9) “Người sống ở đó có thể có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh.

(10) “Ở (vùng) đó có những Tỳ kheo trưởng lão đang sống, là những người có học-hiểu, những người thừa tự của di sản (tức Phật Pháp), những người thiện thạo về Giáo Pháp, những người thiện thạo về giới-luật, những người thiện thạo về những toát-yếu (matika, chủ đề mẹ, đại cương của kinh điển). Người đó thường đến gặp họ để vấn hỏi: ‘Thưa thầy, điều này là sao? Ý nghĩa điều này là gì?’. Rồi nhưng vị thầy đó sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ những điều còn chưa rõ, và xua tan sự bối rối về những điểm còn làm bối rối.

“Chính theo cách này là một chỗ-ở là có được năm yếu-tố.

“Khi một Tỳ kheo (I) có được năm yếu-tố này và (II) sử dụng một chỗ-ở có được năm yếu-tố này, thì không bao lâu sau, người đó: ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.’”

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người đã dẹp bỏ năm yếu-tố và có được năm yếu-tố, thì trong Giáo Pháp và giới-luật này người đó được gọi là một người tối thượng, người đã tu thành và đã sống đời sống tâm linh một cách toàn vẹn.

“Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ yếu tố tham-dục, sự ác-ý, sự buồn-ngủ và đờ-đẫn, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ (năm chướng-ngại, ngũ cái). Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có được năm yếu-tố? Ở đây, một Tỳ kheo có được đồng (uẩn) giới-hạnh của bậc vô học nhân, đồng thiền-định của bậc vô học nhân, đồng trí-tuệ của bậc vô học nhân, đồng sự giải-thoát của bậc vô học nhân, và đồng trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát của bậc vô học nhân. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được năm yếu-tố.

“Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố này và có được năm yếu-tố này, thì trong Giáo Pháp và giới-luật này người đó được gọi là một người tối thượng, người đã tu thành và đã sống đời sống tâm linh một cách toàn vẹn.”

Khi tham-dục và sự ác-ý,
Sự sự đờ-đẫn và buồn-ngủ,
Sự bất-an, và sự nghi-ngờ
Hoàn toàn vắng bóng trong một Tỳ kheo;
Khi một người như vậy có được
Giới-hạnh và thiền-định của bậc vô học nhân,
Và sự giải-thoát và trí-biết [của bậc như vậy];
Có được năm yếu-tố
Và sau khi đã loại bỏ năm yếu-tố,
Người đó thực sự được gọi là một người toàn-vẹn
Trong Giáo Pháp và giới-luật này.

13 (3) Những Gong Cùm

“Này các Tỳ kheo, có mười gông-cùm này. Mười đó là gì? Năm gông-cùm thấp hơn (nhẹ hơn; hạ phần kiết sử) và năm gông-cùm cao hơn (nặng hơn; thượng phần kiết sử). Và cái gì là năm gông-cùm thấp hơn? (i) Cách-nhìn có danh-tánh cá thể (thân kiến), (ii) sự nghi-ngờ, (iii) giới-cấm thủ [sự chấp-thủ sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện], (iv) tham-dục, và (v) sự ác-ý. Đây là năm gông-cùm thấp hơn. Và cái gì là năm gông-cùm cao hơn? (i) Tham (cảnh) sắc giới, (ii) tham (cảnh) vô sắc giới, (iii) sự tự-ta (ngã mạn), (iv) sự bất-an, và (v) vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Này các Tỳ kheo, đây là mười gông-cùm.”

14 (4) Sự Cản Cỗi Của Tâm ¹⁹⁷⁵

(A) “Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào (I) chưa dẹp bỏ năm loại sự cản-cỗi của tâm và (II) chưa xóa sạch năm sự trói-buộc của cái tâm, thì dù đêm tới hay ngày tới, chỉ có sự sa-sút những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự tăng-trưởng đối với người đó.

(I) “Và cái gì là năm loại sự cản-cỗi của tâm mà người đó chưa dẹp bỏ?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Vị Thầy (Phật), ngờ vực về Vị Thầy, và không tâm phục về Vị Thầy, và không đặt niềm-tin vào Vị Thầy. Khi một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Vị Thầy, ngờ vực về vị thầy, và không tâm phục về vị thầy, và không đặt niềm-tin vào vị thầy, thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực tu (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không khuynh hướng sự nhiệt-thành ... và sự chuyên-cần tu, nên đây được gọi là sự cản-cỗi thứ nhất của tâm.

(2)–(5) “Lại nữa, (2) một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Giáo Pháp ... (3) còn nghi ngờ về Tăng Đoàn ... (4) còn nghi ngờ về sự tu-học ... (5) bực

tức với những Tỳ kheo đồng đạo, không hài lòng với họ, hung hăng đối với họ, có ác ý đối với họ. Khi một Tỳ kheo bực tức với những Tỳ kheo đồng đạo, không hài lòng với họ, hung hăng đối với họ, có ác ý đối với họ, thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực tu (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không khuynh hướng sự nhiệt-thành ... và sự chuyên-cần tu, nên đây được gọi là sự cần-cối thứ năm của tâm.

“Đây là năm loại sự cần-cối của tâm mà người đó chưa dẹp bỏ.

(II) “Và cái gì là năm sự trói-buộc của cái tâm mà người đó chưa xóa sạch?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo còn tham đối với *dục-lạc* [những khoái-lạc giác quan], còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với chúng. Khi một Tỳ kheo còn như vậy [*lặp lại câu trên*], thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực tu (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không khuynh hướng sự nhiệt-thành ... và sự chuyên-cần tu, nên đây được gọi là sự trói-buộc thứ nhất của cái tâm.

(2)–(5) “Lại nữa, (2) một Tỳ kheo còn tham đối với *thân*, còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó ... (3) Người đó còn tham đối với *sắc* (hình sắc, vật chất), còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó ... (4) Người đó, sau khi *ăn uống nhiều* đến mức bụng căng đầy, sinh tâm thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ ... (5) Người đó sống đời sống tâm linh mà *khát nguyện được [tái sinh] trong số những thiên thần* nào đó (mục đích tu tiên), người đó nghĩ: ‘Bằng giới-hạnh này, sự giữ-giới này, sự khổ-hạnh (thanh bần) này, hay bằng đời sống tâm linh (phạm hạnh) này, tôi sẽ thành một thiên thần hoặc một [trong một nhóm, hạng, bậc] của những thiên thần.’ Khi người đó sống đời sống tâm linh như vậy [*lặp lại câu trên*] (mục đích tu tiên), thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực tu (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không khuynh hướng sự nhiệt-thành ... và sự chuyên-cần tu, nên đây được gọi là sự trói-buộc thứ hai ... thứ năm của cái tâm.

“Đây là năm sự trói-buộc của tâm mà người đó chưa xóa sạch.”

“Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào chưa dẹp bỏ năm loại sự căn-cỗi của tâm và chưa xóa sạch năm sự trói-buộc của cái tâm, thì, cho dù ngày tới hay đêm tới, chỉ có sự sa-sút những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự tăng-trưởng đối với người đó. Giống như trong hai tuần trời tối dần (khuyết đi), thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ suy-giảm về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó; cũng giống như vậy, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào chưa dẹp bỏ năm loại sự căn-cỗi của tâm ... chỉ có sự sa-sút những phẩm chất thiện ... đối với người đó.

(B) “Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào (I) đã dẹp bỏ năm loại sự căn-cỗi của tâm và (II) đã xóa sạch năm sự trói-buộc của cái tâm,¹⁹⁷⁶ thì dù đêm tới hay ngày tới, chỉ có sự tăng-trưởng những phẩm chất thiện chứ không có sự sa-sút đối với người đó.

(I) “Và cái gì là năm loại sự căn-cỗi của tâm mà người đó đã dẹp bỏ?”

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo không còn nghi ngờ về Vị Thầy (Phật), không ngờ vực về Vị Thầy, và tâm phục về Vị Thầy, và đặt niềm-tin vào Vị Thầy. Khi một Tỳ kheo không còn nghi ngờ như vậy về Vị Thầy, không ngờ vực về vị thầy, và tâm phục về vị thầy, và đặt niềm-tin vào Vị Thầy, thì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực tu (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành ... và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự căn-cỗi thứ nhất của tâm người đó đã dẹp bỏ.

(2)–(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo không còn nghi ngờ về Giáo Pháp ... không còn nghi ngờ về Tăng Đoàn ... không còn nghi ngờ về sự tu-tập ... không còn khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, hài lòng với họ, không hung hăng đối với họ, không có ác ý đối với họ. Khi một Tỳ kheo không còn khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, hài lòng với họ, không hung hăng đối với họ, đầy thiện ý đối với họ, thì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực tu (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì

tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành ... và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự cần-cối thứ năm của tâm mà người đó đã dẹp bỏ.

“Đây là năm loại sự cần-cối của tâm mà người đó đã dẹp bỏ.

(II) “Và cái gì là năm sự trói-buộc của cái tâm mà người đó đã xóa sạch?

(6) “Ở đây, một Tỷ kheo không còn tham đối với những dục-lạc (những khoái-lạc giác quan), không còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với chúng. Khi một Tỷ kheo không còn như vậy [*lập lại câu trên*], thì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực tu (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành ... và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự trói-buộc thứ nhất của tâm mà người đó đã xóa sạch.

(7)–(10) “Lại nữa, (7) một Tỷ kheo không còn tham đối với *thân*, không còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó ... (8) Người đó không còn tham đối với *sắc*, không còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó ... (9) Người đó không *ăn uống nhiều* đến mức bụng căng đầy, sau khi ăn không sinh tâm thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ ... (10) Người đó không sống đời sống tâm linh với *khát nguyện được [tái sinh] trong số những thiên thần* nào đó (không mục đích tu tiên), người đó không nghĩ: ‘Bằng giới-hạnh này, sự giữ-giới này, sự khổ-hạnh (thanh bần) này, hay bằng đời sống tâm linh này, tôi sẽ thành một thiên thần hoặc một [trong một nhóm, hạng, bậc] của những thiên thần.’ Khi người đó sống đời sống tâm linh như vậy [*lập lại câu trên*] (không mục đích tu tiên), thì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực tu (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó ngã hướng sự nhiệt-thành ... và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự trói-buộc thứ năm của tâm mà người đó đã xóa sạch.

“Đây là năm sự trói-buộc của tâm mà người đó đã xóa sạch.”

“Nếu Tỷ kheo hay Tỷ kheo ni nào đã dẹp bỏ năm loại sự cần-cối của tâm và đã khéo xóa sạch năm sự trói-buộc của cái tâm, thì, cho dù ngày

tối hay đêm tối, chỉ có sự tăng-trưởng những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự sa-sút đối với người đó. Giống như trong hai tuần trăng sáng dần (đầy lên), thì dù đêm tối hay ngày tối, mặt trăng chỉ gia tăng về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó. Cũng giống như vậy, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào đã dẹp bỏ năm loại sự cần-cỗi này của tâm và đã khéo xóa bỏ năm sự trói-buộc này của cái tâm, thì dù đêm tối hay ngày tối, chỉ có sự tăng-trưởng những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự sa-sút đối với người đó.”

15 (5) Sự Chuyên Chú

(1) “Dù chúng sinh có cao siêu tới mức nào, từ loài không chân hoặc hai chân, bốn chân, hoặc nhiều chân, có sắc-thân hoặc không có sắc-thân (sắc hay phi sắc), có nhận-thức (tưởng) hoặc không có nhận-thức (phi tưởng), cho tới loại không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng), thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi loài.¹⁹⁷⁷ Cũng giống như vậy, mọi phẩm-chất thiện lành nếu có, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chuyên-chú (chuyên tâm tu tập, chú tâm tu hành), hội tụ ở sự chuyên-chú, và sự chuyên-chú được tuyên bố là đứng đầu [bậc nhất] trong số chúng.

(2) “Giống như những dấu chân của mọi loài chúng sinh biết đi đều lọt lòng trong dấu chân voi, và dấu chân voi được tuyên bố là đứng đầu trong tất cả chúng, đó là, về mặt kích cỡ. Cũng giống như vậy, mọi phẩm-chất thiện lành nếu có, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chuyên-chú, hội tụ ở sự chuyên-chú, và sự chuyên-chú được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng.

(3) Giống như tất cả những thanh xà của căn nhà mái nhọn đều dựa vào đỉnh mái nhà, đổ về đỉnh mái nhà, hội tụ về đỉnh mái nhà, và đỉnh mái nhà được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy ...

(4) “Giống giống như trong tất cả loại rễ cây có hương thơm, thì rễ cây ô-rít đen được tuyên bố là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống

như vậy ...

(5) “Giống như trong tất cả loại gỗ lõi có hương thơm, gỗ cây chiên-đàn đỏ được cho là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy ...

(6) “Giống như trong tất cả loài hoa có hương thơm, hoa lài được tuyên bố là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy ...

(7) “Giống như tất cả những hoàng tử nhỏ đều là hạ thần của vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), vị vua quay chuyển bánh xe được tuyên bố là đứng đầu trong số họ. Cũng giống như vậy ...

(8) “Giống như sự chiếu sáng của tất cả các vì sao (cộng lại) cũng không bằng một phần mười sáu sự chiếu sáng của mặt trăng, cho nên sự chiếu sáng của mặt trăng (như đối với mắt người đứng nhìn từ trái đất vào ban đêm) được tuyên bố là sáng đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy ...

(9) “Giống như vào mùa thu, khi trời quang và mây tạnh, mặt trời mọc lên, xua tan tất cả màn đêm khỏi không gian khi nó phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng (ý nói ánh sáng mặt trời được tuyên bố là đứng đầu trong bầu trời đó). Cũng giống như vậy ...

(10) Giống như, cho dù có những sông lớn tới mức nào—như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—tất cả đều hướng ra, nghiêng ra, đổ ra, và chảy ra phía đại dương, và đại dương được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy, mọi phẩm chất thiện lành đều bắt rễ từ sự chuyên-chú, hội tụ ở sự chuyên-chú, và sự chuyên-chú là được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng.”

16 (6) Đáng Được Tặng Vật ¹⁹⁷⁸

“Này các Tỷ kheo, mười loại người này là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên

đời). Mươi đó là gì? Như Lai, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác; một vị Phật Duyên Giác; người được giải-thoát về cả hai phương diện; người được giải-thoát nhờ trí-tuệ; người thân chứng; người chứng đắc chánh-kiến (kiến đắc, chỉ bậc Nhập-lưu); người được giải-thoát bằng niềm-tin; người tu trì Giáo Pháp (căn trí); người tu trì niềm-tin (căn tín); và người họ tộc. Đây là mười loại người xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

17 (7) Người Bảo Hộ (1)

“Này các Tỳ kheo, hãy sống có người bảo hộ, không sống không có người bảo hộ. Người sống không có người bảo hộ là sống trong khổ đau. Có mười phẩm chất này có vai trò như một người bảo hộ.¹⁹⁷⁹ Mươi đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiểm chế trong Pātimokkha [Giới Bản Tỳ Kheo], có được giới-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗ nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. Vì một Tỳ kheo là có giới-hạnh ... tu tập theo những điều luật đó, nên đây là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Vì một Tỳ kheo là đã học-hiểu nhiều ... đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn, nên đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có những đạo hữu tốt, đồng môn tốt, đồng

đạo tốt. Vì một Tỳ kheo có những đạo hữu tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt, nên đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người ấy dễ tu sửa; người đó nhẫn nhịn và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng. Và một Tỳ kheo là dễ tu sửa ... và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng, nên đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khéo giỏi và siêng năng trong những việc (ở chỗ tu, trong chùa, Phật sự) cần phải làm cho những Tỳ kheo đồng đạo; người đó có được sự xét đoán giỏi về những công việc đó để thực hiện và sắp xếp chúng một cách phù hợp. Vì một Tỳ kheo là giỏi khéo và siêng năng ... nên đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo yêu thích Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng nói chuyện hay chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), đầy niềm hoan-hỷ cao độ thuộc về Giáo Pháp và giới-luật.¹⁹⁸⁰ Vì một Tỳ kheo yêu thích Giáo Pháp ... nên đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố-gắng, không lơ là bỏn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. Vì một Tỳ kheo đã phát khởi sự nỗ-lực tu ... không lơ là bỏn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành, nên đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(8) “Lại nữa, một Tỳ kheo biết hài-lòng (tri túc) với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Vì một Tỳ kheo biết hài-lòng ... với chu cấp cho người bệnh, nên đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(9) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm và sự cảnh-giác cao nhất, là người (có khả năng) nhớ và nhớ lại điều đã

làm và nói từ lâu. Vì một Tỳ kheo là có chánh-niệm ... và nhớ lại điều đã làm và nói từ lâu, nên đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có trí; người đó có được trí-tuệ nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Vì một Tỳ kheo là có trí ... nên đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

“Này các Tỳ kheo, hãy sống có người bảo hộ, không sống không có người bảo hộ. Một người sống không có người bảo hộ là sống trong khổ đau. Đây là mười phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.”

18 (8) Người Bảo Hộ (2)

“Này các Tỳ kheo, hãy sống có người bảo hộ, không sống không có người bảo hộ. Người sống không có người bảo hộ là sống trong khổ đau. Có mười phẩm chất này có vai trò như một người bảo hộ. Mười đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo có giới-hạnh; người đó sống được kiểm chế trong Pātimokkha [Giới Bản Tỳ Kheo], có được giới-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là có giới-hạnh. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó’, những Tỳ kheo trưởng lão, những Tỳ kheo trung niên, và những Tỳ kheo thiếu niên (về tuổi hạ) đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn. Vì tất cả họ đều có lòng bi-mẫn đối với người đó, nên chỉ có sự tăng-trưởng những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự sa-sút đối với người đó. Đây là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh

khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự đã học-hiểu nhiều và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự sa-sút đối với người đó. Đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có những đạo hữu, đồng môn tốt, đồng đạo tốt. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự có những đạo hữu tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự sa-sút đối với người đó. Đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người ấy dễ tu sửa; người đó nhẫn nhịn và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người ấy dễ tu sửa; người đó nhẫn nhịn và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự sa-sút đối với người đó. Đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khéo giỏi và siêng năng trong những việc (ở chỗ tu, trong chùa, Phật sự) cần phải làm cho những Tỳ kheo đồng đạo; người đó có được sự xét đoán giỏi về những công việc đó để thực hiện và sắp xếp chúng một cách phù hợp. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là khéo giỏi và siêng năng ... thực hiện và sắp xếp chúng một cách phù hợp’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự sa-sút đối với người đó. Đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo mến mộ Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng nói chuyện hay chỉ dạy

Giáo Pháp cho những người khác), đầy niềm hoan-hỷ cao độ về Giáo Pháp và giới-luật. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự mến mộ Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó, đầy niềm hoan-hỷ cao độ thuộc về Giáo Pháp và giới-luật’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự sa-sút đối với người đó. Đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố-gắng, không lơ là bỏn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự đã phát khởi sự nỗ-lực tu ... không lơ là bỏn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự sa-sút đối với người đó. Đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(8) “Lại nữa, một Tỳ kheo biết hài-lòng (tri túc) với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự biết hài-lòng ... với chu cấp cho người bệnh’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự sa-sút đối với người đó. Đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(9) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm và sự cảnh-giác cao nhất, là người (có khả năng) nhớ và nhớ lại điều đã làm và nói từ lâu. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm và sự cảnh-giác cao nhất, là người (có khả năng) nhớ và nhớ lại điều đã làm và nói từ lâu’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự sa-sút đối với người đó. Đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có trí; người đó có được trí-tuệ nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn

tới sự hoàn toàn diệt-khổ. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là có trí; có được trí-tuệ nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ’, những Tỳ kheo trưởng lão, những Tỳ kheo trung niên, và những Tỳ kheo thiếu niên đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn. Vì tất cả họ đều có lòng bi-mẫn đối với người đó, nên chỉ có sự tăng-trưởng những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự sa-sút đối với người đó. Đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

“Này các Tỳ kheo, hãy sống có người bảo hộ, không sống không có người bảo hộ. Người sống không có người bảo hộ là sống trong khổ đau. Đây là mười phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.”

19 (9) Những Cư Trú Của Bậc Thánh (1) (ngắn gọn)

“Này các Tỳ kheo, có mười sự cư trú của những bậc thánh trong đó những bậc thánh trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cư trú.¹⁹⁸¹ Mười đó là gì?

“Ở đây, một Tỳ kheo (1) đã dẹp bỏ năm yếu-tố; (2) có được sáu yếu-tố; (3) có duy nhất một người canh-phòng (4) và bốn sự trợ-giúp; (5) và đã xua tan những ‘sự thật thuộc cá nhân’ (tức do cá nhân nghĩ), (6) đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm, (7) đã thanh lọc những ý-định, (8) đã làm tĩnh lặng hành-vi thân (thân hành), và (9) đã được giải-thoát trong tâm, và (10) đã được giải-thoát nhờ trí-tuệ. Đây là mười sự cư trú của những bậc thánh trong đó những bậc thánh trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cư trú.”

20 (10) Những Cư Trú Của Bậc Thánh (2) (chi tiết)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kuru gần một thị trấn của họ tên là Kammāsaddamma. Ở đó đức Thế Tôn đã gọi các Tỳ kheo. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có mười sự cư trú của những bậc thánh trong đó

những bậc thánh trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cư trú. Mươi đó là gì?

“Ở đây, một Tỳ kheo (1) đã dẹp bỏ năm yếu-tố; (2) có được sáu yếu-tố; (3) có duy nhất một người canh-phòng (4) và bốn sự trợ-giúp; (5) và đã xua tan những ‘sự thật thuộc cá nhân’ (tức do cá nhân nghĩ), (6) đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm, (7) đã thanh lọc những ý-định, (8) đã làm tĩnh lặng hành-vi thân (thân hành), và (9) đã được giải-thoát trong tâm, và (10) đã được giải-thoát nhờ trí-tuệ.

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ (năm chướng-ngại) tham-dục, sự ác-ý, sự buồn-ngủ và đờ-đần, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có được sáu yếu-tố? Ở đây, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết [tinh giác]. Sau khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. Sau khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. Sau khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. Sau khi cảm thấy một tiếp-xúc bằng thân, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. Sau khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.¹⁹⁸² Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được sáu yếu-tố.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có duy nhất một người canh-gác? Ở đây, một Tỳ kheo có được một cái tâm được canh gác bởi sự chánh-niệm. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có duy nhất một người canh-gác.

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có bốn sự trợ-giúp? Ở đây, sau

khi suy xét (quán chiếu), một Tỳ kheo (khi sống tu) có thứ biết nên sử dụng, có thứ biết nên kiên-nhẫn chịu đựng, có thứ biết nên tránh-né, và có thứ biết nên xua-tan (loại bỏ). Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có bốn sự trợ-giúp.

(5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã xua tan những ‘sự thật thuộc cá nhân’? (tức những sự thật do cá nhân mình nghĩ, chấp, suy đoán chứ không phải sự thật chân lý). Ở đây, mọi ‘sự thật thuộc cá nhân’ tầm thường có thể được nắm chấp bởi những tu sĩ và bà-la-môn tầm thường— như: ‘Thế gian là bất diệt’ hay ‘Thế gian không phải là bất diệt’; ‘Thế gian là hữu hạn’ hay ‘Thế gian là vô hạn’; ‘Linh hồn và thể xác là một’ hay ‘Linh hồn và thể xác là hai thứ khác nhau’; ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’—một Tỳ kheo đã giục bỏ và xua tan tất cả những điều (cá nhân suy đoán) đó, đã trừ bỏ chúng, đã tống khứ chúng, đã buông bỏ chúng, đã dẹp bỏ và từ bỏ chúng. Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã xua tan những ‘sự thật thuộc cá nhân’.

(6) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ sự tìm-kiếm những khoái-lạc giác quan (dục lạc) và sự tìm kiếm sự hiện-hữu và đã ngưng sự tìm-kiếm đời sống tâm linh (phạm hạnh; tức tu cho có tu chứ không phải để được giác ngộ giải thoát). Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm.

(7) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã thanh lọc những ý-định của mình? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ ý định tham-dục, ý định ác-ý, và ý định gây-hại. Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã thanh lọc những ý-định.

(8) “Và theo cách nào một Tỳ kheo làm tĩnh lặng hành-vi của thân (làm khinh an thân hành)? Ở đây, một Tỳ kheo: ‘Với sự dẹp bỏ sự sượng-khô (không còn sượng hay khô), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng

thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sợ hãi hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã làm tĩnh lặng hành-vi thân.

(9) “Và theo cách nào một Tỳ kheo khéo được giải-thoát trong tâm? Ở đây, tâm của một Tỳ kheo được giải-thoát khỏi tham, sân, si. Chính theo cách này là một Tỳ kheo được khéo giải-thoát trong tâm.

(10) “Và theo cách nào một Tỳ kheo khéo được giải-thoát nhờ trí-tuệ? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được: ‘Tôi đã dẹp bỏ tham, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Tôi đã dẹp bỏ sân ... Tôi đã dẹp bỏ si, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai.’ Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã khéo được giải-thoát nhờ trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, những bậc thánh nào trong quá khứ đã cư trú trong những sự cư trú thánh thiện, tất cả họ đều trú trong mười sự cư trú thánh thiện này. Những bậc thánh nào trong tương lai sẽ cư trú trong những sự cư trú thánh thiện, tất cả họ đều cư trú trong mười sự cư trú thánh thiện này. Những bậc thánh nào trong hiện tại cư trú trong những sự cư trú thánh thiện, tất cả họ đều cư trú trong mười sự cư trú thánh thiện này.

“Đây là mười sự cư trú của những bậc thánh trong đó những bậc thánh trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cư trú.”

NHÓM 3

NHÓM LỚN

21 (1) *Sư Tử*

“Này các Tỳ kheo, vào buổi cuối chiều, sư tử, vua của muôn thú, ra khỏi nơi trú ẩn của nó, rướn thân mình, quan sát bốn phía xung quanh, và cất tiếng gầm sư tử ba lần. Sau đó nó bắt đầu đi săn mồi. Vì lý do gì? [Với ý nghĩ:] ‘Đề ta không gây hại cho những con vật nhỏ có thể đụng phải trên đường ta đi.’

“Này các Tỳ kheo, ‘sư tử’ là một cách (chữ) để chỉ Như Lai, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Khi Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng, đó là tiếng gầm sư tử của Như Lai.

“Này các Tỳ kheo, có mười năng-lực này của Như Lai nên Như Lai, sau khi có được chúng, đã tuyên bố mình ở vị trí đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong các hội chúng, và đã thiết lập sự dịch chuyển bánh xe của trời brahma (phạm thiên). Mười đó là gì?¹⁹⁸³

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, Như Lai hiểu được ‘điều có thể là có thể và điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là. Vì Như Lai hiểu được ‘điều có thể là có thể và điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là, nên đây là một năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma.

(2) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘hậu-quả của sự mang nghiệp quá khứ, hiện tại, và tương lai tính theo những sự có-thể (xảy ra) và những nguyên nhân’ đúng như nó thực là. Vì Như Lai hiểu được ‘hậu-quả của sự mang nghiệp ...’ nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma.

(3) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘những đường-lối dẫn tới mọi nơi’

đúng như chúng thực là.¹⁹⁸⁴ Vì Như Lai ‘những đường-lối dẫn tới mọi nơi’ đúng như chúng thực là, nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma

(4) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘thế-giới với những yếu-tố đa lượng và đa dạng của nó’ đúng như nó thực là’.¹⁹⁸⁵ Vì Như Lai hiểu được ‘thế-giới với những yếu-tố đa lượng và đa dạng của nó’ đúng như nó thực là, nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(5) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘sự khác-biệt (đa dạng) về tính-khí (tập khí, thiên hướng, căn cơ) của những chúng sinh’ đúng như nó thực là.¹⁹⁸⁶ Vì Như Lai hiểu được ‘sự khác-biệt về tính-khí của những chúng sinh’ đúng như nó thực là, nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(6) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘tình trạng ưu hay nhược của các căn của những người và chúng sinh khác’.¹⁹⁸⁷ Vì Như Lai hiểu được ‘tình trạng ưu hay nhược của các căn của những người và chúng sinh khác’, nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(7) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và sự thoát-ra khỏi những tầng thiên định, những sự giải-thoát, những sự định-tâm, và những sự chứng-định (siêu định, như ‘diệt thọ tướng định’...). Vì Như Lai hiểu được ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và sự thoát-ra khỏi những tầng thiên định ...’ nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma.

(8) “Lại nữa, Như Lai có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình: [Đó là: một lần sinh, hai lần sinh ... *[giống kinh 6:2, đoạn (4)]* ... Như Lai

nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy.] Vì Như Lai có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình ... với những tổng quan và chi tiết như vậy, nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai (*túc mạng minh*) mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma.

(9) “Lại nữa, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, Như Lai nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh ... [*giống kinh 6:2, đoạn (4)*] ... và Như Lai hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình như vậy. Vì Như Lai ... hiểu được cách những chúng sinh trả giá tùy theo những nghiệp của mình như vậy, nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai (*thiên nhãn minh*) mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma.

(10) “Lại nữa, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, Như Lai đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, Như Lai an trú trong đó. Vì Như Lai đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ ... nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai (*lậu tận minh*) mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời brahma.

“Này các Tỳ kheo, đây là mười năng-lực này của Như Lai nên Như Lai, sau khi có được chúng, đã tuyên bố mình ở vị trí đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong các hội chúng, và đã thiết lập sự dịch chuyển bánh xe của trời brahma.”

22 (2) Những Nguyên Lý Học Thuyết

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn nói với thầy ấy:

“Này Ānanda, ta tuyên bố mình tự-tin về những điều (những pháp) dẫn tới sự chứng-ngộ bằng sự trực-tiếp biết về nhiều loại nguyên lý học

thuyết khác nhau,¹⁹⁸⁸ [và do vậy ta có thể] chỉ dạy Giáo Pháp cho nhiều loại người khác nhau theo những cách khác nhau để cho một người thực hành đúng theo đó sẽ biết ‘thứ gì hiện hữu là nó hiện hữu và thứ gì không hiện hữu là nó không hiện hữu’; để cho người đó biết ‘thứ gì thấp hèn là thấp hèn và thứ gì siêu phàm là siêu phàm’; để cho người đó biết ‘thứ gì có thể vượt trên là có thể vượt trên (chưa vô thượng) và thứ gì không thể vượt trên là không thể vượt trên (vô thượng)’; để có thể rằng một người sẽ biết, thấy, và chứng ngộ điều này (đúng thực) chỉ như nó được biết, được thấy, và được chứng ngộ.

“Nhưng, này Ānanda, trong số những sự-biết này có điều này là vô thượng, đó là: ‘sự-biết về những điều này và những điều kia đúng như chúng thực là’.¹⁹⁸⁹ Và, ta nói rằng, không có loại sự-biết nào cao hơn hay siêu xuất hơn loại sự-biết này.

“Này Ānanda, đây là mười năng-lực này của Như Lai nên Như Lai, sau khi có được chúng, đã tuyên bố mình ở vị trí đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong các hội chúng, và đã thiết lập sự dịch chuyển bánh xe của trời brahma (phạm thiên). Mười đó là gì?

[Tiếp tục 10 điều giống kinh 10:21 kể trên] ...

“Này Ānanda, đây là mười năng-lực này của Như Lai nên Như Lai, sau khi có được chúng, đã tuyên bố mình ở vị trí đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong các hội chúng, và đã thiết lập sự dịch chuyển bánh xe của trời brahma.” **

23 (3) Thân

“Này các Tỳ kheo, có những điều nên được dẹp bỏ bằng thân, không bằng lời-nói. Có những điều nên được dẹp bỏ bằng lời-nói, không bằng thân. Có những điều nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ.¹⁹⁹⁰

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được dẹp bỏ bằng

thân, không bằng lời-nói? Ở đây, một Tỳ kheo đã cam kết làm một việc thiện bằng thân (thân nghiệp thiện, hành động thiện). Những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó tìm hiểu [điều tra] người đó và nói như vậy: ‘Thầy đã cam kết làm một việc thiện bằng thân. Sẽ thực sự tốt lành nếu thầy dẹp bỏ những hành-vi sai trái của thân (thân ác hành) và tu dưỡng những hành-vi thiện lành của thân (thân thiện hành).’ Sau khi những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó tìm hiểu người đó và nói như vậy, người đó dẹp bỏ những hành-vi sai trái của thân và tu dưỡng những hành-vi thiện lành của thân. Đây được gọi là những điều được dẹp bỏ bằng thân, không bằng lời-nói.

“Và cái gì là những điều nên được dẹp bỏ bằng lời-nói, không bằng thân? Ở đây, một Tỳ kheo đã cam kết làm một việc thiện bằng lời-nói (khẩu nghiệp thiện). Những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó tìm hiểu [điều tra] người đó và nói như vậy: ‘Thầy đã cam kết làm một việc thiện bằng lời-nói. Sẽ thực sự tốt lành nếu thầy dẹp bỏ những hành-vi sai trái của lời-nói (khẩu ác hành) và tu dưỡng những hành-vi thiện lành của lời-nói (khẩu thiện hành).’ Sau khi những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó tìm hiểu người đó và nói như vậy, người đó dẹp bỏ những hành-vi sai trái của lời-nói và tu dưỡng những hành-vi thiện lành của lời-nói. Đây được gọi là những điều được dẹp bỏ bằng lời-nói, không bằng thân.

“Và cái gì là những điều nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ? Tham thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ. Sân ... Si ... Sự tức-giận ... Sự hung-dữ ... Sự chê-bai ... Sự xác-xược ... Sự keo-kiệt thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ.

“Sự ác-ghen,¹⁹⁹¹ này các Tỳ kheo, thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ. Và cái gì là sự ác-ghen? Ở đây, một gia chủ [hay con trai của gia chủ] đang phát đạt về sự giàu có và lúa gạo, về vàng bạc. Một nô lệ

hay người ở nghĩ về ông ta: ‘Cầu cho ông gia chủ này không phát đạt về sự giàu có, hay lúa gạo, hay vàng bạc!’. Hoặc khi một tu sĩ hay bà-la-môn nào đó có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, hay thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Một tu sĩ hay bà-la-môn khác nghĩ về người đó: ‘Cầu cho ông đó không có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh!’. Đây được gọi là sự ác-ghen. Sự ác-ghen thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ.

“Sự ác-dục, này các Tỳ kheo, thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ. Và cái gì là sự ác-dục? Ở đây, một người không có niềm-tin mà muốn được ‘người ta coi mình là được phú cho niềm-tin’. Một người vô đạo đức mà muốn được ‘người ta coi mình là có giới-hạnh (đức hạnh)’. Một người ít học-hiểu mà muốn được ‘người ta coi mình là đã học-hiểu nhiều’. Một người thích gặp-gỡ giao lưu mà muốn được ‘người ta coi mình là sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần)’. Một người lười-biếng mà muốn được ‘người ta coi mình là nỗ-lực tu (tinh tấn)’. Một người có tâm mờ-rối mà muốn được ‘người ta coi mình là có chánh-niệm’. Một người không đạt-định mà muốn được ‘người ta coi mình là đạt-định’. Một người vô trí mà muốn được ‘người ta coi mình là trí-tuệ’. Một người có những ô-nhiễm chưa được tiêu diệt mà muốn được ‘người ta coi mình là đã tiêu diệt ô-nhiễm’. Đây được gọi là sự ác-dục. Sự ác-dục thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ.

(a) “Này các Tỳ kheo, nếu tham chi phối Tỳ kheo đó và cứ tiếp diễn; nếu sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-dữ ... sự chê-bai ... sự xúc-xước ... sự keo-kiệt ... sự ác-ghen ... sự ác-dục chi phối Tỳ kheo đó và cứ tiếp diễn,¹⁹⁹² thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này không hiểu theo một cách để mình không có tham; vì vậy tham chi phối vị đó và cứ tiếp diễn. Vị này không hiểu theo một cách để mình không có sân ... không có si ... không có sự tức-giận ... không có sự hung-dữ ... không có sự chê-

bai ... không có sự xác-xược ... không có sự keo-kiệt ... không có sự ác-ghen ... không có sự ác-dục; vì vậy sự ác-dục chi phối vị ấy và cứ tiếp diễn.’

(b) “Này các Tỳ kheo, nếu tham không chi phối Tỳ kheo đó và không tiếp diễn; nếu sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-dữ ... sự chê-bai ... sự xác-xược ... sự keo-kiệt ... sự ác-ghen ... sự ác-dục không chi phối Tỳ kheo đó và không tiếp diễn, thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này hiểu theo một cách để mình không có tham; vì vậy tham không chi phối vị đó và không tiếp diễn. Vị này hiểu theo một cách để mình không có sân ... không có si ... không có sự tức-giận ... không có sự hung-dữ ... không có sự chê-bai ... không có sự xác-xược ... không có sự keo-kiệt ... không có sự ác-ghen ... không có sự ác-dục; vì vậy sự ác-dục không chi phối vị ấy và không tiếp diễn.’”

24 (4) Cunda

Trong một lần có Ngài Đại Cunda (Mahācunda) đang sống giữa xứ dân Ceti ở Sahajāti. Ở đó thầy Đại Cunda đã gọi các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Cunda nói điều này:

(I) “Này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỳ kheo nói: ‘Tôi biết Giáo Pháp này, tôi thấy Giáo Pháp này’.¹⁹⁹³ Tuy nhiên, nếu tham vẫn chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn;¹⁹⁹⁴ nếu sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-dữ ... sự chê-bai ... sự xác-xược ... sự keo-kiệt ... sự ác-ghen ... sự ác-dục vẫn chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn, thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này không hiểu theo một cách để mình không có tham; vì vậy tham chi phối vị đó và duy trì tiếp diễn. Vị này không hiểu theo một cách để mình không có sân ... không có si ... không có sự tức-giận ... không có sự hung-dữ ... không có sự chê-bai ... không có sự xác-xược ... không có sự keo-kiệt ... không có sự ác-ghen ... không có sự ác-dục; vì vậy sân ... sự ác-dục chi phối vị đó và duy trì tiếp diễn.’

- “Này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỳ kheo nói: ‘Tôi đã tu xong về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ’. Tuy nhiên, nếu tham chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn; nếu tham ... sự ác-dục chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn, thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này không hiểu theo một cách để mình không có tham ... sự ác-dục; vì vậy tham ... sự ác-dục chi phối vị đó và duy trì tiếp diễn.’

- “Ví dụ có một người nghèo, nghèo khổ, và túng thiếu mà tuyên bố mình là giàu, giàu sang, và giàu có. Nếu khi người đó muốn mua thứ gì người đó không có tiền hay lúa gạo, hay vàng bạc để trả, người ta sẽ biết ngay người đó là nghèo, nghèo khổ, và túng thiếu mà tuyên bố mình là giàu, giàu sang, và giàu có. Vì lý do gì? Vì khi người đó muốn mua thứ gì người đó không có tiền, hay lúa gạo, hay vàng bạc để trả.

- “Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỳ kheo nói: ‘Tôi biết Giáo Pháp này, tôi thấy Giáo Pháp này. Tôi đã tu xong về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ’. Tuy nhiên, nếu tham ... sự ác-dục chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn, thì người đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này không hiểu theo một cách để mình không có tham ... không có sự ác-dục; vì vậy tham ... sự ác-dục chi phối vị đó và duy trì tiếp diễn.’

(II) “Này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỳ kheo nói: ‘Tôi biết Giáo Pháp này, tôi thấy Giáo Pháp này’. Nếu tham không chi phối Tỳ kheo đó và không duy trì tiếp diễn; nếu sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-dữ ... sự chê-bai ... sự xác-xược ... sự keo-kiệt ... sự ác-ghen ... sự ác-dục không chi phối Tỳ kheo đó và không duy trì tiếp diễn, thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này hiểu theo một cách để mình không có tham; vì vậy tham không chi phối vị đó và không duy trì tiếp diễn. Vị này hiểu theo một cách để mình không có sân ... không có si ... không có sự tức-giận ... không có sự hung-dữ ... không có sự chê-bai ... không có sự xác-xược ... không có sự keo-kiệt ... không có sự ác-ghen ... không có sự ác-dục; vì vậy sân ... sự ác-dục không chi phối vị ấy và không duy trì tiếp diễn.’

- “Này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỷ kheo nói: ‘Tôi đã tu xong về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ’. Nếu tham ... sự ác-dục không chi phối Tỷ kheo đó và không duy trì tiếp diễn, thì Tỷ kheo đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này hiểu theo một cách để mình không có tham ... sự ác-dục, vì vậy tham ... sự ác-dục không chi phối vị đó và không duy trì tiếp diễn.’

- “Ví dụ có một người giàu, giàu sang, và giàu có tuyên bố mình là giàu, giàu sang, và giàu có. Nếu khi người đó muốn mua thứ gì người đó có tiền hay lúa gạo, hay vàng bạc để trả, người ta sẽ biết ngay người đó là giàu, giàu sang, và giàu có tuyên bố mình là giàu, giàu sang, và giàu có. Vì lý do gì? Vì khi người đó muốn mua thứ gì người đó có tiền, hay lúa gạo, hay vàng bạc để trả.

- “Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỷ kheo nói: ‘Tôi biết Giáo Pháp này, tôi thấy Giáo Pháp này. Tôi đã tu xong về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ’. Nếu tham ... sự ác-dục không chi phối Tỷ kheo đó và không duy trì tiếp diễn, thì người đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này hiểu theo một cách để mình không có tham ... không có sự ác-dục; vì vậy tham ... sự ác-dục không chi phối vị đó và không duy trì tiếp diễn.’”

25 (5) *Những Kasīṇa*

“Này các Tỷ kheo, có mười cơ-sở (xứ) *kasīṇa* này.¹⁹⁹⁵ Mười đó là gì? Một người nhận thức *kasīṇa* đất ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng.¹⁹⁹⁶ Một người nhận thức *kasīṇa* nước ... *kasīṇa* lửa ... *kasīṇa* khí ... *kasīṇa* xanh ... *kasīṇa* vàng ... *kasīṇa* đỏ ... *kasīṇa* trắng ... *kasīṇa* không gian ... *kasīṇa* thức ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng. Đây là mười cơ-sở *kasīṇa*.”

26 (6) *Kāṭṭh*

Trong một lần có Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống ở xứ dân Avantī, trên Núi Pavatta ở Kuraraghara. Lúc đó có một đệ tử tại gia nữ tên Kālī ở Kuraraghara đã đến gặp thầy ấy, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa:¹⁹⁹⁷

“Thưa thầy, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn trong phần ‘*Những Câu Hỏi Của Những [Ma] Nữ*’:¹⁹⁹⁸

“Sau khi đã chinh phục đội quân ‘khoái lạc và khả ái’
Ta thiên một mình, ta khám phá niềm chân phúc,
Sự chứng đắc mục-tiêu, là sự bình-an của trái tim.
Bởi vậy ta không làm bạn với người đời,
Ta cũng không tạo những sự ràng buộc thân thiết.”

“Thưa thầy, theo cách nào để nhìn thấy một cách chi tiết ý nghĩa của điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Này chị, một số tu sĩ và bà-la-môn, đối với họ sự chứng đắc về *kasīṇa* đất là tối thượng, họ tạo ra nó làm mục-tiêu của họ.¹⁹⁹⁹ Đức Thế Tôn đã trực-tiếp biết (liễu tri) tới mức độ nào sự chứng đắc về *kasīṇa* đất là tối thượng. Sau khi đã trực-tiếp biết điều này, đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự khởi-đầu,²⁰⁰⁰ sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự-biết và sự-thấy của đạo và của vô-đạo (không phải đạo). Bằng cách nhìn thấy sự khởi-đầu, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và bằng cách nhìn thấy sự-biết và sự-thấy của đạo và của vô-đạo, bậc ấy đã biết sự chứng đắc mục-tiêu, sự bình-an của trái tim.

“Này chị, một số tu sĩ và bà-la-môn, đối với họ sự chứng đắc về *kasīṇa* nước ... *kasīṇa* lửa ... *kasīṇa* khí ... *kasīṇa* xanh ... *kasīṇa* vàng ... *kasīṇa* đỏ ... *kasīṇa* trắng ... *kasīṇa* không gian ... *kasīṇa* thức là tối thượng, họ tạo ra nó làm mục-tiêu của họ. Đức Thế Tôn đã trực-tiếp biết (liễu tri) tới mức độ nào sự chứng đắc về *kasīṇa* thức là tối thượng. Sau khi đã trực-tiếp biết điều này, đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự khởi-đầu, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự-biết và sự-thấy của đạo và của vô-đạo (không phải đạo). Bằng cách nhìn thấy sự khởi-

đầu, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và bằng cách nhìn thấy sự-biết và sự-thấy của đạo và của vô-đạo, bậc ấy đã biết sự chứng đắc mục-tiêu, sự bình-an của trái tim.

“Vậy đó, này chị, chính theo cách này để nhìn thấy một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn trong phần ‘*Những Câu Hỏi Của Những [Ma] Nữ*’ như vậy:

‘Sau khi đã chinh phục đội quân ‘khoái lạc và khả ái’
Ta thiên một mình, ta khám phá niềm chân phúc,
Sự chứng đắc mục-tiêu, là sự bình-an của trái tim.
Bởi vậy ta không làm bạn với người đời,
Ta cũng không tạo những sự ràng buộc thân thiết.’”

27 (7) *Những Câu Hỏi Lớn (1)*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Rồi, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattihī để khát thực. Rồi ý này đã xảy đến với những Tỳ kheo đó: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khát thực trong thành Sāvattihī. Vậy chúng ta hãy ghé đến khu ở của những du sĩ giáo phái khác.”

Rồi những Tỳ kheo đó đã ghé đến khu ở của những du sĩ khác đạo đó. Họ chào hỏi qua lại với những du sĩ đó, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Những du sĩ đã nói với họ:

“Này các thiện hữu, sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp cho những đệ tử của ông theo cách như vậy: ‘Này các Tỳ kheo, hãy trực-tiếp biết (tự thân biết rõ, liễu tri) tất cả mọi hiện-tượng (mọi pháp).’²⁰⁰¹ Hãy sống sau khi đã trực-tiếp biết tất cả mọi hiện-tượng.’²⁰⁰² Chúng tôi cũng chỉ dạy Giáo Pháp cho những đệ tử của chúng tôi theo cách như vậy: ‘Này các đạo hữu, hãy trực-tiếp biết tất cả mọi hiện-tượng. Hãy sống sau khi đã trực-tiếp biết tất cả mọi hiện-tượng.’ Giờ cái gì là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa sự chỉ dạy của sa-môn Cồ-đàm và sự chỉ dạy của chúng

tôi, giữa sự chỉ dẫn của ông ta và sự chỉ dẫn của chúng tôi?”

Rồi, những Tỳ kheo không tán đồng cũng không phản đối lời nói của những du sĩ đó. Không tán đồng, không phản đối, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, [họ nghĩ rằng]: “Chúng ta nên tìm hiểu đức Thế Tôn sẽ nói gì về điều này.”

Rồi, sau khi những Tỳ kheo đó đã đi khát thực trong thành Sāvattthī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: [*kể lại toàn bộ câu chuyện cho Phật nghe*] ...

“Này các Tỳ kheo, khi những du sĩ khác đạo nói như vậy, họ nên được trả lời theo cách này: ‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một.’²⁰⁰³ Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai ... Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười.’ (*nguyên gốc ghi đủ từ một tới mười*). Nếu những du sĩ khác đạo được hỏi như vậy, họ sẽ không thể trả lời, và hơn nữa, họ sẽ gặp phải sự ưu sầu. Vì lý do gì? Bởi vì đó không nằm trong lãnh vực của họ. Này các Tỳ kheo, ta không thấy một ai, trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, là người có thể làm thỏa mãn tâm trí bằng một sự trả lời cho những câu hỏi này ngoài Như Lai hay một đệ tử của Như Lai hay một người đã nghe sự trả lời đó từ họ (từ Như Lai hay đệ tử Như Lai).

(1) “‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một’: khi điều này được nói ra, liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy?²⁰⁰⁴ Khi một Tỳ kheo hoàn toàn tỉnh-ngộ (không còn mê-muội) về một điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn giải-thoát khỏi nó, hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn (hạn định, sự hạn chế, sự giới hạn, sự phân hạn, sự phân giới) của nó, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của nó, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. Một điều đó là gì? ‘*Mọi chúng sinh đều tồn tại nhờ dưỡng-chất.*’²⁰⁰⁵ Khi một Tỳ kheo hoàn toàn tỉnh-ngộ về một điều này ... thì ngay trong kiếp này, người đó làm

nên sự diệt-khô.

“Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một’: do liên hệ về (một) điều này nên nó được nói ra như vậy.

(2) “Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai’: ... Hai điều đó là gì? ‘*Danh và sắc*’ ...

(3) “Một câu hỏi về ba, một tuyên bố rõ gọn về ba, một sự giảng giải về ba’: ... Ba điều đó là gì? ‘*Ba loại cảm-giác*’ ...²⁰⁰⁶

(4) “Một câu hỏi về bốn, một tuyên bố rõ gọn về bốn, một sự giảng giải về bốn’: ... Bốn điều đó là gì? ‘*Bốn loại dưỡng-chất*’ ...²⁰⁰⁷

(5) “Một câu hỏi về năm, một tuyên bố rõ gọn về năm, một sự giảng giải về năm’: ... Năm điều đó là gì? ‘*Năm-uẩn dính chấp-thủ*’ (năm thủ uẩn) ...

(6) “Một câu hỏi về sáu, một tuyên bố rõ gọn về sáu, một sự giảng giải về sáu’: ... Sáu điều đó là gì? ‘*Sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong*’ (sáu nội xứ; như sáu giác quan) ...

(7) “Một câu hỏi về bảy, một tuyên bố rõ gọn về bảy, một sự giảng giải về bảy’: ... Bảy điều đó là gì? ‘*Bảy trạm-trú của thức*’ ...²⁰⁰⁸

(8) “Một câu hỏi về tám, một tuyên bố rõ gọn về tám, một sự giảng giải về tám’: ... Tám điều đó là gì? ‘*Tám tình trạng thế tục*.’ (tám thói đời) ...²⁰⁰⁹

(9) “Một câu hỏi về chín, một tuyên bố rõ gọn về chín, một sự giảng giải về chín’: ... Chín điều đó là gì? ‘*Chín cõi chúng sinh*’ ...²⁰¹⁰

(10) “Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười’: khi điều này được nói ra, liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ kheo hoàn toàn tinh-ngộ với mười điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với chúng, hoàn toàn giải-thoát khỏi chúng, hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khô. Mười điều đó là gì? ‘*Mười đường nghiệp bất thiện*’.²⁰¹¹ Khi một Tỳ kheo hoàn toàn

tĩnh-ngộ về mười điều này ... thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ.

“Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười’: do liên hệ về (mười) điều này nên nó được nói ra như vậy.

28 (8) *Những Câu Hỏi Lớn (2)*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Kajaṅgalā, trong khu Rừng Tre. Lúc đó có một số đệ tử tại gia ở vùng Kajaṅgalā đã đến gặp Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgala [Kajaṅgalikā],²⁰¹² kính lễ ni, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa thánh ni [thánh sư cô], điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn trong bài ‘*Những Câu Hỏi Lớn*’: ‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một. Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai ... Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười.’ (*nguyên gốc ghi đủ từ một tới mười*) Thưa thánh ni, theo cách nào để hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều này đã được nói một cách ngắn gọn bởi đức Thế Tôn?”

“Này các thiện hữu, tôi chưa từng nghe và học được điều này khi có mặt đức Thế Tôn, tôi cũng không nghe và học được điều này khi có mặt những Tỳ kheo đáng kính (tức không nghe từ Phật hay Tỳ kheo nào nói). Tuy nhiên, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ khi tôi giải thích ý nghĩa theo như tôi hiểu.”

“Dạ, thưa thánh ni”, những đệ tử tại gia ở vùng Kajaṅgalā đáp lại. Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā đã nói điều này:

(1) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một’: do liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ kheo [*hoàn toàn tĩnh-ngộ về một điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó,*] hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của nó, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của nó, thì

ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. Một điều đó là gì? ‘*Mọi chúng sinh đều tồn tại nhờ dưỡng-chất*’. Khi một Tỷ kheo [*hoàn toàn tỉnh-ngộ về một điều này, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó,*] hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của nó, hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của nó, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ.

“Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một’: do liên hệ về (một) điều này nên nó được nói ra như vậy.

(2) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai’: ... Hai điều đó là gì? ‘*Danh và sắc*’ ...

(3) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về ba, một tuyên bố rõ gọn về ba, một sự giảng giải về ba’: ... Ba điều đó là gì? ‘*Ba loại cảm-giác*’ ...

(4) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về bốn, một tuyên bố rõ gọn về bốn, một sự giảng giải về bốn’: do liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỷ kheo {*có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về bốn điều,*}²⁰¹³ hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ. Bốn đó là gì? ‘*Bốn nền tảng chánh-niệm*’. Khi một Tỷ kheo {*có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về bốn điều này*} ... thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ.

“Một câu hỏi về bốn, một tuyên bố rõ gọn về bốn, một sự giảng giải về bốn’: do liên hệ về (bốn) điều này nên nó được nói ra như vậy.

(5)-(8) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về năm, một tuyên bố rõ gọn về năm, một sự giảng giải về năm’: ... Năm điều đó là gì? ‘*Năm căn*’²⁰¹⁴ ... Sáu đó là gì? ‘*Sáu yếu-tố của (làm nên) sự thoát-khỏi*’²⁰¹⁵ ... Bảy đó là gì? ‘*Bảy chi giác-ngộ*’ ... Tám đó là gì? ‘*Con đường tám phần thánh thiện*’ ...

(9) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về chín, một tuyên bố rõ gọn về chín, một sự giảng giải về chín’: do liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỷ kheo [*hoàn toàn tỉnh-ngộ về chín điều, hoàn toàn*

chán-bỏ đối với chúng, hoàn toàn được giải-thoát khỏi chúng,] hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. Chín điều đó là gì? ‘*Chín cõi chúng sinh*’. Khi một Tỳ kheo [*hoàn toàn tỉnh-ngộ về chín điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó,]* hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ.

(10) “Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười’: khi điều này được nói ra, liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ kheo {*có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về mười điều,*} *hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng,*} thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ. Mười điều đó là gì? ‘*Mười đường nghiệp thiện*’ Khi một Tỳ kheo {*có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập, hoàn toàn nhìn thấy những giới-hạn của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý-nghĩa của chúng,*} thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ.

“Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười’: do liên hệ về (mười) điều này nên nó được nói ra như vậy.

“Vậy đó, này các thiện hữu, khi điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn trong bài ‘*Những Câu Hỏi Lớn*’: ‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một ... Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười.’, thì theo cách như vậy tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn. Nhưng, nếu quý vị muốn, quý vị có thể đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về vấn đề này. Khi đức Thế Tôn trả lời cho quý vị, quý vị nên lưu nhớ trong tâm.”

Sau khi nói “Dạ, thưa thánh ni”, những đệ tử tại gia ở vùng Kajaṅgalā hài lòng và vui mừng với lời nói của Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā. Rồi họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ ni, đi vòng ra giữ ni ấy ở hướng bên phải họ (và đi ra). Và họ đến gặp đức Thế Tôn. Họ kính lễ đức Thế Tôn, ngồi

xuống một bên, và thừa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện với Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā. [Đức Thế Tôn nói:]

“Tốt, tốt, này các gia chủ! Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā là có trí, có trí-tuệ lớn lao. Nếu quý vị có đến gặp ta và hỏi ta về vấn đề này, ta cũng trả lời chính xác như Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā đã trả lời. Đó là ý nghĩa của điều đó, và đó là cách các vị nên lưu nhớ trong tâm.”

29 (9) Kosala (1)

(1) “Này các Tỳ kheo, dù xứ Kāsi và Kosala (Kiều-tát-la) có rộng lớn tới đâu, dù lãnh cõi của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala có rộng lớn tới đâu, thì trong đó Vua Pasenadi của xứ Kosala cũng xếp hạng bậc nhất. Nhưng ngay cả đối với Vua Pasenadi cũng luôn có sự biến-đổi, luôn có sự thay-đổi (vô thường). Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ (không còn mê-muội) với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những thứ thấp kém hơn (mà không biết tỉnh-ngộ, không biết chán-bỏ).

(2) “Này các Tỳ kheo, dù mặt trời và mặt trăng tuần hoàn và chiếu ánh sáng khắp muôn phương có xa tới đâu, thì hệ một ngàn thế giới sẽ xa tới đó.²⁰¹⁶ Trong hệ một ngàn thế giới có 1.000 mặt trăng, 1.000 mặt trời, 1.000 núi Sineru (Tu-di), vua của những ngọn núi, 1.000 cõi Aparago-yāna, 1.000 cõi Uttarakuru, 1.000 cõi Pubbavideha, và 1.000 tứ hải (bốn đại dương); 1.000 tứ đại thiên vương (bốn vị vua trời lớn), 1.000 cõi trời [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương, 1.000 cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi), 1.000 cõi trời Yāma (Dạ-ma), 1.000 cõi trời Tusita (Đâu-suất), 1.000 cõi trời của những thiên thần thích sáng tạo (Hóa lạc thiên), 1.000 cõi trời của những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của những thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên), 1.000 cõi trời brahmā (phạm thiên). Này các Tỳ kheo, dù cho hệ một ngàn thế giới này có rộng lớn tới đâu, thì trong đó vị trời Đại Brahmā (Mahābrahmā, Đại phạm-thiên) cũng xếp hạng bậc nhất. Nhưng ngay cả đối với vị trời Đại Brahmā cũng luôn có sự biến-đổi, luôn có sự

thay-đổi (vô thường). Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ (không còn mê-muội) với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những thứ thấp kém hơn (mà không biết tỉnh-ngộ, không biết chán-bỏ).

(3) “Này các Tỳ kheo, rồi đến một thời thế giới này tan hoại. Khi thế gian này đang tan hoại, chúng sinh phần lớn di cư tới (cõi trời) những thiên thần chiếu hào quang thành dòng (Quang âm thiên).²⁰¹⁷ Họ hiện hữu (với thân được làm) bằng-tâm, được nuôi sống bằng sự hoan-hỷ, tự phát sáng, phi hành trong không trung, sống trong hào quang, và họ ở đó trong một thời gian đại đại thọ. Khi thế gian này đang tan hoại, thì những thiên thần chiếu hào quang thành dòng được xếp hạng bậc nhất. Nhưng ngay cả đối với những thiên thần đó cũng luôn có sự biến-đổi, luôn có sự thay-đổi (vô thường). Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những thứ thấp kém hơn.

(4) “Này các Tỳ kheo, có mười cơ-sở (xứ) *kasīṇa* này. Mười đó là gì? Một người nhận thức *kasīṇa* đất ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng. Một người nhận thức *kasīṇa* nước ... *kasīṇa* lửa ... *kasīṇa* khí ... *kasīṇa* xanh ... *kasīṇa* vàng ... *kasīṇa* đỏ ... *kasīṇa* trắng ... *kasīṇa* không gian ... *kasīṇa* thức ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng. Đây là mười cơ-sở *kasīṇa*.”²⁰¹⁸ Trong mười cơ-sở *kasīṇa*, thì một người tu nhận thức *kasīṇa* thức ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng thì được gọi là bậc nhất. Nhưng ngay cả đối với những chúng sinh là người nhận thức như vậy cũng luôn có sự biến-đổi, luôn có sự thay-đổi (vô thường). Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những thứ thấp kém hơn.

(5) “Này các Tỳ kheo, có tám ‘cơ-sở để vượt trên’ (thắng xứ) này.”²⁰¹⁹ Tám đó là gì?

(i) “Người có nhận thức [có sự hiểu tốt; giác tri] về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là *hữu hạn*, đẹp,

hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ nhất.

(ii) “Người có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là *vô hạn*, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ hai.

(iii) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là *hữu hạn*, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ ba.

(iv) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là *vô hạn*, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ tư.

(v) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu xanh, xanh về màu, có sắc xanh, có ánh xanh. Giống như như vải *Bārāṇasī* được ủi lán cả hai mặt là xanh, xanh về màu, có sắc xanh, có ánh xanh; cũng giống như vậy một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu xanh, xanh về màu, có sắc xanh, có ánh xanh. - Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ năm.

(vi) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu vàng, vàng về màu, có sắc vàng, có ánh vàng. Giống như hoa *kaṇikāra* là vàng, vàng về màu, có sắc vàng, có ánh vàng; cũng giống như vậy một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu vàng, vàng về màu, có sắc vàng, có ánh vàng. - Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vậy: ‘Tôi

biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ sáu.

(vii) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu đỏ, đỏ về màu, có sắc đỏ, có ánh đỏ. Giống như hoa *bandhujīvaka* là đỏ, đỏ về màu, có sắc đỏ, có ánh đỏ; cũng giống như vậy một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu đỏ, đỏ về màu, có sắc đỏ, có ánh đỏ. - Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ bảy.

(viii) “Một người {không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu trắng, trắng về màu, có sắc trắng, có ánh trắng. Giống như sao mai là trắng, trắng về màu, có sắc trắng, có ánh trắng; cũng giống như vậy một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu trắng, trắng về màu, có sắc trắng, có ánh trắng. - Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy’}. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ tám.

“Đây là tám ‘cơ-sở để vượt trên’. Trong tám ‘cơ-sở để vượt trên’ đó, thì một người (thứ 8) {không có nhận thức về hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu trắng, trắng về màu, có sắc trắng, có ánh trắng, và sau khi đã vượt qua chúng, người đó là người nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy’}. là bậc nhất. Có những chúng sinh là người có nhận thức theo cách như vậy. Nhưng ngay cả đối với những chúng sinh là người có nhận thức theo cách (bậc nhất) như vậy cũng luôn có sự biến-đổi, luôn có sự thay-đổi (vô thường). Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những thứ thấp kém hơn.

(6) “Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu (cách thức) tu-tập này.²⁰²⁰ Bốn đó là gì? (i) Kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (ii) kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (iii) kiểu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực

tiếp; (iv) kiêu tu sường mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. Đây là bốn kiêu tu tập. Trong bốn kiêu này, kiêu tu (iv) sường và nhanh trí-biết trực tiếp là bậc nhất. Có những chúng sinh tu tập theo kiêu (iv) như vậy. Nhưng ngay cả đối với những chúng sinh là người tu tập theo kiêu tu (bậc nhất) như vậy cũng luôn có sự biến-đổi, luôn có sự thay-đổi (vô thường). Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những thứ thấp kém hơn.

(7) “Này các Tỳ kheo, có bốn kiêu nhận-thức này. Bốn đó là gì? (i) Một người nhận-thức cái gì là hữu-hạn; (ii) có người nhận thức cái gì là bao-la [được khuếch đại, mở rộng]; (iii) có người nhận thức cái gì là vô-lượng, và (iv) có người [nhận thức] sự ‘không có gì’, tức nhận thức vô sở hữu xứ [cánh xứ trống-không].²⁰²¹ Đây là bốn kiêu nhận-thức. Trong bốn kiêu nhận-thức này, một người, khi [nhận thức] sự ‘không có gì’, nhận thức vô sở hữu xứ là bậc nhất. Có những chúng sinh nhận-thức theo kiêu (iv) như vậy. Nhưng ngay cả đối với một người là người nhận thức theo cách (bậc nhất) như vậy cũng luôn có sự biến-đổi, luôn có sự thay-đổi (vô thường). Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những thứ thấp kém hơn.

(8) “Này các Tỳ kheo, trong những quan-điểm do suy đoán (tà kiến) mà những người ngoài đạo nắm giữ, thì quan-điểm [‘Lẽ ra nó không là vậy, và lẽ ra nó không là cái “của-ta”]; (và giờ) nó sẽ không là vậy, [và] nó sẽ không là cái “của-ta”]²⁰²² là bậc nhất. Vì có thể trông đợi người nắm giữ một quan-điểm như vậy sẽ bị chán-chường bởi ‘sự (tiếp tục) hiện-hữu’ và sẽ không bị nản-chí bởi ‘sự chấm-dứt sự hiện-hữu’.²⁰²³ Có những chúng sinh nắm giữ một cách-nhìn như vậy. Nhưng ngay cả đối với chúng sinh nắm giữ một cách-nhìn (bậc nhất) như vậy cũng luôn có sự biến-đổi, luôn có sự thay-đổi (vô thường). Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những thứ thấp kém hơn.

(9) “Này các Tỳ kheo có một số tu sĩ và bà-la-môn là người tuyên bố ‘sự thanh-lọc tối thượng’.²⁰²⁴ Trong những người tuyên bố ‘sự thanh-lọc tối thượng’, thì người tu: [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, người đó chúng nhập và an trú trong phi tướng phi phi tướng xứ’] là bậc nhất. Họ chỉ dạy Giáo Pháp để dẫn tới trí-biết trực tiếp và dẫn tới sự chúng ngộ (cảnh xứ) này. Có những chúng sinh là người khẳng định điều như vậy. Nhưng ngay cả đối với những chúng sinh là người khẳng định điều (bậc nhất) như vậy cũng luôn có sự biến-đổi, luôn có sự thay-đổi (vô thường). Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tinh-ngộ với sự bậc nhất đó; sau khi tinh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những thứ thấp kém hơn.

(10) “Này các Tỳ kheo, có một số tu sĩ và bà-la-môn tuyên bố ‘Niết-bàn tối thượng ngay trong kiếp này’.²⁰²⁵ Trong số những người tuyên bố ‘Niết-bàn tối thượng ngay trong kiếp này’, thì bậc nhất chính là người tu {có được ‘sự giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ sau khi người đó đã nhìn thấy sự khởi-sinh, sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sáu cơ-sở để tiếp xúc (sáu xúc xứ)’, đúng như chúng thực là’}.

“Này các Tỳ kheo, mặc dù ta khẳng định và tuyên bố [giáo lý của ta] theo cách như vậy, nhưng một số tu sĩ và bà-la-môn đã diễn dịch ta một cách không đúng như thực, không căn cứ, sai giả, và sai trái, [họ nói rằng]: ‘Sa-môn Cò-đàm đã không tuyên bố sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) những khoái-lạc giác quan (dục lạc), sự hoàn-toàn hiểu những thể-sắc (sắc), hay sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác (thọ)’. Nhưng, này các Tỳ kheo, ta đã tuyên bố sự hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác quan, sự hoàn-toàn hiểu những thể-sắc, và sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác. Ngay trong kiếp này, đã hết thềm khát, đã giải cơn khát, và đã nguội mát, ta tuyên bố Niết-bàn cuối cùng thông qua sự không còn chấp-thủ (thủ diệt).”²⁰²⁶

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó có Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiền-tát-la) đã trở về từ chiến trận, chiến thắng, mục-đích của ông đã đạt được.²⁰²⁷ Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã lên đường tới tịnh xá. Ông ta đi bằng xe ngựa tới chỗ xe không còn đi được, rồi ông xuống xe và đi bộ vào tịnh xá. Bấy giờ, lúc đó có một số Tỷ kheo đang đi tới đi lui ngoài trời. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp những Tỷ kheo đó và hỏi họ:

“Thưa quý thầy, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang ở đâu? Vì con muốn gặp mặt đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

“Thưa đại vương, kia là chỗ-ở của đức Thế Tôn với cửa đang đóng. Hãy đến đó một cách yên lặng. Đừng hấp tấp, bước vào trước cửa, thông cổ họng (tằng háng), và gõ lên chốt cửa. Đức Thế Tôn sẽ mở cửa cho đại vương.”

Rồi, Vua Pasenadi xứ Kosala đi yên lặng tới chỗ-ở của đức Thế Tôn với cửa đang đóng. Không hấp tấp, ông bước vào trước cửa, thông cổ họng, và gõ lên chốt cửa. Đức Thế Tôn đã mở cửa.

Rồi Vua Pasenadi xứ Kosala bước vô trong chỗ-ở, kính lễ với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn, hôn và xoa hai tay lên hai bàn chân của đức Thế Tôn, và tự xưng: “Thưa Thế Tôn, con là Vua Pasenadi của xứ Kosala! Thưa Thế Tôn, con là Vua Pasenadi của xứ Kosala!”²⁰²⁸

“Những, này đại vương, những lý-do nào mà ngài thể hiện sự tôn-vinh tôi thượng đối với thân này và thể hiện lòng mến-mộ như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, đó là vì sự biết ơn và sự cảm ơn của con nên con thể hiện sự tôn-vinh tôi thượng đối với đức Thế Tôn và thể hiện lòng mến-mộ như vậy con đối với đức Thế Tôn.

(1) “Bởi vì, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn đang thực hành vì ích-lợi của nhiều người, vì hạnh-phúc của nhiều người; đức Thế Tôn đã thiết lập nhiều người trong phương-pháp thánh thiện, đó là, trong (theo) cách của Giáo Pháp tốt lành, trong cách của Giáo Pháp thiện lành.²⁰²⁹ Đây là một

lý-do nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn và thể hiện lòng mến-mộ như vậy con đối với bậc ấy.

(2) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là có giới-hạnh, thuộc giới-hạnh toàn thiện, thuộc giới-hạnh thánh thiện, thuộc giới-hạnh thiện lành, có được giới-hạnh thiện lành. Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(3) “Lại nữa, từ lâu đức Thế Tôn đã là người sống tu trong rừng, người về sống tu ở những nơi-ở xa lánh trong rừng hoang và rừng rậm. Bởi vì điều đó, đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(4) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn biết hài-lòng (tri túc) với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(5) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(6) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn khi muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể nghe những sự đàm đạo liên quan tới đời sống thanh bần đưa đến sự mở-thoát trái tim, đó là, sự đàm đạo về sự ít tham-muốn (thiểu dục), về sự biết hài-lòng (tri túc; với những có được), về sự sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần), về sự không bị ràng-buộc [với người này người nọ], về sự phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), về giới-hạnh, về sự định-tâm, về trí-tuệ, về sự giải-thoát, về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(7) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn khi muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên

phân tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. Đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(8) “Lại nữa, thưa Thế Tôn: ‘Đức Thế Tôn có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình (*túc mạng minh*): [Đó là: một lần sinh, hai lần sinh ... *[tiếp tục nội dung giống đoạn mẫu (4) kinh 6 :02, người dịch giản lược]* ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.’ Vậy đó, đức Thế Tôn nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy.] Bởi vì điều đó, đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(9) “Lại nữa, thưa Thế Tôn: [‘Với yếu-tố mắt thiên thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó *nhìn thấy* nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh ... *[tiếp tục nội dung giống đoạn mẫu (5) kinh 6 :02, người dịch giản lược]* ... và đức Thế Tôn hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy.’] Bởi vì điều đó, đây là một lý-do khác nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(10) Lại nữa, thưa Thế Tôn: [‘Với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đức Thế Tôn đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, bậc ấy an trú trong đó.’ (*lậu tận minh*).] Bởi vì điều đó, đây là một lý-do nên con thể hiện sự tôn-vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn và thể hiện lòng mến-mộ như vậy con đối với bậc ấy.

“Và, thưa Thế Tôn, giờ chúng con phải đi. Chúng con bận bịu và có nhiều việc phải làm.”

“Này đại vương, cứ tùy tiện mà đi.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra.

NHÓM 4

UPĀLI

31 (1) *Upāli*

Lúc đó có Ngài Upāli đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, dựa trên bao nhiêu nền-tảng (cơ sở, lý do, mục đích) mà Như Lai đã quy định những giới luật tu hành [những điều luật để tu học]²⁰³⁰ cho những đệ tử của mình và đã tụng giảng Pātimokkha [Giới Bản Tỳ Kheo]?”

“Này Upāli, đó là mười nền-tảng dựa trên đó Như Lai đã quy định những giới luật tu hành cho những đệ tử của mình và đã tụng giảng Pātimokkha. Mười đó là gì? (1) Để có sự an-sinh (an ổn) của Tăng Đoàn; (2) để có sự an-cư (thư thái) của Tăng Đoàn; (3) để có sự kiểm-soát đối với những người ngang ngành; (4) để những Tỳ kheo thiện hành [hành xử thiện khéo] có thể sống an ổn; (5) để có sự kiểm-chế những ô-nhiễm (lậu hoặc) thuộc kiếp này; (6) để xua tan những ô-nhiễm thuộc kiếp sau; (7) để những ai không có niềm-tin có thể có được niềm-tin; và (8) để gia tăng [niềm-tin] của những người đã có niềm-tin; (9) và để có sự liên-tục của Giáo Pháp; và (10) để khuếch trương (phát triển) giới-luật.

“Chính dựa trên mười nền-tảng này nên Như Lai đã quy định những giới luật tu hành cho những đệ tử của mình và tụng giảng Pātimokkha.”

32 (2) *Đình Chỉ*²⁰³¹

“Này các Tỳ kheo, có bao nhiêu lý do để đình chỉ (việc tụng giảng, tụng đọc) Pātimokkha?”

“Này Upāli, mười lý do để đình chỉ (việc tụng giảng, tụng đọc) Pātimokkha. Mười đó là gì? (1) Khi có người đã phạm một tội *Pārājika* (ba-la-di) đang ngồi trong hội chúng; (2) Khi sự thảo luận về ‘một người

phạm tội *Pārājika*’ còn đang dang dở;²⁰³² (3) Khi có người chưa thụ toàn-bộ giới (chưa thụ cụ túc giới; chưa thành Tỷ kheo thì không được tham dự buổi tụng giảng Giới Bản) đang ngồi trong hội chúng; (4) Khi sự thảo luận về ‘một người chưa thụ toàn-bộ giới’ còn đang dang dở; (5) Khi có người đã bỏ tu (hoàn tục) đang ngồi trong hội chúng (không còn tư cách là Tỷ kheo cho nên không được tham dự); (6) Khi sự thảo luận về ‘một người bỏ tu’ còn dang dở; (7) Khi có một hoạn nhân đang ngồi trong hội chúng;²⁰³³ (8) Khi sự thảo luận về ‘một hoạn nhân’ còn đang dang dở; (9) Khi có một người tán tỉnh một Tỷ kheo ni đang ngồi trong hội chúng;²⁰³⁴ (10) Khi sự thảo luận về ‘một người tán tỉnh một Tỷ kheo ni’ còn đang dang dở. Đây là mười lý do để đình chỉ (việc tụng giảng, tụng đọc) Pātimokkha.”

33 (3) Sự Phán Quyết

Lúc đó có Ngài Upāli đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, một Tỷ kheo cần có bao nhiêu phẩm-chất để được đồng ý (bởi Tăng Đoàn) để (đưa ra) phán quyết [về một vấn đề hay vụ xử thuộc về (vấn đề) giới-luật]?”²⁰³⁵

“Này Upāli, một Tỷ kheo cần có được mười phẩm chất thì có thể được đồng ý để phán quyết [về một vấn đề giới-luật]. Mười đó là gì? (1) Ở đây, một Tỷ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới Bản Tỷ Kheo], có được giới-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. (2) Người đó đã đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã

điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) Cả hai (bộ) Pātimokkha (dành cho Tỳ kheo và Tỳ kheo ni) đã được truyền thụ cho người đó một cách chi tiết, đã được phân tích kỹ, được nắm vững kỹ, được xác định kỹ về những điều-khoản của những điều luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng. (4) Người đó vững chắc về giới-luật, không thể phát phơ dỗi dòi [bất động]. (5) Người đó khả năng thuyết phục cả hai bên (đương sự) của vấn đề (tranh cãi, tranh chấp), mô tả những điều cho họ, khuyên họ, chứng minh cho họ, điều đình xoa dịu họ. (6) Người đó khéo giỏi về nguồn-gốc phát sinh và sự giải-quyết của những vấn đề thuộc về giới-luật. (7) Người đó biết một vấn đề thuộc về giới-luật là gì.²⁰³⁶ (8) Người đó biết nguồn-gốc phát sinh của một vấn đề thuộc về giới-luật. (9) Người đó biết sự chấm-dứt của một vấn đề thuộc về giới-luật. (10) Người đó biết cách dẫn tới sự chấm-dứt một vấn đề thuộc về giới-luật.²⁰³⁷ Một Tỳ kheo cần có được mười phẩm-chất này có thể được đồng ý để phán quyết [về một vấn đề hay vụ xử thuộc giới luật].”

34 (4) Ban Truyền Cụ Túc Giới

“Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo cần có bao nhiêu phẩm-chất để (có thể) ban truyền (truyền thụ) cụ túc giới [toàn-bộ giới]?” (ban toàn-bộ giới cho cho một sa-di thụ lãnh để người đó thành một Tỳ kheo)

“Này Upāli, một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất thì có thể ban truyền cụ túc giới. Mười đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh ... người đó tu tập theo những điều luật đó. (2) Người đó đã học-hiểu nhiều ... và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) Cả hai (bộ) Pātimokkha (dành cho Tỳ kheo và Tỳ kheo ni) đã được truyền thụ cho người đó một cách chi tiết, đã được phân tích kỹ, được nắm vững kỹ, được xác định kỹ về những điều-khoản của những điều luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng. (4) Người đó có khả năng chăm sóc cho người bệnh hoặc nhờ (có, giao) người khác chăm sóc cho người bệnh. (5) Người đó có khả năng loại bỏ sự bất-mãn của một người hoặc nhờ (có, giao) người khác loại bỏ nó. (6) Người đó có khả

năng dùng Giáo Pháp để xua tan sự hối-tiếc có thể khởi sinh [trong những học trò của mình]. (7) Người đó, bằng cách của Giáo Pháp, có khả năng can ngăn họ khỏi quan-điêm lỗi lầm sai quấy đã khởi sinh. (8) Người đó có khả năng khuyến khích họ trong (hướng tới thành tựu) phần giới-hạnh bậc cao (giới-hạnh của Tỳ kheo). (9) Người đó có khả năng khuyến khích họ trong (sự hướng tới thành tựu) phần tâm bậc cao (những tầng thiền định). (10) Người đó có khả năng khuyến khích họ trong (sự hướng tới thành tựu) phần trí-tuệ bậc cao (thiền tuệ). Một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất này có thể ban truyền cụ túc giới (cho sa-di để thành một Tỳ kheo).”

35 (4) Sự Nương Dựa

“Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo cần có được bao nhiêu phẩm-chất để ban cấp sự nương-dựa (y chí)?” (ban sự nương-dựa cho một Tỳ kheo mới để Tỳ kheo mới nương dựa theo sự chỉ-dẫn của mình để tu tiến; tức người ban trở thành *y chí sư*, trở thành thầy hướng dẫn, thầy giáo thọ của Tỳ kheo mới)

“Này Upāli, một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất thì có thể ban cấp sự nương-dựa (cho một Tỳ kheo mới). Mười đó là gì?” ...

[Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh kể trên.]

“Một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất này có thể ban cấp sự nương-dựa (cho một Tỳ kheo mới).”

36 (6) Sa-Di ²⁰³⁸

“Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo cần có bao nhiêu phẩm-chất để có được một sa-di hầu cận?”

“Này Upāli, một Tỳ kheo có được mười phẩm chất thì có thể có được một sa-di hầu cận?” ... *[Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:34 ở trên.]*

“Một Tỳ kheo có được mười phẩm-chất này thì có thể có được một

sa-di hâu cận.”

37 (7) Sự Chia Rẽ (1)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn?”

“Ở đây, này Upāli, (do bởi) (1) những Tỳ kheo giảng giải điều phi Giáo Pháp là Giáo Pháp, và (2) điều Giáo Pháp là điều phi Giáo Pháp. (3) Họ giảng giải điều phi giới-luật là giới-luật, và (4) điều giới-luật là phi giới-luật. (5) Họ giảng giải điều không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai, và (6) điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai. (7) Họ giảng giải điều không được thực hành bởi Như Lai là điều đã được thực hành bởi Như Lai, và (8) điều đã được thực hành bởi Như Lai là điều không được thực hành bởi Như Lai. (9) Họ giảng giải điều không được quy định bởi Như Lai là điều đã được quy định bởi Như Lai, và (10) điều đã được quy định bởi Như Lai là điều không được quy định bởi Như Lai. Dựa vào mười căn cứ này, họ rút khỏi (tăng đoàn) và ly khai. Họ tự thực hiện những điều pháp lý riêng ở chỗ họ và tự tụng đọc Pātimokkha ở chỗ riêng của họ. Này Upāli, chính theo cách này là có sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn.”

38 (8) Sự Chia Rẽ (2)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn, sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn?”

“Ở đây, này Upāli, (bởi nhờ) (1) những Tỳ kheo giảng giải điều Giáo Pháp là Giáo Pháp, và (2) điều phi Giáo Pháp là điều phi Giáo Pháp. (3) Họ giảng giải điều giới-luật là giới-luật, và (4) điều phi giới-luật là phi

giới-luật. (5) Họ giảng giải điều không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều đã không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai, và (6) điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai. (7) Họ giảng giải điều không được thực hành bởi Như Lai là điều đã không được thực hành bởi Như Lai, và (8) điều đã được thực hành bởi Như Lai là điều đã được thực hành bởi Như Lai. (9) Họ giảng giải điều không được quy định bởi Như Lai là điều đã không được quy định bởi Như Lai, và (10) điều đã được quy định bởi Như Lai là điều đã được quy định bởi Như Lai. Dựa vào mười căn cứ này, họ không rút khỏi (tăng đoàn) và không ly khai. Họ không tự thực hiện những điều pháp lý riêng và không tự tụng đọc Pātimokkha ở chỗ riêng của họ. Đây Upāli, chính theo cách này là có sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn.”

39 (9) Ānanda (1)

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn, sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn?”

“Ở đây, này Ānanda ... [*Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:37 ở trên*] ... Đây Ānanda, chính theo cách này là có sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn.”²⁰³⁹

“Nhưng thưa Thế Tôn, khi một người gây sự chia-rẽ trong một Tăng Đoàn đang hòa-hợp, là người đó tạo ra gì?”

“Người đó tạo ra sự ác-dữ (cho mình) suốt một đại kiếp, này Ānanda.”²⁰⁴⁰

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là sự ác-dữ suốt một đại kiếp?”

“Người đó bị hành hạ trong địa ngục suốt một đại kiếp, này Ānanda.”

Người gây ra sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn hướng tới sự thống-khổ

Hướng tới địa ngục, ở đó suốt một đại-kiếp.
Ưa thích sự bất-hòa, thiết lập trong phi Giáo Pháp,
Người đó rút khỏi ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’.
Sau khi đã gây ra sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn,
Người đó bị hành hạ trong địa ngục suốt một đại kiếp.

40 (10) Ānanda (2)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn, sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn?”

“Ở đây, này Ānanda ... [*Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:38 ở trên*] ...
Này Ānanda, chính theo cách này là có sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn.”

“Nhưng thưa Thế Tôn, khi một người tạo sự hòa-hợp một Tăng Đoàn đang bị chia rẽ, là người đó tạo ra gì?²⁰⁴¹

“Người đó tạo ra phước-đức thiên thánh, này Ānanda.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là phước-đức thiên thánh?”

“Người đó sống an vui trong cõi trời suốt một đại kiếp, này Ānanda.”

Sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn là an lạc,
Và sự trợ giúp lẫn nhau²⁰⁴² của những người sống trong hòa-hợp
Vui thích sự hòa-hợp, được thiết lập trong Giáo Pháp,
Người đó không rút khỏi ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’.
Sau khi đã mang lại sự hòa-hợp trong Tăng Đoàn,
Người đó sẽ sống an vui trong cõi trời suốt một đại kiếp.

NHÓM 5

NHỮNG SỰ MẮNG CHỬI

41 (1) Những Tranh Chấp

Lúc đó có Ngài Upāli đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, tại sao những tranh luận, tranh cãi, tranh giành, và tranh chấp khởi sinh trong Tăng Đoàn và các Tỷ kheo không sống được an ổn?”

“Ở đây, này Upāl ... [*Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:37 ở trên*] ... Này Upāli, đây là lý do tại sao những tranh luận, tranh cãi, tranh giành, và tranh chấp khởi sinh trong Tăng Đoàn và các Tỷ kheo không sống được an ổn.”

42 (2) Những Góc Rẽ (1)

“Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu góc rẽ của (tạo ra) những sự tranh chấp?”

“Ở đây, này Upāl ... [*Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:37 ở trên*] ... Này Upāli, đây là mười góc rẽ của những sự tranh chấp.”

43 (3) Những Góc Rẽ (2)

“Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu góc rẽ của (tạo ra) những sự tranh chấp?”

“Này Upāli, có mười góc rẽ của những sự tranh chấp. Mười đó là gì? Ở đây, (1) những Tỷ kheo giảng giải điều không tội là phạm tội, và (2) điều phạm tội là không tội. (3) Họ giải thích tội nhẹ là tội nặng, và (4) tội nặng là tội nhẹ. (5) Họ giải thích tội thô là tội không thô, và (6) tội không thô là tội thô. (7) Họ giải thích tội có thể tu sửa được (sám hối được) là tội

không thể tu sửa được (không phải chỉ sám hối là được), và (8) một tội không thể tu sửa được là một tội có thể sửa được. (9) Họ giảng giải tội có sự khôi phục là tội không có sự khôi phục, và (10) tội không có sự khôi phục là tội có sự khôi phục.²⁰⁴³ Nay Upāli, đây là mười gốc rễ của những sự tranh chấp.”

44 (4) *Kusinārā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kusinārā, trong khu rừng rậm (được gọi là) “rừng cúng tế”. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo: “Này các Tỷ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỷ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo muốn khiển trách Tỷ kheo khác thì (I) nên xem xét chính mình về năm điều và (II) thiết lập năm điều trong chính mình trước khi khiển trách người khác.²⁰⁴⁴

(I) Về năm điều gì người đó nên xem xét chính mình?

(1) “Này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo muốn khiển trách Tỷ kheo khác nên xem xét chính mình như vậy: ‘Hành-vi thân (thân hành; hành-động) của mình có trong sạch [thanh tịnh] hay không? Liệu mình có được hành-vi thân là trong sạch, không khuyết điểm và không thể bị chê trách hay không? Liệu phẩm hạnh này có mặt bên trong mình hay không?’ Nếu hành-vi thân của Tỷ kheo đó là không trong sạch, và người đó không có được hành-vi thân là trong sạch, không khuyết điểm và không thể bị chê trách, thì sẽ có những người khác nói như vậy với Tỷ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên tu tập chính mình về thân.’ Sẽ có người nói điều này với Tỷ kheo đó. **

(2) “Lại nữa, một Tỷ kheo muốn khiển trách Tỷ kheo khác nên xem xét chính mình như vậy: ‘Hành-vi miệng (khẩu hành, lời-nói) của mình có trong sạch hay không? Liệu mình có được hành-vi miệng là trong sạch, không khuyết điểm và không thể bị chê trách hay không? Liệu phẩm hạnh

này có mặt bên trong mình hay không?’ Nếu hành-vi miệng của Tỳ kheo đó là không trong sạch, và người đó không có được hành-vi miệng là trong sạch, không khuyết điểm và không thể bị chê trách, thì sẽ có những người khác nói như vậy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên tu tập chính mình về miệng.’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó.

(3) Lại nữa, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình như vậy: ‘Hành-vi tâm (tâm hành; tâm ý) của mình có trong sạch không hay không? Liệu mình có được hành-vi tâm là trong sạch, không khuyết điểm và không thể bị chê trách hay không? Liệu phẩm hạnh này có mặt bên trong mình hay không?’ Nếu hành-vi tâm của Tỳ kheo đó là không trong sạch, và người đó không có được hành-vi tâm là trong sạch, không khuyết điểm và không thể bị chê trách, thì sẽ có những người khác nói như vậy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên tu tập chính mình về tâm.’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó.

(4) Lại nữa, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình như vậy: ‘Có phải mình đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học? Có phải mình đã học những giáo lý đó là tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, chúng tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết? Có phải mình đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến)? Nếu Tỳ kheo đó không học-hiểu nhiều ... và chưa thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến), thì sẽ có những người khác nói như vậy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên học phân di-sản đó (tức Phật Pháp).’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó.

(5) Lại nữa, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình như vậy: Có phải cả hai (bộ) Pātimokkha (dành cho Tỳ kheo và Tỳ kheo ni) đã được truyền thụ cho mình một cách chi tiết, đã được phân tích kỹ, được nắm vững kỹ, được xác định kỹ về những điều-khoản của những điều luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng? Liệu

phẩm-chất này có mặt trong mình hay không?’ Nếu cả hai bộ Pātimokkha chưa được truyền thụ tốt một cách chi tiết cho Tỳ kheo đó ... về những điều-khoản của những điều luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng, và nếu, khi được hỏi: ‘Đức Thế Tôn nói điều này ở đâu?’ mà người đó không trả lời được, thì sẽ có những người khác nói như vậy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên học phần giới-luật.’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó.

“Chính như vậy là về năm điều người đó nên xem xét chính mình.

(II) “Và cái gì là năm điều người đó nên thiết lập trong chính mình? [Người đó nên biết suy xét:] ‘(6) Tôi sẽ nói lúc thích hợp, không nói lúc không thích hợp (phi thời); (7) Tôi sẽ nói một cách sự thật, không nói một cách sai sự thật; (8) Tôi sẽ nói một cách nhẹ nhàng thân ái, không nói một cách gắt gỏng nạt nộ; (9) Tôi sẽ nói một cách có lợi, không nói một cách có hại; (10) Tôi sẽ nói với một tâm-từ, không nói khi chấp chứa sự sân-ghét.’ Đây là năm điều mà người đó nên thiết lập trong chính mình.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo muốn khiến trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình về năm điều này và thiết lập năm điều này trong chính mình trước khi khiển trách những người khác.”

45 (5) *Đi Vô*

“Này các Tỳ kheo, có mười sự nguy-hại trong việc đi vô hậu cung của nhà vua? Mười đó là gì?

(1) “Ở đây, nhà vua đang ngồi với hoàng hậu của ông. Tỳ kheo đi vào, dù hoàng hậu mỉm cười với Tỳ kheo khi gặp Tỳ kheo đó, hay Tỳ kheo đó mỉm cười với hoàng hậu khi gặp hoàng hậu. Nhà vua nghĩ: ‘Chắc hẳn có chuyện gì giữa họ, hay có chuyện gì sắp diễn ra’. Đây là sự nguy hại thứ nhất khi đi vô hậu cung của nhà vua.

(2) “Lại nữa, khi nhà vua do trước đó đã bận bịu, đã tham dự vào nhiều việc, nhà vua có giao hợp với một cung phi nhưng không nhớ điều

đó, và sau đó cung phi đó có thai. Nhà vua nghĩ: ‘Chẳng có ai đã đi vô hậu cung trừ Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm?’ [có thể đây là ‘việc làm’ của Tỳ kheo đó?]. Đây là sự nguy hại thứ hai khi đi vô hậu cung của nhà vua.

(3) “Lại nữa, có châu báu bị mất trong hậu cung của nhà vua. Nhà vua nghĩ: ‘Chẳng có ai đã đi vô hậu cung trừ Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm?’. Đây là sự nguy hại thứ ba khi đi vô hậu cung của nhà vua.

(4) “Lại nữa, những mưu tính cơ mật trong hậu cung của nhà vua đã bị lộ ra ngoài cho người khác.²⁰⁴⁵ Nhà vua nghĩ: ‘Chẳng có ai đã đi vô hậu cung trừ Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm?’. Đây là sự nguy hại thứ tư khi đi vô hậu cung của nhà vua.

(5) “Lại nữa, trong hậu cung của nhà vua có người cha mong gặp con, hoặc có người con mong gặp cha.²⁰⁴⁶ Họ nghĩ: ‘Chẳng có ai đã đi vô hậu cung trừ Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm?’. Đây là sự nguy hại thứ năm khi đi vô hậu cung của nhà vua.

(6) “Lại nữa, nhà vua thăng cấp ai đó. Những người không hài lòng với điều đó nghĩ rằng: ‘Nhà vua có liên hệ gần gũi với Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm (xúi)?’. Đây là sự nguy hại thứ sáu khi đi vô hậu cung của nhà vua.

(7) “Lại nữa, nhà vua giáng cấp ai đó. Những người không hài lòng với điều đó nghĩ rằng: ‘Nhà vua có liên hệ gần gũi với Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm (xúi)?’. Đây là sự nguy hại thứ bảy khi đi vô hậu cung của nhà vua.

(8) “Lại nữa, sau khi nhà vua đã phái quân đội đi vào lúc không thích hợp. Những người không hài lòng với điều đó nghĩ rằng: ‘Nhà vua có liên hệ gần gũi với Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm (xúi)?’. Đây là sự nguy hại thứ tám khi đi vô hậu cung của nhà vua.

(9) “Lại nữa, sau khi nhà vua đã phái quân đội đi vào lúc thích hợp, sau đó lại lệnh thu quân về lại ngay. Những người không hài lòng với điều

đó nghĩ rằng: ‘Nhà vua có liên hệ gần gũi với Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm (xúi)?’. Đây là sự nguy hại thứ chín khi đi vô hậu cung của nhà vua.

(10) “Lại nữa, trong hậu cung của nhà vua có sự chộn rộn của voi,²⁰⁴⁷ ngựa, và xe ngựa cũng như có những âm-thanh, những hình-sắc, những mùi-hương, những mùi-vị, và những đối-tượng chạm xúc quyến rũ, là không phù hợp cho một Tỳ kheo. Đây là sự nguy hại thứ mười khi đi vô hậu cung của nhà vua.

“Này các Tỳ kheo, đây là mười sự nguy hại của việc đi vô hậu cung của nhà vua.”

46 (6) Những Người Thích-Ca

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Nigrodha. Lúc đó, nhằm ngày lễ bố-tát (uposatha), một số đệ tử tại gia họ tộc Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ:

“Này những người Thích-ca, các người có trai giới bố-tát với đầy đủ tám chi giới (tám giới bố-tát, bát quan trai giới) hay không?”²⁰⁴⁸

“Thưa Thế Tôn, có khi chúng con thực hành, có khi chúng con không thực hành.”

“Đó là sự bất hạnh, đó là sự mất mát, này những người Thích-ca! Trong khi sự sống bị nguy hiểm bởi sự buồn sầu và cái chết, mà các người lúc có lúc không trai giới bố-tát với đầy đủ tám chi giới như vậy. Các người nghĩ sao, này những người Thích-ca? Ví dụ có một người, nếu không làm gì bất thiện, có thể kiếm được nửa đồng tiền [*kahāpana*] mỗi ngày nhờ làm việc. Vậy điều đó có đủ để gọi ông ta là một người khôn ngoan và giỏi giang hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Các người nghĩ sao, này những người Thích-ca? Ví dụ có một người, nếu không làm gì bất thiện, có thể kiếm được một đồng tiền mỗi ngày nhờ làm việc. Vậy điều đó có đủ để gọi ông ta là một người khôn ngoan và giỏi giang hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Ví dụ có một người, nếu không làm gì bất thiện, có thể kiếm được hai ... ba ... bốn ... năm ... sáu ... bảy ... tám ... chín ... mười ... hai mươi năm mươi đồng tiền [kahāpana]²⁰⁴⁹ mỗi ngày nhờ làm việc. Vậy điều đó có đủ để gọi ông ta là một người khôn ngoan và giỏi giang hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Các người nghĩ sao, này những người Thích-ca? Nếu người đó có kiếm được một trăm hay một trăm ngàn đồng tiền ngày qua ngày, cất giữ lợi lộc đã làm được, và sống thọ tới 100 năm, thì ông ta có tích lũy được một đồng lớn của cải hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Các người nghĩ sao, này những người Thích-ca? Tính theo sự giàu có của ông ta, nhờ có sự giàu có của ông ta, vì sự giàu có của ông ta, ông ta có nếm trải toàn hạnh-phúc được một đêm hay một ngày, hay được nửa đêm hay nửa ngày, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn. Tại sao không? Bởi vì những khoái-lạc giác quan (dục lạc) là vô thường, rỗng tuếch, sai giả, và đánh lừa.”

- “Tuy nhiên, này những người Thích-ca, đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 10 năm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm [100 lần 100 năm],²⁰⁵⁰ 100 ngàn năm, và 10 triệu năm [100 lần 100 ngàn năm].²⁰⁵¹ Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bát-lai, hoặc chắc chắn thành bậc Nhập-lưu.

- “Này những người Thích-ca, nói chỉ tới 10 năm (tu tập). Đệ tử của

ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 9 năm ... 8 năm ... 7 năm ... 6 năm ... 5 năm ... 4 năm ... 3 năm ... 2 năm ... 1 năm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

- “Này những người Thích-ca, nói chi tới 1 năm (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 10 tháng, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

- “Này những người Thích-ca, nói chi tới 10 tháng (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 9 tháng ... 8 tháng ... 7 tháng ... 6 tháng ... 5 tháng ... 4 tháng ... 3 tháng ... 2 tháng ... 1 tháng, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

- “Này những người Thích-ca, nói chi tới 1 tháng (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 10 ngày và đêm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

- “Này những người Thích-ca, nói chi tới 10 ngày và đêm (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 9 ngày và đêm ... 8 ngày và đêm ... 7 ngày và đêm ... 6 ngày và đêm ... 5 ngày và đêm ... 4 ngày và đêm ... 3 ngày và đêm ... 2 ngày và đêm ... 1 ngày và đêm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

“Đó là sự bất hạnh, đó là sự mất mát, này những người Thích-ca! Trong khi sự sống bị nguy hiểm bởi sự buồn sầu và cái chết, mà các người lúc có lúc không trai giới bố-tát với đầy đủ tám chi giới như vậy.”

“Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay chúng con sẽ (luôn) trai giới bố-tát với đầy đủ tám chi giới.”

47 (7) Mahāli

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có ông Mahāli người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

- “Thưa Thế Tôn, cái gì là nhân và duyên (nguyên-nhân và điều-kiện) để làm những nghiệp xấu, để xảy ra những nghiệp xấu?”²⁰⁵²

“Này Mahāli, (1) tham là nhân và duyên để làm những nghiệp xấu, để xảy ra những nghiệp xấu. (2) Sân là nhân và duyên ... (3) Si là nhân và duyên ... (4) Sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý) là nhân và duyên ... (5) Một cái tâm bị hướng sai lạc (tà hướng) là nhân và duyên để làm những nghiệp xấu, để xảy ra những nghiệp xấu.”

- “Thưa Thế Tôn, cái gì là nhân và duyên để làm những nghiệp tốt, để xảy ra những nghiệp tốt?”

“Này Mahāli, (1) vô-tham là nhân và duyên để làm những nghiệp tốt, để xảy ra những nghiệp tốt. (2) vô-sân là nhân và duyên ... (3) vô-si là nhân và duyên ... (4) Sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) là nhân và duyên ... (5) Một cái tâm được hướng đúng đắn (chánh hướng) là nhân và duyên để làm những nghiệp tốt, để xảy ra những nghiệp tốt.”

“Này Mahāli, nếu mười phẩm-chất này không có mặt trong thế gian thì đâu thấy có hạnh (hành vi) bất chính, hạnh trái với Giáo Pháp, và hạnh chân chính, hạnh đúng theo Giáo Pháp. Nhưng do mười phẩm-chất này có mặt trong thế gian nên thấy có hạnh bất chính, hạnh trái với Giáo Pháp, và

hạnh chân chính, hạnh đúng theo Giáo Pháp.”

48 (8) Những Điều (nên thường quán chiếu)

“Có mười điều này một người đã xuất gia nên thường xuyên quán chiếu. Mười đó là gì?

(1) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta đã bước vào tình trạng vô giai cấp.’²⁰⁵³

(2) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Sự sống của ta phụ thuộc vào những người khác.’²⁰⁵⁴

(3) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Hành vi phong cách của ta phải khác.’²⁰⁵⁵

(4) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Có phải ta nên khiển trách chính mình về vấn đề giới-hạnh?’²⁰⁵⁶

(5) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Có phải những Tỳ kheo đồng đạo hiền trí, sau khi điều tra tìm hiểu, nên khiển trách ta về vấn đề giới-hạnh?’

(6) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý.’²⁰⁵⁷

(7) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự của nghiệp của ta; ta có nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương-dựa của ta; ta sẽ là người thừa-lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.’

(8) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta nên trải qua những ngày và đêm theo cách nào (cho phù hợp và để tu tiên)?’

(9) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta có vui thích ở trong những chòi trống (hẻo lánh) hay không?’

(10) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Sau khi đạt tới sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của những bậc

thánh, để cho những ngày cuối cùng, khi ta được hỏi bởi những Tỳ kheo đồng đạo, ta sẽ không thấy ngượng ngùng?’

“Này các Tỳ kheo, đây là mười điều một người đã xuất gia nên thường quán chiếu.”

49 (9) Tồn Tại Nhờ Thân

“Này các Tỳ kheo, đây là mười thứ tồn tại nhờ có thân? Mười đó là gì? Lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, kiềm chế thân, kiềm chế lời-nói, kiềm chế trong sự sinh kế, và hành vi tạo tác của sự hiện-hữu dẫn tới sự tái hiện-hữu.²⁰⁵⁸ Đây là mười thứ tồn tại nhờ có thân.”

50 (10) Những Tranh Cãi

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó, sau khi đã đi khát thực trong thành Sāvattthī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, một số Tỳ kheo đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó họ dẫn đến cuộc tranh luận và tranh cãi và rớt vào sự tranh chấp, dùng những lời lẽ đâm chọt nhau.

Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi sự tách-ly (ẩn dật) và đi đến chỗ hội trường, ở đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, sự thảo luận các thầy đã tham gia khi các thầy mới ngồi với nhau ở đây là gì? Sự thảo luận đang dở dang (chưa được kết thúc) là gì?”

“Ồ đây, thưa Thế Tôn, sau khi đã đi khát thực trong thành Sāvattthī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, chúng con đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó chúng con dẫn đến cuộc tranh luận và tranh cãi và rớt vào sự tranh chấp, dùng những lời lẽ đâm chọt nhau.”

“Này các Tỳ kheo, thật không phù hợp đối với các thầy là những người họ tộc vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành mà các thầy lại dẫn tới cuộc tranh luận và tranh cãi và rớt vào sự tranh chấp, dùng những lời lẽ đâm chọt nhau.

“Này các Tỳ kheo, có mười nguyên tắc (đề) hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.²⁰⁵⁹ Mười đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới Bản Tỳ Kheo], có được giới-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. Vì một Tỳ kheo là có giới-hạnh ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo là đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Vì một Tỳ kheo là đã học-hiểu nhiều ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có những đạo hữu, đồng môn tốt, đồng đạo tốt. Vì một Tỳ kheo có những đạo hữu tốt ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người ấy dễ tu sửa; người đó nhẫn nhịn và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng. Vì một Tỳ kheo là dễ tu sửa ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp

tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khéo giỏi và siêng năng trong những việc (ở chỗ tu, trong chùa, Phật sự) cần phải làm cho những Tỳ kheo đồng đạo; người đó có được sự xét đoán giỏi về những công việc đó để thực hiện và sắp xếp chúng một cách phù hợp. Vì một Tỳ kheo là khéo giỏi và siêng năng trong những việc ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo mến mộ Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng nói chuyện hay chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), đầy niềm hoan-hỷ cao độ về Giáo Pháp và giới-luật. Vì một Tỳ kheo mến mộ Giáo Pháp ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố-gắng, không lơ là bỏn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. Vì một Tỳ kheo đã phát khởi nỗ-lực tu ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(8) “Lại nữa, một Tỳ kheo biết hài-lòng (tri túc) với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Vì một Tỳ kheo biết hài-lòng với mọi thứ y-phục ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(9) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm và sự cảnh-giác cao nhất, là người (có khả năng) nhớ và nhớ lại điều đã làm và nói từ lâu. Vì một Tỳ kheo là có chánh-niệm ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất

tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có trí; người đó có được trí-tuệ (đề) nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Vì một Tỳ kheo là có trí ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

“Này các Tỳ kheo, đây là mười nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.”

[Năm Mười Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1

TÂM CỦA MÌNH

51 (1) *Tâm Của Mình*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(*) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không được thiện khéo về những đường lối của tâm của những người khác [thì nên tu tập]: ‘Tôi sẽ thiện khéo về những đường lối của tâm mình’. Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân.

“Và theo cách nào là một Tỳ kheo thiện khéo về những đường lối của tâm mình? Giống như một người nữ hay nam—trẻ, trẻ tuổi, và ưa thích đồ trang sức—sẽ nhìn vào khuôn mặt mình phản chiếu trong một cái gương sạch sáng [hay một chậu nước trong]. Nếu họ thấy có vết dơ hay khuyết điểm nào trên đó, họ sẽ cố gắng loại bỏ nó. Nhưng nếu họ không thấy vết dơ hay ố nhiễm nào trên đó, họ sẽ vui mừng về điều đó; và mong muốn của họ được thỏa mãn, họ sẽ nghĩ: ‘Thật phúc lành ta được sạch sẽ!’²⁰⁶⁰ Cũng giống như vậy, sự tự xem xét mình (phản quan tự kỷ) là rất có ích lợi cho một Tỳ kheo [để tăng trưởng] về những phẩm chất thiện lành.

“[Một người nên hỏi chính mình:] (1) ‘Ta thường sống có (chương ngại) tham-dục hay không tham-dục? (2) Ta thường sống có sự ác-ý hay không sự ác-ý? (3) Ta thường sống bị chi phối bởi sự buồn-ngủ và đờ-đẫn hay không có sự buồn-ngủ và đờ-đẫn? (4) Ta thường sống bất-an hay bình-tĩnh? (5) Ta thường bị ám muội bởi sự nghi-ngờ hay không có sự nghi-ngờ? (6) Ta thường tức-giận hay không có tức-giận? (7) Tâm của ta

thường bị ô-nhiễm hay không bị ô-nhiễm? (8) Thân của ta thường bị khích-động hay không bị khích-động? (9) Ta thường lười-biếng hay nỗ-lực tu (tinh tấn)? (10) Ta thường không đạt-định hay đạt-định?”²⁰⁶¹

“Nếu, bằng cách tự xem xét chính mình (phản quan tự kỷ) như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta thường sống có (chướng ngại) tham-dục, thường sống có sự ác-ý, bị chi phối bởi sự buồn-ngủ và đờ-đần, bị bất-an, bị ám muội bởi sự nghi-ngờ, có tức-giận, bị ô-nhiễm trong tâm, bị khích-động trong thân, có lười-biếng, và không đạt-định’ thì người đó nên đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tinh giác) phi thường để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện đó. Giống như một người có quần áo [hay đầu tóc] đang bị cháy thì người đó sẽ (lập tức) đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết phi thường để dập tắt ngay [lửa cháy] trên quần áo [hay trên đầu] đó. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nên đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tinh giác) phi thường để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện đó.

“Nhưng nếu, bằng sự tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta thường sống không có tham-dục, thường sống không có sự ác-ý, không bị chi phối bởi sự buồn-ngủ và đờ-đần, không bị bất an, không bị ám muội bởi sự nghi-ngờ, không tức-giận, không bị ô-nhiễm trong tâm, không bị khích-động trong thân, không lười-biếng, và đạt-định’, thì người đó sẽ dựa bản thân trên những phẩm chất thiện đó và tạo thêm sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).”

52 (2) Xá-Lợi-Phát

Ở đó Ngài Xá-lợi-phát đã nói với các Tỳ kheo: “Này đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phát nói điều này:

[Tiếp tục giống hết kinh 10:51 kể trên từ chỗ () đến hết kinh, chỉ khác là kinh này do thầy Xá-lợi-phất nói.]*

53 (3) Sự Ngưng Trệ

“Này các Tỳ kheo, ta không đề cao sự ngưng-trệ (không gia tăng, không tiến triển) trong (sự tu dưỡng) những phẩm chất thiện lành, càng không đề cao sự sa-sút. Ta chỉ khen ngợi sự tăng-trưởng trong những phẩm chất thiện lành, không phải sự ngưng-trệ hay sự suy-đòi.²⁰⁶²

(i) “Và theo cách nào là có sự suy-đòi—không phải sự ngưng-trệ hay tăng-trưởng—trong những phẩm chất thiện lành? Ở đây, một Tỳ kheo có một mức độ nào đó của niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự từ-bỏ, trí-tuệ, và sự nhận-biết. (nhưng) Những phẩm chất đó của người đó không duy trì hay tăng trưởng. Ta nói, đây là sự suy-đòi chứ không phải sự duy-trì hay sự tăng-trưởng trong những phẩm chất thiện lành. Như vậy là (đang) có sự suy-đòi—không phải sự ngưng-trệ hay tăng-trưởng—trong những phẩm chất thiện lành.

(ii) “Và theo cách nào là có sự ngưng-trệ—không phải sự suy-đòi hay tăng-trưởng—trong những phẩm chất thiện lành? Ở đây, một Tỳ kheo có một mức độ nào đó của niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự từ-bỏ, trí-tuệ, và sự nhận-biết. (nhưng) Những phẩm chất đó của người đó không suy-đòi cũng không tăng trưởng. Ta nói, đây là sự ngưng-trệ chứ không phải sự suy-đòi hay sự tăng-trưởng trong những phẩm chất thiện lành. Như vậy là có sự ngưng-trệ—không phải sự suy-đòi hay sự tăng-trưởng—trong những phẩm chất thiện lành.

(iii) “Và theo cách nào là có sự tăng-trưởng—không phải sự suy-đòi hay sự ngưng-trệ—trong những phẩm chất thiện lành? Ở đây, một Tỳ kheo có một mức độ nào đó của niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự từ-bỏ, trí-tuệ, và sự nhận-biết. (và) Những phẩm chất đó của người đó tăng trưởng, chứ không duy trì cũng không suy-đòi. Ta nói, đây là sự tăng-trưởng chứ không phải sự ngưng-trệ hay sự suy-đòi trong những phẩm

chất thiện lành. Như vậy là có sự tăng-trưởng—không phải sự ngưng-trệ hay sự suy-đồi—trong những phẩm chất thiện lành.

(*) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không được thiện khéo về những đường lối của tâm của những người khác [thì nên tu tập]: ‘Tôi sẽ thiện khéo về những đường lối của tâm mình’. Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân.

[Tiếp tục từ (*) giống như kinh 10:51 cho đến hết kinh]

54 (4) Sự Vắng Lặng

(*) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không được thiện khéo về những đường lối của tâm của những người khác [thì nên tu tập]: ‘Tôi sẽ thiện khéo về những đường lối của tâm mình’. Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân.

“Và theo cách nào là một Tỳ kheo thiện khéo về những đường lối của tâm mình? Giống như một người nữ hay nam—trẻ, trẻ tuổi, và ưa thích đồ trang sức—sẽ nhìn vào khuôn mặt mình phản chiếu trong một cái gương sạch sáng [hay một chậu nước trong]. Nếu họ thấy có vết dơ hay khuyết điểm nào trên đó, họ sẽ cố gắng loại bỏ nó. Nhưng nếu họ không thấy vết dơ hay ố nhiễm nào trên đó, họ sẽ vui mừng về điều đó; và mong muốn của họ được thỏa mãn, họ sẽ nghĩ: ‘Thật phúc lành ta được sạch sẽ!’ Cũng giống như vậy, sự tự xem xét mình (phản quan tự kỷ) là rất có ích lợi cho một Tỳ kheo [để tăng trưởng] về những phẩm chất thiện lành.²⁰⁶³ ‘Ta có đạt được sự vắng-lặng bên trong của tâm (định), hay không có? Ta có đạt được trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng (quán pháp tuệ), hay không có?’

(1) “Nếu, bằng cách tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta đạt được [phần định] (= sự vắng-lặng bên trong của tâm) (người dịch giản lược), nhưng không đạt được [phần tuệ] (= trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng), thì người đó nên dựa [mình] vào [phần định] (đã đạt được), và tạo sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để đạt được [phần

tuệ]. Rồi sẽ đến lúc người đó đạt cả [phần định] và [phần tuệ].

(2) “Nhưng nếu, bằng cách tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta đạt được [phần tuệ], nhưng không đạt được [phần định], thì người đó nên dựa [mình] vào [phần tuệ] (đã đạt được), và tạo sự nỗ-lực tu để đạt được [phần định]. Rồi sẽ đến lúc người đó đạt cả [phần tuệ] và [phần định].

(3) “Nhưng nếu, bằng cách tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Tôi không đạt được [phần định], cũng không đạt được [phần tuệ], thì người đó nên đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tinh giác) phi thường để đạt được cả hai (phần) phẩm chất thiện đó. Giống như một người có quần áo hay đầu tóc đang bị cháy thì người đó phải có sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự rõ-biết phi thường để dập tắt ngay [lửa cháy] trên quần áo hay đầu tóc của mình. Cũng giống như vậy, loại người thứ ba này nên đặt ra đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tinh giác) phi thường để đạt được cả hai (phần) phẩm chất thiện đó. Rồi sẽ đến lúc người đó đạt cả hai [phần định] và [phần tuệ].

(4) “Nhưng nếu, bằng cách tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta đạt được cả hai [phần định] và [phần tuệ], thì người đó nên dựa bản thân trên cả hai phần đó, và tạo thêm sự nỗ-lực tu (tinh tấn) để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).²⁰⁶⁴

“[a] Những y-phục, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt (hai phương diện, hai lần): y-phục nên được dùng và y-phục không nên được dùng. Cũng vậy, [b] những thức-ăn khát thực, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt. [c] Những chỗ-ở, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt: chỗ-ở nên được dùng và chỗ-ở không nên được dùng. [d] Những làng xóm hay phố thị, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt: làng xóm hay phố thị nên được trú ở và làng xóm hay phố thị không nên được trú ở. [e] Những xứ sở (nước) hay

vùng miền, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt: xứ sở hay vùng miền nên được trú ở và xứ sở hay vùng miền không nên được trú ở. [f] Những người, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt: người nên được giao lưu (thân cận, gặp gỡ) và người không nên được giao lưu.

(5) “Khi điều [a] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về một y-phục (cà sa): ‘Khi ta dùng y-phục này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên dùng y-phục như vậy. Nhưng nếu người A biết về một y-phục: ‘Khi tôi dùng y-phục này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên dùng y-phục như vậy.

“Khi điều [a] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy.

(6) “Khi điều [b] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về thứ thức-ăn khát thực nào: ‘Khi ta dùng thức-ăn khát thực này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên dùng thức-ăn khát thực như vậy. Nhưng nếu người A biết về một thức-ăn khát thực: ‘Khi tôi dùng thức-ăn khát thực này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên dùng thức-ăn khát thực như vậy.

“Khi điều [b] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy.

(7) “Khi điều [c] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về chỗ-ở nào: ‘Khi ta dùng chỗ-ở này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên dùng chỗ-ở như vậy. Nhưng nếu người A biết về một chỗ-ở: ‘Khi tôi dùng chỗ-ở này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên dùng chỗ-ở như vậy.

“Khi điều [c] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy.

(8) “Khi điều [d] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về một làng xóm hay phố thị nào: ‘Khi ta trú ở trong làng xóm hay phố thị này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và

những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên trú ở trong làng xóm hay phố thị như vậy. Nhưng nếu người A biết về một làng xóm hay phố thị: ‘Khi tôi trú ở trong làng xóm hay phố thị này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên trú ở trong làng xóm hay phố thị như vậy.

“Khi điều [d] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy.

(9) “Khi điều [e] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về một xứ sở hay vùng miền: ‘Khi ta trú ở trong xứ sở hay vùng miền này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên trú ở trong xứ sở hay vùng miền như vậy. Nhưng nếu người A biết về một xứ sở hay vùng miền: ‘Khi tôi trú ở trong xứ sở hay vùng miền này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên trú ở trong xứ sở hay vùng miền như vậy.

“Khi điều [e] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy.

(10) “Khi điều [f] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về một người: ‘Khi ta giao lưu (thân cận, gặp gỡ, ở gần, sống chung, tu chung, hay tu theo) với người này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện thì giảm sút’, thì người A không nên giao lưu với một người như vậy. Nhưng nếu người A biết về một người: ‘Khi ta giao lưu với người này, những phẩm chất bất thiện giảm đi và những phẩm chất thiện gia tăng’, thì người A nên giao lưu với một người như vậy.

“Khi điều [f] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy.”

55 (5) *Sự Sa Sút*

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều

này:

“Này các đạo hữu, thường nghe nói: ‘Một người là sẽ bị sa sút, một người là sẽ bị sa sút.’ Theo cách nào đức Thế Tôn đã nói một người là sẽ bị sa sút và một người là sẽ không bị sa sút?”

“Này đạo hữu, chúng tôi từ xa đến đây để học ý nghĩa của điều này từ Ngài Xá-lợi-phất. Sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ thầy, các Tỳ kheo sẽ lưu giữ nó trong tâm.”

“Được rồi, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Tôi sẽ nói.”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này:

“Này các đạo hữu, theo cách nào đức Thế Tôn đã nói về một người là sẽ bị sa sút? Ở đây, (a) một Tỳ kheo không biết lắng nghe một giáo lý mình chưa được nghe trước đó, (b) quên mất những giáo lý mình đã nghe trước đó, (c) không đưa đến tâm những giáo lý mà người đó đã quen thuộc, và (d) không (tìm) hiểu điều người đó chưa hiểu được. Chính theo cách này đức Thế Tôn đã nói về một người là sẽ bị sa sút.²⁰⁶⁵

“Này các đạo hữu, theo cách nào đức Thế Tôn đã nói về một người là sẽ không bị sa sút? Ở đây, (a) một Tỳ kheo biết lắng nghe một giáo lý mình chưa được nghe trước đó, (b) không quên những giáo lý mình đã nghe trước đó, (c) đưa đến tâm những giáo lý mà người đó đã quen thuộc, và (d) (tìm) hiểu điều người đó chưa hiểu được. Chính theo cách này đức Thế Tôn đã nói về một người sẽ không bị sa sút.

(*) “Này các đạo hữu, một Tỳ kheo không được thiện khéo về những đường lối của tâm của những người khác [thì nên tu tập]: ‘Tôi sẽ thiện khéo về những đường lối của tâm mình’. Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân.

[Tiếp tục giống kinh 10:51 từ chỗ () đến hết kinh, chỉ khác là kinh này do thầy Xá-lợi-phất nói cho các Tỳ kheo.]*

56 (6) Những Nhận Thức (1)

“Này các Tỳ kheo, mười nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó.²⁰⁶⁶ Mười đó là gì? (1) Nhận thức về sự không hấp-dẫn (không sạch, bất tịnh của thân), (2) nhận thức về cái chết, (3) nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn, (4) nhận-thức về sự không còn thích-thú trong toàn bộ thế gian, (5) nhận-thức về sự vô-thường, (6) nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô-thường, (7) nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, (8) nhận-thức về sự đẹp-bỏ, (9) nhận-thức về sự chán-bỏ, và (10) nhận-thức về sự chám-dứt. Đây là mười nhận-thức, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của chúng.”

57 (7) Những Nhận Thức (2)

“Này các Tỳ kheo, mười nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó. Mười đó là gì? (1) Nhận-thức về sự vô-thường, (2) nhận-thức về sự vô-ngã, (3) nhận-thức về cái chết, (4) nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn, (5) nhận-thức về sự không còn thích-thú trong toàn bộ thế gian, (6) nhận-thức về một bộ xương, (7) nhận-thức về thi thể bị giòi đục, (8) nhận-thức về một thi thể đã tím xanh, (9) nhận-thức về một thi thể bị nứt chảy, và (10) nhận-thức về một thi thể bị trương sinh.²⁰⁶⁷ Mười nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó.”

58 (8) Những Góc Rẽ

“Này các Tỳ kheo, các du sĩ các giáo phái khác có thể hỏi các thầy:

(1) ‘Này các bạn, mọi thứ (tất cả mọi pháp) bắt rẽ (có góc rẽ) từ cái

gì? (2) Thông qua cái gì chúng trở thành hiện hữu? (3) Chúng khởi sinh từ cái gì? (4) Chúng hội tụ trên cái gì? (5) Chúng được dẫn đầu bởi cái gì? (6) Cái gì thực hiện sự thẩm quyền đối với chúng? (7) Cái gì là người giám sát của chúng? (8) Cái gì là cốt lõi của chúng? (9) Chúng dẫn tới đỉnh cao là cái gì? Và (10) cái gì là chung cuộc của chúng?’ Nếu được hỏi như vậy, các thầy sẽ trả lời họ ra sao?”²⁰⁶⁸

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, nếu các du sĩ các giáo phái khác có hỏi các thầy: ‘Này bạn, (1) mọi thứ bắt rễ từ cái gì? ... (10) Cái gì là chung cuộc của chúng?’, thì các thầy nên trả lời họ như sau:

“‘Này các bạn, (1) mọi thứ đều bắt rễ từ dục (tham muốn). (2) Chúng trở thành hiện hữu thông qua sự chú-tâm (sự tác ý). (3) Chúng khởi sinh từ sự tiếp-xúc (xúc). (4) Chúng hội tụ trên cảm-giác (thọ). (5) Chúng được dẫn đầu bởi sự định-tâm (định). (6) Sự chánh-niệm (niệm) thực hiện sự thẩm quyền đối với chúng. (7) Trí-tuệ là người giám sát của chúng. (8) Sự giải-thoát là cốt-lõi của chúng. (9) Chúng dẫn đến đỉnh cao là sự bất-tử. Và (10) kết-cuộc của chúng là Niết-bàn.’²⁰⁶⁹

“Nếu các thầy được hỏi những câu hỏi đó, thì các thầy nên trả lời những du sĩ đó đó theo cách như vậy.”

59 (9) Sự Xuất Gia

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Tâm chúng ta sẽ được củng cố (được tăng cường, làm cho mạnh hơn) theo như [tinh thần của] sự xuất gia của chúng ta, và những phẩm chất bất thiện sẽ

không ám muội tâm của chúng ta.²⁰⁷⁰ (1) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về vô-thường. (2) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về vô-ngã. (3) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự không hấp-dẫn (không sạch ô uế, của thân). (4) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự nguy-hại. (5) Chúng ta sẽ biết những đường lối bằng-phẳng và đường lối gồ-gề trong thế gian,²⁰⁷¹ và tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức này. (6) Chúng ta sẽ biết sự hình thành hiện-hữu và sự diệt-vong của thế giới,²⁰⁷² và tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức này. (7) Chúng ta sẽ biết sự khởi-sinh và sự biến-diệt của thế giới, và tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức này. (8) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự đẹp-bỏ. (9) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự chán-bỏ. (10) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự chấm-dứt.²⁰⁷³ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.

“Khi tâm của một Tỳ kheo đã được củng cố theo như [tinh thần của] sự xuất gia, và những phẩm chất bất thiện đã khởi sinh không ám muội tâm của người đó—(1) khi tâm của người đó được củng cố trong nhận-thức về vô-thường (10) khi tâm của người đó được củng cố trong nhận-thức về sự chấm-dứt—thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả đối với người đó: hoặc là trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu vẫn còn chút tàn dư thì trạng thái Bất-lai.”

60 (10) *Girimānanda*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Girimānanda đang bị bệnh, đau đớn, và bệnh yếu như gần chết.²⁰⁷⁴

Rồi Ngài Ananda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thầy Girimānanda bị bệnh, đau đớn, và bệnh yếu như gần chết. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn đến thăm thầy ấy, vì lòng bi-mẫn.”

“Này Ananda, nếu thầy có đến thăm Tỳ kheo Girimānanda và nói với thầy ấy về mười sự nhận-thức, thì có thể rằng sau khi nghe những điều đó, bệnh đau của thầy ấy sẽ lặn ngay. Mười đó là gì?

“(1) Nhận-thức về vô-thường, (2) nhận-thức về vô-ngã, (3) nhận-thức về sự không hấp-dẫn (ô uế, của thân), (4) nhận-thức về sự nguy-hại (trong thân), (5) nhận-thức về sự dẹp-bỏ, (6) nhận-thức về sự chán-bỏ, (7) nhận-thức về sự chám-dứt, (8) nhận-thức về sự không còn thích-thú trong toàn bộ thể gian, (9) nhận-thức về sự vô-thường trong mọi hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi), và (10) sự chánh-niệm hơi-thở.

(1) “Và này Ananda, cái gì là *nhận-thức về vô-thường*? Ở đây, sau khi đã đi vô rừng, tới (ngồi dưới) một gốc cây hay (ngồi trong) một chòi trống, một Tỳ kheo quán xét (quán niệm, thiền quán) như vậy: ‘Sắc là vô thường, cảm-giác là vô thường, nhận-thức là vô thường, những sự tạo-tác là vô thường, thức là vô thường.’ Vì vậy người đó an trú quán sát (quán niệm) sự vô-thường trong năm uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn) đó. Đây được gọi là nhận-thức về vô-thường.

(2) “Và, này Ananda, cái gì là *nhận-thức về vô-ngã*? Ở đây, sau khi đi vô rừng, tới một gốc cây hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán xét như vậy: ‘Mắt là vô ngã, những hình-sắc là vô ngã; tai là vô ngã, những âm-thanh là vô ngã; mũi là vô ngã, những mùi-hương là vô ngã; lưỡi là vô ngã, những mùi-vị là vô ngã; thân là vô ngã, những đối-tượng chạm-xúc là vô ngã; tâm là vô ngã, những hiện-tượng thuộc tâm là vô ngã.’” Như vậy người đó an trú quán sát sự vô-ngã trong ‘sáu cơ-sở cảm nhận’ bên trong và bên ngoài (sáu nội xứ và sáu ngoại xứ; sáu giác-quan và sáu đối-tượng giác quan). Đây được gọi là sự nhận-thức về vô-ngã.

(3) “Và, này Ananda, cái gì là *nhận-thức về sự không hấp-dẫn* (không sạch ô-úế, của thân)? Ở đây, một Tỳ kheo xem xét lại chính thân này từ gót chân lên đỉnh đầu và từ đỉnh đầu xuống gót chân, được bao bọc trong

da, chứa đầy những thứ ô-úế không-sạch: ‘Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng phổi, lá lách, phổi, ruột, màng treo ruột (mỡ sa), bao tử, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ, nước mũi, chất nhớt các khớp, nước tiểu.’ Như vậy người đó an trú quán sát về tính không hấp-dẫn trong thân này. Đây được gọi là nhận-thức về sự không hấp-dẫn (ô úế, của thân).

(4) “Và, này Ananda, cái gì là *nhận-thức về sự nguy-hại*? Ở đây, sau khi đi vô rừng, tới một gốc cây hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán xét như vậy: ‘Thân này là nguồn của nhiều sự khổ đau và nguy hại; bởi tất cả mọi thứ đau bệnh đau đớn đều khởi sinh trong thân này, [đó là: bệnh mắt, bệnh tai trong, bệnh mũi, bệnh lưỡi, bệnh thân, bệnh đầu, bệnh tai ngoài, bệnh miệng, bệnh răng,²⁰⁷⁵ bệnh ho, bệnh hen suyễn, bệnh viêm chảy, bệnh sốt thường, bệnh sốt cao, bệnh bao tử, bệnh ngất xỉu, bệnh kiết lỵ, bệnh đau thắt, bệnh dịch tả, bệnh phong cùi, bệnh nhọt, bệnh chàm bội nhiễm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh, bệnh ngứa da, bệnh ngứa gãi, bệnh vẩy nến, bệnh thủy đậu, bệnh ghẻ lở, bệnh xuất huyết, bệnh trĩ, bệnh ung thư, bệnh lở rò; những bệnh bắt nguồn từ mật, đờm, gió, hoặc sự kết hợp bởi chúng; những bệnh do thay đổi thời tiết; những bệnh do hành vi bất cẩn; những bệnh do hành hung; hoặc những bệnh do nghiệp quả; và lạnh, nóng, đói, khát, tiểu tiện, và đại tiện.’]. Như vậy người đó an trú quán sát cái sự nguy-hại trong thân này. Đây được gọi là nhận-thức về sự nguy-hại.

(5) “Và, này Ananda, cái gì là *nhận-thức về sự đẹp-bỏ*? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Người đó không dung dưỡng một ý nghĩ sự ác-ý đã khởi sinh ... không dung dưỡng một ý nghĩ sự gây-hại (chúng sinh khác) đã khởi sinh ... không dung dưỡng những trạng thái xấu ác bất thiện mỗi khi chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết liễu chúng, và xóa sổ chúng. Đây được gọi là nhận-thức về sự đẹp-bỏ.

(6) “Và, này Ananda, cái gì là *nhận-thức về sự chán-bỏ*. Ở đây, sau khi đi vô rừng, tới một gốc cây hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán xét

như vậy: ‘Đây (trạng thái này) là bình-an, đây là siêu-phàm, chính là, sự làm lắng-lặn tất cả mọi sự tạo-tác (hành diệt), sự dẹp bỏ tất cả mọi sự thu- nạp (sanh y diệt), sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt), *sự chán-bỏ*, Niết-bàn.’ Đây được gọi là nhận-thức về sự chán-bỏ.”²⁰⁷⁶

(7) “Và, này Ananda, cái gì là *nhận-thức về sự chấm-dứt*? Ở đây, sau khi đi vô rừng, tới một gốc cây hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán xét như vậy: ‘Đây là bình-an, đây là siêu-phàm, chính là, sự làm lắng-lặn tất cả mọi sự tạo-tác (hành diệt), sự dẹp bỏ tất cả mọi sự thu-nạp (sanh y diệt), sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt), *sự chấm-dứt*, Niết-bàn.’ Đây được gọi là sự nhận-thức về sự chấm-dứt.”

(8) “Và, này Ananda, cái gì là *nhận-thức về sự không còn thích-thú trong toàn bộ thế gian*? Ở đây, một Tỳ kheo (sống) kiêng cử²⁰⁷⁷ mọi sự tham-gia (dính líu) và sự chấp-thủ (thủ), mọi quan-điểm này nọ của tâm (tâm kiến), mọi sự cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) đối với thế gian; dẹp bỏ chúng, không còn chấp-thủ vào chúng. Đây được gọi là nhận-thức về sự không còn thích-thú trong toàn bộ thế gian.”

(9) “Và, này Ananda, cái gì là *nhận-thức về sự vô-thường trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện*? Ở đây, một Tỳ kheo thấy dội ngược, thấy nhục nhã, và ghê tởm với tất cả những hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi). Đây được gọi là nhận-thức về sự vô-thường trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện.”²⁰⁷⁸

(10) “Và, này Ananda, cái gì là *sự chánh-niệm hơi-thở*? Ở đây, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, tới một gốc cây hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tếp chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm ở trước mặt, chỉ chánh-niệm người đó thở vô, chỉ chánh-niệm người đó thở ra.

Nhóm Đối Tượng Thứ Nhất (Quán sát Thân)

(i) “Thở vô dài, người đó biết: ‘Tôi thở vô dài’; hoặc thở ra dài, người đó biết: ‘Tôi thở ra dài’.

(ii) “Thở vô ngắn, người đó biết: ‘Tôi thở vô ngắn’; hoặc thở ra ngắn,

người đó biết: ‘Tôi thở ra ngắn’.

(iii) “‘Trải nghiệm toàn thân [-hơi thở], tôi thở vô’, người đó luyện tập mình như vậy; ‘trải nghiệm toàn thân [-hơi thở], tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(iv) “‘Làm dịu sự tạo-tác của thân (thân hành), tôi thở vô’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘làm dịu sự tạo tác của thân, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

Nhóm Đối Tượng Thứ Hai (Quán sát Cảm-Giác)

(v) “‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ), tôi thở vô’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘trải nghiệm sự hoan-hỷ, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(vi) “‘Trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc), tôi thở vô’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘trải nghiệm sự hạnh-phúc, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(vii) “‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành), tôi thở vô’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘trải nghiệm sự tạo-tác của tâm, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(viii) “‘Làm dịu sự tạo-tác của tâm, tôi thở vô’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘làm dịu sự tạo-tác của tâm, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.²⁰⁷⁹

Nhóm Đối Tượng Thứ Ba (Quán sát Tâm)

(ix) “‘Trải nghiệm tâm (trạng thái của tâm), tôi thở vô’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘trải nghiệm tâm, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(x) “‘Làm sáng khoái (làm vui) tâm, tôi thở vô’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘làm sáng khoái tâm, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(xi) “‘Tập trung tâm, tôi thở vô’, người đó tập luyện mình như vậy;

‘tập trung tâm, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(xii) “‘Giải thoát tâm, tôi thở vô’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘giải thoát tâm, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.”²⁰⁸⁰

Nhóm Đối Tượng Thứ Tư (Quán sát Các Pháp)

(xiii) “‘Quán sát sự vô-thường, tôi thở vô’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘quán sát sự vô-thường, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(xiv) “‘Quán sát sự phai-biến, tôi thở vô’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘quán sát sự phai-biến, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(xv) “‘Quán sát sự chấm-dứt, tôi thở vô’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘quán sát sự chấm-dứt, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(xvi) “‘Quán sát sự từ-bỏ, tôi thở vô’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘quán sát sự từ-bỏ, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

“Đây được gọi là sự chánh-niệm hơi-thở.

“Này Ananda, nếu thầy đến thăm thầy Girimānanda và nói với thầy ấy về mười sự nhận-thức này, thì có thể rằng, sau khi nghe những điều đó, thầy ấy sẽ lập tức bình phục khỏi bệnh đau.”

Rồi, sau khi thầy Ananda đã học mười sự nhận-thức đó từ đức Thế Tôn, thầy ấy đi đến chỗ thầy Girimānanda và nói lại cho thầy Girimānanda nghe về chúng. Sau khi thầy Girimānanda đã nghe xong về mười sự nhận-thức đó, sự đau bệnh của thầy đã lập tức lặn mất. Thầy Girimānanda đã hồi phục khỏi sự đau bệnh đó, và đó là cách thầy ấy được chữa trị khỏi sự đau bệnh của mình.

NHÓM 2

CÁC CẶP ĐÔI

61 (1) Vô Minh

“Này các Tỳ kheo, như đã nói: ‘Này các Tỳ kheo, một điểm khởi đầu của vô-minh là không nhìn thấy được để [nói rằng] trước điểm này là không có vô-minh và sau điểm này là có nó.’²⁰⁸¹ Tuy vậy, vô-minh vẫn được nhìn thấy là có một điều-kiện rõ rệt (duyên) rõ rệt (cụ thể).

(I) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, (1) vô-minh có một dưỡng-chất,²⁰⁸² nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất của vô-minh? Nên nói đó là: (2) năm chướng-ngại (ngũ cái). Ta nói, năm chướng-ngại này cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho năm chướng-ngại? Nên nói đó là: (3) ba loại hành-vi sai trái (ba tà hạnh). Ta nói, ba loại hành-vi sai trái cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho ba loại hành-vi sai trái? Nên nói đó là: (4) sự không kiềm-chế các căn cảm-nhận. Ta nói, sự không kiềm-chế các căn cảm-nhận cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự không kiềm-chế các căn cảm-nhận? Nên nói đó là: (5) sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác). Ta nói, sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết? Nên nói đó là: (6) sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý). Ta nói, sự chú-tâm không kỹ càng cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự chú-tâm không kỹ càng? Nên nói đó là: (7) sự thiếu niềm-tin. Ta nói, sự thiếu niềm-tin cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự thiếu niềm-tin? Nên nói đó là: (8) sự không nghe Giáo Pháp tốt lành. Ta nói, sự không nghe Giáo Pháp tốt lành cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự không nghe Giáo Pháp tốt lành? Nên nói đó là: (9) sự không giao

lưu gặp gỡ những người tốt (thiện tri thức).²⁰⁸³

“Như vậy là, (9) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi (yếu tố này) có đầy, sẽ làm đầy (yếu tố) sự không nghe Giáo Pháp thiện lành. (8) Sự không nghe Giáo Pháp thiện lành, khi có đầy, sẽ làm đầy sự thiếu niềm-tin. (7) Sự thiếu niềm-tin, khi có đầy, sẽ làm đầy sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý). (6) Sự chú-tâm không kỹ càng, khi có đầy, sẽ làm đầy sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết. (5) Sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết, khi có đầy, sẽ làm đầy sự không kiểm-chế các căn cảm-nhận. (4) Sự không kiểm-chế các căn cảm-nhận, khi có đầy, sẽ làm đầy sự ba loại hành-vi sai trái (ba tà hạnh). (3) Ba loại hành-vi sai trái, khi có đầy, sẽ làm đầy năm chướng-ngại (ngũ cái). (2) Năm chướng-ngại, khi có đầy, sẽ làm đầy (1) sự vô-minh. Như vậy là có dưỡng-chất cho sự vô-minh, và theo cách này nó được làm đầy.

“Giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi có đầy, lại đổ đầy những ao hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi có đầy, lại đổ đầy đại dương; như vậy là, có dưỡng-chất cho đại dương, và theo cách này nó được làm đầy. Cũng giống như vậy, (yếu tố) (9) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự không nghe Giáo Pháp thiện lành ... (2) Năm chướng-ngại, khi có đầy, sẽ làm đầy (1) sự vô-minh. Như vậy là có dưỡng-chất cho sự vô-minh, và theo cách này nó được làm đầy.

(II) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, (1) minh [trí-biết đích thực, chân trí] và sự giải-thoát có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho minh và sự giải-thoát? Nên nói đó là: (2) bảy chi giác-ngộ (thất giác chi). Ta nói, bảy chi giác-ngộ cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho bảy chi giác-ngộ? Nên nói đó là: (3) bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ). Ta nói, bốn nền tảng chánh-niệm cũng có một dưỡng-

chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho bốn nền tảng chánh-niệm? Nên nói đó là: (4) ba loại hành-vi thiện (ba thiện hạnh). Ta nói, ba loại hành-vi thiện cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho ba loại hành-vi thiện? Nên nói đó là: (5) sự biết kiểm-chế các căn cảm-nhận (phòng hộ sáu căn). Ta nói, sự kiểm-chế các căn cảm-nhận cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự kiểm-chế các căn cảm-nhận? Nên nói đó là: (6) sự chánh-niệm và sự rõ-biết. Ta nói, sự chánh-niệm và sự rõ-biết cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự chánh-niệm và sự rõ-biết? Nên nói đó là: (7) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). Ta nói, sự chú-tâm kỹ càng cũng có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự chú-tâm kỹ càng? Nên nói đó là: (8) niềm-tin. Ta nói, niềm-tin cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho niềm-tin? Nên nói đó là: (9) sự nghe được Giáo Pháp tốt lành. Ta nói, sự nghe được Giáo Pháp tốt lành cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự nghe được Giáo Pháp tốt lành? Nên nói đó là: (10) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt (thiện tri thức).

“Như vậy là, (10) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi (yếu tố này) có đầy, sẽ làm đầy (yếu tố) sự nghe Giáo Pháp thiện lành. (9) Sự nghe Giáo Pháp thiện lành, khi có đầy, sẽ làm đầy niềm-tin. (8) Niềm-tin, khi có đầy, sẽ làm đầy sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). (7) Sự chú-tâm kỹ càng, khi có đầy, sẽ làm đầy sự chánh-niệm và sự rõ-biết. (6) Sự chánh-niệm và sự rõ-biết, khi có đầy, sẽ làm đầy sự biết kiểm-chế các căn cảm-nhận. (5) Sự kiểm-chế các căn cảm-nhận, khi có đầy, sẽ làm đầy sự ba loại hành-vi thiện (ba thiện hạnh). (4) Ba loại hành-vi thiện, khi có đầy, sẽ làm đầy bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ). (2) Bốn nền tảng chánh-niệm, khi có đầy, sẽ làm đầy bảy chi giác-ngộ (thất giác chi). (1) Bảy chi giác-ngộ, khi có đầy, sẽ làm đầy minh và sự giải-thoát. Như vậy là có dưỡng-chất cho minh và sự giải-thoát, và theo cách này nó được làm

đầy.

“Giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi có đầy, lại đổ đầy những ao hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi có đầy, lại đổ đầy đại dương; như vậy là, có dưỡng-chất cho đại dương, và theo cách này nó được làm đầy. Cũng giống như vậy, (yếu tố) (10) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự nghe Giáo Pháp thiện lành ... (1) Bảy chi giác-ngộ, khi có đầy, sẽ làm đầy minh và sự giải-thoát. Như vậy là có dưỡng-chất cho minh và sự giải-thoát, và theo cách này nó được làm đầy.”

62 (2) Dục Vọng

“Này các Tỳ kheo, như đã nói: ‘Này các Tỳ kheo, một điểm khởi đầu của dục-vọng muốn hiện-hữu (hữu ái) là không nhìn thấy được để [nói rằng] trước điểm này là không có dục-vọng muốn hiện-hữu và sau điểm này là có nó.’ Tuy vậy, dục-vọng muốn hiện-hữu vẫn được nhìn thấy có một điều-kiện (duyên) rõ rệt (cụ thể).

(I) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, (1) dục-vọng muốn hiện-hữu có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho dục-vọng muốn hiện-hữu? Nên nói đó là: (2) sự vô-minh. Ta nói, sự vô-minh cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự vô-minh? Nên nói đó là: (3) năm chương-ngại ... [*Tiếp tục như kinh 10:61 kể trên:*] ... Và cái gì là dưỡng-chất cho sự không nghe Giáo Pháp tốt lành? Nên nói đó là: (10) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt (thiện tri thức).

“Như vậy là, (10) (yếu tố) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự không nghe Giáo Pháp tốt lành ... (3) Năm chương-ngại, khi có đầy, sẽ làm đầy sự vô-minh. (2) Sự vô-minh, khi có

đầy, sẽ làm đầy (1) đục-vọng muốn hiện-hữu. Như vậy là có dưỡng-chất cho đục-vọng muốn hiện-hữu, và theo cách này nó được làm đầy.

“Giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi có đầy, lại đổ đầy những ao hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi có đầy, lại đổ đầy đại dương; như vậy là, có dưỡng-chất cho đại dương, và theo cách này nó được làm đầy. Cũng giống như vậy, (10) (yếu tố) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự không nghe Giáo Pháp tốt lành ... và (2) sự vô-minh, khi có đầy, sẽ làm đầy (1) đục-vọng muốn hiện-hữu. Như vậy là có dưỡng-chất cho đục-vọng muốn hiện-hữu, và theo cách này nó được làm đầy.

(II) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, (1) minh [trí-biết đích thực, chân trí] và sự giải-thoát có một dưỡng-chất; chúng không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho minh và sự giải-thoát? Nên nói đó là: (2) bảy chi giác-ngộ (thất giác chi) ... Ta nói, sự nghe được Giáo Pháp tốt lành cũng có một dưỡng-chất; nó không phải không có dưỡng-chất. Và cái gì là dưỡng-chất cho sự nghe được Giáo Pháp tốt lành? Nên nói đó là: (10) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt.

“Như vậy là, (10) (yếu tố) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự nghe được Giáo Pháp tốt lành ... (2) Bảy chi giác-ngộ, khi có đầy, sẽ làm đầy minh và sự giải-thoát. Như vậy là có dưỡng-chất cho minh và sự giải-thoát, và theo cách này nó được làm đầy.

“Giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi có đầy, lại đổ đầy những ao hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi có đầy, lại đổ đầy đại dương; như vậy là, có dưỡng-chất cho đại dương, và theo cách này nó được làm đầy. Cũng giống như vậy, (10) (yếu tố) sự giao lưu gặp gỡ

những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự nghe được Giáo Pháp tốt lành ... (2) Bảy chi giác-ngộ, khi có đầy, sẽ làm đầy minh và sự giải-thoát. Như vậy là có dưỡng-chất cho minh và sự giải-thoát, và theo cách này nó được làm đầy.”

63 (3) Sự Chắc Chắn

“Này các Tỳ kheo, tất cả những ai đã đạt tới sự chắc-chắn (tin chắc) về ta thì họ đều thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến). Trong số những người đã thành tựu về cách-nhìn, năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này;²⁰⁸⁴ năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này.

“Ai là năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này? (i) Người chứng ngộ (Niết-bàn) ‘trong tối đa bảy kiếp’, (ii) người chứng ngộ sau khi ‘từ gia đình này tới gia đình kia’ (tức tái sinh trong 2-3 kiếp), (iii) người chứng ngộ một hạt-giống (tức trong 1 kiếp người nữa là chứng ngộ),²⁰⁸⁵ (iv) bậc Nhất-lai, và (v) người, ngay trong kiếp này, là A-la-hán. Đây là năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này.

“Ai là năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này? (i) Người chứng ngộ niết-bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp), (ii) người chứng ngộ niết-bàn ngay sau khi đáp-xuống (lập tức sau khi tái sinh), (iii) người chứng ngộ niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm), (iv) người chứng ngộ niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm), và (v) người hướng thượng lưu, hướng lên cõi trời Akaniṭṭha (sắc cứu kính thiên: là cõi trời cao nhất trong 05 cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) dành cho những bậc thánh Bát-lai).²⁰⁸⁶ Đây là năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này.

“Này các Tỳ kheo, tất cả những ai đã đạt tới sự chắc-chắn về ta thì họ đều thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến). Trong số những người đã thành tựu về cách-nhìn, năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này; năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này.”

64 (4) *Không Lay Chuyển*

“Này các Tỳ kheo, tất cả những người có niềm-tin không lay chuyển vào ta thì họ đều là những bậc (đã) Nhập-lưu.²⁰⁸⁷ Trong số những bậc (đã) Nhập-lưu đó, năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này; năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này.

“Ai là năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này? (i) Người chứng ngộ (Niết-bàn) ‘trong tối đa bảy kiếp’, (ii) người chứng ngộ sau khi ‘từ gia đình này tới gia đình kia’ (tức tái sinh trong 2-3 kiếp), (iii) người chứng ngộ một hạt-giống (tức trong 1 kiếp người nữa là chứng ngộ), (iv) bậc Nhất-lai, và (v) người, ngay trong kiếp này, là A-la-hán. Đây là năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này.

“Ai là năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này? (i) Người chứng ngộ niết-bàn trong khoảng-giữa (giữa 02 kiếp), (ii) người chứng ngộ niết-bàn ngay khi đáp-xuống (lập tức sau khi tái sinh), (iii) người chứng ngộ niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm), (iv) người chứng ngộ niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm), và (v) người hướng thượng lưu, hướng lên cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên). Đây là năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này.

“Này các Tỳ kheo, tất cả những người có niềm-tin không lay chuyển vào ta thì họ đều là những bậc (đã) Nhập-lưu. Trong số những bậc (đã) Nhập-lưu đó, năm đạt được mục-tiêu trong thế gian này; năm đạt được mục-tiêu sau khi rời khỏi thế gian này.”

65 (5) *Hạnh Phúc (1)*

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống giữa xứ dân Ma-kiệt-đà (Magadha), ở làng Nālaka (Nālakagāma). Lúc đó có du sĩ Sāmaṇḍakāni đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này bạn Xá-lợi-phất, cái gì là sự hạnh-phúc? Cái gì là sự khổ?”

“Này bạn, tái-sinh là sự khổ. Không tái-sinh là sự hạnh-phúc. Khi có tái-sinh, thì sự khổ này sẽ có [được trông đợi]: lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện và tiểu tiện; bị đau đốn bởi lửa, gậy gộc, hay dao kiếm; và những họ hàng và bạn bè hòa với nhau để chửi mắng một người. Khi có tái-sinh, thì sự khổ này sẽ có.

“Khi không có tái-sinh, thì sự hạnh-phúc này sẽ có [được trông đợi]: không lạnh, không nóng, không đói, không khát, không đại tiện và không tiểu tiện; không bị đau đốn bởi lửa, gậy gộc, hay dao kiếm; và những họ hàng và bạn bè không hòa với nhau để chửi mắng một người. Khi không có tái-sinh, thì sự hạnh-phúc này sẽ có.”

66 (6) Hạnh Phúc (2)

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống giữa xứ dân Ma-kiệt-đà (Magadha), ở làng Nālaka (Nālakagāma). Lúc đó có du sĩ Sāmaṇḍakāni đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này bạn Xá-lợi-phất, cái gì sự hạnh-phúc trong Giáo Pháp và giới-luật này, và cái gì là sự khổ?”

“Này bạn, sự bất-mãn là sự khổ trong Giáo Pháp và giới-luật này. Sự vui-thích là sự hạnh-phúc. Khi có sự bất-mãn, thì sự khổ này sẽ có [được trông đợi]. (1) Khi đi, người tu không thấy hạnh-phúc hay dễ-chịu. (2) Khi đứng ... (3) Khi ngồi ... (4) Khi nằm ... (5) Khi ở trong làng ... (6) Khi ở trong rừng ... (7) Khi ở dưới gốc cây ... (8) Khi ở trong chòi trống ... (9) Khi ở ngoài trời ... (10) Khi ở giữa những Tỳ kheo, người tu không thấy hạnh-phúc hay dễ-chịu. Khi có sự bất-mãn, thì sự khổ này sẽ có.

“Khi có sự vui-thích, thì sự hạnh-phúc này sẽ có. (1) Khi đi, người tu thấy hạnh-phúc và dễ-chịu. (2) Khi đứng ... (3) Khi ngồi ... (4) Khi nằm ... (5) Khi ở trong làng ... (6) Khi ở trong rừng ... (7) Khi ở dưới gốc cây ... (8) Khi ở trong chòi trống ... (9) Khi ở ngoài trời ... (10) Khi ở giữa những Tỳ kheo, người tu thấy hạnh-phúc hay dễ-chịu. Khi có sự vui-thích,

thì sự hạnh-phúc này sẽ có.”

67 (7) *Naḷakapāna (I)*

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tát-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn nhiều Tỳ kheo, lúc đó vừa tới một thị trấn của người Kosala tên là thị trấn Naḷakapāna. Ở Naḷakapāna đó, đức Thế Tôn đã trú trong rừng cây Jūḍa. Bấy giờ, lúc đó nhằm ngày bố-tát (uposatha), đức Thế Tôn đang ngồi giữa Tăng Đoàn các Tỳ kheo ngồi xung quanh. Sau khi đã hướng dẫn, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ Tăng Đoàn các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp gần hết cả đêm, và sau khi quan sát sự im lặng phăng phắc của Tăng Đoàn các Tỳ kheo, đức Thế Tôn mới nói với Ngài Xá-lợi-phát:

“Này Xá-lợi-phát, Tăng Đoàn các Tỳ kheo không bị sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên). Thầy hãy nói một bài Giáo Pháp cho các Tỳ kheo. Lưng ta đang đau, ta sẽ đi nằm để đuổi nó ra.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Xá-lợi-phát đáp lại.

Rồi đức Thế Tôn đã gấp tư áo cà sa và nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế nằm của sư tử, với chân trái để trùng lên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi đã lưu ý trong tâm về (thời điểm) thức dậy. Rồi thầy Xá-lợi-phát nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phát nói điều này:

(I) “Này các đạo hữu, đối với ai không có niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện lành, là người không có cảm-nhận biết xấu-hổ lương tâm (vô tâm) ... người không biết sợ-hãi làm điều sai xấu (vô quý) ... người không có trí-tuệ trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự sa-sút và không phải sự tăng-trưởng về những phẩm chất thiện. Giống như trong hai tuần trăng tối đi (khuyết đi), thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ có suy giảm về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó.

Cũng giống như vậy, đối với người không có niềm-tin ... trí-tuệ trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện lành, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự sa-sút và không phải sự tăng-trưởng về những phẩm chất thiện lành.

“Này các Tỳ kheo, (1) ‘một người không có niềm-tin’: đây là một trường hợp sa-sút. (2) ‘Một người không biết xấu-hổ lương tâm’ ... (3) ‘Một người không biết sợ-hãi làm điều sai xấu’ ... (4) ‘Một người lười-biếng’ ... (5) ‘Một người vô-trí’ ... (6) ‘Một người sân-giận’ ... (7) ‘Một người hung-dữ’ ... (8) ‘Một người có những mong-muốn xấu ác (ác dục)’ ... (9) ‘Một người có những đạo hữu xấu’ ... (10) ‘Một người nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến)’: đây là một trường hợp sa-sút

(II) “Này các đạo hữu, đối với ai có niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện lành, là người có cảm-nhận biết xấu-hổ lương tâm (tàm) ... người biết sợ-hãi làm điều sai xấu (quý) ... người có trí-tuệ trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện lành, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng-trưởng và không sa-sút về những phẩm chất thiện lành. Giống như trong hai tuần trăng sáng lên (đầy lên), thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ có gia tăng về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó. Cũng giống như vậy, đối với người có niềm-tin ... trí-tuệ trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện lành, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng-trưởng và không phải sự sa-sút về những phẩm chất thiện lành.

(1) “Này các Tỳ kheo, ‘một người có niềm-tin’: đây là một trường hợp không sa-sút. (2) ‘Một người biết xấu-hổ lương tâm’ ... (3) ‘Một người biết sợ-hãi làm điều sai xấu’ ... (4) ‘Một người nỗ-lực tu (tinh tấn)’ ... (5) ‘Một người có-trí’ ... (6) ‘Một người không sân-giận’ ... (7) ‘Một người không hung-dữ’ ... (8) ‘Một người không có những mong-muốn xấu ác’ ... (9) ‘Một người có những đạo hữu tốt’ ... (10) ‘Một người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)’: đây là một trường hợp không sa-sút.

Rồi đức Thế Tôn ngồi dậy và nói với thầy Xá-lợi-phất: “Tốt, tốt, này

Xá-lợi-phát! Này Xá-lợi-phát, đối với ai không có niềm-tin về [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện lành ... [*Phật lặp lại toàn bộ lời của thầy Xá-lợi-phát*] ... (10) ‘Một người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)’: đây là một trường hợp không sa-sút.”

68 (8) *Naḷakapāna* (2)

[*Mở đầu giống kinh 10:67 kể trên, cho tới:*] Rồi thầy Xá-lợi-phát nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phát nói điều này:

(I) “Này các đạo hữu, đối với ai là (1) người không có niềm-tin về [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện lành, (2) người không có cảm nhận biết xấu-hổ lương tâm ... (3) người không biết sợ-hãi làm điều sai xấu ... (4) người không có sự nỗ-lực tu (tinh tấn) ... (5) người không có trí-tuệ ... (6) người không lắng tai lắng nghe Giáo Pháp ... (7) người không lưu giữ trong tâm những những giáo lý mình đã học được ... (8) người không xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm ... (9) người không thực hành đúng theo Giáo Pháp ... (10) người không chuyên-chú trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện lành, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự sa-sút và không phải sự tăng-trưởng về những phẩm chất thiện lành. Giống như trong hai tuần trăng tối đi (khuyết đi), thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ có suy giảm về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó. Cũng giống như vậy, đối với người không có niềm-tin ... không chuyên-chú trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện trí-tuệ, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự sa-sút và không phải sự tăng-trưởng về những phẩm chất thiện lành.

(II) “Này các đạo hữu, đối với ai là (1) người có niềm-tin về [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, (2) người có cảm nhận biết xấu-hổ lương tâm ... (3) người biết sợ-hãi làm điều sai xấu ... (4) người có sự nỗ-lực tu (tinh tấn) ... (5) người có trí-tuệ ... (6) người lắng tai lắng nghe Giáo

Pháp ... (7) người lưu giữ trong tâm những những giáo lý mình đã học được ... (8) người biết xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm ... (9) người biết thực hành đúng theo Giáo Pháp ... (10) người chuyên-chú trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện lành, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng-trưởng và không phải sự sa-sút trong những phẩm chất thiện lành. Giống như trong hai tuần trăng sáng lên (đầy lên), thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ có gia tăng về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó. Cũng giống như vậy, đối với người có niềm-tin ... chuyên-chú trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện lành, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng-trưởng và không phải sự sa-sút trong những phẩm chất thiện lành.”

Rồi đức Thế Tôn ngời dậy và nói với thầy Xá-lợi-phát: “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phát! Này Xá-lợi-phát, đối với ai không có niềm-tin về [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện lành ... [*Phật lặp lại toàn bộ lời của thầy Xá-lợi-phát*] ... thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng-trưởng và không phải sự sa-sút về những phẩm chất thiện.”

69 (9) Những Chủ Đề Để Thảo Luận (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó, sau khi đã đi khát thực trong thành Sāvathī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, một số Tỷ kheo đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó họ tham gia vào đủ loại sự nói chuyện vô bổ vô ích, [đó là: nói chuyện về những vua chúa, những kẻ trộm, và những quan lại triều chính; nói chuyện về những đội quân, những hiểm họa, và chiến tranh; nói về thức ăn, thức uống, trang phục, và giường chiếu; nói về những vòng hoa và phấn sáp; nói về những người họ hàng, xe cộ, làng xóm, thị trấn, thị thành, và đất nước; nói về những phụ nữ và nói về những an hùng; nói chuyện ngoài đường và chuyện quanh giếng; nói chuyện người đã khuất; nói chuyện lung tung; suy đoán về thế giới và biển cả; nói chuyện về sự (tái sinh) trở

thành này trở thành nọ.]

Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi sự tách-ly (ân dật) và đi đến hội trường, tới đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị. Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, sự thảo luận các thầy đã tham gia mới trước đây khi các thầy đang ngồi với nhau ở đây kà gì? Sự thảo luận đang dang dở là gì?”

“Ở đây, thưa Thế Tôn, sau khi đã đi khát thực, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, chúng con đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó chúng con tham gia vào vào đủ loại sự nói chuyện vô bổ vô ích, [đó là: nói chuyện về những vua chúa, những kẻ trộm, và những quan lại triều chính ... nói chuyện về sự (tái sinh) trở thành này trở thành nọ.]

“Này các Tỳ kheo, có mười chủ-đề để thảo luận. Mười đó là gì? Sự nói chuyện (i) về sự ít tham-muôn (thiếu dục), (ii) về sự biết hài-lòng (tri túc), (iii) về sự sống (tu) một-mình (độc trú), (iv) về sự không bị trói-buộc với những người khác, (v) về sự phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), (vi) về giới-hạnh, (vii) về sự định-tâm, (viii) về trí-tuệ, (ix) về sự giải-thoát, (10) về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Đây là mười chủ đề để thảo luận.

“Này các Tỳ kheo, nếu các thầy tham gia thảo luận chủ-đề nào trong mười chủ-đề này, thì sự sáng ngời của các thầy thậm chí còn hơn sự sáng ngời của mặt trời và mặt trăng, uy lực và uy dũng như chúng; vậy thì nó còn nhiều hơn (sự sáng của) những du sĩ các đạo khác đến mức nào!”

70 (10) Những Chủ Đề Để Thảo Luận (2)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó, sau khi đã đi khát thực trong thành Sāvattthī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, một số Tỳ kheo đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó họ tham gia vào đủ loại sự nói chuyện vô bổ vô ích, [đó là: nói chuyện về những vua chúa, những kẻ trộm, và những quan lại triều chính ... nói

chuyện về sự (tái sinh) trở thành này trở thành nợ.] **2088**

“Này các Tỳ kheo, có mười cơ-sở để khen ngợi. Mười đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo tự mình có ít tham-muốn và nói với những Tỳ kheo khác về sự ít tham-muốn (thiếu dục). Đây là một cơ-sở (căn cứ) để khen-ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình có ít tham-muốn và nói với những Tỳ kheo khác về sự ít tham-muốn.’

(2) “Người đó tự mình biết hài-lòng và nói với những Tỳ kheo khác về sự biết hài-lòng (tri túc). Đây là một cơ-sở để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình biết hài-lòng và nói với những Tỳ kheo khác về sự biết hài-lòng.’

(3) “Người đó tự mình sống (tu) một-mình và nói với những Tỳ kheo khác về sự sống một-mình (độc trú). Đây là một cơ-sở để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình sống một-mình và nói với những Tỳ kheo khác về sự sống một-mình.’

(4) “Người đó tự mình không bị trói-buộc với những người khác và nói với những Tỳ kheo khác về sự không bị trói-buộc với những người khác. Đây là một cơ-sở để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình không bị trói-buộc với những người khác và nói với những Tỳ kheo khác về sự không bị trói-buộc với những người khác.’

(5) “Người đó tự mình nỗ-lực tu (tinh tấn) và nói với các Tỳ kheo khác về sự phát khởi sự nỗ-lực. Đây là một cơ-sở để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình nỗ-lực và nói với các Tỳ kheo khác về sự phát khởi sự nỗ-lực.’

(6) “Người đó tự mình thành tựu giới-hạnh [giới] và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu giới-hạnh. Đây là một cơ-sở để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình thành tựu giới-hạnh và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu giới-hạnh.’

(7) “Người đó tự mình thành tựu sự định-tâm [định] và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu sự định-tâm. Đây là một cơ-sở để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình thành tựu sự định-tâm và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu sự định-tâm.’

(8) “Người đó tự mình thành tựu trí-tuệ [tuệ] và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu trí-tuệ. Đây là một cơ-sở để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình thành tựu trí-tuệ và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu trí-tuệ.’”

(9) “Người đó tự mình thành tựu sự giải-thoát và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu sự giải-thoát. Đây là một cơ-sở để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình thành tựu sự giải-thoát và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu sự giải-thoát.’”

(10) “Người đó tự mình thành tựu trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Đây là một cơ-sở để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình thành tựu trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát và nói với các Tỳ kheo khác về sự thành tựu trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.’”

“Này các Tỳ kheo, đây là mười cơ-sở để khen ngợi.”

NHÓM 3

ƯỚC NGUYỆN

71 (I) Ước Nguyện ²⁰⁸⁹

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, hãy kiêng giữ giới-hạnh và tuân thủ Pātimokkha [Giới Bản Tỳ Kheo], có được giới-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, các thầy hãy tu tập theo những điều luật đó.

(1) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình được hài lòng và đáng mến đối với những Tỳ kheo đồng đạo, được tôn trọng và kính trọng bởi họ’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh, hết mình vì (sự tu tập) sự vắng-lặng bên trong của tâm (định), không bỏ lơ những tầng thiên định (jhāna), có được sự minh-sát (tuệ), và lánh về (trú ở, sống tu) ở những chòi trống cốc vắng.

(2) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình có được những y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống cốc vắng.

(3) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho sự phụng sự của những người cúng dường những y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh mà mình sử dụng sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao cho họ’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống cốc vắng. (nghĩa là: cách trả ơn cho những thí chủ cúng dường là phải tu tập giới, định, tuệ cho hoàn thiện)

(4) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Khi những người trong gia đình và thân thuộc, sau khi chết, sẽ tưởng nhớ mình với sự tự-tin trong tâm họ thì điều đó sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao cho họ’, thì người đó hãy nên

hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống cốc vắng. (nghĩa là: nếu muốn người thân yêu của mình khi qua đời tưởng nhớ đến mình để có được phước quả thì mình phải lo tu tập hoàn thiện để trở thành bậc chân tu hay thánh tăng, vì sự tưởng nhớ bậc chân tu hay thánh tăng mới đem lại phước quả cho họ, chứ người họ tưởng nhớ là một người tu giả hay tục tăng thì không mang lại phước quả gì)

(5) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình biết hài-lòng (tri túc) với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống cốc vắng.

(6) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình kiên-nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh, sự đói khát, sự tiếp xúc với ruồi, muỗi, gió, nắng, và rắn rít; nhẫn nhịn chịu đựng những lời nói thô tục và nhục mạ (bởi người ngoài, người xấu). Cầu cho mình chịu được nổi những cảm-giác thân đã khởi sinh là đau đớn, nhức nhối, điếng, thốn, hành hạ, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống đã khởi sinh trong thân’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống cốc vắng.

(7) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình trở thành người chiến thắng sự bất-mãn (sân) và sự khoái-thích (tham), và cầu cho sự bất-mãn và sự khoái-thích không thắng được mình. Cầu cho mình chinh phục được sự bất-mãn và sự khoái-thích mỗi khi chúng khởi sinh’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống cốc vắng.

(8) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình trở thành người chiến thắng sự sợ-hãi và khủng-khiếp, và cầu cho sự sợ-hãi và khủng-khiếp không thắng được mình. Cầu cho mình chinh phục được sự sợ-hãi và khủng-khiếp mỗi khi chúng khởi sinh’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống cốc vắng.

(9) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình, nếu muốn thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (jhāna) (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay

trong kiếp này’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ... lánh về ở những chòi trống cốc vắng.

(10) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, mình an trú trong đó’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh, hết mình vì (sự tu tập) sự vắng-lặng bên trong của tâm (định), không bỏ lơ những tầng thiền định (jhāna), có được sự minh-sát (tuệ), và lánh về ở những chòi trống cốc vắng.

“Khi điều này được nói: ‘Này các Tỳ kheo, hãy kiên giữ giới-hạnh và tuân thủ Pātimokkha, có được giới-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó’, thì chính vì (những) điều này nên nó được nói ra như vậy.”

72 (2) Những Gai Nhọn

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong ngôi đền mái nhọn, trong khu Rừng Lớn cùng với một số vị đệ tử trưởng lão rất nổi tiếng như: Ngài Cāla, Ngài Upacāla, Ngài Kakkata, Ngài Kaṭimbha, Ngài Kaṭa, Ngài Kaṭissaṅga, và những vị đệ tử trưởng lão nổi tiếng khác.

Bấy giờ, lúc đó có một số người Licchavi rất nổi tiếng đã đi vô khu Rừng Lớn để gặp đức Thế Tôn, và khi họ nối đuôi nhau trên những xe ngựa đẹp nhất của họ, họ đã gây ra tiếng ồn và huyền náo. Rồi ý này đã xảy đến với những vị (đệ tử, trưởng lão) đó: “Một số người Licchavi rất nổi tiếng đã đi vô khu Rừng Lớn để gặp đức Thế Tôn, và khi họ nối đuôi nhau trên những xe ngựa đẹp nhất của họ, họ đã gây ra tiếng ồn và huyền náo. Giờ đức Thế Tôn đã gọi những tiếng ồn là cái gai nhọn đối với những tầng thiền định (jhāna). Vậy chúng ta hãy đi qua khu Rừng Sa-la Gosīṅga. Ở đó chúng ta có thể trú ở yên ổn, không có tiếng ồn và không có đông người.” Rồi những vị đó đã đi đến khu Rừng Sa-la Gosīṅga, ở đó họ trú ở

yên ổn, không có tiếng ồn và không có đông người.

Rồi đức Thế Tôn đã hỏi các Tỳ kheo (khác):

“Này các Tỳ kheo, Cāla ở đâu? Upacāla ở đâu? Kakkata ở đâu? Kaṭimbha ở đâu? Kaṭa ở đâu? Kaṭissaṅga ở đâu? Những đệ tử trưởng lão đó đã đi đâu?”

“Thưa Thế Tôn, ý này đã xảy đến với những vị (đệ tử) đó: ‘Một số người Licchavi ... đã gây ra tiếng ồn và huyên náo. Vậy chúng ta hãy đi qua khu Rừng Sa-la Gosiṅga. Ở đó chúng ta có thể trú ở yên ổn, không có tiếng ồn và không có đông người.’ Do vậy họ đã đi đến khu Rừng Sa-la Gosiṅga, ở đó họ trú ở yên ổn, không có tiếng ồn và không có đông người

“Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Những vị đại đệ tử đó đã nói đúng khi họ nói ta đã gọi tiếng ồn là cái gai nhọn đối với những tầng thiên định. Này các Tỳ kheo, có mười gai nhọn. Mười đó là gì? (1) Sự thích gặp gỡ tụ tập là gai nhọn đối với người thích ở (sống tu) một-mình. (2) Sự theo đuổi một đối-tượng hấp dẫn là gai nhọn đối với người có chủ ý thiên quán về dấu-hiệu (tướng) không hấp-dẫn (không sạch bất tịnh, của thân). (3) Kịch tuồng (ca hát, múa hát, biểu diễn, cả phim ảnh thời này) là gai nhọn đối với người canh phòng các cửa của các căn cảm-nhận (phòng hộ sáu căn). (4) Gặp gỡ phụ nữ là gai nhọn đối với đối với đời sống độc-thân. (5) Tiếng ồn là gai nhọn đối với những tầng thiên định. (6) Ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ) là gai nhọn (cản trở) đối với tầng thiên định thứ hai. (7) Sự hoan-hỷ (hỷ) là gai nhọn đối với tầng thiên định thứ ba. (8) Sự thờ vô-thờ ra là gai nhọn đối với tầng thiên định thứ tư (trạng thái không còn sự thờ, sự thờ đã tạm ngưng). (9) Nhận-thức và cảm-giác là gai nhọn đối với sự chứng đắc diệt thọ tướng [sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác]. (10) Tham là một gai nhọn, sân là một gai nhọn, si là một gai nhọn. Hãy sống không bị gai nhọn, này các Tỳ kheo! Hãy sống không có gai nhọn, này các Tỳ kheo! Những A-la-hán là không bị gai nhọn. Những A-la-hán là không có gai nhọn. Những A-la-hán là không bị gai nhọn và không có gai nhọn.”

73 (3) Thường Được Ước ...

(I) “Này các Tỳ kheo, đây là mười điều thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. Mười đó là gì? (1) Sự giàu-có là thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. (2) Sắc-đẹp ... (3) Sức-khỏe ... (4) Giới-hạnh ... (5) Sự độc-thân ... (6) Bạn-bè ... (7) Sự học-hiểu ... (8) Trí-tuệ ... (9) Những phẩm-chất tốt ... (10) Những cõi-trời là thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. Đây là mười điều thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian

(II) “Này các Tỳ kheo, có mười điều [khác] là những cản-trở cho mười điều đó thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. (1) Sự lơ là và sự thiếu phát tâm (không chủ động làm, không tháo vát) là những cản trở đối với [sự đạt được] sự giàu-có. (2) Sự không tô điểm và sự không làm đẹp bản thân là những cản trở đối với sắc-đẹp. (3) Sự làm những điều bất lợi là một sự cản trở đối với sức-khỏe. (4) Sự có bạn-xấu (đạo hữu xấu) là một sự cản trở đối với giới-hạnh. (5) Sự không kiềm chế các căn cảm-nhận (không phòng hộ sáu căn) là một sự cản trở đối với sự sống độc-thân. (6) Sự hai mặt giả dối là một cản trở đối với sự có bạn-tốt. (7) Sự không đọc thuộc học thuộc là một sự cản trở đối với sự học-hiểu. (8) Sự không muốn lắng nghe và không hỏi những câu hỏi là những sự cản trở đối với trí-tuệ. (9) Sự không áp dụng bản thân và sự thiếu suy xét quán chiếu là những cản trở đối với những phẩm-chất tốt. (10) Sự tu-tập sai trái là một cản trở đối với (sự được tái sinh trong) những cõi trời. Đây là mười điều [khác] là những cản-trở cho mười điều đó thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian.

(III) “Này các Tỳ kheo, có mười điều [khác] là những dưỡng-chất cho mười điều đó thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. (1) Sự siêng năng và phát tâm (chủ động, tháo vát) là những dưỡng chất cho [sự đạt được] sự giàu-có. (2) Sự tô điểm và

sự làm đẹp bản thân là những dưỡng chất cho sắc-đẹp. (3) Sự làm những điều ích lợi là một dưỡng chất cho sức-khỏe. (4) Sự có bạn-tốt (đạo hữu tốt) là một dưỡng chất cho giới-hạnh. (5) Sự kiềm chế các căn cảm-nhận (phòng hộ sáu căn) là một dưỡng chất cho sự sống độc-thân. (6) Sự chân thành chân thật là một dưỡng chất cho sự có bạn-tốt. (7) Sự đọc thuộc học thuộc là một dưỡng chất cho sự học-hiểu. (8) Sự muốn lắng nghe và hỏi những câu hỏi là những dưỡng chất cho trí-tuệ. (9) Sự áp dụng bản thân và sự biết suy xét quán chiếu là những dưỡng chất cho những phẩm-chất tốt. (10) Sự tu-tập đúng đắn là một dưỡng chất cho (sự được tái sinh trong) những cõi trời. Đây là mười điều [khác] là những dưỡng-chất cho những điều đó thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian.”

74 (4) Sự Tăng Trưởng ²⁰⁹⁰

“Này các Tỳ kheo, tăng trưởng theo mười cách là một đệ tử thánh thiện (tại gia) tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này. Mười đó là gì? (1) Người đó tăng trưởng về ruộng đồng và đất đai; (2) về sự giàu có và lúa gạo; (3) về những thê thiếp và con cái; (4) về những nô lệ, người làm, và người hầu; (5) về gia súc; (6)–(10) về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ. Tăng trưởng theo mười cách này là một đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này.”

Một người tăng trưởng ở đây về sự giàu có và lúa gạo,

Về con cháu, thê thiếp và gia súc,

Là giàu có và nổi tiếng, được tôn vinh bởi

Những người thân, bạn bè, và vua chúa.

Một người nhận biết sáng suốt như vậy—

Là người tăng trưởng ở đây về niềm-tin và giới-hạnh,

Về trí-tuệ, bố-thí, và sự học-hiểu—

Tăng trưởng cả hai cách (thể tục và tâm linh) trong đời này.

75 (5) Cô Migasālā ²⁰⁹¹

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, tới đó thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn cho mình. Rồi nữ đệ tử tại gia Migasālā đã ra gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa thầy Ānanda, lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc-thân và người không sống độc-thân đều có cùng nơi-đến trong kiếp sau? Cha của con là Purāṇa sống độc-thân, sống tách-ly (ẩn dật), kiêng cử tính dục, kiêng cử những thói tật cá nhân phạm tục. Khi cha chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: ‘Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai [a] và đã tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Tusita (Đâu-suất).’ và đã tái sinh trong số (nhóm, đoàn) những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita).’ Chú của con [b] là Isidatta²⁰⁹² không sống độc-thân mà sống một đời sống hôn nhân mãn nguyện. Khi chú chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: ‘Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai và đã tái sinh trong số (nhóm, đoàn) những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita).’ Thưa thầy Ānanda, vậy lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc-thân và người không sống độc-thân đều có cùng nơi-đến trong kiếp sau?”

“Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.” [c]

Rồi, sau khi thầy Ānanda đã nhận thức-ăn cúng dường từ nhà Migasālā, thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về. Sau khi trở về sau một vòng đi khát thực đó, sau khi ăn trưa, thầy Ānanda đã đến gặp Đức Thế Tôn, thầy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng, con mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà của nữ đệ tử tại gia Migasālā ... [*thầy ấy kể lại toàn bộ chuyện như trên, cho tới:*] ... Khi cô ấy hỏi con điều này, con đã trả

lời: ‘Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.’”

[Đức Thế Tôn nói:] “Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ dốt, không giỏi, với trí hiểu biết của một phụ nữ, như vậy? [d] Và ai là những người có sự-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn? ²⁰⁹³

“Này Ānanda, có mười loại người được thấy có trong thế gian. Mười đó là gì?

(1) “Ồ đây, này Ānanda, có một người là vô đạo đức và không hiểu được [đúng như nó thực là] rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự vô đạo đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. ²⁰⁹⁴ Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý], không học hiểu [từ chúng], không thâm nhập [chúng] bằng cách-nhìn (chánh kiến), và không đạt tới sự giải-thoát tạm thời (nhất thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đòi, không hướng tới sự khác-biệt (tiên bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đòi, không đi tới sự khác-biệt nào. (*vô đức và không có trí tu*)

(2) “Rồi, này Ānanda, có một người là vô đạo đức nhưng hiểu được [đúng như nó thực là] rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự vô đạo đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [từ chúng], thâm nhập [chúng] bằng cách-nhìn (chánh kiến), và đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đòi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đòi. (*vô đức nhưng có trí tu*)

+ “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ: ‘Người này có cùng phẩm chất như người kia. Tại sao người này là kém hơn và người kia là ưu hơn?’ Sự phán xét đó của họ [e] sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi.

- “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (2)] là vô đạo đức, có người là vô đạo đức nhưng hiểu được [đúng như nó thực là] rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự vô đạo đức của

người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư; và người đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [từ chúng], thâm nhập [chúng] bằng cách-nhìn (chánh kiến), và người đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (1)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. [f] Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

“Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta. Đừng phán xét này nọ về người ta. Những ai phán xét về người ta là tự làm hại chính mình. Chỉ ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta.-

(3) “Ở đây, này Ānanda, có một người có giới-hạnh, nhưng không hiểu được [đúng như nó thực là] rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi giới-hạnh của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] ... và không đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt (tiên bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đồi, không đi tới sự khác-biệt nào. (*đức hạnh nhưng không có trí tu*)

(4) “Rồi, này Ānanda, có một người có giới-hạnh, và hiểu được [đúng như nó thực là] rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi giới-hạnh của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] ... và đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đồi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đồi. (*đức hạnh và có trí tu*)

+ “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ ... sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi.

- “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (4)] có giới-hạnh, và hiểu được ... và người đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (3)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể

biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

- “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta ... Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta. -

(5) “Rồi, này Ānanda, có một người tính ngã nặng về tham, và không hiểu được [đúng như nó thực là] rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự tham của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] ... và không đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đòi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đòi, không đi tới sự khác-biệt nào. *(nhiều tham và không có trí tu)*

(6) “Rồi, này Ānanda, có một người tính ngã nặng về tham, nhưng hiểu được [đúng như nó thực là] rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự tham của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] ... và đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đòi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đòi. *(nhiều tham nhưng có trí tu)*

+ “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ ... sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi.

- “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (6)] tính ngã về tham, nhưng hiểu được ... và người đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (5)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

- “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta ... Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta. -

(7) “Rồi, này Ānanda, có một người tính ngã nặng về sân, và không hiểu được [đúng như nó thực là] rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự sân của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và

người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] ... và không đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đòi, không hướng tới sự khác-biệt (tiền bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đòi, không đi tới sự khác-biệt nào. (*nhieu sân và không có trí tu*)

(8) “Rồi, này Ānanda, có một người tính ngã nặng về sân, nhưng hiểu được [đúng như nó thực là] rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự sân của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] ... và đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đòi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đòi. (*nhieu sân nhưng có trí tu*)

+ “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ ... sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi.

- “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (8)] tính ngã về sân, nhưng hiểu được ... và người đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (7)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

- “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta ... Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta. -

(9) “Rồi, này Ānanda, có một người bất-an (trạo cử), và không hiểu được [đúng như nó thực là] rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự bất-an của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] ... và không đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đòi, không hướng tới sự khác-biệt (tiền bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đòi, không đi tới sự khác-biệt nào. (*bất an và không có trí tu*)

(10) “Rồi, này Ānanda, có một người bất-an, nhưng hiểu được đúng

như nó thực là rằng sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là nơi sự bất-an của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] ... và đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đòi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đòi. (*bất an nhưng có trí tu*)

+ “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ ... sẽ thực sự dẫn đến nguy hại và khổ đau dài lâu mà thôi.

- “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (10)] bất-an, nhưng hiểu ... và người đạt tới sự giải-thoát tạm thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (9)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai mà có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

- “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta ... Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta. -

“Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ dốt, không giỏi, với trí hiểu biết của một phụ nữ, như vậy? Và ai là những người có sự-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn?

“Đây là mười loại người được thấy có trong thế gian.

“Này Ānanda, cho dù Isidatta có được cùng loại giới-hạnh mà Purāṇa đã có, thì ngay cả Purāṇa lúc đó còn không thể biết về nơi-đến (tái sinh) của mình. Và cho dù Purāṇa có được cùng loại trí-tuệ mà Isidatta đã có, thì ngay cả Isidatta lúc đó còn không thể biết về nơi-đến của mình. Này Ānanda, theo cách này thì hai người này mỗi người đều kém hơn (người kia) một phương diện.” (*tức Purāṇa kém hơn Isidatta về trí-tuệ, Isidatta kém hơn Purāṇa về giới-hạnh*) [g]

76 (6) Không Khả Năng

(I) (1) “Này các Tỳ kheo, nếu ba điều này²⁰⁹⁵ không được thấy có

trong thế gian, thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã không khởi sinh trong thế gian, và Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi bậc ấy sẽ không soi sáng trong thế gian. Ba đó là gì? Sinh, già, và chết. Nếu ba điều này không được thấy có trong thế gian, thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác không khởi sinh trong thế gian, và Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi bậc ấy không soi sáng trong thế gian. Nhưng bởi vì ba điều này được thấy có trong thế gian, nên Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian, và Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi bậc ấy soi sáng trong thế gian.

(2) “Chưa trừ bỏ ba điều này, một người là không khả năng trừ bỏ sinh, già, chết. Ba đó là gì? Tham, sân, si. Chưa trừ bỏ ba điều này, thì một người là không khả năng trừ bỏ sinh, già, chết.

(3) “Chưa trừ bỏ ba điều này, một người không có khả năng trừ bỏ tham, sân, si. Ba đó là gì? Cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi-ngờ, và giới-cấm thủ [sự chấp-thủ sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện]. Chưa trừ bỏ ba điều này, thì một người không có khả năng trừ bỏ tham, sân, si.

(4) “Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý), sự đi theo đường sai (tà đạo), và sự trì trệ thụ động của tâm ... thì một người không có khả năng trừ bỏ cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi-ngờ, và giới-cấm thủ.

(5) “Chưa trừ bỏ ba điều này... sự mờ-rối của tâm (thất niệm), sự thiếu rõ-biết (thiếu tỉnh giác), và sự xao lãng của tâm ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý), sự đi theo đường sai (tà đạo), và sự trì trệ thụ động của tâm.

(6) “Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, sự ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê phán (tìm lỗi, chỉ trích) này nọ ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự mờ-rối của tâm, sự thiếu rõ-biết, và sự xao lãng của tâm.

(7) “Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự bất-chấp về lương tâm (bất

lượng), sự không biết kiểm-chế, và sự vô đạo đức ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, sự ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê phán này nọ.

(8) “Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự thiếu niềm-tin, sự không bố-thí, và sự lười-biếng ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự bất-chấp về lương tâm, sự không biết kiểm-chế, và sự vô đạo đức.

(9) “Chưa trừ bỏ ba điều ... sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn-xấu (đạo hữu xấu) ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự thiếu niềm-tin, sự không bố-thí, và sự lười-biếng.

(10) “Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự không biết xấu-hổ lương tâm (vô tâm), sự không biết sợ-hãi làm điều sai xấu (vô quý), và sự không chuyên-chú ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn xấu.

“Này các Tỷ kheo, (1) một người là người không biết xấu-hổ lương tâm và không biết sợ-hãi làm điều sai xấu thì không chuyên-chú. (2) Người không chuyên-chú thì không có khả năng trừ bỏ sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn xấu. (3) Người có bạn-xấu thì không có khả năng trừ bỏ sự thiếu niềm-tin, sự không bố-thí, và sự lười-biếng. (4) Người lười-biếng là không có khả năng trừ bỏ sự bất-chấp về lương tâm, sự không biết kiểm-chế, và sự vô đạo đức. (5) Người vô đạo đức là không có khả năng trừ bỏ sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê-phán này nọ. (6) Người có một cái tâm hay phê-phán này nọ là không có khả năng trừ bỏ sự mờ-rối của tâm, sự thiếu rõ-biết, và sự xao-lãng của tâm. (7) Người có tâm bị xao-lãng là không có khả năng trừ bỏ sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý), sự đi theo đường-sai (tà đạo), và sự trì-trệ thụ động của tâm. (8) Người có tâm trì trệ thụ động là không có khả năng trừ bỏ cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi-ngờ, và giới-cấm thủ. (9) Người có sự nghi-ngờ là không có khả năng trừ bỏ tham, sân, si. (10) Chưa trừ bỏ tham, sân, si, thì một người không có khả năng trừ bỏ sinh, già, chết.

(II) (1) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này, một người có khả năng trừ bỏ sinh, già, chết. Ba đó là gì? Tham, sân, si. Sau khi đã trừ bỏ ba điều này, thì một người có khả năng trừ bỏ sinh, già, chết.

(2) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này, một người có khả năng trừ bỏ tham, sân, si. Ba đó là gì? Cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi-ngờ, và giới-cấm thủ. Sau khi đã trừ bỏ ba điều này, thì một người có khả năng trừ bỏ tham, sân, si.

(3) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý), sự đi theo đường sai (tà đạo), và sự trì trệ thụ động của tâm ... thì một người có khả năng trừ bỏ cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi-ngờ, và giới-cấm thủ.

(4) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự mờ-rối của tâm (thất niệm), sự thiếu rõ-biết (thiếu tinh giác), và sự xao lãng của tâm ... thì một người có khả năng trừ bỏ sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý), sự đi theo đường sai (tà đạo), và sự trì trệ thụ động của tâm.

(5) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, sự ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê-phán này nọ ... thì một người có khả năng trừ bỏ sự mờ-rối của tâm, sự thiếu rõ-biết, và sự xao lãng của tâm.

(6) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự bất-chấp về lương tâm, sự không biết kiểm-chế, và sự vô đạo đức ... thì một người có khả năng trừ bỏ sự ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê-phán này nọ.

(7) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự thiếu niềm-tin, sự không bố-thí, và sự lười-biếng ... thì một người có khả năng trừ bỏ sự bất-chấp về lương tâm, sự không biết kiểm-chế, và sự vô đạo đức.

(8) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn-xấu ... thì một người có khả năng trừ bỏ sự thiếu niềm-tin, sự không bố-thí, và sự lười-biếng.

(9) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự không biết xấu-hổ lương tâm, sự không biết sợ-hãi làm điều sai xấu, và sự không chuyên-chú ... thì một người có khả năng trừ bỏ sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn-xấu.

(10) “Này các Tỳ kheo, một người là người biết xấu-hổ lương tâm và biết sợ-hãi làm điều sai xấu thì (người đó) chuyên-chú. (9) Người chuyên-chú thì có khả năng trừ bỏ sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn-xấu. (8) Người có bạn-tốt thì có khả năng trừ bỏ sự thiếu niềm-tin, sự bố-thí, và sự lười-biếng. (7) Người nỗ-lực tu (tinh tấn) là có khả năng trừ bỏ sự bất-chấp về lương tâm, sự không biết kiềm-chế, và sự vô đạo đức. (6) Người có giới-hạnh là có khả năng trừ bỏ sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê-phán này nọ. (5) Người có một cái tâm không phê-phán này nọ là có khả năng trừ bỏ sự mờ-rối của tâm, sự thiếu rõ-biết, và sự xao-lãng của tâm. (4) Người có tâm không bị xao-lãng là có khả năng trừ bỏ sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý), sự đi theo đường-sai (tà đạo), và sự trì-trệ thụ động của tâm. (3) Người có tâm không trì-trệ thụ động là có khả năng trừ bỏ cách-nhìn có danh-tánh (thân kiến), sự nghi-ngờ, và giới-cấm thủ. (2) Người không có sự nghi-ngờ là có khả năng trừ bỏ tham, sân, si. (1) Sau khi đã trừ bỏ tham, sân, si, thì một người có khả năng trừ bỏ sinh, già, chết.”

77 (7) Con Quạ

“Này các Tỳ kheo, một con quạ có mười phẩm chất. Mười đó là gì? Nó phá hoại và hỗn xược, ham ăn và háu ăn, tàn bạo và tàn nhẫn, yếu nhược và khò khè, tâm trí rối rắm và hám lợi. Một con quạ có mười phẩm chất này. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo xấu ác (ác tăng) có mười phẩm chất. Mười đó là gì? Người đó phá hoại và bất kính, ham ăn và háu ăn, tàn bạo và tàn nhẫn, yếu nhược và nói khàn, có tâm mờ-rối (thất niệm) và hám lợi. Một Tỳ kheo xấu ác có mười phẩm chất này.”

78 (8) Những Ni-Kiên-Tử

“Này các Tỳ kheo, những Ni-kiên-tử có mười phẩm chất xấu. Mười đó là gì? (1) Những Ni-kiên-tử là không có niềm-tin (chánh tín), (2) không có giới-hạnh, (3) không biết xấu-hổ lương tâm (vô tầm), (4) bất-chấp về lương tâm (bất lương), (5) và tận tụy phụng sự cho những người xấu. (6) Họ khen ngợi mình và chê bai những người khác. (7) Họ nắm giữ những quan-điểm (kiến chấp) của mình, nắm chặt chúng, và khó từ bỏ chúng. (8) Họ là những người lừa dối (9) có những tham muốn xấu ác (ác dục), và (10) nắm giữ những cách-nhìn sai trái (tà kiến).²⁰⁹⁶ Những Ni-kiên-tử có mười phẩm chất xấu.”

79 (9) Những Căn Cớ (1) ²⁰⁹⁷

“Này các Tỳ kheo, có mười căn cớ cho (tạo ra) sự tức-giận. Mười đó là gì? (1) [Do nghĩ:] ‘Họ đã làm hại mình’, nên người chấp chứa tức giận. (2) [Do nghĩ:] ‘Họ đang làm hại mình’, nên người chấp chứa tức giận. (3) [Do nghĩ:] ‘Họ sẽ làm hại mình’, nên người chấp chứa tức giận. (4) [Do nghĩ:] ‘Họ đã làm hại người thân của mình’, nên người chấp chứa tức giận. (5) [Do nghĩ:] ‘Họ đang làm hại người thân của mình’, nên người chấp chứa tức giận. (6) [Do nghĩ:] ‘Họ sẽ làm hại người thân của mình’, nên người chấp chứa tức giận. (7) [Do nghĩ:] ‘Họ đã làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình’, nên người chấp chứa tức giận. (8) [Do nghĩ:] ‘Họ đang làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình’, nên người chấp chứa tức giận. (9) [Do nghĩ:] ‘Họ sẽ làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình’, nên người chấp chứa tức giận. (10) Và một người tức giận không vì lý do gì.²⁰⁹⁸

“Này các Tỳ kheo, đây là mười căn cớ cho sự tức giận.”

80 (10) Những Căn Cớ (2) ²⁰⁹⁹

“Này các Tỳ kheo, có mười cách loại bỏ sự tức-giận. Mười đó là gì? (1) [Nhờ nghĩ:] ‘Họ đã làm hại mình, nhưng biết làm sao được?’, nên

người nguôi tức giận. (2) [Nhờ nghĩ:] ‘Họ đang làm hại mình, nhưng biết làm sao được?’, nên người nguôi tức giận. (3) [Nhờ nghĩ:] ‘Họ sẽ làm hại mình, nhưng biết làm sao được?’, nên người nguôi tức giận. (4) [Nhờ nghĩ:] ‘Họ đã làm hại người thân của mình ... (5) ... ‘Họ đang làm hại người thân của mình ... (6) ... ‘Họ sẽ làm hại người thân của mình, nhưng biết làm sao được?’, nên người nguôi tức giận. (7) [Nhờ nghĩ:] ‘Họ đã làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình ... (8) ... ‘Họ đang làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình ... (9) ... ‘Họ sẽ làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình, nhưng biết làm sao được?’, nên người nguôi tức giận. (10) Và một người không tức giận khi chẳng có lý do gì.

“Này các Tỳ kheo, đó là mười cách loại bỏ sự tức giận.”

NHÓM 4

CÁC TRƯỞNG LÃO

81 (1) *Bāhuna*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Campā, bên bờ Hồ Sen Gaggarā. Lúc đó có Ngài Bāhuna đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, Như Lai được được thoát ly, viễn ly, giải thoát khỏi bao nhiêu thứ để bậc ấy an trú với một cái tâm không còn [tự do, hết khỏi] những ranh giới?”

“Này Bāhuna, chính do Như Lai đã được được thoát ly, viễn ly, giải thoát khỏi mười điều, nên bậc ấy an trú với một cái tâm thoát khỏi những ranh giới. Mười đó là gì? (1) Chính bởi vì Như Lai được thoát ly, viễn ly, giải thoát khỏi (thân) sắc nên bậc ấy an trú với một cái tâm không còn những ranh giới. (2)–(5) Chính bởi vì Như Lai được thoát ly, viễn ly, giải thoát khỏi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức nên bậc ấy an trú với một cái tâm không còn những ranh giới. (6)–(10) Chính bởi vì Như Lai được thoát ly, viễn ly, giải thoát khỏi sự sinh ... sự già ... sự chết ... sự khổ ... những ô-nhiễm (lậu hoặc) nên bậc ấy an trú với một cái tâm không còn những ranh giới.

“Giống như một bông sen xanh, sen hồng, hay sen trắng, dù được sinh ra trong nước và lớn lên trong nước, nó đã mọc lên khỏi nước và đứng trên không còn bị dính dơ bởi nước;²¹⁰⁰ thậm chí hơn vậy, chính bởi vì Như Lai được thoát ly, viễn ly, giải thoát khỏi mười điều này, nên bậc ấy an trú với một cái tâm không còn những ranh giới.”

82 (2) *Ānanda*

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

(1) “Này Ānanda, không thể nào một Tỳ kheo không có niềm-tin mà sẽ đạt được sự tăng trưởng, sự tu tiên, và sự chín chắn (trưởng thành) trong Giáo Pháp và giới-luật này. (2) Không thể nào một Tỳ kheo thiếu giới-hạnh ... (3) ... một Tỳ kheo ít học-hiểu ... (4) ... một Tỳ kheo là khó tu sửa ... (5) ... một Tỳ kheo là người có những bạn-xấu (đạo hữu xấu) ... (6) ... một Tỳ kheo lười-biếng ... (7) ... một Tỳ kheo có tâm mờ-rối (thất niệm) ... (8) ... một Tỳ kheo không biết hài-lòng (bất tri túc; với những thứ mình có được) ... (9) ... một Tỳ kheo có những mong-muốn xấu ác (ác dục) ... (10) ... một Tỳ kheo nắm giữ cách-nhìn sai trái (tà kiến) mà sẽ đạt được sự tăng trưởng, sự tu tiên, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. Không thể nào một Tỳ kheo có những phẩm chất này mà sẽ đạt được sự tăng trưởng, sự tu tiên, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này.

(1) “Này Ānanda, có thể rằng một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin thì sẽ đạt được sự tăng trưởng, sự tu tiên, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. (2) Có thể rằng một Tỳ kheo có giới-hạnh ... (3) ... một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều ... (4) ... một Tỳ kheo là dễ tu sửa ... (5) ... một Tỳ kheo là người có những bạn-tốt ... (6) ... một Tỳ kheo nỗ-lực tu (tinh tấn) ... (7) ... một Tỳ kheo có chánh-niệm ... (8) ... một Tỳ kheo biết hài-lòng (tri túc) ... (9) ... một Tỳ kheo có ít tham-muốn (thiếu dục) ... (10) ... một Tỳ kheo nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) sẽ đạt được sự tăng trưởng, sự tu tiên, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. Có thể rằng một Tỳ kheo có được những phẩm chất này thì sẽ đạt được sự tăng trưởng, sự tu tiên, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

83 (3) Ngài Puṇṇiya ²¹⁰¹

Lúc đó có Ngài Puṇṇiya đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

(I) “Thưa Thế Tôn, tại sao có những lúc Như Lai dành thời gian để chỉ dạy Giáo Pháp và có những lúc Như Lai không dành thời gian để chỉ

dạy Giáo Pháp?”

(1) “Này Puṇṇiya, khi một Tỷ kheo được phú cho niềm-tin nhưng không đến gặp Như Lai, thì Như Lai không dành lúc để chỉ dạy Giáo Pháp. (2) Nhưng khi một Tỷ kheo được phú cho niềm-tin và đến gặp Như Lai, thì Như Lai dành lúc để chỉ dạy. (3) “Khi một Tỷ kheo được phú cho niềm-tin và đến gặp Như Lai, nhưng không chú tâm lắng nghe Như Lai ... (4) Khi người đó chú ý nghe lắng Như Lai nhưng không hỏi những câu hỏi ... (5) ... Khi người đó hỏi những câu hỏi nhưng lại không lóng tai lắng nghe Giáo Pháp ... (6) Khi người đó lóng tai lắng nghe Giáo Pháp, nhưng sau khi đã nghe được Giáo Pháp, người đó không lưu giữ nó trong tâm ... (7) Khi người đó, sau khi đã nghe được Giáo Pháp và lưu giữ nó trong tâm, nhưng không xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm ... (8) Khi người đó xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm, nhưng không hiểu được ý-nghĩa và Giáo Pháp cho nên không thực hành đúng theo Giáo Pháp ... (9) Khi người đó hiểu được ý-nghĩa và Giáo Pháp và rồi thực hành đúng theo Giáo Pháp, nhưng người đó không phải là một người giỏi thuyết pháp có sự truyền đạt tốt; không phải là một người được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, trôi chảy, diễn tả được ý nghĩa ... (10) Khi người đó là một người giỏi thuyết pháp có sự truyền đạt tốt; người đó được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, trôi chảy, diễn tả được ý nghĩa, nhưng người đó không chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỷ kheo đồng đạo của mình (bằng những bài giảng Giáo Pháp), thì Như Lai không dành lúc để chỉ dạy Giáo Pháp.

(II) “Nhưng, này Puṇṇiya, (1) khi một Tỷ kheo được phú cho niềm-tin, (2) đến gặp Như Lai, (3) chú ý nghe Như Lai, (4) hỏi những câu hỏi, và (5) lóng tai lắng nghe Giáo Pháp; và (6) sau khi đã nghe được Giáo Pháp, người đó lưu giữ nó trong tâm, (7) xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm, và (8) hiểu được ý-nghĩa và Giáo Pháp và thực hành đúng theo Giáo Pháp, và (9) người đó là người giỏi thuyết pháp có sự truyền đạt tốt; là người được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ

ràng, trôi chảy, diễn tả được ý nghĩa; và (10) người đó chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỷ kheo đồng đạo (bằng những bài giảng Giáo Pháp), thì Như Lai dành lúc để chỉ dạy Giáo Pháp. Nay Punṇiya, khi một người có được mùi phẩm chất này, thì Như Lai sẽ dành lúc chỉ dạy Giáo Pháp.”

84 (4) Tuyên Bố

Ở đó Ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna) đã nói với các Tỷ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỷ kheo!”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỷ kheo đó đáp lại. Thầy Đại Mục-kiền-liên nói điều này:

“Ở đây, này các đạo hữu, một Tỷ kheo tuyên bố trí-biết cuối cùng (tức quả A-la-hán) như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: “Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(i) Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiền định (jhāna)—thiện khéo về sự chứng đắc, thiện khéo về tâm của những người khác— sẽ hỏi người đó, thăm vấn người đó, và đối xét người đó. Khi người đó đang được hỏi, được thăm vấn, được đối xét bởi Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, người đó đi đến bẽ tắt hay rối trí. (Coi như) người đó gặp phải tai họa, gặp phải thảm nạn, gặp phải tai họa và thảm nạn.

(ii) “Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiền định ... — sẽ bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó và suy xét: ‘Tại sao vị này tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”?’

(iii) Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai hiểu được:

(1) “Vị này tính nghiêng về (dễ dính) sân và tâm của vị này thường bị ám muội bởi sân. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi sân là một trường hợp sa-sút.

(2) “Vị này là hung hăng và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự hung hăng. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi sự hung hăng là một trường hợp sa-sút.

(3) “Vị này hay chê bai và tâm của vị này thường bị ám muội bởi sự chê bai. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi sự chê bai là một trường hợp sa-sút.

(4) “Vị này là xác xược và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự xác xược. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi sự xác xược là một trường hợp sa-sút.

(5) “Vị này là ghen tỵ và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự ghen tỵ. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tính ghen tỵ là một trường hợp sa-sút.

(6) “Vị này là keo kiệt và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự keo kiệt. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tính keo kiệt là một trường hợp sa-sút.

(7) “Vị này là xảo kế và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự xảo kế. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tính xảo kế là một trường hợp sa-sút.

(8) “Vị này là lừa dối và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự lừa dối. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tính lừa dối là một trường hợp sa-sút.

(9) “Vị này có những tham muốn xấu ác (ác dục) và tâm vị này thường bị ám muội bởi tham muốn xấu ác. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tham muốn là một trường hợp sa-sút.

(10) “Trong khi còn thêm điều cần phải làm,²¹⁰² vị này dừng lại giữa

đường sau khi mới chứng đắc một số sự khác-biệt còn thấp. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự dừng lại giữa đường là một trường hợp sa-sút.’

“Thật vậy, này các đạo hữu, không thể nào một Tỳ kheo là người chưa trừ bỏ mười điều này mà có thể thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. Nhưng có thể rằng một Tỳ kheo là người đã trừ bỏ mười điều này thì sẽ thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

85 (5) Người Khoác Lác

Trong một lần có Ngài Đại Cunda đang sống giữa xứ dân Ceti ở Sahajāti. Ở đó thầy Đại Cunda đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Đại Cunda nói điều này:

“Ồ đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo là một người khoác lác, người khoe khoang về những thành tựu như: ‘Tôi chứng đắc và thoát ra khỏi tầng thiền định thứ nhất ... tầng thiền định thứ hai ... tầng thiền định thứ ba ... tầng thiền định thứ tư ... không vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của không gian] ... thức vô biên xứ [cảnh xứ của thức vô biên] ... vô sở hữu xứ [cảnh xứ trống-không] ... phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức]. Tôi chứng đắc và thoát ra khỏi (trạng thái) diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác].’

(i) Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiền định (jhāna)—thiện khéo về sự chứng đắc, thiện khéo về tâm của những người khác— sẽ hỏi người đó, thăm vấn người đó, và đối xét người đó. Khi người đó đang được hỏi, được thăm vấn, được đối xét bởi Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, người đó đi đến bế tắc hay rối trí. (Coi như) người đó gặp phải tai họa, gặp phải thảm nạn, gặp phải tai họa và thảm nạn.

(ii) “Nhu Lai hoặc đệ tử của Nhu Lai là một người chứng đắc tầng thiền định ... — sẽ bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó và suy xét: ‘Tại sao vị này là một người khoác lác, người khoe khoang về những thành tựu như: “Tôi chứng đắc và thoát ra khỏi tầng thiền định thứ nhất ... tôi chứng đắc và thoát ra khỏi (trạng thái) diệt thọ tưởng”?’”

(iii) Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Nhu Lai hoặc đệ tử của Nhu Lai hiểu được:

(1) ““Từ lâu giới-hạnh của vị này đã bị sút mẻ, bị khuyết điểm, bị dính nhiễm, và bị đốm đỏ, và vị này không kiên trì giữ giới và tuân theo giới-hạnh. Vị này là thiếu giới-hạnh. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự thiếu giới-hạnh là một trường hợp sa-sút.

(2) ““Vị này không có niềm-tin. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự thiếu niềm-tin là một trường hợp sa-sút.

(3) ““Vị này ít học-hiểu. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự ít học-hiểu là một trường hợp sa-sút.

(4) ““Vị này là khó tu sửa. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự khó tu sửa là một trường hợp sa-sút.

(5) ““Vị này có bạn-xấu. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự có bạn-xấu là một trường hợp sa-sút.

(6) ““Vị này là lười-biếng. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự lười-biếng là một trường hợp sa-sút.

(7) ““Vị này có tâm mờ-rối. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự mờ-rối của tâm là một trường hợp sa-sút.

(8) ““Vị này là một người lừa-dối. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự lừa-dối là một trường hợp sa-sút.

(9) “‘Vị này là khó (được) ủng-hộ. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự khó (được) ủng-hộ là một trường hợp sa-sút.

(10) “‘Vị này là không có trí. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thiếu trí-tuệ là một trường hợp sa-sút.’

“Này các đạo hữu, ví dụ một người A nói với bạn thân B của mình: ‘Này bạn, khi nào anh cần tiền mua thứ gì, chỉ cần hỏi tôi, tôi sẽ đưa cho anh.’ Khi người bạn thân B cần tiền, B nói với A: ‘Này bạn, tôi cần tiền. Hãy đưa cho tôi ít tiền.’ (i) A nói: ‘Này bạn, nếu vậy hãy đào chỗ này.’ B đào nhưng những không thấy gì. Nên B nói với A: ‘Này bạn, anh đã nói láo để tôi đào chỗ này.’ (ii) A nói: ‘Này bạn, tôi không nói láo, tôi không nói sai. Vậy hãy đào chỗ kia.’ B đào lại chỗ kia, cũng không thấy gì. Nên B lại nói với A: ‘Này bạn, anh đã nói láo để tôi đào chỗ kia.’ (iii) A nói: ‘Này bạn, tôi không nói láo, tôi không nói sai. Vậy hãy đào chỗ kia.’ B lại đào chỗ kia, cũng không thấy gì. Nên B lại nói với A: ‘Này bạn, anh đã nói láo để tôi đào chỗ kia.’²¹⁰³ A nói: ‘Này bạn, tôi không nói láo, tôi không nói sai. Tôi đã điên, tôi mất trí.’

“Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, một Tỳ kheo là một người cứ khoát lác, người khoe khoang về những thành tựu như: ‘Tôi chứng đắc và thoát ra khỏi tầng thiên định thứ nhất ... *[tiếp tục như trên cho tới:]*

(10) “‘Vị này là không có trí. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thiếu trí-tuệ là một trường hợp sa-sút.’

“Thật vậy, này các đạo hữu, không thể nào một Tỳ kheo là người chưa trừ bỏ mười điều này mà có thể thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. Nhưng có thể rằng một Tỳ kheo là người đã trừ bỏ mười điều này sẽ thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

Trong một lần đức có Ngài Đại Ca-diếp (Mahākassapa) đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Ở đó thầy Đại Ca-diếp đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Ca-diếp nói điều này:

“Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: “Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(i) Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiên định (jhāna)—thiện khéo về sự chứng đắc, thiện khéo về tâm của những người khác— sẽ hỏi người đó, thăm vấn người đó, và đối xét người đó. Khi người đó đang được hỏi, được thăm vấn, được đối xét bởi Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, người đó đi đến bé tắt hay rối trí. (Coi như) người đó gặp phải tai họa, gặp phải thảm nạn, gặp phải tai họa và thảm nạn.

(ii) “Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiên định ... — sẽ bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó và suy xét: ‘Tại sao vị này tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”?’”

(iii) Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai hiểu được: ‘Vị này đánh giá quá cao bản thân, tưởng tượng sự đánh giá cao bản thân mình là đúng, nghĩ mình đã chứng đắc điều mình chưa chứng đắc, đã hoàn thiện điều mình chưa hoàn thiện, và đã thành tựu điều mình chưa thành tựu, và do tự đánh giá cao bản thân nên vị này mới tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”’

(iv) “Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiên định ... — sẽ bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó và suy xét: ‘Tại

sao vị này đánh giá quá cao bản thân, tưởng tượng sự đánh giá cao bản thân mình là đúng; tại sao nghĩ mình đã chứng đắc điều mình chưa chứng đắc, đã hoàn thiện điều mình chưa hoàn thiện, và đã thành tựu điều mình chưa thành tựu, và tại sao, bằng sự đánh giá cao bản thân, vị này tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”?

(v) ... Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai hiểu được: ‘Vị này đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm. Do vậy vị này đã đánh giá quá cao bản thân và tưởng tượng sự đánh giá cao bản thân của mình là đúng, nghĩ mình đã chứng đắc điều mình chưa chứng đắc, đã hoàn thiện điều mình chưa hoàn thiện, và đã thành tựu điều mình chưa thành tựu, và do tự đánh giá cao bản thân nên vị này mới tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”’

(vi) ... Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai hiểu được:

(1) “‘Vị này có đầy tham-dục và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự tham-dục. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này, sự ám muội bởi tham-dục là một trường hợp sa-sút.

(2) “‘Vị này có đầy ác-ý và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự ác-ý. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này, sự ám muội bởi sự ác-ý là một trường hợp sa-sút.

(3) “‘Vị này dễ bị sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụ miên) và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này, sự ám muội bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ là một

trường hợp sa-sút.

(4) “Vị này là bất-an (trạo cử) và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự bất-an. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này, sự ám muội bởi sự bất-an là một trường hợp sa-sút.

(5) “Vị này dễ bị sự nghi-ngờ (nghi) và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự nghi-ngờ. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này, sự ám muội bởi sự nghi-ngờ là một trường hợp sa-sút.

(6) “Vị này thích làm công việc này nọ, thích thú làm công việc, dành nhiều cho công việc. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thích thú làm những công việc này nọ là một trường hợp sa-sút. (bốn phạm chính của người xuất gia là tu tập để giải thoát, không phải xuất gia để làm lụng những công việc)

(7) “Vị này thích nói chuyện, thích thú nói chuyện, dành nhiều cho sự nói chuyện. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thích thú nói chuyện này nọ là một trường hợp sa-sút.

(8) “Vị này thích ngủ, thích thú sự ngủ, dành nhiều cho sự ngủ. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thích thú ngủ là một trường hợp sa-sút.

(9) “Vị này thích gặp gỡ bè bạn, thích thú gặp gỡ bè bạn, dành nhiều cho sự gặp gỡ bè bạn. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thích thú gặp gỡ bè bạn là một trường hợp sa-sút.

(10) “Trong khi còn thêm điều cần phải làm,²¹⁰⁴ vị này dừng lại giữa đường sau khi mới chứng đắc một số sự khác-biệt còn thấp. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự dừng lại giữa đường là một trường hợp sa-sút.’

“Thật vậy, này các đạo hữu, không thể nào một Tỷ kheo là người chưa trừ bỏ mười điều này mà có thể thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. Nhưng có thể rằng một Tỷ kheo là người đã trừ bỏ mười điều này sẽ thành tựu sự tăng trưởng, sự

tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

87 (7) Những Vấn Đề Thuộc Giới Luật

Ở đó đức Thế Tôn, khi đề cập tới Tỳ kheo Kalandaka, đã nói với các Tỳ kheo:²¹⁰⁵ “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(1) (1) “Ở đây, một Tỳ kheo là một người làm (gây, đặt, tạo) ra những vấn-đề [tranh cãi, sự vụ, vụ xử] thuộc về giới-luật và người đó không nói lời đề cao sự giải-quyết những vấn-đề thuộc về giới-luật đó. Khi một Tỳ kheo là người làm ra những vấn-đề giới luật và người đó không nói lời đề cao sự giải-quyết những vấn-đề thuộc về giới-luật đó, thì đây là một phẩm chất không dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự đồng thuận, hay sự đoàn kết.²¹⁰⁶

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo không mong muốn tu học và người đó không nói lời đề cao sự đảm nhận việc tu học. Khi một Tỳ kheo không mong muốn tu học ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có những mong-muốn xấu ác (ác dục) và người đó không nói lời đề cao sự loại bỏ những mong-muốn xấu ác. Khi một Tỳ kheo có những tham muốn xấu ác ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo tính nghiêng về (dễ dính) sân và người đó không nói lời đề cao sự loại bỏ sự sân-giận. Khi một Tỳ kheo tính nghiêng về sân ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là người hay chê-bai [người khác] và người đó không nói lời đề cao sự loại bỏ tính hay chê-bai. Khi một Tỳ kheo là người hay chê-bai ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo là xảo-kế và người đó không nói lời đề cao

sự loại bỏ tính xảo-kế. Khi một Tỳ kheo là xảo-kế ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo là lừa-dối và người đó không nói lời đề cao sự loại bỏ tính lừa-dối. Khi một Tỳ kheo là lừa dối ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(8) “Lại nữa, một Tỳ kheo không ngã hướng chú-tâm tới những giáo lý và người đó không nói lời đề cao sự chú-tâm tới những giáo lý. Khi một Tỳ kheo không ngã hướng chú-tâm tới những giáo lý ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(9) “Lại nữa, một Tỳ kheo không ngã hướng tới sự sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần) và người đó không nói lời đề cao sự sống tách-ly. Khi một Tỳ kheo không ngã hướng tới sự sống tách-ly ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo không thể hiện sự hiếu-khách đối với những Tỳ kheo đồng đạo và người đó không nói lời đề cao sự hiếu-khách (tiếp đón, chỗ ở ...) đối với những Tỳ kheo đồng đạo. Khi một Tỳ kheo không thể hiện sự hiếu-khách đối với những Tỳ kheo đồng đạo ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

“Cho dù một Tỳ kheo như vậy có ước: ‘Ôi, ước gì những Tỳ kheo đồng đạo của ta sẽ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta!’, thì những Tỳ kheo đồng đạo vẫn không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó nhìn thấy người đó chưa trừ bỏ được mười phẩm chất bất thiện này.

“Giả sử một con ngựa non có ước muốn: ‘Ôi, cầu cho người ta xếp ta vào chỗ ngựa thuần chủng, cho ta ăn thức ăn dành cho ngựa thuần chủng, và chăm sóc chải lông cho ta như cho ngựa thuần chủng!’, thì người ta vẫn không xếp nó vào chỗ ngựa thuần chủng, không cho nó ăn thức ăn dành cho ngựa thuần chủng, và không chăm sóc chải lông cho nó như cho ngựa thuần chủng. Vì lý do gì? Bởi vì những người khôn nhìn thấy nó chưa đẹp

bỏ những trò xảo của nó, những mảnh lời, những trò lieù, và những mưu toan của nó. Cũng giống như vậy, cho dù một Tỳ kheo như vậy có ước: ‘Ôi, ước gì những Tỳ kheo đồng đạo của ta sẽ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta!’, thì những Tỳ kheo đồng đạo vẫn không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó nhìn thấy người đó chưa trừ bỏ được mười phẩm chất bất thiện này.

(II) (1) “Ở đây, một Tỳ kheo không phải là người làm (gây, đặt, tạo) ra những vấn-đề [tranh cãi, sự vụ, vụ xử] thuộc về giới-luật và người đó nói lời đề cao sự giải-quyết những vấn-đề thuộc về giới-luật đó. Khi một Tỳ kheo không phải là người làm ra những vấn-đề thuộc về giới-luật và người đó nói lời đề cao sự giải-quyết những vấn-đề thuộc về giới-luật đó, thì đây là một phẩm chất dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự đồng thuận, hay sự đoàn kết.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo mong muốn tu học và người đó nói lời đề cao sự đảm nhận việc tu học. Khi một Tỳ kheo mong muốn tu học ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo không có những mong-muốn xấu ác và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ những mong-muốn xấu ác. Khi một Tỳ kheo không có những tham muốn xấu ác ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo tính không nghiêng về sân và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ sự sân giận. Khi một Tỳ kheo tính không nghiêng về sân ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo không là người hay chê-bai [người khác] và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ tính hay chê-bai. Khi một Tỳ kheo không là người hay chê-bai ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo không xảo-kế và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ tính xảo-kế. Khi một Tỳ kheo không xảo-kế ... thì đây cũng là

một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo không lừa-dối và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ tính lừa-dối. Khi một Tỳ kheo không lừa dối ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(8) “Lại nữa, một Tỳ kheo ngã hướng chú-tâm tới những giáo lý và người đó nói lời đề cao sự chú-tâm tới những giáo lý. Khi một Tỳ kheo ngã hướng chú-tâm tới những giáo lý ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(9) “Lại nữa, một Tỳ kheo ngã hướng tới sự sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần) và người đó nói lời đề cao sự sống tách-ly. Khi một Tỳ kheo ngã hướng tới sự sống tách-ly ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo thể hiện sự hiếu-khách đối với những Tỳ kheo đồng đạo và người đó nói lời đề cao sự hiếu-khách (tiếp đón, chỗ ở, cơm nước ...) đối với những Tỳ kheo đồng đạo. Khi một Tỳ kheo thể hiện sự hiếu-khách đối với những Tỳ kheo đồng đạo ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

“Cho dù một Tỳ kheo như vậy không ước: ‘Ôi, ước gì những Tỳ kheo đồng đạo của ta sẽ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta!’, thì những Tỳ kheo đồng đạo vẫn tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó nhìn thấy người đó đã trừ bỏ được mười phẩm chất bất thiện này.

“Giả sử một con ngựa thuần chủng xuất sắc không ước muốn: ‘Ôi, cầu cho người ta xếp ta vào chỗ ngựa thuần chủng, cho ta ăn thức ăn dành cho ngựa thuần chủng, và chăm sóc chải lông cho ta như cho ngựa thuần chủng!’, thì người ta vẫn xếp nó vào chỗ ngựa thuần chủng, cho nó ăn thức ăn dành cho ngựa thuần chủng, và chăm sóc chải lông cho nó như cho ngựa thuần chủng. Vì lý do gì? Bởi vì những người khôn nhìn thấy nó đã dẹp bỏ những trò xạo của nó, những mảnh lời, những trò lừa, và những mưu toan của nó. Cũng giống như vậy, cho dù một Tỳ kheo như vậy

không ước: ‘Ôi, ước gì những Tỳ kheo đồng đạo của ta sẽ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta!’, thì những Tỳ kheo đồng đạo vẫn tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó nhìn thấy người đó đã trừ bỏ được mười phẩm chất bất thiện này. ”

88 (8) Người Sĩ Nhục ²¹⁰⁷

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo là người sĩ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì không thể nào và không thể hình dung rằng người đó sẽ không gặp phải [xảy ra] một trong mười tai nạn này. Mười đó là gì? (1) Người đó không thành tựu điều chưa thành tựu. (2) Người đó rút khỏi điều mình đã thành tựu. (3) Những phẩm chất tốt của người đó không được làm sáng bóng.²¹⁰⁸ (4) Người đó đánh giá quá cao những phẩm chất của mình, hoặc (5) sẽ dẫn tới đời sống tâm linh không được viên-mãn, hoặc (6) sẽ phạm vào tội ô-nhiễm nào đó, hoặc (7) dính bệnh ngặt nghèo, hoặc (8) bị điên khùng hay bị loạn trí. (9) Người đó chết với cái tâm ngu-mờ. (10) Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Khi một Tỳ kheo là người sĩ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì không thể nào và không thể hình dung rằng người đó sẽ không gặp phải [xảy ra] một trong mười tai nạn này.”

89 (9) Kokālika ²¹⁰⁹

Lúc đó có Tỳ kheo Kokālika đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có những mong-muốn xấu ác (ác dục) và đã bị chi phối bởi những mong-muốn xấu ác.”

[Đức Thế Tôn nói:] “Đừng nói vậy, này Kokālika! Đừng nói vậy, này

Kokālika!²¹¹⁰ Hãy đặt niềm-tin vào Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, này Kokālika. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là thiện hành [hành xử thiện khéo].”

Lần thứ hai Tỳ kheo Kokālika lại nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, mặc dù con coi đức Thế Tôn là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, [con vẫn nói rằng] thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có những mong-muốn xấu ác và đã bị chi phối bởi những mong-muốn xấu ác.”

[Đức Thế Tôn nói:] “Đừng nói vậy, này Kokālika! Đừng nói vậy, này Kokālika! Hãy đặt niềm-tin vào Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, này Kokālika. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là thiện hành.”

Lần thứ ba Tỳ kheo Kokālika lại nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, mặc dù con coi đức Thế Tôn là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, [con vẫn nói rằng] thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có những mong-muốn xấu ác và đã bị chi phối bởi những mong-muốn xấu ác.”

[Đức Thế Tôn nói:] “Đừng nói vậy, này Kokālika! Đừng nói vậy, này Kokālika! Hãy đặt niềm-tin vào Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, này Kokālika. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là thiện hành.”

Rồi Tỳ kheo Kokālika đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải, và đi ra. Không lâu sau khi Tỳ kheo Kokālika đi khỏi, toàn thân thầy đó nổi đầy mụn nhọt bằng cỡ hạt cải. Rồi chúng to lên bằng cỡ hạt đậu xanh; rồi to lên bằng cỡ hạt đậu gà; rồi to lên bằng cỡ hạt táo tàu; rồi to lên bằng cỡ trái táo tàu; rồi to lên bằng cỡ trái *myrobalan*; rồi to lên bằng cỡ trái *beluva* chưa chín;²¹¹¹ rồi to lên bằng cỡ trái *beluva* đã chín. Sau khi đã to lên bằng cỡ trái *beluva* đã chín, chúng bể bung, xì ra mủ và máu. - Rồi thầy ấy chỉ nằm trên lá chuối giống như một con cá đã nuốt phải chất độc.

Lúc đó có một vị trời (brahmā) độc lập tên là Tudu đã đến gặp Tỳ kheo Kokālika,²¹¹² đứng hòng trên không, và nói với thầy ấy: “Hãy đặt niềm-tin vào Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, này Kokālika. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là thiện hành.”

“Ông là ai, này bạn?”

“Ta là trời Tudu độc lập.”

“Không phải đức Thế Tôn đã tuyên bố ngài là một bậc Bất-lai hay sao, này đạo hữu? Vậy tại sao ngài còn quay lại đây? Hay ngài đã làm nhiều điều sai quấy.”²¹¹³

Rồi vị trời Tudu độc lập mới nói cho Tỳ kheo Kokālika bằng các thi kệ này:

“Khi một người được sinh ra
Vớ một lưỡi rìu được sinh ra trong miệng
Vớ nó người đó cắt chính mình,
Bằng cách thốt ra những lời sai trái.

Người đó khen người đáng bị chê ²¹¹⁴
Hoặc chê người đáng khen
Thì như cú ném bằng miệng (tà khẩu) xui rủi
Do đó không tìm thấy an lạc.

Chỉ là một cú ném con xúc xắc không may
Nhưng kết quả thua sạch tài sản,
[Mất sạch] tất cả, kể cả bản thân mình;
Nhưng cú ném này còn xui rủi hơn nhiều, đó là:
Chấp chứa sự thù ghét đối với những bậc thánh. [a]

Suốt thời gian dài 436 ngàn *nirabbuda*,
Cộng 05 *abbuda*, [b] ²¹¹⁵
Người vu khống những thánh nhân sẽ bị đọa địa ngục
Sau khi đã bôi xấu họ với lời nói và tâm ý xấu ác.”

Rồi Tỳ kheo Kokālika đã chết vì căn bệnh đó, và bởi do sự thù ghét của thầy ấy đối với thầy Xá-lợi-phát và thầy Mục-kiền-liên, sau khi chết thầy ấy bị tái sinh trong địa ngục Sen Hồng [Padmuda].²¹¹⁶

Rồi, khi đêm đã khuya, có vị trời Brahmā Sahampati, với sắc đẹp tuyệt vời, chiếu sáng cả Khu Vườn Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ

đức Thế Tôn, đứng qua một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Kokālika đã chết, và bởi do sự thù oán của thầy ấy đối với thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên, sau khi chết thầy ấy bị tái sinh trong địa ngục Sen Hồng.” Đây là lời vị trời Brahmā Sahampati đã nói. Rồi vị trời đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và biến mất ngay tại đó.

Rồi, khi đêm đã qua, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có vị trời Brahmā Sahampati đã đến gặp ta và thưa với ta ... [*Phật kể lại toàn bộ đoạn kể trên*] ... và biến mất ngay tại đó.”

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, kiếp hạn ở địa ngục Sen Hồng dài bao nhiêu?” ²¹¹⁷

“Thời hạn trong địa ngục Sen Hồng là dài, này Tỳ kheo. Không dễ gì tính được nó để nói theo kiểu nó dài nhiều năm, hay nhiều trăm năm, hay nhiều ngàn năm, hay nhiều trăm ngàn năm.”

“Vậy có thể cho một ví dụ về nó không, thưa Thế Tôn?”

“Có thể, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói. “Ví dụ có một thùng xe chứa 20 gạ hột mè theo đơn vị đo lường của người Kosala. Cuối mỗi 100 năm một người lấy khỏi đó một hột mè. Với nỗ lực này thì (thời gian để) số hột mè đó cạn đi và hết sạch còn ngắn hơn thời gian của (1) một kiếp trong chỉ một địa ngục Abbuda. (2) 20 địa ngục Abbuda = 01 kiếp trong địa ngục Nirabbuda; (3) 20 địa ngục Nirabbuda = 01 kiếp trong địa ngục Ababa; (4) 20 địa ngục Ababa = 01 kiếp trong địa ngục Aṭaṭa; (5) 20 địa ngục Aṭaṭa = 01 kiếp trong địa ngục Ahaha; (6) 20 địa ngục Ahaha = 01 kiếp trong địa ngục Hoa Súng [Kumuda]; (7) 20 địa ngục Hoa Súng = 01 kiếp trong địa ngục Hương Thơm [Sogandhika]; (8) 20 địa ngục Hương Thơm = 01 kiếp trong địa ngục Sen Xanh [Uppala]; (9) 10 địa ngục Sen Xanh = 01 kiếp trong địa ngục Sen Trắng [Puṇḍarīka]; và (10) 20 địa ngục Sen Trắng = 01 kiếp trong địa ngục Sen Hồng [Paduma]. Này Tỳ kheo,

giờ Tỳ kheo Kokālika đã bị tái sinh trong địa ngục Sen Hồng bởi do thầy đó chấp chứa sự thù oán đối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy: *[lặp lại phần thi hệ giống ở trên.]*

90 (10) Những Sức Mạnh ²¹¹⁸

Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn ... Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Xá-lợi-phất, khi những ô-nhiễm (lậu hoặc) của một Tỳ kheo đã bị tiêu diệt, người đó có bao nhiêu sức-mạnh (lực, năng lực) mà nhờ đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã tiêu diệt (lậu tận)’?”

“Thưa Thế Tôn, khi những ô-nhiễm của một Tỳ kheo đã tiêu diệt, người đó có được mười sức-mạnh nhờ đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã tiêu diệt.’ Mười đó là gì?

(1) “Ở đây, thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng rằng ‘mọi hiện-tượng có điều-kiện (chư pháp hữu vi) đều là vô-thường’, đúng như nó thực là. Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm dựa vào đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã tiêu diệt.’

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng rằng ‘những khoái-lạc giác quan (dục lạc) giống như một hột than đang cháy’, đúng như nó thực là. Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm ...

(3) “Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là ngã về, đổ về, và hướng về sự sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần); nó (tâm) đã rút-lui (thu thút), vui thích sự từ-bỏ, và đã tuyệt-dứt với mọi thứ là cơ sở tạo ra những ô-nhiễm. Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm ...

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã tu tập và khéo tu dưỡng ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ). Đây là một sức-mạnh

của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm ...

(5)–(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã tu tập và khéo tu dưỡng (5) bốn sự chuyên-cần đúng đắn (tứ chánh cần) ... (6) bốn cơ-sở (tu tạo) thần thông (tứ thần túc) ... (7) năm căn tâm-linh (ngũ căn) ... (8) năm năng-lực (ngũ lực) ... (9) bảy chi giác-ngộ (thất giác chi) ... (10) con-đường tám phần thánh thiện (bát thánh đạo). Đây cũng là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm mà nhờ lý do đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã tiêu diệt.’”

“Thưa Thế Tôn, khi những ô-nhiễm của một Tỳ kheo đã tiêu diệt, người đó có được mười sức-mạnh này mà nhờ đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã tiêu diệt.’”

NHÓM 5

UPĀLI ²¹¹⁹

91 (1) Người Thụ Hưởng Dục Lạc ²¹²⁰

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, có mười loại người thụ hưởng những dục-lạc [khoái-lạc giác quan] được thấy có trong thế gian. Mười đó là gì?²¹²¹

[I. Mô Tả]

[A. Loại người tìm kiếm của-cải theo cách bất chính:]

(1) “Ở đây, này gia chủ, có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *phi pháp, bằng bạo lực*. Sau khi làm như vậy, người đó *không* làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *không* chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công đức.

(2) “Có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng *không* chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức.

(3) “Và còn có người người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công đức.

[B. Loại người tìm kiếm của-cải theo cả cách chân chính và bất chính:]

(4) “Kế tiếp, này gia chủ, có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *cả hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực*.

Sau khi làm vậy, người đó *không* làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *không* chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức.

(5) “Có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách cả hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng *không* chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức.

(6) “Và còn có người người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức.

[C. Loại người tìm kiếm của-cải theo cách chân chính:]

(7) “Kế tiếp, này gia chủ, có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *hợp pháp, không bạo lực*. Sau khi làm vậy, người đó *không* làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *không* chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức.

(8) “Có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng *không* chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức.

(9) “Và còn có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức—(tuy là tốt) Nhưng người này sử dụng tài sản trong khi *bị trôi buộc vào nó*, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; *không* nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, *không* hiểu được sự thoát-khỏi nó.

(10) “Và còn có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức—Và (còn tốt hơn nữa) người này biết sử dụng tài sản mà *không bị trôi buộc vào nó*, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách

mù quáng trong nó; có nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, có hiểu được sự thoát-khỏi nó.

[II. Đánh Giá]

[A. Loại người tìm kiếm của-cải theo cách bất chính:]

(1) “Người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng đục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(2) “Người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng đục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này.

(3) “Người thụ hưởng thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng đục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

[B. Loại người tìm kiếm của-cải theo cả cách chân chính và bất chính:]

(4) “Kế tiếp, này gia chủ, người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực,

và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(5) “Người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này.

(6) “Người thụ hưởng thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

[C. Loại người tìm kiếm của-cải theo cách chân chính:]

(7) “Kế tiếp, này gia chủ, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) không chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a). Và dựa trên dựa trên 02 căn cứ nào người đó bị chê trách?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 01 căn cứ này và bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này.

(8) “Người hưởng khoái-lạc giác quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (c). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a) và (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

(9) “Người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức, nhưng (d) người này sử dụng tài sản trong khi bị trói buộc vào nó, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, không hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 03 căn cứ, nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (d). Và dựa trên 03 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 03 căn cứ này, nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này.

(10) “Người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức, và (d) người này sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 04 căn cứ. Dựa trên 04 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a), (b), (c), (d). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 04 căn cứ này.

[D. *Kết Luận:*]

“Này gia chủ, đây là mười loại người thụ hưởng dục-lạc được thấy có trong thế gian. Trong mười loại người này, bậc nhất, tốt nhất, ưu việt nhất, tối thượng, và tinh anh nhất là loại người thụ hưởng dục-lạc (a) theo

cách chân chính, không bạo lực, và (b) sau khi có được của-cải, người đó làm bản thân mình hạnh phúc; và (c) chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức; và (d) biết sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó. Giống như từ con bò cái có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả. Cũng giống như vậy, trong mười loại người này, bậc nhất, tốt nhất, ưu việt nhất, tối thượng, và tinh anh nhất là loại người thụ hưởng dục-lạc (a) theo cách chân chính, không bạo lực, và (b) sau khi có được của-cải, người đó làm bản thân mình hạnh phúc; và (c) chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức; và (d) biết sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó.”

92 (2) Những Sự Thù Oán ²¹²²

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, khi một đệ tử thánh thiện (I) đã loại bỏ năm hiểm-họa và sự thù-oán, và (II) có được ‘bốn yếu-tố (của sự/ cần có để) Nhập-lưu’, và (III) đã nhìn thấy rõ ràng và bằng trí-tuệ thâm nhập thấu suốt ‘phương-pháp thánh thiện’, thì: nếu người đó muốn, người đó có thể tuyên bố về mình như vậy: [‘Tôi đã hết bị địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh ngạ quỷ thống khổ; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, nơi-đến xấu dữ, cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.’] [a]

(I) “Cái gì là năm hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ? (1) Này gia chủ, một người sát-sinh, với sự sát-sinh là điều-kiện (duyên), tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp này và hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp sau [b] và người đó cũng trải nghiệm sự khổ tâm và ưu phiền. Một

người kiêng cử sát-sinh thì không tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp này, và hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp sau, và người đó cũng không trải nghiệm sự khổ tâm và ưu phiền. Như vậy đối với người kiêng cử sát-sinh, hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ.

(2) “Một người gian-cấp ... (3) Một người có tà-dâm ... (4) Một người nói-dối nói láo ... (5) Một người uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ-tâm phóng dật, với những (hành vi) đó là điều-kiện (duyên), tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp này và hiểm-họa và sự thù-oán thuộc kiếp sau và người đó cũng trải nghiệm sự khổ tâm và ưu phiền. Một người kiêng cử gian-cấp ... kiêng cử rượu nặng, rượu nhẹ, và những chất độc hại ... thì không tạo ra hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp này, và hiểm-họa và sự thù-oán như vậy thuộc kiếp sau, và người đó cũng không trải nghiệm sự khổ tâm và ưu phiền. Như vậy đối với người kiêng cử những (hành vi) đó, thì hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ.

“Đây là năm hiểm-họa và sự thù-oán đã được loại bỏ.

(II) “Và cái gì là bốn yếu-tố Nhập-lưu mà người đó đã có được? [c]

(1) Ở đây, này gia chủ, người người thánh đệ tử đã có được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thế), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.’]

(2) “Người đó có được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [‘Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’]

(3) “Người đó có được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy:

[‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại (bậc) người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).’]

(4) “Người đó có được những giới-hạnh (năm giới) được những thánh nhân quý trọng—không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. [d]

“Đây là ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ mà người đó có được.

(III) “Và cái gì là ‘phương pháp thánh thiện’ mà người đó đã nhìn thấy rõ ràng và bằng trí-tuệ thâm nhập thấu suốt? [d]²¹²³ (10) Ở đây, này gia chủ, người thánh đệ tử chú-tâm một cách sát-sao và kỹ-càng vào ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ như vậy: “Do có thứ này, nên có [sinh ra, xảy ra] thứ kia; với sự khởi sinh của thứ này, nên thứ kia khởi sinh. Khi thứ này không có thì không có [không sinh ra, không xảy ra] thứ kia; với sự chấm dứt thứ này, thì thứ kia chấm dứt. (*người dịch xuống hàng chỗ này cho dễ đọc*)

• [“Đó là: ‘Do có vô-minh là điều-kiện (duyên), nên có những sự tạo-tác (hành); do có những sự tạo-tác là điều-kiện, nên có thức (thức); do có thức là điều-kiện, nên có danh-sắc (danh sắc); do có danh-sắc là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện, nên có sự tiếp-xúc (xúc); do có sự tiếp-xúc là điều-kiện, nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự chấp-thủ (thủ); do có sự chấp-thủ là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên mới xảy ra sự già và chết (lão tử); sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Đây là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.’ (chiều khởi sinh)

“Nhưng: ‘Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (vô minh diệt) thì chấm dứt những sự tạo-tác (hành diệt); khi chấm dứt những sự tạo-tác, thì chấm dứt thức (thức diệt); khi chấm dứt thức, thì chấm dứt danh-sắc (danh sắc diệt); khi chấm dứt danh-sắc, thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ diệt); khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận, thì chấm dứt sự tiếp-xúc (xúc diệt); khi chấm dứt sự tiếp-xúc, thì chấm dứt cảm-giác (thọ diệt); khi chấm dứt cảm-giác, thì chấm dứt dục-vọng (ái diệt); khi chấm dứt dục-vọng, thì chấm dứt sự chấp-thủ (thủ diệt); khi chấm dứt sự chấp-thủ, thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu diệt); khi chấm dứt sự hiện-hữu, thì chấm dứt sự sinh-ra (sinh tận); khi chấm dứt sự sinh-ra, thì chấm dứt sự già và chết (lão tử tận); chấm dứt sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não tận). Đây là sự chấm-dứt của toàn bộ đồng khổ này.’ (chiều hoàn diệt).]

“Đây là ‘phương pháp thánh thiện’ mà người đó đã nhìn thấy rõ ràng và bằng trí-tuệ đã thâm nhập một cách thấu suốt.

“Này gia chủ, khi một đệ tử thánh thiện (I) đã loại bỏ ‘năm hiểm-họa và sự thù-oán’ này, và (II) người đó có được ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ này, và (III) người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và bằng trí-tuệ đã thâm nhập một cách thấu suốt ‘phương pháp thánh thiện’ này, thì nếu muốn, người đó có thể tự tuyên bố về bản thân mình: [‘Tôi đã hết bị địa ngục, đã hết bị cõi súc sinh, đã hết bị cõi ngạ quỷ, đã hết bị cảnh giới thống khổ, những nơi-đến thấp xấu, cõi dưới. Tôi là một bậc Nhập-lưu, không còn phải bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, hướng đến sự giác-ngộ.].’”

93 (3) Sự Thấy (gia chủ Cấp Cô Độc)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó gia chủ Cấp Cô Độc đi ra khỏi (thành) Sāvattthī vào giữa trưa để đến chỗ gặp đức Thế Tôn. Rồi ý này đã xảy đến với ông: “Giờ không phải lúc phù hợp để đến gặp đức Thế

Tôn đang ẩn dật hay đến gặp những Tỳ kheo đáng kính cũng đang ẩn dật. Vậy ta hãy đến khu ở của những du sĩ của những giáo phái khác.”

Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đã đến khu ở của những du sĩ các giáo phái khác. Bấy giờ, lúc đó những du sĩ khác đạo đó đã tụ tập và đang tạo nên sự huyên náo khi họ đang ngồi lớn tiếng và om sòm thảo luận những đề tài vô nghĩa khác nhau. Những du sĩ khác đạo đó đã nhìn thấy gia chủ Cấp Cô Độc đang đi tới từ xa và họ đã nhắc nhau im lặng: “Các vị, hãy yên lặng. Các vị, đừng làm ồn ào. Ở đây đang có gia chủ Cấp Cô Độc, một đệ tử của sa-môn Cồ-đàm, một trong những đệ tử tại gia áo trắng cư ngụ ở Sāvattthī. Số là, những vị (đệ tử tại gia) đó vốn thích sự yên lặng, tuân thủ sự yên lặng, và nói lời đề cao sự yên lặng. Có lẽ nếu ông ta (gia chủ Cấp Cô Độc) thấy hội của chúng ta đang yên lặng thì ông ta nghĩ sẽ đến gần chúng ta.” Rồi những du sĩ ngoài đạo đó đều im lặng.

Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đến gần những du sĩ đó và chào hỏi qua lại với họ. (*) Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ đó đã nói với ông:

“Này gia chủ, cái gì là sự-thấy (kiến) của sa-môn Cồ-đàm?”

“Thưa ngài tôi không biết hết toàn bộ sự-thấy của đức Thế Tôn.”

“Nhu vậy, này gia chủ, ông nói ông không biết hết toàn bộ sự-thấy của sa-môn Cồ-đàm. Vậy hãy nói cho chúng tôi, cái gì là sự-thấy của các Tỳ kheo?”

“Thưa ngài, tôi cũng không biết hết toàn bộ sự-thấy của những Tỳ kheo.”

“Nhu vậy, này gia chủ, ông nói ông không biết toàn bộ sự-thấy của sa-môn Cồ-đàm và ông không biết toàn bộ sự-thấy của những Tỳ kheo. Vậy hãy nói cho chúng tôi, cái gì là sự-thấy của ông?”

“Không khó để tôi giải thích sự-thấy của tôi, thưa ngài. Nhưng trước tiên hãy giải thích những sự-thấy của ngài. Sau đó sẽ không khó để tôi giải thích sự-thấy của tôi.”

Sau khi điều này được nói ra, một du sĩ đã nói với gia chủ Cấp Cô Độc:

(1) “‘Thế giới là bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’: sự-thấy (cách nhìn) của tôi là vậy, này gia chủ.” (2) Một du sĩ khác nói: “‘Thế giới là không bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’: sự-thấy của tôi là vậy, này gia chủ.” (3)–(4) Du sĩ khác lại nói: “‘Thế giới là hữu hạn’ ... ‘Thế giới là vô hạn’ ... (5)–(6) ‘Linh hồn và thể xác là một’ ... ‘Linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác’ ... (7)–(10) ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’ ... ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’: sự-thấy của tôi là vậy, này gia chủ.”²¹²⁴

Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Cấp Cô Độc đã nói với các du sĩ đó:

“Thưa ngài, vị này nói như vậy: ‘(1)’ ... ‘(10)’ [*nguyên bản kinh thì gia chủ Cấp Cô Độc lặp lại từng câu từ (1) ... (10) và sau mỗi câu ông nói thêm:*] Sự-thấy này của vị ấy đã khởi sinh do bởi sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý) của chính mình, hoặc do bị điều-kiện (bị tác động, do duyên) bởi những lời của người khác nói. Giờ sự-thấy này đã được hình thành và nó là do bị điều-kiện (duyên), là một sản phẩm của sự cố-ý (tư), là đã khởi-sinh một cách tùy thuộc (duyên khởi), là vô-thường. Thứ gì vô thường là khổ. Đây đơn giản là sự khổ mà vị đó dính vào và chấp theo.

Sau khi điều này được nói ra, những du sĩ đó đã nói với gia chủ Cấp Cô Độc: “Chúng tôi đã giải thích những sự-thấy của chúng tôi, này gia chủ. Giờ hãy nói cho chúng tôi sự-thấy của ông.”

“Thưa ngài, mọi thứ đã hình thành và nó là do bị điều-kiện, là sản phẩm của sự cố-ý, đã khởi sinh một cách tùy thuộc, đều là vô-thường. Mọi thứ vô-thường đều là khổ. Sau khi đã nhìn thấy rõ ràng thứ gì là khổ đúng như nó thực là bằng trí-tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’.’ Đây

chính là sự-thấy của tôi.”

Sau khi điều này được nói ra, những du sĩ đó ngồi im lặng, cúi đầu, chùn xuống, chán nản, và không nói gì. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc sau khi hiểu được những du sĩ đó đã [ngồi] im lặng ... và không nói gì, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến chỗ đức Thế Tôn. Ông kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện của ông với những du sĩ đó.

[Đức Thế Tôn nói:] “Tốt, tốt, này gia chủ! Chính theo cách như vậy những người nông cạn đó có những lúc nên bị (người khác) bác bỏ hoàn toàn bằng ‘sự luận giải hữu lý’ như vậy.”²¹²⁵ Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ gia chủ Cấp Cô Độc bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp. Rồi, sau khi gia chủ Cấp Cô Độc đã được chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi về.

Rồi, không lâu sau khi gia chủ Cấp Cô Độc đã đi về, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào, dù là người đã thụ giới (tuổi hạ) được 100 năm trong Giáo Pháp và giới-luật này, muốn hoàn toàn bác bỏ những du sĩ ngoài đạo bằng ‘sự luận giải hữu lý’, người đó chỉ cần bác bỏ họ như gia chủ Cấp Cô Độc đã làm.”

94 (4) Gia Chủ Vajjiyamāhita

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Campā, bên bờ Hồ Sen Gagarā. Lúc đó có gia chủ Vajjiyamāhita rời khỏi Campā vào giữa trưa để đến chỗ gặp đức Thế Tôn. Rồi ý này đã xảy đến với ông: “Giờ không phải lúc phù hợp để đến gặp đức Thế Tôn đang ăn dật hay đến gặp những Tỳ kheo đang kính cũng đang ăn dật. Vậy ta hãy đến khu ở của những du sĩ của những giáo phái khác.”

[*Tiếp tục hoàn cảnh y hệt kinh kể 10:93 trên, chỉ khác ở đây là gia chủ Vajjiyamāhita thay vì gia chủ Cấp Cô Độc, cho đến:*] ... (*) Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ đó đã nói với ông:

“Này gia chủ, có đúng như đã nói, rằng sa-môn Cồ-đàm phê phán mọi sự khổ hạnh và ông ta không ngớt lên án và chê trách mọi người sống đời sống khắc khổ và khổ hạnh?”

“Không phải vậy, thưa ngài, đức Thế Tôn không phê phán tất cả mọi sự khổ hạnh và đức Thế Tôn không lên án và chê trách hết tất mọi người sống đời sống khắc khổ và khổ hạnh. Đức Thế Tôn chỉ phê phán những gì đáng phê phán và khen ngợi những gì đáng khen ngợi. Bằng sự chê những gì đáng chê và khen những gì đáng khen như vậy, đức Thế Tôn nói về cơ sở của những sự khác-biệt; đức Thế Tôn không nói về những vấn đề đó theo cách nhất nhất một chiều.”²¹²⁶

Sau khi điều này được nói ra, một du sĩ đã nói với gia chủ Vajjiyamāhita:

“Khoan đã, này gia chủ! (Có phải ý ông nói là) sa-môn Cồ-đàm mà ông khen ngợi là một người chủ trương bãi bỏ, người không chịu có những tuyên bố dứt dặc dứt khoát.”

“Về điểm này cũng vậy, tôi sẽ lý giải cho quý vị nghe, thưa ngài. Đức Thế Tôn thường tuyên bố một cách hợp lệ rằng: ‘Đây là thiện’ và: ‘Đây là bất thiện’. Như vậy, khi đức Thế Tôn tuyên bố điều gì là thiện và điều gì là bất thiện, bậc ấy có những tuyên bố dứt dặc. Đức Thế Tôn không phải là người chủ trương bãi bỏ, không phải là người không chịu có những tuyên bố dứt dặc dứt khoát.”

Sau khi điều này được nói ra, những du sĩ đó ngồi im lặng, cúi đầu, chùn xuống, chán nản, và không nói gì. Rồi gia chủ Vajjiyamāhita sau khi hiểu được những du sĩ đó đã [ngồi] im lặng ... và không nói gì, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến chỗ đức Thế Tôn. Ông kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện

của ông với những du sĩ đó.

[Đức Thế Tôn nói:] “Tốt, tốt, này gia chủ! Chính theo cách như vậy những người nông cạn đó có những lúc nên bị (người khác) bác bỏ hoàn toàn bằng ‘sự luận giải hữu lý’ như vậy.”

(1)–(2) “Này gia chủ, ta không nói tất cả mọi sự khổ hạnh nên được thực hành; ta cũng không nói tất cả mọi sự khổ hạnh không nên được thực hành. (3)–(4) Ta không nói tất cả mọi sự kiêng-cữ (tuân thủ, kiêng kỵ, giới cấm) nên được đảm nhận; ta cũng không nói tất cả mọi sự kiêng-cữ không nên được đảm nhận. (5)–(6) Ta không nói một người nên chuyên-cần tu (tinh cần) theo mọi cách (tu búa xua, đủ mọi cách); ta cũng không nói một người không nên chuyên-cần tu bất cứ cách nào. (7)–(8) Ta không nói một người nên thực hiện mọi sự từ-bỏ; ta cũng không nói một người không nên thực hiện sự từ-bỏ nào. (9)–(10) Ta không nói một người nên chứng đắc tất cả mọi loại sự giải-thoát; ta cũng không nói một người không nên chứng đắc loại sự giải-thoát nào.

(1)–(2) “Nếu, này gia chủ, khi một người thực hành một sự khổ hạnh nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên thực hành sự khổ hạnh đó. Ngược lại, nếu khi một người thực hành một sự khổ hạnh nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên thực hành sự khổ hạnh đó.

(3)–(4) “Nếu, này gia chủ, khi một người đảm nhận một sự kiêng-cữ nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên đảm nhận sự kiêng-cữ đó. Ngược lại, nếu khi một người đảm nhận một sự kiêng-cữ nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên đảm nhận sự kiêng-cữ đó.

(5)–(6) “Nếu, này gia chủ, khi một người chuyên-cần tu theo một cách nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên chuyên-cần tu theo cách đó. Ngược lại,

nếu khi một người chuyên-cần tu theo một cách nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên chuyên-cần tu theo cách đó.

(7)–(8) “Nếu, này gia chủ, khi một người từ-bỏ một điều gì, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên từ-bỏ điều đó. Ngược lại, nếu khi một người từ-bỏ một điều gì, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên từ-bỏ điều đó.

(9)–(10) “Nếu, này gia chủ, khi một người chứng đắc một sự giải-thoát nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên chứng đắc loại sự (tà, giả) giải-thoát như vậy. Ngược lại, nếu khi một người chứng đắc sự giải-thoát nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên chứng đắc loại sự (chánh) giải-thoát đó.”

Rồi, sau khi gia chủ Vajjiyamāhita đã được chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, ông ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi về.

Rồi, không lâu sau khi gia chủ Vajjiyamāhita đã đi về, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào, dù là người đã thụ giới (tuổi hạ) được 100 năm trong Giáo Pháp và giới-luật này, muốn hoàn toàn bác bỏ những du sĩ ngoài đạo bằng ‘sự luận giải hữu lý’, người đó chỉ cần bác bỏ họ như gia chủ Vajjiyamāhita đã làm.”

95 (5) *Du Sī Uttiya*

Lúc đó có du sĩ tên Uttiya đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

(1) “Thầy Cồ-đàm, có phải thế giới là bất diệt? và có phải chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai?”

“Này Uttiya, ta đã không tuyên bố: ‘Thế giới là bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’”

(2) “Vậy thì, Thầy Cồ-đàm, có phải thế giới là không bất diệt? và có phải chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai?”

“Này Uttiya, ta đã không tuyên bố: ‘Thế giới là không bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’”

(3)–(4) “Vậy là sao, Thầy Cồ-đàm, có phải thế giới là hữu hạn? ... Thế giới là vô hạn? ... (5)–(6) Linh hồn và thể xác là một? ... Linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác? ... (7)–(10) Như Lai hiện hữu sau khi chết? ... Như Lai không hiện hữu sau khi chết? ... Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết? ... Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai?”

“Này Uttiya, ta cũng không tuyên bố: ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’”²¹²⁷

“Khi tôi hỏi Thầy Cồ-đàm: [*câu hỏi* (1) ... (10)] ... thì Thầy Cồ-đàm đều trả lời: “Này Uttiya, ta đã không tuyên bố [(1) ... (10)] ... (*nguyên kinh gốc thì du sĩ Uttiya lặp lại từng câu hỏi ở trên, ở đây người dịch giản lược*). Vậy thì Thầy Cồ-đàm đã tuyên bố điều gì?”

“Này Uttiya, thông qua sự-biết trực tiếp, ta chỉ dạy cho những đệ tử của ta vì mục đích ‘để thanh-lọc những chúng sinh; để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp, để chứng ngộ Niết-bàn.’”

“Nhưng, khi Thầy Cồ-đàm, thông qua sự-biết trực tiếp, chỉ dạy cho những đệ tử của thầy vì mục đích ‘để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh; để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu

phiền, để thành tựu phương pháp, để chứng ngộ Niết-bàn’, như vậy toàn thể gian sẽ được giải thoát, hay một nửa thế gian, hay chỉ một phần ba thế gian?”

Khi điều (câu hỏi) này được nói ra, Đức Thế Tôn chỉ im lặng. Rồi ý này đã xảy đến với Ngài Ānanda: “Sẽ tốt hơn nếu du sĩ Uttiya không chấp chứa quan-điểm xấu ác (ác kiến) như vậy: ‘Khi tôi hỏi sa-môn Cồ-đàm câu hỏi leo cao nhất trong tất cả, ông ta lưỡng lự và không trả lời.²¹²⁸ Chắc hẳn là ông ta không khả năng trả lời.’ (Nếu nghĩ như vậy thì) điều này sẽ dẫn du sĩ Uttiya tới sự nguy hại và khổ đau dài lâu cho ông ta.”

Rồi thầy Ānanda mới nói với du sĩ Uttiya:

“Được rồi, này bạn Uttiya, tôi sẽ cho chú một ví dụ. Có những người thông minh ở đây hiểu được ý nghĩa của điều được nói ra bằng phương tiện một ví dụ. Ví dụ một nhà vua có một thành trì ở biên cương, nó có những thành lũy, tường thành, những tháp canh, và chỉ có một cổng ra vào. Và người gác cổng ở đó khôn khéo, giỏi giang, và thông minh; người đó chặn đuổi những người lạ mặt, và cho phép những người quen mặt đi vào đi ra. Khi người gác cổng đi rảo hết con đường bao bọc tường thành, ông ấy không nhận thấy có một lỗ hờ hay kẽ hở nào trên tường thành thậm chí đủ lớn để một con mèo có thể chui qua được. Do vậy ông ấy (suy luận) biết chắc rằng: ‘Mọi sinh vật lớn hơn (như người và vật lớn hơn mèo) muốn ra vào thành trì này thì phải đi qua một cổng chính đó thôi.’” Cũng giống như vậy, này bạn Uttiya, Như Lai không quan tâm đến việc liệu toàn bộ thế gian sẽ được giải thoát, hay một nửa thế gian, hay chỉ một phần ba thế gian. Nhưng Như Lai có thể chắc chắn rằng tất cả những ai đã được giải thoát, hay những ai đang được giải thoát, hay những ai sẽ được giải thoát khỏi thế gian đều trước tiên phải trừ bỏ năm chướng-ngại (ngũ triền cái), đó là những sự suy đồi của tâm vốn làm suy yếu trí-tuệ, và sau đó, với cái tâm đã được thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ), tu tập một cách chánh đúng bảy chi giác-ngộ (thất giác chi). Chính theo cách này họ đã được giải thoát, hay đang được giải thoát, hay sẽ được giải thoát khỏi thế gian.

“Này bạn Uttiya, chú đã hỏi đức Thế Tôn theo một góc độ khác nhưng cũng cùng loại câu hỏi (không hợp lệ) mà chú đã hỏi đức Thế Tôn trước đó.²¹²⁹ Vì vậy đức Thế Tôn đã không trả lời chú.”

96 (6) *Du Sī Kokanada* ²¹³⁰

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong Khu Suối Nóng. Lúc đó, khi đêm sắp tàn, Ngài Ānanda thức dậy và đi ra suối nước nóng để tắm. Sau khi tắm xong và lên khỏi đó, thầy ấy trong y phục đứng lau khô chân tay. Du sĩ tên Kokanada cũng thức dậy khi đêm sắp tàn và đi ra khu suối nóng để tắm. Ông ta nhìn thấy thầy từ xa và đã nói với thầy ấy:

“Đây là ai vậy, này thiện hữu?”

“Tôi là một Tỳ kheo, này thiện hữu.”

“Từ nhóm Tỳ kheo nào vậy, này thiện hữu?”

“Từ nhóm những sa-môn tu theo người con của dân tộc Thích-Ca.”

“Nếu ông bỏ chút thời gian trả lời, tôi muốn hỏi ông về một số điều.”

“Ông có thể hỏi, này thiện hữu. Khi tôi nghe câu hỏi của ông, tôi sẽ biết [rằng tôi có thể trả lời được không].”

“Điều này là sao, thưa ông, ông có giữ quan-điểm: (1) ‘Thế gian là bất diệt; chỉ điều này đúng, mọi điều khác đều sai’ hay không?”

“Tôi không giữ một quan-điểm như vậy, này thiện hữu.”

“Vậy ông có giữ quan-điểm: (2) ‘Thế gian là không bất diệt; chỉ điều này đúng, mọi điều khác đều sai’ hay không?”

“Tôi không giữ một quan-điểm như vậy, này thiện hữu.”

“Ông có giữ quan-điểm: (3)–(4) ‘Thế gian là hữu hạn’ ... ‘Thế gian là vô hạn’ ... (5)–(6) ‘Linh hồn và thể xác là một’ ... ‘Linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác’ ... (7)–(10) ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết? ... ‘Như

Lai không hiện hữu sau khi chết? ... ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết? ... ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’ hay không?’

“Tôi không giữ một quan-điểm như vậy, này thiện hữu.”

“Vậy có thể là ông không biết và thấy?”

“Không phải là trường hợp tôi không biết và thấy, này thiện hữu. Tôi có biết và thấy.”

“Nhưng khi tôi hỏi ông: [*câu hỏi (1) ... (10)*] ... (*nguyên kinh gốc thì du sĩ Uttiya lập lại từng câu hỏi ở trên, ở đây người dịch giản lược*) ... thì ông đều trả lời: ‘Tôi không giữ một quan-điểm như vậy, này thiện hữu.’ Rồi khi tôi hỏi ông: ‘Vậy có thể là ông không biết và thấy?’ thì ông lại nói: ‘Không phải là trường hợp tôi không biết và thấy, này thiện hữu. Tôi có biết và thấy.’ Này thiện hữu, vậy câu này nên được hiểu nghĩa theo cách nào?”

“Này thiện hữu, (1) ‘Thế gian là bất diệt; chỉ điều này đúng, mọi điều khác đều sai’: đây là một quan-điểm do suy đoán ... (10) ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’ ... (*nguyên kinh gốc thì du sĩ Uttiya lập lại từng câu hỏi ở trên, ở đây người dịch giản lược*) ... : đây cũng là một quan-điểm do suy đoán.

“Này thiện hữu, tới mức độ có một quan-điểm do suy đoán, một cơ sở cho những quan-điểm,²¹³¹ một căn cứ cho những quan-điểm, sự ám muội bởi những quan-điểm, nguồn gốc những quan-điểm, và sự búng bỏ những quan-điểm, tôi đều biết và thấy. Khi tôi biết và thấy đến mức như vậy, sao ông nói tôi không biết và thấy. Này thiện hữu, tôi có biết và thấy.”

“Tên ông là gì? Những Tỳ kheo đồng đạo của ông biết ông theo cách nào?”

“Tên tôi là Ānanda, và những Tỳ kheo đồng đạo của tôi biết tôi là Ānanda.”

“Thật tình, tôi đã không nhận ra tôi đang tham vấn một vị thầy lớn, thưa Ngài Ānanda! Nếu tôi đã nhận ra đó chính là Ngài Ānanda, tôi sẽ không nói như vậy. Vậy xin Ngài Ānanda vui lòng tha lỗi cho tôi.”

97 (7) Xứng Đáng Được Tặng Vật

“Này các Tỳ kheo, có được mười phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Mười đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới Bôn Tỳ Kheo], có được giới-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó.

(2) “Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến).

(3) “Người đó có những có những đạo hữu tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt.

(4) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến).

(5) “Người đó có thể (đạt được và) vận dụng nhiều loại thân-thông khác nhau (*thần thông biến hóa, biến hóa thông*) như: [Biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; tôi hiện hình và biến

hình; tôi đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi trên chân; tôi có thể dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’.]

(6) “Với yếu-tố tai thiên thánh (*thiên nhĩ thông*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nghe được cả những âm thanh cõi trời và cõi người, dù ở xa hay ở gần.

(7) “Người đó hiểu được tâm của những chúng sinh và người khác (*tha tâm thông*), sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ. [Người đó hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (thụ động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, mở rộng] là tâm bao la, và một cái tâm không bao la là tâm không bao la; một cái tâm chưa vô thượng [còn có thể vượt trên] là tâm chưa vô thượng, và một cái tâm vô thượng [không thể vượt trên] là tâm vô thượng; một cái tâm đạt định là tâm đạt định, và một cái tâm không đạt định là tâm không đạt định; một cái tâm được giải thoát là tâm được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là tâm chưa được giải thoát.]²¹³²

(8) “Người đó có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình (*túc mạng minh*): [Đó là, một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh; nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (ta nhớ rõ) ‘Ồ (kiếp) đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia;

rồi tiếp tục ... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.']. Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy.

(9) “Với yếu-tố mắt thiên thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó *nhìn thấy* nhìn thấy: [những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vậy: ‘Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-y sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-y đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.']. Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy.

(10) “Với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm (*lậu tận minh*), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Có được có mùi phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

98 (8) *Một Trưởng Lão*

“Này các Tỳ kheo, có được mười phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão sống an ổn (thư thái, dễ sống) ở bất cứ phương nào vị đó sống. Mười đó là gì? (1) Một trưởng lão là thâm niên, xuất gia đã lâu. (2) Người đó là có giới-hạnh ... Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. (3) Người đó đã học-hiểu nhiều ... và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (4) Cả hai (bộ) Pātimokkha (dành cho Tỳ kheo và Tỳ kheo ni) đã được truyền thụ cho người đó một cách chi tiết, đã được phân tích kỹ, được nắm vững kỹ, được xác định kỹ về những điều-khoản của những điều luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng. (5) Người đó giỏi khéo về sự nguồn-gốc và cách giải-quyết những vấn-đề thuộc về giới-luật (sự tranh chấp, vụ xử). (6) Người đó mến mộ Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng nói chuyện hay chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), đầy niềm hoan-hỷ cao độ về Giáo Pháp và giới-luật. (7) Người đó biết hài-lòng (tri túc) với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. (8) Người đó khoan-thai khi đi tới và đi lui, và cũng khéo được kiểm-chế khi đang ngồi giữa các nhà dân. (9) Người đó, nếu muốn thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc những tầng thiền định (jhāna) (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (10) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Có được mười phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão sống an ổn ở bất cứ phương nào vị đó sống.”

99 (9) *Ngài Upāli*

Lúc đó có Ngài Upāli đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, con muốn lui về những chỗ-trú xa lánh trong rừng núi.”

“Những chỗ-trú xa lánh trong rừng núi là khó chịu nổi, này Upāli. Sự sống một-mình là khó đảm trách và khó được ưa thích. Khi một người ở một-mình, rừng núi sẽ đánh cắp tâm của một Tỷ kheo là người không đạt sự định-tâm. Có thể trông đợi rằng: một người mà nói ‘Tôi không đạt định, nhưng tôi sẽ lui về những chỗ-trú xa lánh trong rừng núi’ thì sẽ bị chìm, hoặc bị trôi mất.”²¹³³

“Này Upāli, ví dụ có một hồ nước lớn, và một con voi to cỡ bảy hay tám cubit đến đó. Nó nghĩ: ‘Ta sẽ xuống hồ này và rửa tai và lưng cho đã thích. Ta sẽ tắm và uống nước, rồi lên bờ, và lên đường đến bất cứ chỗ nào ta muốn.’ Rồi nó xuống hồ nước và rửa tai và lưng cho đã thích. Nó tắm và uống nước, rồi lên bờ, và lên đường đến chỗ nó muốn. Làm sao được như vậy? Là bởi vì thân hình to lớn của nó tìm được chỗ đứng dưới hồ sâu.

“Rồi một con thỏ hay con mèo đến đó. Nó nghĩ: ... *(lặp lại nghĩ như con voi)* ... Rồi, không suy xét, nó vội vã xuống hồ sâu. Điều này có thể trông đợi nó sẽ bị chìm hoặc bị trôi mất. Tại sao bị như vậy? Bởi vì thân hình nhỏ bé của nó không tìm được chỗ đứng dưới hồ sâu. Cũng giống như vậy, có thể trông đợi rằng: một người mà nói ‘Tôi không đạt định, nhưng tôi sẽ lui về những chỗ-trú xa lánh trong rừng núi’ thì sẽ bị chìm, hoặc bị trôi mất.

“Này Upāli, ví dụ một đứa bé trai, đang nằm ngửa, chơi đùa với phân và nước tiểu của chính nó. Thầy nghĩ sao, đó có phải là một trò vui hoàn toàn ngu ngốc hay không?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Rồi thời gian sau, khi đứa bé đó lớn lên và các căn (giác quan) của nó trưởng thành, nó sẽ chơi những trò chơi dành cho những con trai—như trò chơi kéo cày, trò chơi bằng roi cây, trò chơi lộn nhào, trò chơi chong chóng gió, trò chơi những (đồ) đo đếm bằng lá, trò chơi bằng xe, trò chơi

bằng cung. Thầy nghĩ sao, đó có phải là những trò hay hơn và siêu đẳng hơn trò vui trước đó hay không?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Rồi thời gian sau nữa, khi đứa trai tiếp tục lớn lên và các căn của nó trưởng thành hơn nữa, nó sẽ thụ hưởng năm khoái-lạc giác quan (dục lạc) được phú và được chu cấp: với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng muốn, dễ chịu, sướng, nối kết dục-lạc, hấp dẫn khiêu gợi; với những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng muốn, dễ chịu, sướng, nối kết dục-lạc, hấp dẫn khiêu gợi. Thầy nghĩ sao, có phải những thú vui đó là hay hơn và siêu đẳng hơn loại trò vui trước đó hay không?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”²¹³⁴

(*) “Ở đây, này các Tỷ kheo, Như Lai khởi sinh trong thế gian này, [là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thế), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.']. Sau khi đã tự chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, bậc ấy chỉ lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, ở giữa, và ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh tinh khiết và toàn thiện.

(.1) “Một gia chủ [hay con trai ông ta] được sinh ra trong những họ tộc khác nghe được Giáo Pháp này. Rồi người đó có được niềm-tin (tín) vào Như Lai, và suy xét như vậy: ‘Đời sống tại gia là chật chội và bụi bặm; đời sống xuất gia là rộng mở. Nếu sống ở nhà thì không dễ gì dẫn dắt một

đời sống tâm linh cho toàn thiện và trong sạch như một vỏ sò được chà sạch bóng. Hay ta nên cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Rồi một dịp sau đó, người đó đã từ bỏ gia sản lớn nhỏ, từ bỏ gia quyến lớn nhỏ, người đó cạo râu tóc, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

(.2) “Sau khi đã xuất gia như vậy, và có được sự tu-học và lối-sống của hàng Tỳ kheo, (i) sau khi đã dẹp bỏ sự *sát-sinh*, người đó kiêng cử sát-sinh; bỏ hết gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và tử tế, người đó sống tha thương bi mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh. (ii) Sau khi dẹp bỏ sự *gian-cấp*, người đó kiêng cử lấy những thứ không được cho; người đó chỉ lấy thứ được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và sống một cách thanh liêm, không trộm cắp gian lận. (iii) Sau khi đã dẹp bỏ *tà-dâm*, người đó giữ giới sống độc thân, sống tách ly, kiêng cử tất cả mọi dạng dâm dục, kiêng cử những thói tật tính dục cá nhân.

(iv) “Sau khi dẹp bỏ (a) *lời nói-dối nói láo*, người đó kiêng cử nói-dối nói láo; người đó nói sự thật, nói theo sự thật; người đó là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người dối gạt trong thế gian. Sau khi dẹp bỏ (b) *lời nói gây chia-rẽ*, người đó kiêng cử lời nói gây chia-rẽ; người đó không nói đi nói lại những gì đã nghe thấy nhằm gây chia rẽ người này với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người ủng hộ sự đoàn kết, người vui thích sự hòa đồng, người nói những lời để xúc tiến sự hòa hợp. Sau khi dẹp bỏ (c) *lời nói gắt-gỏng khó nghe*, người đó kiêng cử lời nói gắt-gỏng khó nghe; người đó nói những lời nhẹ nhàng, dễ nghe, dễ mến, những lời đi vào lòng người nghe, những lời khích lệ an ủi mà nhiều người muốn nghe và những lời dễ chịu đối với nhiều người. Sau khi đã dẹp bỏ (d) *lời nói tâm-phào tán dúc*, người đó kiêng cử lời nói tâm phào tán dúc; người đó nói lúc thích hợp, nói điều sự thật, nói điều có ích, nói về Giáo Pháp và giới-luật; vào lúc thích hợp người đó nói những lời đáng ghi nhớ, hữu lý, gọn rõ, và có ích.

(.3) “Người đó kiêng cử làm hư hại những hạt giống và cây trồng. Người đó ăn một bữa [lần, thời] mỗi ngày, [a] kiêng cử ăn ban đêm và ăn

ngoài giờ quy định (tức: ăn phi thời, ăn ngoài giờ ăn của giới luật). Người đó kiêng cử việc nhảy múa, ca hát, nhạc trống, tuồng kịch không thích hợp. Người đó kiêng cử việc trang điểm và làm đẹp bản thân như đeo vòng hoa, súc nước hoa, phấn sáp. Người đó kiêng cử giường rộng, ghế cao. Người đó kiêng cử việc nhận vàng bạc [và tiền bạc], gạo sống, thịt sống, phụ nữ và con gái, nô lệ nam hay nữ, dê và cừu, gia cầm và heo, voi, ngựa, và ngựa cái, ruộng đồng và đất đai. Người đó kiêng cử làm những việc vặt ngoài đời (không phải Phật sự hay tu sự) hay việc đưa tin báo tin; kiêng cử mua bán; kiêng cử gian lận qua cân, đo, tiền giả kim; kiêng cử việc nhận tiền lo lót, việc lừa dối, gian lận, và lừa lọc. Người đó kiêng cử việc làm phương hại, giết hại, trói người, chiếm đoạt, cướp bóc, và bạo hành.

(.4) “Người đó hài lòng với vài y-phục để bảo vệ thân thể và thức ăn khát thực để giữ bụng an ổn, và dù có đi đâu người đó cũng chỉ mang theo những thứ này (y phục và bình bát) với mình. Giống như chim trời, dù bay đi đâu, nó cũng bay đi với hai cánh chứ không mang theo gánh nặng nào; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo biết hài lòng với vài y-phục để bảo vệ thân thể và thức ăn khát thực để giữ bụng an ổn, và dù có đi đâu người đó cũng chỉ mang theo mấy thứ này mà thôi.

“Có được (i) đồng (uẩn) *giới-hạnh* thánh thiện này, một Tỳ kheo trải nghiệm bên trong mình niềm chân-phúc phi tội lỗi.

(.5) “Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những tướng nét và đặc điểm của nó. Bởi vì nếu người đó để căn-mắt không được kiểm chế, thì những trạng thái bất thiện xấu ác như tham-thích (tham) hay phiền-bực (uru) sẽ xâm chiếm (tâm) người đó, cho nên người đó tu tập sự kiểm chế nó; người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiểm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những tướng nét và đặc điểm của nó. Bởi vì nếu người đó để căn-tai ... căn-tâm

không được kiềm chế, những trạng thái bất thiện xấu ác như tham-thích (tham) hay phiền-bực (trú) sẽ xâm chiếm (tâm) người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-tai ... căn-tâm.

“Có được (ii) đồng *sự kiềm-chế* thánh thiện này đối với các căn, một Tỷ kheo trải nghiệm bên trong mình niềm chân-phúc *phi ố-nhiễm*.

(.6) “Khi đang đi tới và (khi) đang đi lại, người đó làm (iii) với sự rõ-biết (tỉnh giác); khi đang nhìn trước và đang nhìn ngang, người đó làm với sự rõ-biết; đang khi đang co và đang giãn chân tay, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang mặc quần áo và đang mang theo bình bát và cà sa, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang ăn, đang uống, đang nhai thức ăn, và đang nếm thức ăn, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang đại tiện và đang tiểu tiện, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm chưa ngủ, đang thức dậy, đang nói, và đang im lặng, người đó làm với sự rõ-biết. (luôn tỉnh giác)

(.7) “Có được (i) đồng *giới-hạnh* thánh thiện như vậy, và (ii) đồng *sự kiềm-chế* thánh thiện như vậy đối với các căn, và (iii) *sự chánh-niệm* và *sự thường rõ-biết* như vậy, người đó lánh về một nơi ở tách-ly (ẩn dật): như một chỗ trong rừng, chỗ một gốc cây, một ngọn núi, một khe núi, một hang động ngang sườn núi, một nghĩa địa, một nơi ngoài trời, một đồng rơm.

“Sau khi đã đi một vòng khát thực, sau khi ăn trưa xong, người đó ngồi xuống, hai chân chéo nhau, giữ thân thẳng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. (i) Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó sống với một cái tâm không còn thèm-muốn; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn. (ii) Sau khi đã dẹp bỏ sự ác-ý và thù-ghét (sân), người đó sống với một cái tâm không còn ác-ý, đầy tha thương bi-mẫn đối với mọi chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và thù-ghét. (iii) Sau khi đã dẹp bỏ sự buồn-ngủ và đờ-đẫn (hôn trầm thụy miên), người đó sống không còn sự buồn-ngủ và đờ-đẫn, nhận thức ánh sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình

khỏi sự buồn-ngủ và đờ-đần. (iv) Sau khi đã dẹp bỏ sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử quá hối), người đó sống không còn sự khích-động, với một cái tâm hướng nội bình-an; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. (v) Sau khi đã dẹp bỏ sự nghi-ngờ (nghi), người đó sống sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn hoài nghi về những phẩm chất thiện lành; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

“Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại (ngũ cái) như vậy, đó là những ô-nhiễm của tâm, là những phẩm chất làm suy yếu trí-tuệ, vị Tỳ kheo đó: (i) [‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, Tỳ kheo đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’]. Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ-trú xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.²¹³⁵

(2) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: (ii) [‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm hết tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.’]. Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ-trú xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(3) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: (iii) [‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-

biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’]. Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ-trú xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(4) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: (iv) [‘Với sự đẹp bỏ sự sượng-khô (hết lạc hết khô), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (hết hỷ hết ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sượng hay khô, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’]. (***) Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ-trú xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(5) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: (v) [‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của không gian].’]. Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ-trú xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn

chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(6) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: **(vi)** [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của thức].’]. Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ-trú xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(7) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: **(vii)** [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, người đó chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’]. Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ-trú xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(8) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: **(viii)** [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, người đó chứng nhập và an trú trong phi tướng phi phi tướng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].’]. Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ-trú xa lánh trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(9) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: **(ix)** [‘Bằng sự hoàn toàn vượt

trên phi tướng phi phi tướng xứ, người đó chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tướng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác.']. (10) Và sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ, những ô-nhiễm của người đó hoàn toàn bị tiêu diệt (lậu tận).²¹³⁶ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm-chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lui về những chỗ-trú xa lánh trong rừng núi. Và họ an trú sau khi đã đạt tới mục-tiêu của họ.

“Này Upāli, hãy sống trong Tăng Đoàn. Khi thầy sống bên trong Tăng Đoàn thầy sẽ được an ổn (thu thái, dễ sống).”²¹³⁷

100 (10) Không Khả Năng

“Này các Tỳ kheo, chưa dẹp bỏ mười điều này, một người không khả năng chứng ngộ A-la-hán. Mười đó là gì? Tham, sân, si, sự tức-giận, sự hung-dữ, sự chê-bai, sự xấp-xược, sự ghen-ty, sự keo-kiệt, và sự tự-đại. Chưa dẹp bỏ mười điều này, một người không có khả năng chứng ngộ A-la-hán.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ mười điều này, một người có khả năng chứng ngộ A-la-hán. Mười đó là gì? Tham, sân, si, sự tức-giận, sự hung-dữ, sự chê-bai, sự xấp-xược, sự ghen-ty, sự keo-kiệt, và sự tự-đại. Sau khi dẹp bỏ mười điều này, một người có khả năng chứng ngộ A-la-hán.”

[Năm Mười Kinh Thứ Ba]

NHÓM 1

NHỮNG NHẬN-THỨC CỦA MỘT SA-MÔN

101 (1) Những Nhận Thức Của Một Sa-Môn

“Này các Tỳ kheo, khi ba ‘nhận-thức của sa-môn’²¹³⁸ được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện bảy điều. Ba đó là gì?

(1) “‘Ta đã bước vào tình trạng vô giai cấp. (2) Sự sống của ta phụ thuộc vào những người khác.’ (3) Hành vi phong cách của ta phải khác.’ Khi ba nhận-thức của sa-môn này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện bảy điều. Bảy đó là gì?

(4) “Người đó kiên định hành động và hành vi đúng theo giới-hạnh. (5) Người đó không có tham-muốn, (6) không có sự ác-ý, (7) không có sự kiêu-ngạo. (8) Một đó mong muốn sự tu-tập. (9) Người đó sử dụng ‘những thứ thiết yếu để duy trì sự sống’ với sự ý thức (hiểu, biết) rõ về mục đích của chúng. (10) Người đó nỗ-lực tu (tinh tấn). Này các Tỳ kheo, khi ba ‘nhận-thức của sa-môn’ được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện bảy điều này.”

102 (2) Các Chi Giác Ngộ

“Này các Tỳ kheo, khi bảy chi giác-ngộ này (thất giác chi) được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện ba trí-biết đích thực (tam minh). Bảy đó là gì?

(1) “Chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm giác chi), (2) chi giác-ngộ là sự phân-biệt các hiện-tượng (trạch pháp giác chi), (3) chi giác-ngộ là sự nỗ-lực tu (tinh tấn giác chi), (4) chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ giác chi), (5) chi giác-ngộ là sự định-tâm (định giác chi), và (7) chi giác-ngộ là sự

buông-xả (xả giác chi). Khi bảy chi giác-ngộ này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện ba trí-biết đích thực. Ba đó là gì?

(8) “Ở đây, một Tỳ kheo có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ (*túc mạng minh*): [Đó là một lần sinh, hai lần sinh ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.]. Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy.²¹³⁹

(9) “Với yếu-tố mất thiên thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người: [Người đó *nhìn thấy* nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh ... và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy.

(10) “Với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. (*lậu tận minh*)

“Này các Tỳ kheo, khi bảy chi giác-ngộ này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện ba trí-biết đích thực.”

103 (3) Đường Sai

“Này các Tỳ kheo, phụ thuộc vào đường sai (tà đạo) thì có thất bại, không có thành công. Và theo cách nào thì phụ thuộc vào đường sai thì có thất bại, không có thành công?

(I) (1) “Do người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến), nên (2) ý-định sai lạc (tà tư duy) phát sinh. Do người có ý-định sai lạc, nên (3) lời-nói sai trái (tà ngữ) phát sinh, (4) hành-động sai trái (tà nghiệp) phát sinh. Do người có hành-động sai trái, nên (5) sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) phát sinh. Do người có sự mưu-sinh sai trái, nên (6) sự nỗ-lực tu sai lạc (tà tinh tấn) phát sinh. Do người có sự nỗ-lực tu sai lạc, nên (7) sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) phát sinh. Do người có sự tâm-niệm sai lạc, nên (8) sự định-tâm sai lạc (tà định) phát sinh. Do người có sự định-tâm sai lạc, nên (9) sự-biết sai

lạc (tà tri) phát sinh. Do người có sự-biết sai lạc, nên (10) sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) phát sinh.²¹⁴⁰ Theo cách này, phụ thuộc vào đường sai thì có thất bại, không có thành công.

“Phụ thuộc vào đường đúng (chánh đạo) thì có thành công, không có thất bại. Và theo cách nào thì phụ thuộc vào đường đúng thì có thành công, không có thất bại?”

(II) (1) “Do người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), nên (2) ý-định đúng đắn (chánh tư duy) khởi sinh. Do người có ý-định đúng đắn, nên (3) lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) khởi sinh, (4) hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) khởi sinh. Do người có hành-động đúng đắn nên, (5) sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) khởi sinh. Do người có sự mưu-sinh đúng đắn, nên (6) sự nỗ-lực tu đúng đắn (chánh tinh tấn) khởi sinh. Do người có sự nỗ-lực tu đúng đắn, nên (7) sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) khởi sinh. Do người có sự tâm-niệm đúng đắn, nên (8) sự định-tâm đúng đắn (chánh định) khởi sinh. Do người có sự định-tâm đúng đắn, nên (9) sự-biết đúng đắn (chánh tri) khởi sinh. Do người có sự-biết đúng đắn, nên (10) sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) khởi sinh.²¹⁴¹ Theo cách này, phụ thuộc vào đường đúng thì có thành công, không có thất bại.”

104 (4) Một Hạt Giống ²¹⁴²

(I) “Này các Tỳ kheo, đối với người có cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực tu sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự-biết sai lạc, và sự giải-thoát sai lạc [tà kiến, tư duy, ngữ, nghiệp, mạng, niệm, định, tri, giải-thoát] thì mọi thân nghiệp, khẩu nghiệp, và tâm nghiệp người đó khởi sự hay thực hiện theo cách-nhìn đó, và mọi ý-định, mong-muốn, khuynh-hướng, và những hành-vi cố ý đều dẫn tới những điều (hậu quả) không mong, không muốn và khó chịu, dẫn tới sự nguy hại và khổ đau. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là xấu.

“Này các Tỳ kheo, giống như khi một hạt giống cây sàu đậu, dưa

đắng, hay khô qua được gieo xuống đất âm, nó sẽ chuyển hóa dưỡng chất và nước thành trái có vị đắng, vị gắt, và vị khó chịu. Vì lý do gì? Vì giống hạt đó vốn là đắng. Cũng giống như vậy, đối với người có cách-nhìn sai lạc ... sự giải-thoát sai lạc ... đều dẫn tới những điều (hậu quả) không mong, không muốn và khó chịu, dẫn tới sự nguy hại và khổ đau. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là xấu.”

(II) “Này các Tỳ kheo, đối với người có cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực tu đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn [chánh kiến, tư duy, ngữ, nghiệp, mạng, niệm, định, tri, giải-thoát], thì mọi thân nghiệp, khẩu nghiệp, và tâm nghiệp người đó khởi sự hay thực hiện theo cách-nhìn đó, và mọi ý-định, mong-muốn, khuynh-hướng, và những hành-vi có ý đều dẫn tới những điều (hậu quả) đáng mong, đáng muốn và dễ chịu, dẫn tới sự an sinh và hạnh phúc. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là tốt.

“Này các Tỳ kheo, giống như giống cây mía, hạt giống lúa nương, hay hạt giống nho được trồng trên đất âm, nó sẽ chuyển hóa dưỡng chất và nước thành trái có vị ngọt, dễ chịu, và ngon miệng. Vì lý do gì? Vì giống hạt đó vốn là ngọt. Cũng giống như vậy, đối với người có cách-nhìn đúng đắn ... sự giải-thoát đúng đắn ... đều dẫn tới những điều (hậu quả) đáng mong, đáng muốn và dễ chịu, dẫn tới sự an sinh và hạnh phúc. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là tốt.”

105 (5) Minh

(I) “Này các Tỳ kheo, vô-minh (sự không-biết, không-thấy; ngu tối, ngu mờ, ngu si; sự-biết sai; ngược lại với sự-biết, sự-thấy, trí-biết đích thực, chân trí, minh)— đi kèm với sự không biết xấu-hổ lương tâm (vô tâm) và sự không biết sợ-hãi việc làm sai trái (vô quý)— là thứ dẫn đầu bước vào những trạng thái bất-thiện.²¹⁴³ (1) Đối với người ngu bị chìm đắm trong vô-minh thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) cứ phát sinh. (2) Người có cách-

nhìn sai lạc thì ý-định sai lạc (tà tư duy) phát sinh. (3) Người có ý-định sai lạc thì lời-nói sai trái (tà ngữ) phát sinh. (4) Người có lời-nói sai trái thì hành-động sai trái (tà nghiệp) phát sinh. (5) Người có hành-động sai trái thì sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) phát sinh. (6) Người có sự mưu-sinh sai trái thì sự nỗ-lực tu sai lạc (tà tinh tấn) phát sinh. (7) Người có sự nỗ-lực tu sai lạc thì sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) phát sinh. (8) Người có sự tâm-niệm sai lạc thì sự định-tâm sai lạc (tà định) phát sinh. (9) Người có sự định-tâm sai lạc thì sự-biết sai lạc (tà tri) phát sinh. (10) Người có sự-biết sai lạc thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) phát sinh.

(II) “Này các Tỳ kheo, minh [trí-biết đích thực, chân trí]— đi kèm với sự biết xấu-hổ lương tâm (tàm) và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái (quý)— là thứ dẫn đầu bước vào những trạng thái thiện-lành. (1) Đối với người có trí đã đạt tới minh thì cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) khởi sinh. (2) Người có cách-nhìn đúng đắn thì ý-định đúng đắn (chánh tư duy) khởi sinh. (3) Người có ý-định đúng đắn thì lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) khởi sinh. (4) Người có lời-nói đúng đắn thì hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) khởi sinh. (5) Người có hành-động đúng đắn thì sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) khởi sinh. (6) Người có sự mưu-sinh đúng đắn thì sự nỗ-lực tu đúng đắn (chánh tinh tấn) khởi sinh. (7) Người có sự nỗ-lực tu đúng đắn thì sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) khởi sinh. (8) Người có sự tâm-niệm đúng đắn thì sự định-tâm đúng đắn (chánh định) khởi sinh. (9) Người có sự định-tâm đúng đắn thì sự-biết đúng đắn (chánh tri) phát sinh. (10) Người có sự-biết đúng đắn thì sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải-thoát) khởi sinh.”²¹⁴⁴

106 (6) Phai Mòn

“Này các Tỳ kheo, có mười trường hợp này của sự phai-mòn.²¹⁴⁵ Mười đó là gì?

(1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) sẽ phai mòn, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị

cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng phai mòn, và với cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

(2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) sẽ phai mòn ...

(3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) sẽ phai mòn ...

(4) “Đối với người có hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) sẽ phai mòn ...

(5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh mạng) thì sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) sẽ phai mòn ...

(6) “Đối với người có sự nỗ-lực tu đúng đắn (chánh tinh-tấn) thì sự nỗ-lực tu sai lạc (tà tinh tấn) sẽ phai mòn ...

(7) “Đối với người có sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) thì sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) sẽ phai mòn ...

(8) “Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) sẽ phai mòn ...

(9) “Đối với người có sự-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự-biết sai lạc (tà tri) sẽ phai mòn ... *(kinh gốc ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giản lược điều (2)-(9).)*

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) sẽ phai mòn, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng phai mòn, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

“Đây là mười trường hợp của sự phai mòn.”

107 (7) Dhovana (Rửa)

“Này các Tỳ kheo, có một nước ở phía nam tên là nước ‘Rửa’ [Dho-

vana]²¹⁴⁶, ở đó (trong lễ rửa xương?) họ có thức ăn, thức uống, những bữa ăn, đồ bổ dưỡng, đồ giải khát, cũng như có nhảy múa, ca hát và âm nhạc. Có sự ‘Rửa’ như vậy, này các Tỳ kheo; ta không chối cãi. Nhưng sự ‘Rửa’ này là thấp hèn, thô tục, dành cho những người phạm tục, là không thánh thiện, không ích lợi; nó không dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê-thích), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn

“Nhưng, này các Tỳ kheo, ta sẽ chỉ dạy một sự rửa thánh thiện nhất hướng dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Nhờ (tùy thuộc) vào sự rửa này, những chúng sinh phải bị (tái) sinh được thoát khỏi sự sinh, những chúng sinh phải bị già được thoát khỏi sự già, những chúng sinh phải bị chết được thoát khỏi sự chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não) được thoát khỏi sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự rửa thánh thiện đó?

(1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị rửa đi, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị rửa đi, và với cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

(2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) bị rửa đi ... (3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) bị rửa đi ... (4) “Đối với người có hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) bị rửa đi ... (5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh mạng) thì sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) bị rửa đi ... (6) “Đối với người có sự nỗ-lực tu đúng đắn (chánh tinh-tấn) thì sự nỗ-lực tu sai lạc (tà tinh tấn) bị rửa đi ... (7) “Đối với người có sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) thì sự tâm-niệm

sai lạc (tà niệm) bị rửa đi ... (8) “Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) bị rửa đi ... (9) “Đối với người có sự-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự-biết sai lạc (tà tri) bị rửa đi ... *(kinh góc ghi lần lượt 10 điều đây đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giản lược điều (2)-(9).)*

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) bị rửa đi, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị rửa đi, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, đây là sự rửa thánh thiện nhất hướng dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Và nhờ vào sự rửa này, những chúng sinh phải bị (tái) sinh được thoát khỏi sự sinh, những chúng sinh phải bị già được thoát khỏi sự già, những chúng sinh phải bị chết được thoát khỏi sự chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sâu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sâu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.”

108 (8) Những Thầy Thuốc (thuốc xổ)

“Này các Tỳ kheo, những thầy thuốc kê toa thuốc xổ để loại bỏ những bệnh từ mật, đờm, gió. Có thuốc xổ như vậy, này các Tỳ kheo; ta không chối cãi. Nhưng thuốc xổ này có lúc thành công, có lúc thất bại.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, ta sẽ chỉ dạy một thuốc xổ thánh thiện luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại. Nhờ (tùy thuộc) vào thuốc xổ này, những chúng sinh phải bị (tái) sinh được thoát khỏi sự sinh, những chúng sinh phải bị già được thoát khỏi sự già, những chúng sinh phải bị chết được thoát khỏi sự chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sâu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sâu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.”

“Dạ, thưa Thê Tôn”, những Tỳ kheo đáp lại.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một thuốc xổ thánh thiện đó luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại?

(1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị xổ bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị xổ bỏ, và với cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

(2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) bị xổ bỏ ... (3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) bị xổ bỏ ... (4) “Đối với người có hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) bị xổ bỏ ... (5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh mạng) thì sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) bị xổ bỏ ... (6) “Đối với người có sự nỗ-lực tu đúng đắn (chánh tinh-tấn) thì sự nỗ-lực tu sai lạc (tà tinh tấn) bị xổ bỏ ... (7) “Đối với người có sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) thì sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) bị xổ bỏ ... (8) “Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) bị xổ bỏ ... (9) “Đối với người có sự-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự-biết sai lạc (tà tri) bị xổ bỏ ... *(kinh gốc ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giản lược điều (2)-(9).)*

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) bị xổ bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị xổ bỏ, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, đây là thuốc xổ thánh thiện đó luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại. Và nhờ vào thuốc xổ này, những chúng sinh phải bị (tái) sinh được thoát khỏi sự sinh, những chúng sinh phải bị già được thoát khỏi sự già, những chúng sinh phải bị chết được thoát khỏi sự chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền,

và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sâu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.”

109 (9) Thuốc Ói

“Này các Tỳ kheo, những thầy thuốc kê toa thuốc ói để loại bỏ những bệnh từ mật, đờm, gió. Có thuốc ói như vậy, này các Tỳ kheo; ta không chối cãi. Nhưng thuốc ói này có lúc thành công, có lúc thất bại.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, ta sẽ chỉ dạy một thuốc ói thánh thiện luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại. Nhờ (tùy thuộc) vào thuốc ói này, những chúng sinh phải bị (tái) sinh được thoát khỏi sự sinh, những chúng sinh phải bị già được thoát khỏi sự già, những chúng sinh phải bị chết được thoát khỏi sự chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sâu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sâu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, những Tỳ kheo đáp lại.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một thuốc ói thánh thiện đó luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại?

(1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị ói bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị ói bỏ, và với cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

(2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) bị ói bỏ ... (3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) bị ói bỏ ... (4) “Đối với người có hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) bị ói bỏ ... (5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh mạng) thì sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) bị ói bỏ ... (6) “Đối với người có sự nỗ-lực tu đúng đắn (chánh tinh-tấn) thì sự nỗ-lực tu sai lạc (tà tinh tấn) bị ói bỏ ... (7)

“Đối với người có sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) thì sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) bị ói bỏ ... (8) “Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) bị ói bỏ ... (9) “Đối với người có sự-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự-biết sai lạc (tà tri) bị ói bỏ ... *(kinh gốc ghi lần lượt 10 điều đây đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giản lược điều (2)-(9).)*

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) bị ói bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị ói bỏ, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, đây là thuốc ói thánh thiện đó luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại. Và nhờ vào thuốc ói này, những chúng sinh phải bị (tái) sinh được thoát khỏi sự sinh, những chúng sinh phải bị già được thoát khỏi sự già, những chúng sinh phải bị chết được thoát khỏi sự chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng.”

110 (10) Tổng Bỏ

“Này các Tỳ kheo, có mười điều sẽ bị tổng bỏ. Mười đó là gì?

(1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị tổng bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị tổng bỏ, và với cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

(2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) bị tổng bỏ ... (3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) bị tổng bỏ ... (4) “Đối với người có hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) bị tổng bỏ ... (5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh mạng)

thì sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) bị tổng bỏ ... (6) “Đối với người có sự nỗ-lực tu đúng đắn (chánh tinh-tấn) thì sự nỗ-lực tu sai lạc (tà tinh tấn) bị tổng bỏ ... (7) “Đối với người có sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) thì sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) bị tổng bỏ ... (8) “Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) bị tổng bỏ ... (9) “Đối với người có sự-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự-biết sai lạc (tà tri) bị tổng bỏ ... *(kinh gốc ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giản lược điều (2)-(9).)*

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) bị tổng bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do bị sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị tổng bỏ, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, đây là mười điều sẽ bị tổng bỏ.”

111 (11) Vô Học Nhân (1)

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô học nhân, vô học nhân’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo là vô học nhân?”²¹⁴⁷

“Ở đây, một Tỳ kheo có được (1) cách-nhìn đúng đắn của một vô học nhân. Người đó có được (2) ý-định đúng đắn ... (3) lời-nói đúng đắn ... (4) hành-động đúng đắn ... (5) sự mưu-sinh đúng đắn ... (6) sự nỗ-lực tu đúng đắn ... (7) sự tâm-niệm đúng đắn ... (8) sự định-tâm đúng đắn ... (9) sự-biết đúng đắn ... (10) sự giải-thoát đúng đắn của một vô học nhân. Chính theo cách này một Tỳ kheo là bậc vô học nhân.”

112 (12) Vô Học Nhân (2)

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất của bậc vô học nhân. Mười đó

là gì? (1) Cách-nhìn đúng đắn của một vô học nhân. Người đó có được (2) ý-định đúng đắn ... (3) lời-nói đúng đắn ... (4) hành-động đúng đắn ... (5) sự mưu-sinh đúng đắn ... (6) sự nỗ-lực tu đúng đắn ... (7) sự tâm-niệm đúng đắn ... (8) sự định-tâm đúng đắn ... (9) sự-biết đúng đắn ... (10) sự giải-thoát đúng đắn của một vô học nhân. Đây là mười phẩm chất của bậc vô học nhân.”

NHÓM 2

LỄ PACCOROHANĪ

113 (1) Phi Giáo Pháp (1)

[“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu.²¹⁴⁸ Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.]

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại? Cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực tu sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự-biết sai lạc, và sự giải-thoát sai lạc. (Tà-kiến, tư duy, ngữ, nghiệp, mạng, tinh tấn, niệm, định, tri, giải-thoát). Đây là điều được nói là phi Giáo Pháp và nguy-hại.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp và ích-lợi? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực tu đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. (Chánh-kiến, tư duy, ngữ, nghiệp, mạng, tinh tấn, niệm, định, tri, giải-thoát). Đây là điều được nói là Giáo Pháp và ích-lợi.

“Khi điều đó được nói: [“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] là do chiếu theo (08 tà đạo, 02 sự tà quả và 08 chánh đạo, 02 sự chánh quả) như vậy nên nó được nói ra như vậy.”

114 (2) Phi Giáo Pháp (2)

[“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được

hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.]

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích lợi?”

(1) “Cách-nhìn sai lạc là phi Giáo Pháp; cách-nhìn đúng đắn là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

(2) “Ý-định sai lạc là phi Giáo Pháp; ý-định đúng đắn là Giáo Pháp...”

(3) “Lời-nói sai trái là phi Giáo Pháp; lời-nói đúng đắn là Giáo Pháp...”

(4) “Hành-động sai trái là phi Giáo Pháp; hành-động đúng đắn là Giáo Pháp...”

(5) “Sự mưu-sinh sai trái là phi Giáo Pháp; sự mưu-sinh đúng đắn là Giáo Pháp...”

(6) “Sự nỗ-lực tu sai lạc là phi Giáo Pháp; sự nỗ-lực tu đúng đắn là Giáo Pháp...”

(7) “Sự tâm-niệm sai lạc là phi Giáo Pháp; sự tâm-niệm đúng đắn là Giáo Pháp...”

(8) “Sự định-tâm sai lạc là phi Giáo Pháp; sự định-tâm đúng đắn là Giáo Pháp...”

(9) “Sự-biết sai lạc là phi Giáo Pháp; sự-biết đúng đắn là Giáo Pháp... *(kinh gốc ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giản lược điều (2)-(9).)*

(10) “Sự giải-thoát sai lạc là phi Giáo Pháp; sự giải-thoát đúng đắn là

Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

“Khi điều đó được nói: [“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] là do chiếu theo (08 tà đạo, 02 sự tà quả và 08 chánh đạo, 02 sự chánh quả) như vậy nên nó được nói ra như vậy.”

115 (3) Phi Giáo Pháp (3)

*{[“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.]

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ-ở.²¹⁴⁹ Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét: “Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này: [“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu ... một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.']. Giờ ai sẽ giảng giải ý nghĩa của nó một cách chi tiết?”. Rồi ý này đã xảy đến với họ: “Ngài Ānanda được khen bởi Vị Thầy (Phật) và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo; thầy ấy là có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời dạy vắn tắt này. Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này. Chúng ta sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi thầy ấy giải thích lời dạy đó cho chúng ta.”

Rồi các Tỳ kheo đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Ānanda,

sau đó họ ngồi xuống một bên và nói: “Đạo hữu Ānanda, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này. Rồi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ-ở, không giảng nghĩa một cách chi tiết. Không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, chúng tôi đã suy xét: “Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này ... [*lặp lại như kể trên*] ... Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này. Chúng ta sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi thầy ấy giải thích lời dạy đó cho chúng ta.’ Vậy mong thầy Ānanda giảng giải lời dạy đó cho chúng tôi.”

[Thầy Ānanda trả lời:] “Này các đạo hữu, điều này giống như là, mặc dù một người đang cần gỗ lõi đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm kiếm gỗ lõi, mà lại bỏ qua phần gốc và thân của một cây to có phần gỗ lõi, nghĩ rằng gỗ lõi nên được tìm kiếm trong những cành những lá. Và điều này cũng giống với các thầy. Khi các thầy đang mặt đối mặt với đức Thế Tôn lại bỏ qua đức Thế Tôn, và nghĩ tới chuyện đến gặp tôi để hỏi về ý nghĩa (của lời dạy đó). Này các đạo hữu, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy đã trở thành sự-thấy, bậc ấy đã trở thành sự-biết, bậc ấy đã trở thành Giáo Pháp, bậc ấy đã trở thành trời Brahmā; bậc ấy là người giảng giải, người tuyên thuyết, người làm rõ ý nghĩa, người ban cho sự bất-tử, chúa tể của Giáo Pháp, Như Lai. Đó là lúc khi các thầy đã đến gặp đức Thế Tôn và lẽ ra các thầy nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa (của lời dạy vắn tắt đó). Rồi có lẽ các thầy đã lưu nhớ được trong tâm sau khi đức Thế Tôn đã giảng giải cho các thầy.”

“Này đạo hữu Ānanda, chắc chắn rằng, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy đã trở thành sự-thấy ... Như Lai. Đó là lúc khi chúng tôi đã đến gặp đức Thế Tôn và lẽ ra chúng tôi đã nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa (của lời dạy vắn tắt đó). Rồi chúng tôi đã lưu nhớ được trong tâm sau khi đức Thế Tôn đã giảng giải cho chúng tôi. Nhưng thầy Ānanda được khen ngợi bởi Vị Thầy và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo hiền trí của mình. Thầy là có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời dạy vắn tắt này. Vậy mong thầy Ānanda hãy giảng giải nó mà không thấy phiền hà gì.”

“Vậy thì, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Tôi sẽ nói.”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết của nó: ‘... [*lặp lại câu Phật đã nói*]...’. Giờ, này các đạo hữu, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích-lợi?}* (*Tiếp tục 10 điều giống y trong kinh 10:114 kể trên, như sau:*)

(1) “Cách-nhìn sai lạc là phi Giáo Pháp; cách-nhìn đúng đắn là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

(2) “Ý-định sai lạc là phi Giáo Pháp; ý-định đúng đắn là Giáo Pháp...

(3) “Lời-nói sai trái là phi Giáo Pháp; lời-nói đúng đắn là Giáo Pháp...

(4) “Hành-động sai trái là phi Giáo Pháp; hành-động đúng đắn là Giáo Pháp...

(5) “Sự mưu-sinh sai trái là phi Giáo Pháp; sự mưu-sinh đúng đắn là Giáo Pháp...

(6) “Sự nỗ-lực tu sai lạc là phi Giáo Pháp; sự nỗ-lực tu đúng đắn là Giáo Pháp...

(7) “Sự tâm-niệm sai lạc là phi Giáo Pháp; sự tâm-niệm đúng đắn là Giáo Pháp...

(8) “Sự định-tâm sai lạc là phi Giáo Pháp; sự định-tâm đúng đắn là Giáo Pháp...

(9) “Sự-biết sai lạc là phi Giáo Pháp; sự-biết đúng đắn là Giáo Pháp... (*kinh gốc ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch giản lược điều (2)-(9).*)

(10) “Sự giải-thoát sai lạc là phi Giáo Pháp; sự giải-thoát đúng đắn là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

“Này các đạo hữu, chính theo cách này tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của lời dạy vắn tắt của đức Thế Tôn. Giờ, nếu muốn, các thầy có thể đến gặp trực tiếp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của (lời dạy) này. Rồi các thầy sẽ lưu nhớ nó trong tâm sau khi đức Thế Tôn giảng giải cho các thầy.”

“Dạ, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Ānanda, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau đó đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi họ kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa: ... [*họ kể lại toàn bộ câu chuyện*] ... Thầy Ānanda đã giảng cho chúng con ý nghĩa theo những cách như vậy, với những từ ngữ và câu chữ như vậy.”

“Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Thầy Ānanda là có trí. Thầy Ānanda có trí-tuệ lớn lao. Nếu các thầy có đến gặp ta và hỏi ta về ý nghĩa của điều này, ta cũng giải thích nó cho các thầy đúng như cách thầy Ānanda đã nói. Đó chính là ý nghĩa của điều này, và do vậy các thầy nên lưu giữ trong tâm.”

116 (4) Ajita ²¹⁵⁰

Lúc đó có du sĩ tên Ajita đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, tôi có một đồng đạo tên là Paṇḍita.²¹⁵¹ Người đó đã nghĩ ra năm trăm luận cứ²¹⁵² mà vì chúng những tu sĩ giáo phái khác, khi bị bác bỏ, biết được ‘Mình đã bị bác bỏ’.” (tức là tâm phục khi bị bác bỏ)

Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhớ trường hợp của Paṇḍita không?”

“Thưa Thế Tôn, đây là lúc! Thưa bậc Phúc Lành, đây là lúc cho điều này! Sau khi nghe được điều này từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ lưu giữ trong tâm mọi điều đức Thế Tôn nói.”

“Vậy thì, này các Tỳ kheo, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(i) “Ở đây, có người bài bác và bác bỏ một triết lý trái với Giáo Pháp bằng (phương tiện là) một triết lý trái với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng trái với Giáo Pháp. Vì lý do này hội chúng trái với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: ‘Thưa quý ngài, vị này thực sự là có trí!’.”²¹⁵³

(ii) “Có người bài bác và bác bỏ một triết lý hợp với Giáo Pháp bằng phương tiện là một triết lý trái với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng trái với Giáo Pháp. Vì lý do này hội chúng trái với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: ‘Thưa quý ngài, vị này thực sự là có trí!’.”

(iii) “Có người bài bác và bác bỏ một triết lý hợp với Giáo Pháp và cả một triết lý trái với Giáo Pháp bằng một triết lý trái với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng trái với Giáo Pháp. Vì lý do này hội chúng trái với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: ‘Thưa quý ngài, vị này thực sự là có trí!’.”²¹⁵⁴

[(iv) “Có người bài bác và bác bỏ một triết lý hợp với Giáo Pháp và cả một triết lý trái với Giáo Pháp bằng một triết lý hợp với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng trái với Giáo Pháp. Vì lý do này hội chúng trái với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: ‘Thưa quý ngài, vị này thực sự là có trí!’.”

(v) “Có người bài bác và bác bỏ một triết lý hợp với Giáo Pháp bằng một triết lý hợp với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội

chúng hợp với Giáo Pháp. Vì lý do này hội chúng hợp với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: ‘Thưa quý ngài, vị này thực sự là có trí!’.] ²¹⁵⁵

[“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.]

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích lợi?

[Tiếp tục bài kinh y hệt như kinh 10:114, và kết thúc bằng đoạn kết này:]

“Khi điều đó được nói: [“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] là do chiếu theo (08 tà đạo, 02 sự tà quả và 08 chánh đạo, 02 sự chánh quả) như vậy nên nó được nói ra như vậy.”

117 (5) Bà-La-Môn Saṅgārava

Lúc đó có bà-la-môn Saṅgārava đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, cái gì là bờ này (bờ này, bờ gần, bờ gần)? Cái gì là bờ kia (bờ kia, bờ xa, bờ gần)?”

“Này bà-la-môn, (1) cách-nhìn sai lạc là bờ này, cách-nhìn đúng đắn là bờ kia. (2) Ý-định sai lạc là bờ này, ý-định đúng đắn là bờ kia. (3) Lời-nói sai trái là bờ này, lời-nói đúng đắn là bờ kia. (4) Hành-động sai trái là bờ này, hành-động đúng đắn là bờ kia. (5) Sự mưu-sinh sai trái là bờ này, sự mưu-sinh đúng đắn là bờ kia. (6) Sự nỗ-lực tu sai lạc là bờ này, sự nỗ-

lực tu đúng đắn là bờ kia. (7) Sự tâm-niệm sai lạc là bờ này, sự tâm-niệm đúng đắn là bờ kia. (8) Sự định-tâm sai lạc là bờ này, sự định-tâm đúng đắn là bờ kia. (9) Sự-biết sai lạc là bờ này, sự-biết đúng đắn là bờ kia. (10) Sự giải-thoát sai lạc là bờ này, sự giải-thoát đúng đắn là bờ kia. Đây bà-la-môn, một cái là bờ này, cái kia là bờ kia.”

Chỉ một số ít người ²¹⁵⁶

Đi qua bờ kia.

Số còn lại chỉ chạy đi chạy lại,

Đọc theo bờ [bên này].

Khi Giáo Pháp được thuyết giảng một cách chân chính

Những ai thực hành đúng theo đó

Họ sẽ vượt qua được

Cõi Tử Thần vốn rất khó vượt qua.

Sau khi đã bỏ lại những phẩm-chất tối,

Người có trí tu tập những phẩm-chất sáng.

Sau khi đã đi từ tại gia đến xuất gia,

(Xuất gia) là chỗ khó (hiếm ai) thích thú—

Ở đó người tu tìm sự vui thích trong sự tách-ly,

Sau khi đã gạt bỏ những khoái-lạc giác quan.

Không sở hữu gì, người có trí

Nên thanh lọc bản thân khỏi những ô-nhiễm trong tâm.

Những ai có tâm được khéo tu tập đúng đắn

Trong ‘bảy chi giác-ngộ’,

Là người thông qua ‘sự không còn chấp-thủ’

Tìm thấy niềm vui thích trong ‘sự từ-bỏ sự nắm-giữ’:

Sáng ngời, sau khi đã tiêu diệt những ô-nhiễm,

Họ là những người đã tịch tịnh trong thế gian. ²¹⁵⁷

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bờ này và bờ kia. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bờ này và cái gì là bờ kia? Này các Tỳ kheo, (1) cách-nhìn sai lạc là bờ này, cách-nhìn đúng đắn là bờ kia ... (10) Sự giải-thoát sai lạc là bờ này, sự giải-thoát đúng đắn là bờ kia.”

[*Nội dung và phần thi kệ giống kinh kể trên*]

119 (7) Lễ Paccorohaṇī (1)

{Bấy giờ, lúc đó, nhằm ngày bố-tát (uposatha), bà-la-môn Jāṇussoṇī đứng một bên không xa đức Thế Tôn, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ *kusa* ướt. Đức Thế Tôn nhìn thấy ông đứng đó và nói với ông:

“Này bà-la-môn, vì sao vào ngày bố-tát ông đứng qua một bên, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ *kusa* ướt như vậy? Điều gì đang xảy ra với họ tộc bà-la-môn?”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, hôm nay là ngày lễ hội Paccorohaṇī [Lễ bước xuống] của họ tộc bà-la-môn.”²¹⁵⁸

“Nhưng theo cách nào những bà-la-môn thực hiện (tuân thủ) lễ Paccorohaṇī?”

“Ở đây, Thầy Cồ-đàm, vào ngày lễ bố-tát, những bà-la-môn gội sạch đầu tóc và mặc bộ đồ mới mới bằng vải lanh. Rồi họ trét phân bò lên nền đất, rồi lấy nắm cỏ xanh *kusa* này đập lại, và nằm xuống giữa đường kẻ biên và nhà lửa. Trong suốt đêm, họ dậy ba lần, và cháp tay đánh lễ ngọn lửa: ‘Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính. Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính.’²¹⁵⁹ Họ cúng vào lửa nhiều ván bơ, dầu, và bơ. Sau khi đêm đã qua, họ cúng nhiều loại thức ăn ngon cho những bà-la-môn. Thầy Cồ-đàm, chính theo cách này những bà-la-môn thực hiện lễ Paccorohaṇī.”

“Này bà-la-môn, lễ Paccorohaṇī theo giới-luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với lễ Paccorohaṇī của những bà-la-môn.”

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, lễ Paccorohaṇī theo giới-luật của Thánh Nhân thì được thực hiện theo cách nào? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp bằng cách giảng giải cách lễ Paccorohaṇī được thực hiện theo giới-luật của Thánh Nhân.”

“Được rồi, này bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa thầy”, bà-la-môn Jāṇussoṇī đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: }

(1) “Ở đây, này bà-la-môn, người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc.

(2) “Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của ý-định sai lạc (tà tư duy) ... (3) ... lời-nói sai trái (tà ngữ) ... (4) hành-động sai trái (tà nghiệp) ... (5) ... sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) ... (6) sự nỗ-lực tu sai lạc (tà tinh tấn) ... (7) ... sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) ... (8) ... sự định-tâm sai lạc (tà định) ... (9) ... sự-biết sai lạc (tà tri) ... (người dịch giản lược) ... (10) sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ giải-thoát sai lạc, người đó bước xuống khỏi sự giải-thoát sai lạc.

“Này bà-la-môn, chính theo cách này lễ Paccorohaṇī được thực hiện theo giới-luật của Thánh Nhân.”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, lễ Paccorohaṇī theo giới-luật của Thánh Nhân là hoàn toàn khác với lễ Paccorohaṇī của những bà-la-môn. Và lễ Paccorohaṇī của những bà-la-môn không đáng bằng 1/16 của lễ Paccorohaṇī theo giới-luật của Thánh Nhân.

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như Người

đã dựng lại những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến cuối đời.”

120 (8) *Lễ Paccorohaṇī (2)*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy lễ Paccorohaṇī [Lễ bước xuống] thánh thiện. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là lễ Paccorohaṇī thánh thiện? (1) “Ở đây, này bà-la-môn, người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc.

(2) “Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của ý-định sai lạc (tà tư duy) ... (3) ... lời-nói sai trái (tà ngữ) ... (4) hành-động sai trái (tà nghiệp) ... (5) ... sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) ... (6) sự nỗ-lực tu sai lạc (tà tinh tấn) ... (7) ... sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) ... (8) ... sự định-tâm sai lạc (tà định) ... (9) ... sự-biết sai lạc (tà tri) ... (*người dịch giản lược*) ... (10) sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ giải-thoát sai lạc, người đó bước xuống khỏi sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là lễ Paccorohaṇī thánh thiện.”

121 (9) *Thứ Dẫn Trước*

“Này các Tỳ kheo, giống như bình minh là cái dẫn trước và tiền thân của mặt trời mọc, cách-nhìn đúng đắn là thứ dẫn trước và tiền thân của những phẩm chất thiện lành. Với người có cách-nhìn đúng đắn, ý-định

đúng đắn khởi sinh. Với người có ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn khởi sinh. Với người có lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn khởi sinh. Với người có hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn khởi sinh. Với người có sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực tu đúng đắn khởi sinh. Với người có sự nỗ-lực tu đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn khởi sinh. Với người có sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn khởi sinh. Với người có sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn khởi sinh. Với người có sự-biết đúng đắn, sự giải-thoát đúng đắn khởi sinh.”

122 (10) Những Ô Nhiễm

“Này các Tỷ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực tu đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

NHÓM 3

THANH LỘC

123 (1) Thứ Nhất

“Này các Tỳ kheo, mười điều này được thanh lọc và thanh tẩy không ở đâu mà ở trong giới-luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... và sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải-thoát). Mười điều này được thanh lọc và thanh tẩy không ở đâu mà ở trong giới-luật của bậc Phúc Lành.”

124 (2) Thứ Hai

“Này các Tỳ kheo, mười điều này nếu chưa khởi sinh thì khởi sinh không ở đâu mà ở trong giới-luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này ...”

125 (3) Thứ Ba

“Này các Tỳ kheo, mười điều này mang lại phước quả và ích lợi lớn lao không ở đâu mà ở trong giới-luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này ...”

126 (4) Thứ Tư

“Này các Tỳ kheo, mười điều này đạt tới đỉnh cao là sự loại bỏ tham, sân, si không ở đâu mà ở trong giới-luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này ...”

127 (5) Thứ Năm

“Này các Tỳ kheo, mười điều này nhất hướng dẫn tới sự tinh-ngộ

(không còn mê-thích), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn không ở đâu mà ở trong giới-luật của bậc Phúc Lành. Mươi đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Mươi điều này ...”

128 (6) Thứ Sáu

“Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ khởi sinh không ở đâu mà ở trong giới-luật của bậc Phúc Lành. Mươi đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Mươi điều này ...”

129 (7) Thứ Bảy

“Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại phước quả và ích lợi lớn lao không ở đâu mà ở trong giới-luật của bậc Phúc Lành. Mươi đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Mươi điều này ...”

130 (8) Thứ Tám

“Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ đạt tới đỉnh cao là sự loại bỏ tham, sân, si không ở đâu mà ở trong giới-luật của bậc Phúc Lành. Mươi đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Mươi điều này ...”

131 (9) Thứ Chín

“Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ nhất hướng dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê-thích), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn không ở đâu mà ở trong giới-luật của bậc Phúc Lành. Mươi đó là gì? Cách-nhìn đúng

đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này ...”

132 (10) Thứ Mười

“Này các Tỳ kheo, có mười đường sai (tà đạo)? Mười đó là gì? Cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực tu sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự-biết sai lạc, và sự giải-thoát sai lạc. Đây là mười đường sai.”

133 (11) Thứ Mười Một

“Này các Tỳ kheo, có mười đường đúng (chánh đạo). Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực tu đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Đây là mười đường đúng.”

NHÓM 4

TỐT

134 (1) Tốt

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy điều gì là tốt và điều gì là xấu. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Ta sẽ nói.

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, điều gì là xấu? Cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực tu sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự-biết sai lạc, và sự giải-thoát sai lạc. (Tà-kiến, tư duy, ngữ, nghiệp, mạng, tinh tấn, niệm, định, tri, giải-thoát). Đây được gọi là xấu. (*mười phần tà đạo*)

“Và, này các Tỳ kheo, điều gì là tốt? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực tu đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. (Chánh-kiến, tư duy, ngữ, nghiệp, mạng, tinh tấn, niệm, định, tri, giải-thoát). Đây được gọi là tốt.” (*mười phần chánh đạo*)

135 (2) — 144 (11) Giáo Pháp Thánh Thiện ...

(135) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp thánh thiện và Giáo Pháp không thánh thiện ... (136) ... điều thiện lành và điều bất thiện ... (137) ... điều gì là ích lợi và điều gì là nguy hại ... (138) ... điều gì là Giáo Pháp và điều gì là phi Giáo Pháp ... (139) ... Giáo Pháp vô nhiễm và Giáo Pháp bị ô nhiễm ... (140) ... Giáo Pháp không đáng chê trách (phi tội lỗi) và Giáo Pháp đáng chê trách (tội lỗi) ... (141) ... Giáo Pháp không hành xác và Giáo Pháp hành xác ... (142) ... Giáo Pháp dẫn tới sự tháo bỏ và Giáo Pháp dẫn tới sự tạo lập (nghiệp, sanh y) ... (143) ... Giáo Pháp có khổ là hậu quả của nó và Giáo Pháp có hạnh phúc là hậu

quả của nó ... (144) ... Giáo Pháp có kết quả là khổ và Giáo Pháp có kết quả là hạnh phúc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp có kết quả là khổ? Cách-nhìn sai lạc (tà-kiến) ... và sự giải-thoát sai lạc (tà giải-thoát). Đây được gọi là Giáo Pháp có kết quả là khổ. (*mười phần tà đạo*)

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp có kết quả là hạnh-phúc? Cách-nhìn đúng đắn (chánh-kiến) ... và sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải-thoát). Đây được gọi là Giáo Pháp có kết quả là hạnh phúc.” (*mười phần chánh đạo*)

(Người dịch đảo thứ tự của kinh (139), (140), (141), (142) theo thứ tự ‘tốt và xấu’. Dãy kinh gốc các thứ tự này là ngược lại. Nhưng giảng giải kế tiếp thì luôn theo thứ tự ‘10 xấu’ rồi ‘10 tốt’.)

NHÓM 5

ĐƯỜNG THÁNH THIỆN

145 (1) Đường Thánh Thiện ...

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con đường thánh thiện (thánh đạo) và con đường không thánh thiện (phi thánh đạo).²¹⁶⁰ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ ...

“Và này các Tỳ kheo, cái gì là con đường không thánh thiện? Cách-nhìn sai lạc (tà-kiến) ... và sự giải-thoát sai lạc (tà giải-thoát). Đây được gọi là con đường không thánh thiện. (*mười phần tà đạo*)

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường thánh thiện? Cách-nhìn đúng đắn (chánh-kiến)... và sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải-thoát). Đây được gọi là con đường thánh thiện.” (*mười phần chánh đạo*)

146 (2) – 154 (10) Đường Sáng ...

(146) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về con đường sáng và con đường tối²¹⁶¹ ... (147) Giáo Pháp tốt và Giáo Pháp xấu ... (148) Giáo Pháp của một người tốt và Giáo Pháp của một người xấu ... (149) Giáo Pháp nên được phát khởi và Giáo Pháp không nên được phát khởi ... (150) Giáo Pháp nên được theo đuổi và Giáo Pháp không nên được theo đuổi ... (151) Giáo Pháp nên được tu tập và Giáo Pháp không nên được tu tập ... (152) ... Giáo Pháp nên được tu dưỡng và Giáo Pháp không nên được tu dưỡng ... (153) Giáo Pháp nên được tưởng niệm và Giáo Pháp không nên được tưởng niệm ... (154) Giáo Pháp nên được chứng ngộ và Giáo Pháp không nên được chứng ngộ ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp không nên được chứng ngộ? Cách-nhìn sai lạc (tà-kiến) ... và sự giải-thoát sai lạc (tà giải-thoát). Đây được gọi là Giáo Pháp không cần được chứng ngộ. (*mười phần tà đạo*)

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp nên được chứng ngộ? Cách-nhìn đúng đắn (chánh-kiến) ... và sự giải-thoát đúng đắn (chánh-giải-thoát). Đây được gọi là Giáo Pháp cần được chứng ngộ.” (*mười phần chánh đạo*)

[Năm Mười Kinh Thứ Tư]

NHÓM 1

NHÓM “NHỮNG NGƯỜI” (1)

155 (1) Gặp Gỡ

“Này các Tỳ kheo, một người không nên gặp gỡ (giao lưu, thân cận) với một người có mùi phẩm chất. Mùi đó là gì? Cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực tu sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự-biết sai lạc, và sự giải-thoát sai lạc. (Tà-kiến, tư duy, ngữ, nghiệp, mạng, tinh tấn, niệm, định, tri, giải-thoát). (*mùi phần tà đạo*). Một người không nên giao lưu gặp gỡ với người có mùi phẩm chất này.

“Này các Tỳ kheo, một người nên gặp gỡ với một người có được mùi phẩm chất. Mùi đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực tu đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. (Chánh-kiến, tư duy, ngữ, nghiệp, mạng, tinh tấn, niệm, định, tri, giải-thoát). (*mùi phần chánh đạo*). Một người nên giao lưu gặp gỡ với người có mùi phẩm chất này.”

156 (2) – 166 (12) Nương Dựa...

(156) “Này các Tỳ kheo, một người không nên nương dựa vào một người có mùi phẩm chất ... một người nên nương dựa vào một người có được mùi phẩm chất ... (157) ... một người không nên nghe theo ... một người nên nghe theo ... (158) ... một người không nên kính trọng ... một người nên kính trọng ... (159) ... một người không nên khen ngợi ... một người nên khen ngợi ... (160) ... một người không nên tôn kính ... một người nên tôn kính ... (161) ... một người không nên thể hiện sự tôn trọng

người có mười phẩm chất ... một người nên thể hiện sự tôn trọng người có được mười phẩm chất ... (162) Một người có mười phẩm chất không thành công ... có được mười phẩm chất thành công ... (163) ... không được thanh lọc (bất tịnh) ... được thanh lọc (thanh tịnh) ... (164) ... không vượt qua sự tự-ta (ngã mạn) ... vượt qua sự tự-ta ... (165) ... không tăng trưởng về trí-tuệ ... tăng trưởng về trí-tuệ ... (166) ... tạo nhiều tổn-phước ... tạo nhiều phước-đức. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực tu đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. (Chánh-kiến, tư duy, ngữ, nghiệp, mạng, tinh tấn, niệm, định, tri, giải-thoát). (*mười phần chánh đạo*). Một người có được mười phẩm chất này tạo ra nhiều phước đức.”

NHÓM 2

BÀ-LA-MÔN JĀṄUSSONĪ

167 (I) Lễ Paccorohaṇī (I) ²¹⁶²

{Bấy giờ, lúc đó, nhằm ngày bố-tát (uposatha), bà-la-môn Jāṇussoṇī đứng một bên không xa đức Thế Tôn, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ *kusa* ướt. Đức Thế Tôn nhìn thấy ông đứng đó và nói với ông:

“Này bà-la-môn, vì sao vào ngày bố-tát ông đứng qua một bên, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ *kusa* ướt như vậy? Điều gì đang xảy ra với họ tộc bà-la-môn?”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, hôm nay là ngày lễ hội Paccorohaṇī [Lễ bước xuống] của họ tộc bà-la-môn.”

“Nhưng theo cách nào những bà-la-môn thực hiện (tuân thủ) lễ Paccorohaṇī?”

“Ồ đây, Thầy Cồ-đàm, vào ngày lễ bố-tát, những bà-la-môn gội sạch đầu tóc và mặc bộ đồ mới mới bằng vải lanh. Rồi họ trét phân bò lên nền đất, rồi lấy nắm cỏ xanh *kusa* này đập lại, và nằm xuống giữa đường kẻ biên và nhà lửa. Trong suốt đêm, họ dậy ba lần, và cháp tay đánh lễ ngọn lửa: ‘Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính. Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính.’ Họ cúng vào lửa nhiều ván bơ, dầu, và bơ. Sau khi đêm đã qua, họ cúng nhiều loại thức ăn ngon cho những bà-la-môn. Thầy Cồ-đàm, chính theo cách này những bà-la-môn thực hiện lễ Paccorohaṇī.”

“Này bà-la-môn, lễ Paccorohaṇī theo giới-luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với lễ Paccorohaṇī của những bà-la-môn.”

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, lễ Paccorohaṇī theo giới-luật của Thánh Nhân thì được thực hiện theo cách nào? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp bằng cách giảng giải cách lễ Paccorohaṇī được thực hiện theo giới-luật của Thánh Nhân.”

“Được rồi, này bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa thầy”, bà-la-môn Jāṇussoṇī đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: }

(1) “Ồ đây, này bà-la-môn, người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của sự sát-sinh là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ sự sát-sinh; người đó bước xuống khỏi sự sát-sinh.

(2) “Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của sự gian-cấp ... (3) sự tà-dâm ... (4) sự nói-dối nói láo ... (5) sự nói lời gây chia-rẽ ... (6) sự nói lời gắt-gông nạt nộ ... (7) sự nói chuyện tầm-phào tán dóc vô ích ... (8) sự tham-dục [thèm muốn] ... (9) sự ác-ý ... (*người dịch giản lược*) ... (10) cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc.

“Này bà-la-môn, chính theo cách này lễ Paccorohaṇī được tuân thủ theo giới-luật của Thánh Nhân.”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, lễ Paccorohaṇī theo giới-luật của Thánh Nhân là hoàn toàn khác với lễ Paccorohaṇī của những bà-la-môn. Và lễ Paccorohaṇī của những bà-la-môn không đáng bằng 1/16 của lễ Paccorohaṇī theo giới-luật của Thánh Nhân.

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! ... [*như đoạn cuối kinh 10:119*] ... Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời.”

168 (2) Lễ Paccorohaṇī (2)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy lễ Paccorohaṇī [Lễ bước xuống] thánh thiện. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là lễ Paccorohaṇī thánh thiện? Ở đây, (1) người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của sự sát-sinh là

xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ sự sát-sinh; người đó bước xuống khỏi sự sát-sinh.

(2) “Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của sự gian-cấp ... (3) sự tà-dâm ... (4) sự nói-dối nói láo ... (5) sự nói lời gây chia-rẽ ... (6) sự nói lời gắt-gông nạt nộ ... (7) sự nói chuyện tâm-phào tán dóc vô ích ... (8) sự tham-dục [thèm muốn] ... (9) sự ác-ý ... (*người dịch giản lược*) ... (10) cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc. Đây được gọi là lễ Paccorohanī thánh thiện.”

169 (3) *Saṅgārava* ²¹⁶³

Lúc đó có bà-la-môn Saṅgārava đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, cái gì là bờ này (bờ bên này, bờ gần, thử ngạn)? Cái gì là bờ kia (bờ bên kia, bờ xa, bỉ ngạn)?”

“Này bà-la-môn, (1) sự sát-sinh là bờ này, sự kiêng cử sát-sinh là bờ kia. (2) sự gian-cấp là bờ này, sự kiêng cử gian-cấp là bờ kia. (3) sự tà-dâm là bờ này, sự kiêng cử tà-dâm là bờ kia. (4) sự nói-dối nói láo là bờ này, sự kiêng cử nói-dối nói láo là bờ kia. (5) sự nói lời gây chia-rẽ là bờ này, sự kiêng cử nói lời gây chia-rẽ là bờ kia. (6) sự nói lời gắt-gông nạt nộ là bờ này, sự kiêng cử nói lời gắt-gông nạt nộ là bờ kia. (7) sự nói chuyện tâm-phào tán dóc vô ích là bờ này, sự kiêng cử nói chuyện tâm-phào tán dóc là bờ kia. (8) sự tham-dục [thèm muốn] là bờ này, sự vô-tham là bờ kia. (9) sự ác-ý là bờ này, sự thiện-chí là bờ kia. (10) cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là bờ này, cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là bờ kia. Này bà-la-môn, một cái là bờ này, cái kia là bờ kia.”

[*Tiếp tục phần thi kệ giống thi kệ ở kinh 10:117.*]

170 (4) Bên Đây

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bờ này và bờ kia. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bờ này và cái gì là bờ kia? Này các Tỳ kheo, (1) sự sát-sinh là bờ này, sự kiêng cử sát-sinh là bờ kia ... (10) Cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là bờ này, cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là bờ kia.”

[Tiếp tục phân thi kệ giống thi kệ ở kinh 10:117.]

171 (5) Phi Giáo Pháp (I) ²¹⁶⁴

[“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.]

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại? Sự sát-sinh, sự gian-cấp, sự tà-dâm, sự nói dối-nói láo, sự nói lời gây chia-rẽ, sự nói lời gắt-gồng nạt nộ, sự nói chuyện tầm-phào tán dóc, sự tham-dục [thèm muốn], sự ác-ý, và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây là điều được nói là phi Giáo Pháp và nguy-hại.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp và ích-lợi? Sự kiêng cử sát-sinh, kiêng cử sự gian-cấp, sự kiêng cử tà-dâm, sự kiêng cử nói dối-nói láo, sự kiêng cử nói lời gây chia-rẽ, sự kiêng cử nói lời gắt-gồng nạt nộ, sự kiêng cử nói chuyện tầm-phào tán dóc, sự vô-tham, sự thiện-chí, và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây là điều được nói là Giáo Pháp và ích-lợi.

“Khi điều đó được nói: [“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp

và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.] là do chiếu theo (10 điều bất thiện và 10 điều thiện) như vậy nên nó được nói ra như vậy.”

172 (6) Phi Giáo Pháp (2)

{[“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.]

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ-ở. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo suy xét: “Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này: [“Này các Tỳ kheo, điều gì là Giáo Pháp và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu ... một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.”] Giờ ai sẽ giảng giải ý nghĩa của nó một cách chi tiết?” Rồi ý này đã xảy đến với họ: “Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) được khen bởi Vị Thầy (Phật) và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo; thầy ấy là có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời dạy vắn tắt này. Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này. Chúng ta sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi thầy ấy giải thích lời dạy đó cho chúng ta.”

Rồi các Tỳ kheo đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Đại Ca-chiên-diên, sau đó họ ngồi xuống một bên và nói: “Này đạo hữu Đại Ca-chiên-diên, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này ... [*lặp lại như trên*] ... Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này. Chúng ta sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi thầy ấy giải thích lời dạy đó cho chúng ta.” Vậy mong thầy Đại Ca-chiên-diên giảng

giải lời dạy đó cho chúng tôi.”

[Thầy Đại Ca-chiên-diên trả lời:] “Này các đạo hữu, điều này giống như là, mặc dù một người đang cần gỗ lõi đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm kiếm gỗ lõi, mà lại bỏ qua phần gốc và thân của một cây to có phần gỗ lõi, nghĩ rằng gỗ lõi nên được tìm kiếm trong những cành những lá. Và điều này cũng giống với các thầy. Khi các thầy đang mặt đối mặt với đức Thế Tôn lại bỏ qua đức Thế Tôn, và nghĩ tới chuyện đến gặp tôi để hỏi về ý nghĩa (của lời dạy đó). Này các đạo hữu, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy đã trở thành sự-thấy, bậc ấy đã trở thành sự-biết, bậc ấy đã trở thành Giáo Pháp, bậc ấy đã trở thành trời Brahmā; bậc ấy là người giảng giải, người tuyên thuyết, người làm rõ ý nghĩa, người ban cho sự bất-tử, chúa tể của Giáo Pháp, Như Lai. Đó là lúc khi các thầy đã đến gặp đức Thế Tôn và lẽ ra các thầy nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa (của lời dạy vắn tắt đó). Rồi có lẽ các thầy đã lưu nhớ được trong tâm sau khi đức Thế Tôn đã giảng giải cho các thầy.”

“Này đạo hữu Đại Ca-chiên-diên, chắc chắn rằng, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy đã trở thành sự-thấy ... Như Lai. Đó là lúc khi chúng tôi đã đến gặp đức Thế Tôn và lẽ ra chúng tôi đã nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa (của lời dạy vắn tắt đó). Rồi chúng tôi đã lưu nhớ được trong tâm sau khi đức Thế Tôn đã giảng giải cho chúng tôi. Nhưng thầy Đại Ca-chiên-diên được khen ngợi bởi Vị Thầy và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo hiền trí của mình. Thầy là có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời dạy vắn tắt này. Vậy mong thầy Đại Ca-chiên-diên hãy giảng giải nó mà không thấy phiền hà gì.”

“Vậy thì, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Tôi sẽ nói.”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết của nó: ‘... [*lặp lại câu Phật đã nói*]...’ Giờ, này

các đạo hữu, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích-lợi?} (Các đoạn được người dịch đánh dấu ngoặc {...} trong kinh này và kinh 10:172 và 10:115 là giống nhau, chỉ khác tên người. Và từ chỗ này 10 điều bên dưới giống kinh 10:173 kể dưới, như sau:)

(1) “Sự sát-sinh là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử sát-sinh là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có sự sát-sinh là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có sự kiêng cử sát-sinh là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

(2) “Sự gian-cấp là phi Giáo Pháp; kiêng cử gian-cấp là Giáo Pháp ...

(3) “Sự tà-dâm là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử tà-dâm là Giáo Pháp ...

(4) “Sự nói-dối nói láo là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói-dối nói láo là Giáo Pháp ...

(5) “Sự nói lời gây chia-rẽ là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói lời gây chia-rẽ là Giáo Pháp ...

(6) “Sự nói lời gắt-gồng nạt nộ là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói lời gắt-gồng nạt nộ là Giáo Pháp ...

(7) “Sự nói chuyện tầm-phào tán dóc là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói chuyện tầm-phào tán dóc là Giáo Pháp ...

(8) “Sự tham-dục [thèm muốn] là phi Giáo Pháp; sự vô-tham là Giáo Pháp ...

(9) “Sự ác-ý là phi Giáo Pháp; sự thiện-chí là Giáo Pháp ... (người dịch giản lược) ...

(10) “Cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là phi Giáo Pháp; cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

“Này các đạo hữu, chính theo cách này tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của lời dạy vắn tắt của đức Thế Tôn. “Này các đạo hữu, chính theo cách này tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của lời dạy vắn tắt của đức Thế Tôn. Giờ, nếu muốn, các thầy có thể đến gặp trực tiếp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của (lời dạy) này. Rồi các thầy sẽ lưu nhớ nó trong tâm sau khi đức Thế Tôn giảng giải cho các thầy.”

“Dạ, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Đại Ca-chiên-diên, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau đó đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi họ kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa: ... [*họ kể lại toàn bộ câu chuyện*] ... Thầy Đại Ca-chiên-diên đã giảng cho chúng con ý nghĩa theo những cách như vậy, với những từ ngữ và câu chữ như vậy.”

“Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Thầy Đại Ca-chiên-diên là có trí. Thầy Đại Ca-chiên-diên có trí-tuệ lớn lao. Nếu các thầy có đến gặp ta và hỏi ta về ý nghĩa của điều này, ta cũng giải thích nó cho các thầy đúng như cách thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói. Đó chính là ý nghĩa của điều này, và do vậy các thầy nên lưu giữ trong tâm.”

173 (7) Phi Giáo Pháp (3)

[“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.]

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích lợi?”

(1) “Sự sát-sinh là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử sát-sinh là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có sự sát-sinh là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có sự kiêng cử sát-sinh là điều-kiện (duyên):

những thứ này là ích-lợi.

(2) “Sự gian-cấp là phi Giáo Pháp; kiêng cử gian-cấp là Giáo Pháp ...

(3) “Sự tà-dâm là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử tà-dâm là Giáo Pháp ...

(4) “Sự nói-dối nói láo là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói-dối nói láo là Giáo Pháp ...

(5) “Sự nói lời gây chia-rẽ là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói lời gây chia-rẽ là Giáo Pháp ...

(6) “Sự nói lời gắt-gông nạt nộ là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói lời gắt-gông nạt nộ là Giáo Pháp ...

(7) “Sự nói chuyện tầm-phào tán dóc là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói chuyện tầm-phào tán dóc là Giáo Pháp ...

(8) “Sự tham-dục [thèm muốn] là phi Giáo Pháp; sự vô-tham là Giáo Pháp ...

(9) “Sự ác-ý là phi Giáo Pháp; sự thiện-chí là Giáo Pháp ... *(người dịch giản lược)* ...

(10) “Cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là phi Giáo Pháp; cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn-thiện nhờ sự tu-tập do có cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

“Khi điều đó được nói: [‘Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi’] là do chiếu theo (10 điều bất thiện và 10 điều thiện) như vậy nên nó đã được nói ra như vậy.”

“Này các Tỳ kheo, (1) sự sát-sinh, ta nói, là do ba thứ: do tham gây ra, do sân gây ra, và do si gây ra. (2) Sự gian-cấp ... (3) sự tà-dâm ... (4) sự nói-dối nói láo ... (5) sự nói lời gây chia-rẽ ... (6) sự nói lời gắt-gồng nạt nộ ... (7) sự nói chuyện tầm-phào tán dóc ... (8) sự tham-dục [thèm muốn] ... (9) sự ác-ý ... (*người dịch giản lược*) ... và (10) cách-nhìn sai lạc (tà kiến), ta nói, là do ba thứ: do tham gây ra, do sân gây ra, và do si gây ra.

“Vậy đó, này các Tỳ kheo, tham là một nguồn và gốc của nghiệp; sân là một nguồn và gốc của nghiệp; si là một nguồn và gốc của nghiệp. Khi diệt hết tham, nguồn của nghiệp bị dập tắt. Khi diệt hết sân, nguồn của nghiệp bị dập tắt. Khi diệt hết si, nguồn của nghiệp bị dập tắt.”

175 (9) Tránh Bỏ

“Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp này cung cấp một phương tiện để tránh bỏ (tránh né, tránh đi). Nó không phải không có [thiếu] một phương tiện để tránh bỏ. Và theo cách nào Giáo Pháp này đưa ra một phương tiện để tránh bỏ và không phải không có một phương tiện để tránh bỏ?

(1) Người sát-sinh có sự kiêng cử sát-sinh là phương tiện để tránh nó. (2) Sự gian-cấp ... (3) sự tà-dâm ... (4) sự nói dối-nói láo ... (5) sự nói lời gây chia-rẽ ... (6) sự nói lời gắt-gồng nạt nộ... (7) sự nói chuyện tầm-phào tán dóc ... (8) sự tham-dục [thèm muốn] ... (9) sự ác-ý ... và (10) cách-nhìn sai lạc (tà kiến) có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là phương tiện để tránh nó.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là Giáo Pháp này cung cấp một phương tiện để tránh bỏ và nó không phải không có phương tiện để tránh bỏ.”

176 (10) Cunda

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Pāvā

trong khu vườn xoài của Cunda, là con trai của thợ rèn.²¹⁶⁵ Rồi Cunda, con trai người thợ rèn, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với anh ta:

“Này Cunda, những nghi lễ thanh-lọc²¹⁶⁶ của ai anh ưa thích hơn?”

“Thưa Ngài, con thích những nghi lễ thanh-lọc được quy định bởi những bà-la-môn ở miền tây, là những người mang theo những chậu nước, đeo vòng hoa làm bằng những cây sống dưới nước, đốt giữ lửa thiêng, và ngâm mình trong nước.”

“Và, này Cunda, theo cách nào những bà-la-môn miền tây quy định những nghi lễ thanh-lọc của họ?”

“Ở đây, thưa Ngài, những bà-la-môn miền tây chỉ thị cho một đệ tử như vậy: ‘Này, người tốt, sau khi thức dậy sớm, từ trên giường nên dậm chân xuống đất. Nếu không dậm chân xuống đất, nên dậm phân bò ướt. Nếu không dậm phân bò ướt, anh nên dậm cỏ xanh. Nếu không dậm cỏ xanh, anh nên đốt giữ lửa thiêng. Nếu không đốt giữ lửa thiêng, anh nên chấp tay kính lễ mặt trời. Nếu không chấp tay kính lễ mặt trời, anh nên ngâm mình trong nước ba lần kể cả buổi tối.’ Chính theo cách này những bà-la-môn miền tây quy định những nghi lễ thanh-lọc của họ. Đây là những nghi lễ thanh-lọc của họ mà con ưa thích.”

“Này Cunda, sự thanh-lọc theo giới-luật của Thánh Nhân là hoàn toàn khác với những nghi lễ thanh-lọc được quy định bởi những bà-la-môn miền tây, là những người mang theo những chậu nước, đeo vòng hoa làm bằng những cây sống dưới nước, đốt giữ lửa thiêng, và ngâm mình trong nước.”

“Nhưng thưa Thế Tôn, theo giới-luật của Thánh Nhân thì sự thanh-lọc xảy đến theo cách nào? Sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp theo một cách để giảng giải sự thanh-lọc xảy ra theo cách nào theo giới-luật của Thánh Nhân.”

“Được rồi, này Cunda, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Cunda, con trai người thợ rèn đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(A) “Này Cunda, sự không trong-sạch (bất tịnh) bằng thân có ba phần. Sự không trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần. Sự không trong-sạch bằng tâm có ba phần.

(I) “Và, này Cunda, theo cách nào sự không trong-sạch bằng thân có ba phần?

(1) “Ở đây, có người sát-sinh. Người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đập và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh.

(2) “Người đó gian-cấp, lấy của không được cho. Người đó trộm cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng mạc hay trong rừng.

(3) “Người đó dính hành vi tà-dâm. Người quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.²¹⁶⁷

“Chính theo cách này là sự không trong-sạch bằng thân có ba phần.

(II) “Và, này Cunda, theo cách nào là sự không trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần?

(4) “Ở đây, có người nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘VẬY, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì không biết người đó nói biết, hoặc biết người đó nói không biết; không nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, hoặc nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy người đó nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lý do nhỏ nhặt nào đó.

(5) “Người đó nói lời gây chia-rẽ. Sau khi nghe chuyện, người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc

người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những sự chia rẽ, kẻ khoái thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa (phe phái).

(6) “Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, dẫn tới sự tức giận phẫn nộ, không trợ dẫn tới sự định-tâm.

(7) “Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó nói không đúng lúc, nói điều tầm phào không là sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và giới-luật; vào những lúc không đúng người đó nói những lời không đáng nói, vô lý, không chừng mực, và không ích lợi.

“Chính theo cách này là sự không trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần.

(III) “Và, này Cunda, theo cách nào là sự không trong-sạch bằng tâm có ba phần?

(8) “Ở đây, có người có đầy tham [thèm muốn]. Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vậy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’

(9) “Người đó có một cái tâm ác-ý và những ý-định thù ghét như vậy: ‘Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát,²¹⁶⁸ bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!’

(10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có một quan-điểm không chánh đúng như vậy: (đối với người đó) [‘Không thứ gì (cần nên) được bỏ thí (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bỏ thí), không thứ gì được cúng hiến, không thứ gì được cúng dường; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức

hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]

“Chính theo cách này là sự không trong-sạch bằng tâm có ba phần.

- “Này Cunda, đây là mười đường nghiệp bất thiện. Nếu ai dính vào mười đường nghiệp bất thiện này, thì, nếu người đó có thức dậy sớm và từ trên giường dậm chân xuống đất, người đó cũng không trong-sạch, và nếu người đó không dậm chân xuống đất, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó dậm phân bò ướt, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không dậm phân bò ướt, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó dậm cỏ tươi, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không dậm cỏ tươi, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó đốt giữ lửa, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không đốt giữ lửa, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó chấp tay kính lễ mặt trời, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không chấp tay kính lễ mặt trời, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó ngâm mình trong nước, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không ngâm mình trong nước, người đó cũng không trong-sạch. Vì lý do gì? Vì bản thân mười đường nghiệp bất thiện là không trong-sạch và làm ô-nhiễm. Chính bởi vì người ta dính vào mười đường nghiệp bất thiện này nên mới gặp địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma ngạ quỷ, và những nơi-đến xấu dữ khác.

(B) (I) “Này Cunda, sự trong-sạch (thanh tịnh) bằng thân có ba phần. Sự trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần. Sự trong-sạch bằng tâm có ba phần.

“Và, này Cunda, theo cách nào là sự trong-sạch bằng thân có ba phần?

(1) “Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cử sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đập và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gây gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống.

(2) “Sau khi dẹp bỏ sự gian-cấp, người đó kiêng cử sự gian-cấp. Người đó không lấy trộm lấy cắp đồ đạc và của cải của người khác trong làng hay trong rừng.

(3) “Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm; người đó kiêng cử sự quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.

“Chính theo cách này là sự trong-sạch bằng thân có ba phần.

(II) “Và, này Cunda, theo cách nào là sự trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần?

(4) “Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cử sự nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘Vây, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì biết người đó nói biết, và không biết người đó nói không biết; nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, và không nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy, người đó không nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lợi ích vật chất nhỏ nhất nào đó.

(5) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cử lời nói gây chia-rẽ; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người đang bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận.

(6) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gông nạt nộ, người đó kiêng cử lời nói gắt-gông nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều

người hài lòng.

(7) “Sau khi dẹp bỏ lời nói tâm-phào tán dóc, người đó không cữ nói lời tâm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và giới-luật; vào lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, hữu lý, đúng mực, và có ích lợi.

“Chính theo cách này là sự trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần.

(III) “Và, này Cunda, theo cách nào là sự trong-sạch bằng tâm có ba phần?

(8) “Ở đây, có người không có tham [không thèm muốn]. Người đó không thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vậy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’.

(9) “Người đó có thiện-chí và những ý-định của người đó không có sự thù-ghét, như vậy: ‘Cầu cho mọi chúng sinh sống hạnh phúc, không còn thù hận, khổ đau, và lo lắng!’

(10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có quan-điểm chánh đúng như vậy: (đối với người đó) [‘Có thứ (cần) được bỏ thí (và có phước quả từ việc cho đi, bỏ thí), có thứ được cúng hiến, có thứ được cúng dường; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]

“Chính theo cách này là sự trong-sạch bằng tâm có ba phần như vậy.”

- “Này Cunda, đây là mười đường nghiệp thiện. Nếu ai tham gia (bước vào, đắm nhận) mười đường nghiệp thiện này, thì, nếu người đó có thức dậy sớm và từ trên giường dậm chân xuống đất, người đó trong-sạch, và nếu người đó không dậm chân xuống đất, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó dậm phân bò ướt, người đó trong-sạch, và nếu người đó

không dậm phân bò ướt, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó dậm cỏ tươi, người đó trong-sạch, và nếu người đó không dậm cỏ tươi, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó đốt giữ lửa, người đó trong-sạch, và nếu người đó không đốt giữ lửa, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó chấp tay kính lễ mặt trời, người đó trong-sạch, và nếu người đó không chấp tay kính lễ mặt trời, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó ngâm mình trong nước, người đó trong-sạch, và nếu người đó không ngâm mình trong nước, người đó cũng trong-sạch. Vì lý do gì? Vì bản thân mười đường nghiệp thiện là trong-sạch và làm thanh-lọc. Chính bởi vì người ta tham gia mười đường nghiệp thiện này nên họ mới gặp những thiên thần, loài người, và những nơi-đến tốt lành khác.”

Sau khi lời này được nói ra, Cunda, con trai người thợ rèn, đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... Mong đức Thế Tôn chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay đến hết đời.”

177 (11) Bà-La-Môn Jāṇussoṇī

Lúc đó có bà-la-môn Jāṇussoṇī đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cò-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn cúng dường phẩm vật và thực hiện những lễ cúng tưởng nhớ người chết²¹⁶⁹ với ý nghĩ: ‘Cầu cho đồ cúng của chúng tôi sẽ làm ích lợi cho những người thân trong gia đình và họ tộc đã chết.’ Thưa Thầy Cò-đàm, liệu những đồ cúng của chúng tôi có thực sự làm ích lợi cho những người thân trong gia đình và họ tộc đã chết hay không? Liệu những người trong gia đình và họ tộc có thể dự hưởng đồ cúng của chúng tôi hay không?”

“Này bà-la-môn, điều đó có thể làm ích lợi nếu vào dịp (điều kiện, trường hợp) đúng, sẽ không làm ích lợi vào dịp sai.”

“Nhưng, thưa Thầy Cò-đàm, cái gì là dịp đúng và cái gì là dịp sai?”

(1) “Ở đây, này bà-la-môn, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó đầy tham [thèm muốn], có một cái tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong địa ngục.²¹⁷⁰ Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của những chúng sinh trong địa ngục. Đây là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi gì cho một chúng sinh sống ở đó. (*chúng sinh ở địa ngục không hưởng được đồ cúng*)

(2) “Có người khác sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cõi súc sinh. Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của những súc sinh. Đây là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi gì cho một chúng sinh sống ở đó. (*chúng sinh là súc vật không hưởng được đồ cúng*)

(3) “Lại có người biết kiêng cữ sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó không có tham [không thèm muốn], có thiện-chí, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số loài người. Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của loài người. Đây cũng là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi gì cho một chúng sinh sống ở đó. (*chúng sinh là người còn sống không hưởng được đồ cúng*)

(4) “Lại có người khác biết kiêng cữ sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần. Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của những thiên thần. Đây cũng là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi cho một chúng sinh sống ở đó. (*chúng sinh là thiên thần không hưởng được đồ cúng*)

(5) “Lại có người khác nữa sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh hồn ma nga quỷ (quỷ đói). Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức-ăn của những nga quỷ thống khổ, hoặc nếu không thì người đó sống còn ở đó nhờ

vào những đồ cúng mà những bạn bè, đồng nghiệp, những người thân trong họ hàng hay gia đình trong thế gian này cúng cho người đó. Đây là dịp đúng, khi đó đồ cúng sẽ làm ích lợi cho một chúng sinh ở đó.” (*chúng sinh là naga quý cô hồn có thể hưởng được đồ cúng!*)

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, vậy ai sẽ dự hưởng đồ cúng nếu người thân đã chết của người cúng không tái sinh vào chỗ đó (cảnh naga quý)?”

“Những người thân đã chết của những người khác đã bị tái sinh²¹⁷¹ vào chỗ đó (cảnh naga quý) sẽ dự hưởng đồ cúng đó.”

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, vậy ai sẽ dự hưởng đồ cúng nếu người thân đã chết của người cúng và người thân của những người khác đều không tái sinh vào chỗ đó (cảnh naga quý)?”

“Này bà-la-môn, trong suốt thời gian dài thăm thẳm [trong vòng luân-hồi, saṃsāra] không thể nào và không thể hình dung rằng chỗ đó (cảnh naga quý) lại không có những người thân nào trong họ tộc và những người trong gia đình của một người. Thêm nữa, đối với người bố-thí thì không phải không (phước) quả gì.”

“Có phải Thầy Cồ-đàm cho rằng [giá trị của sự cúng thí] cũng có ngay cả vào dịp sai?”²¹⁷²

“Này bà-la-môn, ta cho rằng [giá trị của sự cúng thí] cũng có trong dịp sai.

(6) “Ở đây, này bà-la-môn, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó đầy tham [thèm muốn], có một cái tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn và nước uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường chiếu, chỗ ở, và đèn thắp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài voi. Ở đó người đó có được thức-ăn và nước uống, vòng hoa, và những đồ trang trí khác (cho voi).

“Do ở đây người đó sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà

kiến), nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài voi. Nhưng nhờ người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn ... và đèn thấp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có được thức ăn và nước uống, vòng hoa, và những đồ trang trí khác (cho voi).

(7) “Có người khác sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn ... và đèn thấp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài ngựa ... trâu bò ... chó. Ở đó người đó có được thức ăn và nước uống, vòng hoa và những đồ trang trí khác (cho con vật đó).

“Do ở đây người đó sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài ngựa ... trâu bò ... chó. Nhưng nhờ người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn ... và đèn thấp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có được thức ăn và nước uống, vòng hoa, và những đồ trang trí khác (cho con vật đó).

(8) “Lại có người biết kiêng cữ sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó không có tham [không thèm muốn], có thiện-chí, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn và nước uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường chiếu, chỗ ở, và đèn thấp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số loài người. Ở đó người đó có được năm đối-tượng dục-lạc của cõi người.

“Do ở đây người đó đã kiêng cữ sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số loài người. Và nhờ người đó đã bố thí cho một tu sĩ và một bà-la-môn thức ăn ... và đèn thấp, nên người đó có được năm đối-tượng dục-lạc của cõi người.

(9) “Lại có người khác biết kiêng cữ sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-

môn thức ăn ... và đèn thấp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần. Ở đó người đó có được năm đối-tượng dục-lạc của cõi trời.

“Do ở đây người đó đã kiên cữ sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần. Và nhờ người đó đã bố thí cho một tu sĩ và một bà-la-môn thức ăn ... và đèn thấp, nên người đó có được năm đối-tượng dục-lạc của cõi trời.

[Đây là lý do tại sao ta nói:] ‘Thêm nữa, đối với người bố-thí thì không phải không phước quả gì.’”

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thầy Cò-đàm, rằng có lý do để bố thí cúng dường và thực hiện những nghi lễ tưởng nhớ cho người chết, vì đối với người bố thí thì không phải không phước quả gì.”

“Đúng là vậy, này bà-la-môn! Đúng là vậy, này bà-la-môn! Đối với người bố thí thì không phải không phước quả gì.”

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cò-đàm! ... Mong Thầy Cò-đàm chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay đến cuối đời.”

NHÓM 3

TỐT ²¹⁷³

178 (1) Tốt

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy điều gì là tốt và điều gì là xấu. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, điều gì là xấu? Sự sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; tham [thèm muốn], sự ác-ý, và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây được gọi là xấu. (*mười đường nghiệp bất thiện*)

“Và, này các Tỳ kheo, điều gì là tốt? Sự kiêng cữ sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; sự vô-tham [không thèm muốn], sự thiện-chí, và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là tốt.” (*mười đường nghiệp thiện*)

179 (2) — 188 (11) Giáo Pháp Thánh Thiện ...

(179) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về Giáo Pháp thánh thiện và Giáo Pháp phi thánh thiện ... (180) ... điều thiện lành và điều bất thiện ... (181) ... điều gì là ích lợi và điều gì là nguy hại ... (182) ... điều gì là Giáo Pháp và điều gì là phi Giáo Pháp ... (183) ... Giáo Pháp không bị ô nhiễm và Giáo Pháp bị ô nhiễm ... (184) ... Giáo Pháp không bị chê trách (phi tội lỗi) và Giáo Pháp đáng bị chê trách (tội lỗi) ... (185) ... Giáo Pháp không hành xác và Giáo Pháp hành xác ... (186) ... Giáo Pháp dẫn tới sự tháo bỏ và Giáo Pháp dẫn tới sự tạo lập (nghiệp, sanh y) ... (187) ... Giáo Pháp có khổ là hậu quả của nó và Giáo Pháp có hạnh phúc là hậu quả của nó ... (188) ... Giáo Pháp có kết quả là khổ và Giáo Pháp có kết quả là hạnh phúc ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp có kết quả là khổ? Sự sát-sinh ... và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây được gọi là Giáo Pháp có kết quả là khổ.” (*mười đường nghiệp bất thiện*)

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp có kết quả là hạnh-phúc? Sự kiêng cữ sát-sinh ... và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là Giáo Pháp có kết quả là hạnh phúc.” (*mười đường nghiệp thiện*)

NHÓM 4

ĐƯỜNG THÁNH THIỆN

189 (1) Đường Thánh Thiện ...

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về con đường thánh thiện (thánh đạo) và con đường không thánh thiện (phi thánh đạo). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ ...

“Và này các Tỳ kheo, cái gì là con đường không thánh thiện? Sự sát-sinh ... và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây được gọi là con đường không thánh thiện. (*mười đường nghiệp bất thiện*)

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường thánh thiện? Sự kiêng cử sát-sinh ... cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là con đường thánh thiện.” (*mười đường nghiệp thiện*)

190 (2) — 198 (10) Đường Sáng ...

(190) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về con đường sáng và con đường tối ... (191) Giáo Pháp tốt và Giáo Pháp xấu ... (192) Giáo Pháp của một người tốt và Giáo Pháp của một người xấu ... (193) Giáo Pháp nên được phát khởi và Giáo Pháp không nên được phát khởi ... [194] ... Giáo Pháp nên được theo đuổi và Giáo Pháp không nên được theo đuổi ... (195) Giáo Pháp nên được tu tập và Giáo Pháp không nên được tu tập ... (196) ... Giáo Pháp nên được tu dưỡng và Giáo Pháp không nên được tu dưỡng ... (197) Giáo Pháp nên được tưởng nhớ và Giáo Pháp không nên được tưởng nhớ ... (198) Giáo Pháp nên được chứng ngộ và Giáo Pháp không nên được chứng ngộ ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp không nên được chứng ngộ? Sự sát-sinh ... và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây được gọi là Giáo Pháp không nên được chứng ngộ. (*mười đường nghiệp bất thiện*)

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp nên được chứng ngộ? Sự kiêng cử sát-sinh ... cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là Giáo Pháp nên được chứng ngộ.” (*mười đường nghiệp thiện*)

NHÓM 5

THÊM NHÓM “NHỮNG NGƯỜI” (2)²¹⁷⁴

199 (1) *Gặp Gỡ*

“Này các Tỳ kheo, một người không nên gặp gỡ (giao lưu, thân cận) với một người có mùi phẩm chất. Mùi đó là gì? Người đó có sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó có đầy tham [thèm muốn], có một cái tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Một người không nên giao lưu gặp gỡ với người có mùi phẩm chất này.” (*mười đường nghiệp bất thiện*)

“Này các Tỳ kheo, một người nên gặp gỡ với một người có được mùi phẩm chất. Mùi đó là gì? Người đó kiêng cữ sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó không có tham [không thèm muốn], có thiện-chí, nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Một người nên giao lưu gặp gỡ với người có mùi phẩm chất này.” (*mười đường nghiệp thiện*)

200 (2) – 210 (12) *Nương Dựa ...* ²¹⁷⁵

(200) “Này các Tỳ kheo, một người không nên nương dựa vào một người có mùi phẩm chất ... một người nên nương dựa vào người có được mùi phẩm chất ... (201) ... một người không nên nghe theo ... một người nên nghe theo ... (202) ... một người không nên kính trọng ... một người nên kính trọng ... (203) ... một người không nên khen ngợi ... một người nên khen ngợi ... (204) ... một người không nên tôn kính ... một người nên tôn kính ... (205) ... một người không nên thể hiện sự tôn trọng ... một người nên thể hiện sự tôn trọng một người có được mùi phẩm chất ... (205) ... một người có mùi phẩm chất không thành công ... có được mùi phẩm chất thành công ... (206) Một người có mùi phẩm chất không thành công ... có được mùi phẩm chất thành công ... (207) ...

không được thanh lọc (bất tịnh) ... được thanh lọc (thanh tịnh) ... (208)
... không vượt qua sự tự-ta (ngã mạn) ... vượt qua sự tự-ta ... (209) ...
không tăng trưởng về trí-tuệ ... tăng trưởng về trí-tuệ ... (210) ... tạo ra
nhiều tổn-phước ... tạo ra nhiều phước đức. Mươi đó là gì? Người đó
kiêng cử sự sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ,
nói lời gắt-gồng nạt nộ, nói lời tầm-phào tán dúc; người đó không có tham
[không thềm muốn], có sự thiện-chí, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn
(chánh kiến). Một người có được mười phẩm chất này tạo ra nhiều phước
đức.” (*mười đường nghiệp thiện*)

[Năm Mười Kinh Thêm]

NHÓM 1

THÂN SINH RA TỪ NGHIỆP

211 (1) Địa Ngục (1)

(I) “Này các Tỳ kheo, có mùi phẫn chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mùi đó là gì?

(1) “Ở đây, có người sát-sinh. Người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh.

(2) “Người đó gian-cấp, lấy của không được cho. Người đó trộm cắp đồ đạc và của cải của người khác trong làng mạc hay trong rừng.

(3) “Người đó dính hành vi tà-dâm. Người quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.

(4) “Ở đây, có người nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘Vây, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì không biết người đó nói biết, hoặc biết người đó nói không biết; không nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, hoặc nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy người đó nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lý do nhỏ nhặt nào đó.

(5) “Người đó nói lời gây chia-rẽ. Sau khi nghe chuyện, người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra

những sự chia rẽ, kẻ khoái thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa (phe phái).

(6) “Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, dẫn tới sự tức giận phẫn nộ, không trợ dẫn tới sự định-tâm.

(7) “Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó nói không đúng lúc, nói điều tầm phào không là sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và giới-luật; vào những lúc không đúng người đó nói những lời không đáng nói, vô lý, không chừng mực, và không ích lợi.

(8) “Ở đây, có người có đầy tham [thèm muốn]. Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vậy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’

(9) “Người đó có một cái tâm ác-ý và những ý-định thù ghét như vậy: ‘Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!’

(10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có một quan-điểm không chánh đúng như vậy: (đối với người đó) [‘Không thứ gì (cần nên) được bố thí (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng hiến, không thứ gì được cúng dường; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]

“Người có mùi phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

(II) “Này các Tỳ kheo, có mùi phẩm chất, một người được ký thác

trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Mươi đó là gì?

(1) “Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cử sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đập và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống.

(2) “Sau khi dẹp bỏ sự gian-cấp, người đó kiêng cử sự gian-cấp. Người đó không lấy trộm lấy cắp đồ đạc và của cải của người khác trong làng hay trong rừng.

(3) “Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm; người đó kiêng cử quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.

(4) “Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cử sự nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘Vây, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì biết người đó nói biết, và không biết người đó nói không biết; nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, và không nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy, người đó không nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lợi ích vật chất nhỏ nhặt nào đó.

(5) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cử lời nói gây chia-rẽ; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người đang bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận.

(6) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gông nạt nộ, người đó kiêng cử lời nói

gắt-gông nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng.

(7) “Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cử nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và giới-luật; vào lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, hữu lý, đúng mực, và có ích lợi.

(8) “Ở đây, có người không có tham [không thêm muốn]. Người đó không thêm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vậy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’.

(9) “Người đó có thiện-chí và những ý-định của người đó không có sự thù-ghét, như vậy: ‘Cầu cho mọi chúng sinh sống hạnh phúc, không còn thù hận, khổ đau, và lo lắng!’

(10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có quan-điểm chánh đúng như vậy: (đối với người đó) [‘Có thứ (cần) được bỏ thí (và có phước quả từ việc bỏ thí), có thứ được cúng hiến, có thứ được cúng dường; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] *(phần II ở đây người dịch ghi đầy đủ mỗi điều thiện (I)-(10) như phần (B) của kinh 10:176 (kinh Cunda) để thấy chúng giống nhau)*

“Người có được mười phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

212 (2) Địa Ngục (2)

(I) “Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người bị ký thác trong

địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mùoi đó là gì?? ²¹⁷⁶

(1) “Ồ đây, có người sát-sinh. Người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh. (2) Người đó gian-cấp ... (3) Người đó dính hành vi tà-dâm ... (4) Người đó nói-dối nói láo ... (5) Người đó nói lời gây chia-rẽ ... (6) Người đó nói lời gắt-gồng nạt nộ... (7) Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc ... (8) Người đó có đầy tham [thèm muốn] ... (9) Người đó có một cái tâm ác-ý ... (10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có một quan-điểm không chánh đúng như vậy: (đối với người đó) [‘Không thứ gì (cần nên) được bố thí (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí) ... không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]

“Người có mùoi phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

(II) “Này các Tỳ kheo, có mùoi phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Mùoi đó là gì?

(1) “Ồ đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cử sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống. (2) Sau khi dẹp bỏ sự gian-cấp, người đó kiêng cử sự gian-cấp ... (3) Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm; người đó kiêng cử sự quan hệ tính dục bất chính với những ... (4) Sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cử sự nói-dối nói láo ... (5) Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cử lời nói gây chia-rẽ ... (6) Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gồng nạt nộ, người đó kiêng cử lời nói gắt-gồng nạt nộ ... (7) Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cử nói lời tầm-phào tán dóc ... (8) Người đó không có tham [không thèm muốn] ... (9) Người đó có thiện-chí ... (10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có quan-điểm chánh đúng như vậy: (đối với người đó) [‘Có thứ (cần) được bố thí (và có

phước quả từ việc cho đi, bố thí) ... có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]

“Người có được mùi phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

213 (3) Phụ Nữ

“Này các Tỳ kheo, có mùi phẩm chất, những phụ nữ bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mùi đó là gì? (1) Họ sát-sinh ... *[tiếp tục mùi đường nghiệp bất thiện như kinh kể trên]* ... và (10) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có mùi phẩm chất này, những phụ nữ bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được mùi phẩm chất, những phụ nữ được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Mùi đó là gì? (1) Họ kiêng cử sự sát-sinh ... *[tiếp tục mùi đường nghiệp thiện]* ... và (10) nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được mùi phẩm chất này, những phụ nữ được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

214 (4) Nữ Đệ Tử Tại Gia

“Này các Tỳ kheo, có mùi phẩm chất, một nữ đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mùi đó là gì? (1) Người đó sát-sinh ... và (10) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có mùi phẩm chất này, một nữ đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được mùi phẩm chất, một nữ đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Mùi đó là gì? (1) Người đó kiêng cử sự sát-sinh ... và (10) nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được mùi phẩm chất này, một nữ đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

215 (5) *Sự Tự Tin*

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một nữ đệ tử tại gia sống ở nhà không có sự tự-tin. Mười đó là gì? (1) Người đó sát-sinh ... [*tiếp tục mười đường nghiệp bất thiện*] ... và (10) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có mười phẩm chất này, một nữ đệ tử tại gia sống ở nhà không có sự tự-tin.

“Này các Tỳ kheo, có được mười phẩm chất, một nữ đệ tử tại gia sống ở nhà với sự tự-tin. Mười đó là gì? (1) Người đó không cữ sự sát-sinh ... và (10) nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được mười phẩm chất này, một nữ đệ tử tại gia sống ở nhà với sự tự-tin.”

216 (6) *Bò Trườn*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài thuyết giảng Giáo Pháp về sự bò trườn.²¹⁷⁷ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì bài thuyết giảng Giáo Pháp về sự bò trườn? Này các Tỳ kheo, chúng sinh là những chủ nhân của nghiệp của mình, là những người thừa tự của nghiệp của mình; họ có nghiệp là nguồn gốc của họ, nghiệp là người thân thuộc của họ, nghiệp là chỗ dựa của họ; dù họ làm nghiệp gì, tốt hay xấu, họ là những người thừa tự của nó.

(I) (1) “Ồ đây, có người sát-sinh; người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đập và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. - Người đó bò trườn bằng thân, lời-nói, và tâm.²¹⁷⁸ Nghiệp thân của người đó bị cong queo; nghiệp lời-nói của người đó bị cong queo; nghiệp tâm của người đó bị cong queo. Nơi-đến của người đó bị cong queo; sự tái sinh của người đó bị cong queo. Nhưng đối với người có nơi-đến và sự tái sinh bị cong queo, ta nói, thì có một trong hai nơi-đến: những địa ngục toàn đau đớn hoặc một loài động vật bò trườn (khi rình con mồi và lẩn trốn). Và cái gì là một loài động vật bò trườn? Rắn, bò cạp, rít, chồn, mèo,

chuột, và cú,²¹⁷⁹ hay một loài động vật nào bò trườn trồn đi khi nhìn thấy người ta. Vậy đó một chúng sinh tái sinh từ một chúng sinh; một chúng sinh tái sinh theo những nghiệp của mình. Khi một chúng sinh đã tái sinh, những sự tiếp-xúc (xúc) tác động chúng sinh đó. Chính theo cách này, ta nói, chúng sinh là những người thừa tự của nghiệp của mình.

(2) “Có người gian-cấp ... (3) ... dính vào tà-dâm ... (4) ... nói-dối nói láo ... (5) ... nói lời gây chia-rẽ ... (6) nói lời gắt-gông nạt nộ... (7) nói lời tầm-phào tán dóc; (8) có đầy tham [sự thêm muốn] ... (9) có một cái tâm ác-ý và ý-định thù ghét ... (10) ... nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có một quan-điểm không chánh đúng như vậy: (đối với người đó) [‘Không thứ gì (cần nên) được bố thí (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí) ... không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]. - Người đó bò trườn bằng thân, lời-nói, và tâm ... Nơi-đến của người đó bị cong queo; sự tái-sinh của người đó bị cong queo ... Vậy đó một chúng sinh tái sinh từ một chúng sinh; một chúng sinh tái sinh theo những nghiệp của mình. Sau khi một chúng sinh đã tái sinh, những sự tiếp-xúc (xúc) tác động chúng sinh đó. Chính theo cách này, ta nói, chúng sinh là những người thừa tự của nghiệp của mình.

“Này các Tỳ kheo, chúng sinh là những chủ nhân của nghiệp của mình, là những người thừa tự của nghiệp của mình; họ có nghiệp là nguồn gốc của họ, nghiệp là người thân thuộc của họ, nghiệp là chỗ dựa của họ; dù họ làm nghiệp gì, tốt hay xấu, họ là những người thừa tự của nó.

(II) (1) “Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cử sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đập và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gây gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống. - Người đó không bò trườn bằng thân, lời-nói, và tâm. Nghiệp thân của người đó là chính thẳng; nghiệp lời-nói của người đó là chính thẳng; nghiệp tâm của người đó là chính thẳng. Nơi-đến của người đó là chính

thắng; sự tái sinh của người đó là chính thắng. Nhưng đối với người có nơi-đến và sự tái sinh là chính thắng, ta nói, thì có một trong hai nơi-đến: những cõi trời toàn sướng hoặc những gia đình danh giá, như những gia đình thuộc giai cấp chiến-sĩ giàu có, thuộc bà-la-môn giàu có, thuộc gia chủ giàu có, giàu, có nhiều tài sản và của cải, nhiều vàng bạc, nhiều châu báu và vật sở hữu, nhiều tài sản và lúa gạo. Vậy đó một chúng sinh tái sinh từ một chúng sinh; một người tái sinh theo những nghiệp của mình. Khi một người đã tái sinh, những sự tiếp-xúc (xúc) tác động. Chính theo cách này, ta nói, chúng sinh là những người thừa tự của nghiệp của mình.

(2) “Có người, sau khi dẹp bỏ sử gian-cấp, người đó kiêng cũ gian-cấp ... (3) ... kiêng cũ tà-dâm ... (4) ... kiêng cũ nói-dối nói láo ... (5) ... kiêng cũ nói lời gây chia-rẽ ... (6) kiêng cũ nói lời gắt-gỏng nạt nộ... (7) kiêng cũ nói lời tầm-phào tán dóc; (8) không có tham [không thêm muốn] ... (9) có thiện-chí ... (10) ... nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có quan-điểm chánh đúng như vậy: (đối với người đó) [‘Có thứ (cần) được bố thí (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí) ... có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]. Người đó không bò trườn bằng thân, lời-nói, và tâm. Nghiệp thân của người đó là chính thắng ... Nơi-đến của người đó là chính thắng; sự tái sinh của người đó là chính thắng ... Vậy đó một chúng sinh tái sinh từ một chúng sinh; một người tái sinh theo những nghiệp của mình. Khi một người đã tái sinh, những sự tiếp-xúc (xúc) tác động. Chính theo cách này, ta nói, chúng sinh là những người thừa tự của nghiệp của mình.

“Này các Tỳ kheo, chúng sinh là những chủ nhân của nghiệp của mình, là những người thừa tự của nghiệp của mình; họ có nghiệp là nguồn gốc của họ, nghiệp là người thân thuộc của họ, nghiệp là chỗ dựa của họ; dù họ làm nghiệp gì, tốt hay xấu, họ là những người thừa tự của nó.

“Này các Tỳ kheo, đây là bài thuyết giảng Giáo Pháp về sự bò trườn.”

217 (7) Cố Ý (I)

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý²¹⁸⁰ đã được làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa ném trái [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã ném trái [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.²¹⁸¹

(A) “Về vấn đề này, này các Tỳ kheo, có một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân,²¹⁸² khởi sinh từ sự cố-ý (tư) bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau; một sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói, khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau; một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm, khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau.

(I) “Và giờ, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau?

(1) “Ở đây, có người sát-sinh, người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống.

(2) “Người đó gian-cấp. Người đó trộm cắp đồ đạc và của cải của người khác trong làng mạc và trong rừng.

(3) “Người đó dính hành vi tà-dâm. Người quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với người gần như đã hứa hôn.

“Chính theo cách này là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau.

(II) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự suy đồi và thất bại

về ba phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau?

(4) “Ở đây, có người nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì không biết người đó nói biết, hoặc biết người đó nói không biết; không nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, hoặc nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy người đó nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lý do nhỏ nhặt nào đó.

(5) “Người đó nói lời gây chia-rẽ. Sau khi nghe chuyện, người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những sự chia rẽ, kẻ khoái thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa (phe phái).

(6) “Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, dẫn tới sự tức giận phẫn nộ, không trợ dẫn tới sự định-tâm.

(7) “Người đó người đó nói không đúng lúc, nói điều tầm phào không là sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và giới-luật; vào những lúc không đúng người đó nói những lời không đáng nói, vô lý, không chừng mực, và không ích lợi.

“Chính theo cách này là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau.

(III) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau?

(8) “Ở đây, có người đầy tham [thèm muốn]. Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vậy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’

(9) “Người đó có một cái tâm ác-ý và những ý-định thù ghét như vậy: ‘Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!’

(10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có một quan-điểm không chánh đúng như vậy: (đối với người đó) [‘Không thứ gì (cần nên) được bố thí (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng hiến, không thứ gì được cúng dường; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] (*Nội dung các điều (1)-(10) của phần (A) cũng giống như chúng của phần (A) trong kinh Cunda 10:176.*)

“Chính theo cách này là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, có một hậu quả và kết quả khổ đau.

“Này các Tỳ kheo, (I) chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục; hoặc (II) chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục; hoặc (III) chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh bị tái

sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

“Giống như hạt súc sắc (nặng), khi quăng lên, nó chắc chắn sẽ nằm yên ngay chỗ nó rớt xuống.²¹⁸³ Cũng giống như vậy, (I) chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân ... hoặc (II) chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói ... hoặc (III) chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thức của nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa nếm trái [những quả của nghiệp], và sự kết-thức đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chi) sau khi một người đã nếm trái [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.

(B) “Về vấn đề này, này các Tỳ kheo, có sự thành công về ba phần của nghiệp thân, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc; sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc; sự thành công về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc.

(I) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự thành công về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc?

(1) “Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cử sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đập và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gây gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống.

(2) “Sau khi dẹp bỏ sự gian-cấp, người đó kiêng cử sự gian-cấp.

Người đó không lấy trộm lấy cắp đồ đạc và của cải của người khác trong làng hay trong rừng.

(3) “Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm; người đó kiêng cử quan hệ tính dục bất chính với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.

“Chính theo cách này là có sự thành công về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc.

(II) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói (khẩu nghiệp), đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc?

(4) “Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cử sự nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, một hội chúng, tới nơi có mặt những người họ hàng của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘Vây, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì biết người đó nói biết, và không biết người đó nói không biết; nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, và không nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy, người đó không nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lợi ích vật chất nhỏ nhặt nào đó.

(5) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cử lời nói gây chia-rẽ; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người đang bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận.

(6) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gông nạt nộ, người đó kiêng cử lời nói

gắt-gông; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lẽ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng.

(7) “Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiên cữ nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và giới-luật; vào lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, có lý, đúng mực, và có ích lợi.

“Chính theo cách này là có sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc.

(III) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự thành công về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc?

(8) “Ở đây, có người không có tham [không thèm muốn]. Người đó không thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vậy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’.

(9) “Người đó có thiện-chí và những ý-định của người đó không có sự thù-ghét, như vậy: ‘Cầu cho mọi chúng sinh sống hạnh phúc, không còn thù hận, khổ đau, và lo lắng!’

(10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có quan-điểm chánh đúng như vậy: (đối với người đó) [‘Có thứ (cần) được bố thí (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng hiến, có thứ được cúng dường; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]

“Chính theo cách này là có sự thành công về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết

quả hạnh phúc.

“Này các Tỳ kheo, (I) chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời; hoặc (II) chính bởi vì sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời; hoặc (III) chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

“Giống như hạt súc sắc (nặng), khi quăng lên, nó chắc chắn sẽ nằm yên ngay chỗ nó rớt xuống. Cũng giống như vậy, (I) chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp thân ... hoặc (II) chính bởi vì sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói ... hoặc (III) chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa nếm trái [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã nếm trái [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.”

218 (8) Cố Ý (2) ²¹⁸⁴

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa nếm trái [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không

nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã nếm trải [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.

(A) “Về vấn đề này, này các Tỳ kheo, (I) có một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân, khởi sinh từ sự cố-ý (tư) bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau; (II) một sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói, khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau; (III) một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm, khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả khổ đau.

(I) Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp] ... có một hậu quả và kết quả khổ đau? (1)-(3) ... (II) có một sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp] ...? (4-7) ... (III) có một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp] ... ? (8)-(10) ... *[giống như phần (A) kinh kể trên] ...*

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp] hoặc chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp] ... hoặc chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa nếm trải [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã nếm trải [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.

(B) “Về vấn đề này, này các Tỳ kheo, (I) có sự thành công về ba phần của nghiệp thân, đã khởi sinh từ sự cố-ý (tư) thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc; (II) sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói, đã

khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc; (III) sự thành công về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả hạnh phúc.

(I) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự thành công về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp] ... có một hậu quả và kết quả hạnh phúc? (1)-(3) ... (II) có sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp] ...? (4-7) ... (III) có sự thành công ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp] ... ? (8)–(10) ... *[giống như phần (B) kinh kể trên]* ...

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp thân [thân nghiệp] hoặc chính bởi vì sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói [khẩu nghiệp] ... hoặc chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp tâm [tâm nghiệp], đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa nếm trái [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã nếm trái [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.”

219 (9) Thân Sinh Từ Nghiệp

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy cho tới khi một người chưa nếm trái [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã nếm trái [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.²¹⁸⁵

(i) “Này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện này, là người không thêm muốn [không tham], không có sự ác-ý [không sân], không bị ngu-

mờ [không si], thường rõ-biết (tỉnh giác), luôn có chánh-niệm như vậy, an trú bao trùm một phương với một cái tâm thẩm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy trên dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú với một cái tâm từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao vợi], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó hiểu như vậy: ‘Trước đây tâm của ta bị hạn chế và không được tu tập, nhưng giờ nó là vô lượng và được tu tập hay khéo. Không nghiệp hữu lượng nào còn sót hay còn lại ở đó.’²¹⁸⁶

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, nếu một người trẻ tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ từ khi còn nhỏ, liệu người đó có làm nghiệp xấu hay không?”²¹⁸⁷

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Sự khổ đau có ảnh hưởng người đó nếu người đó không làm nghiệp xấu?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì dựa vào lý (có) gì mà sự khổ đau có thể ảnh hưởng người không làm nghiệp xấu?”²¹⁸⁸

“Một người nữ hay nam nên tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ. Một người nữ hay nam không thể mang theo thân này khi họ đi. Những người phạm hữu tử có tâm là phần cốt yếu của họ.²¹⁸⁹ (thân chỉ là tạm bợ, khi chết là bỏ, chỉ có tâm thức là phần quan trọng của một người)

“[Người đệ tử thánh thiện] hiểu được: ‘Mọi nghiệp xấu ta đã làm ở đây trong quá khứ bằng cái ‘thân được sinh từ nghiệp’ này²¹⁹⁰ đều được ném trái ở đây. Nó sẽ không đi theo (tới chỗ tái sinh kế tiếp).’²¹⁹¹ Khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ đã được tu tập theo cách này, nó sẽ dẫn tới quả Bất-lai cho một Tỳ kheo có trí ở đây (ngay trong kiếp này)²¹⁹² là người không thâm nhập tới một sự giải-thoát xa hơn đó.²¹⁹³ (tức Tỳ kheo đó chưa chứng luôn A-la-hán)

(ii) “Này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử này, là người không có sự thèm-muốn [không tham], không có sự ác-ý [không sân], không bị ngu-

mờ [không si], thường rõ-biết, luôn có chánh-niệm như vậy, an trú bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... (iii) với một cái tâm thắm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... (iv) với một cái tâm thắm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy trên dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú với một cái tâm bi-mẫn ... tâm tùy-hỷ ... tâm buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó hiểu như vậy: ‘Trước đây tâm của ta bị hạn chế và không được tu tập, nhưng giờ nó là vô lượng và được tu tập hay khéo. Không nghiệp hữu lượng nào còn sót hay còn lại ở đó.’

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, nếu một người trẻ tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi ... tâm-hỷ ... tâm-xả từ khi còn nhỏ, liệu người đó có làm nghiệp xấu hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Sự khổ đau có ảnh hưởng người đó nếu người đó không làm nghiệp xấu?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì dựa vào lý (cớ) gì mà sự khổ đau có thể ảnh hưởng người không làm nghiệp xấu?”

“Một người nữ hay nam nên tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi ... tâm-xả. Một người nữ hay nam không thể mang theo thân này khi họ đi. Những người phạm hữu tử có tâm là phần cốt yếu của họ.

“[Người thánh đệ tử] hiểu được: ‘Mọi nghiệp xấu ta đã làm ở đây trong quá khứ bằng cái cái ‘thân được sinh từ nghiệp’ này đều được ném trái ở đây. Nó sẽ không đi theo (tới chỗ tái sinh kế tiếp).’ Khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi ... tâm-hỷ ... tâm-xả đã được tu tập theo cách này, nó sẽ dẫn tới quả Bất-lai cho một Tỳ kheo có trí ở đây (ngay trong kiếp này) là người không thâm nhập tới một sự giải-thoát xa hơn đó.’”

220 (10) *Hành Vi Trái Với Giáo Pháp*

Lúc đó có một bà-la-môn đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, tại sao có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục?”

“Này bà-la-môn, chính bởi do hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

“Thầy Cồ-đàm, tại sao có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời?”

“Này bà-la-môn, chính bởi vì hành vi chân chính, hành vi đúng theo Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

“Tôi không hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa lời tuyên bố của Thầy Cồ-đàm được nói ra một cách vắn tắt như vậy. Mong Thầy Cồ-đàm hãy chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo cách để tôi có thể hiểu được ý nghĩa một cách chi tiết.”

“Được, này bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa ngài, bà-la-môn đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(A) “Này bà-la-môn, hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp, là ba phần theo cách của thân, bốn phần theo cách của lời-nói, và ba phần theo cách của tâm.

“Và, này bà-la-môn, (I) theo cách nào là hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp là ba phần theo cách của thân? (1)-(3) ... (II) là bốn

phần theo cách của lời-nói? (4)-(7) ... (III) là ba phần theo cách của tâm? (8)-(10) ... [*giống hết mười điều (1)-(10) thuộc phần (A) kinh 10:217 kể trên*] ... Chính theo cách này hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp, là ba phần theo cách của tâm.

“Này bà-la-môn, chính bởi do hành vi bất chính như vậy, hành vi trái với Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

(B) “Này bà-la-môn, hành vi chân chính, hành vi đúng theo Giáo Pháp, là ba phần theo cách của thân, bốn phần theo cách của lời-nói, và ba phần theo cách của tâm.

“Và, này bà-la-môn, (I) theo cách nào là hành vi chân chính, hành vi đúng theo với Giáo Pháp là ba phần theo cách của thân? (1)-(3) ... (II) là bốn phần theo cách của lời-nói? (4)-(7) ... (III) là ba phần theo cách của tâm? (8)-(10) ... [*giống hết mười điều (1)-(10) thuộc phần (B) kinh 10:217*] ... Chính theo cách này hành vi chân chính, hành vi đúng theo với Giáo Pháp, là ba phần theo cách của tâm.

“Này bà-la-môn, chính bởi nhờ hành vi chân chính như vậy, hành vi đúng theo với Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

“Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! ... Mong Thầy Cồ-đàm chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay đến cuối đời.”

NHÓM 2

GIỐNG NHAU

221 (1)

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mười đó là gì? (1) Người đó sát-sinh, (2) gian-cấp, (3) tà-dâm, (4) nói-dối nói láo, (5) nói lời gây chia-rẽ, (6) nói lời gắt-gồng nạt nộ, (7) nói lời tầm-phào tán dóc; (8) người đó đầy tham [thèm muốn], (9) có một cái tâm ác-ý, và (10) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có mười phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Có được mười phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Mười đó là gì? (1) sự kiêng cử sát-sinh, (2) kiêng cử sự gian-cấp, (3) sự kiêng cử tà-dâm, (4) sự kiêng cử nói dối-nói láo, (5) sự kiêng cử nói lời gây chia-rẽ, (6) sự kiêng cử nói lời gắt-gồng nạt nộ, (7) sự kiêng cử nói chuyện tầm-phào tán dóc, (8) sự vô-tham [không thèm muốn], (9) sự thiện-chí hiền từ, (10) cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được mười phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

222 (2)

“Này các Tỳ kheo, có hai mươi phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Hai mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình sát-sinh, và (2) xúi giục người khác sát-sinh (19) người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và (20) xúi giục người khác nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Có hai mươi phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được hai mươi phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Hai mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình kiêng cử sát-sinh, và (2) khuyến khích người khác

kiêng cử sát-sinh ... (19) người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và (20) khuyến khích người khác nắm giữ cách-nhìn đúng đắn. Có được hai mươi phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

223 (3)

“Này các Tỳ kheo, có ba mươi phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Ba mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình sát-sinh, (2) xúi giục người khác sát-sinh, và (3) đồng tình với sự sát-sinh ... (28) người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), (29) xúi giục người khác nắm giữ cách-nhìn sai lạc, và (30) đồng tình với cách-nhìn sai lạc. Có ba mươi phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được ba mươi phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Ba mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình kiêng cử sát-sinh, (2) khuyến khích người khác kiêng cử sát-sinh, và (3) đồng tình với sự kiêng cử sát-sinh ... (28) người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (29) khuyến khích người khác nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, và (30) đồng tình với cách-nhìn đúng đắn. Có được ba mươi phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

224 (4)

“Này các Tỳ kheo, có bốn mươi phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình sát-sinh, (2) xúi giục người khác sát-sinh, (3) đồng tình với sự sát-sinh, và (4) nói lời khen ngợi sự sát-sinh ... (37) người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), (38) xúi giục người khác nắm giữ cách-nhìn sai lạc, (39) đồng tình với cách-nhìn sai lạc, và (40) nói lời khen

ngợi cách-nhìn sai lạc. Có bốn mươi phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được bốn mươi phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình kiêng cữ sát-sinh, (2) khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh, (3) đồng tình với sự kiêng cữ sát-sinh, và (4) nói lời khen ngợi sự kiêng cữ sát-sinh (37) người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (38) khuyến khích người khác nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, (39) đồng tình với cách-nhìn đúng đắn, và (40) nói lời khen ngợi cách-nhìn đúng đắn. Có được bốn mươi phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

225 (5)

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người luôn làm bản thân (chính mình, tâm mình) trong tình trạng bị tổn thương và tổn hại. Mười đó là gì? ...

“Có được mười phẩm chất, một người duy trì bản thân trong tình trạng không bị tổn thương và tổn hại ...”

226 (6) — 228 (8) ²¹⁹⁴

“Này các Tỳ kheo, có hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi phẩm chất, một người luôn làm bản thân trong tình trạng bị tổn thương và tổn hại. Bốn mươi đó là gì? ...

“Có được hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi phẩm chất, một người duy trì bản thân trong tình trạng không bị tổn thương và tổn hại. Bốn mươi đó là gì? ...”

229 (9)

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục ...

“Có được mười phẩm chất, có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Mười đó là gì? ...”

230 (10) — 232 (12)

“Này các Tỳ kheo, có hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi phẩm chất, có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Bốn mươi đó là gì? ...

“Có được hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi phẩm chất, có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời ...”

233 (13)

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người được hiểu là người ngu ...

“Có được mười phẩm chất, một người được hiểu là người trí ...”

234 (14) — 236 (16)

“Này các Tỳ kheo, có hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi phẩm chất, một người được hiểu là người ngu ...

“Có được hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi, một người được hiểu là người trí ...”

NHÓM 3

NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC 2195

237 (1) 2196

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* (liễu tri) về tham, mười điều này cần được tu tập. Mười đó là gì? Đó là: (1) nhận-thức về sự không hấp-dẫn (không sạch, ô uế; của thân), (2) nhận-thức về cái chết, (3) nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn, (4) nhận-thức về sự không còn thích-thú trong toàn bộ thế gian, (5) nhận-thức về sự vô-thường, (6) nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô-thường, (7) nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, (8) nhận-thức về sự đẹp-bỏ, (9) nhận-thức về sự chán-bỏ, và (10) nhận-thức về sự chám-dứt (sự tịch diệt). Để có *sự trực-tiếp biết* về tham, mười điều này nên được tu tập.”

238 (2)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* (liễu tri) về tham, mười điều này cần được tu tập. Mười đó là gì? Đó là: (1) nhận-thức về sự vô-thường, (2) nhận-thức về sự vô-ngã, (3) nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn, (4) nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian, (5) nhận-thức về một bộ xương, (6) nhận-thức về một tử thi bị giòi đục, (7) nhận-thức về thi thể đã tím xanh, (8) nhận-thức về một thi thể đang sinh mủ, (9) nhận-thức về một thi thể bị nứt chảy, và (10) nhận-thức về một thi thể bị trương phình. Để có *sự trực-tiếp biết* về tham, mười điều này nên được tu tập.”

239 (3)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* (liễu tri) về tham, mười điều cần được tu tập. Mười đó là gì? Đó là: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn,

sự nỗ-lực tu đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn, (chánh kiến, tư duy, ngữ, nghiệp, mạng, tinh tấn, niệm, định, tri, giải-thoát). Để có *sự trực-tiếp biết về* tham, mười điều này cần được tu tập.”²¹⁹⁷

240 (4) — 266 (30)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) về tham ... *sự phá-sạch* tham ... *sự dẹp-bỏ* tham ... *sự tiêu-diệt* tham ... *sự biến-mất* tham ... *sự phai-biến* tham ... *sự chấm-dứt* tham ...²¹⁹⁸ *sự buông-bỏ* tham ... *sự từ-bỏ* tham, mười điều này cần được tu tập ...”

267 (31) — 746 (510)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* (liễu tri) ... *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ) ... *sự phá-sạch* ... *sự dẹp-bỏ* ... *sự tiêu-diệt* ... *sự biến-mất* ... *sự phai-biến* ... *sự chấm-dứt* ... *sự buông-bỏ* ... *sự từ-bỏ* sân ... si ... *sự tức-giận* ... *sự hung-bạo* ... *sự chê-bại* ... *sự hỗn-xược* ... *sự ganh-ty* ... *sự ti-tiện* ... *sự lừa-dối* ... *sự mưu-mẹo* ... *sự bướng-bỉnh* ... *sự thái-quá* (quá đáng, quá lố, dữ dội) ... *sự tự-ta* (ngã mạn) ... *sự kiêu-ngạo* ... *sự say-sưa* ... *sự lơ-tâm phóng dật*, mười điều này cần được tu tập ...”

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN *Anguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi*

Be: *Phiên bản tiếng Miến Điện (= Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka, bản điện tử)*

Ee: *Phiên bản tiếng Anh (ấn bản PTS)*

Ce: *Phiên bản Tích Lan (= Buddha Jayanti Tripitaka Series, bản in giấy)*

Mp *Manorathapūraṇī: Luận Giảng Bộ Kinh AN*

Mp-ṭ *Manorathapūraṇī-ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN*

NDB = Numerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của AN bởi Tỳ Kheo Bò-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

► Lưu Ý: Khi chữ **Be** và **Ce** được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng **Mp**, là chúng tương ứng chỉ ấn bản *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan *Simon Hewavitarne Bequest* (1923–31). Nếu chỉ ghi **Mp** không thôi thì đó là luận giảng **Mp** thuộc ấn bản điện tử của *Chaṭṭha Saṅgāyana*.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = *Anguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = *Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs*

Dhp = *Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

Dhp-a = *Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp*

Dhs = *Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ* (thuộc **Abhi**)

* **DN** = *Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja = Jātaka: *tập Kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngăn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddesa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Paṭis*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Nga Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Trương Ưng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsini (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-tīkā (Dīgha Nikāya-tīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vbh* (phiên bản Miền Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH & SÁCH KHÁC:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bò-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch bộ kinh SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của bộ kinh SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Maurice Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của bộ kinh MN* (bởi nhà sư Tỳ Kheo Nāṇamoli và Tỳ Kheo Bò-Đề)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= **Vism**] bởi nhà sư Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc bộ kinh SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-Hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams’ Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiên sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng lão Vanarata Ānanda.*

CHÚ THÍCH

1964 [Nguyên văn câu cuối là: *Iti kho, Ānanda, kusalāni sīlāni anupubbena aggāya parenti*. **Mp** giải nghĩa chữ *aggāya* là = *arahattatthāya* (nghĩa là: *chỗ cao nhất [tối thượng] là quả A-la-hán*). (Kinh **11:01** là giống kinh này, chỉ tách điều (10) thành 02 điều (10) và (11).)] (1964)

1965 [‘*Đó là tự nhiên*’ là tạm dịch câu ‘*Dhammatā esā*’. **Mp** giải thích: “Đây là bản chất tự nhiên của mọi sự, là trình tự của nhân quả” (*dhammasabhāvo eso kāraṇaniyamo ayam*). Dĩ nhiên, luận điểm ở đây không phải là người ta không cần sự cố gắng cố ý nào cả, mà chính sự thiết lập mỗi yếu tố sẽ có vài trò thành điều-kiện hỗ trợ tự nhiên cho mỗi yếu tố kế tiếp. Như vậy sự cố ý nỗ lực cũng cần có để phát khởi yếu tố sau nhưng không cần quá nhiều, trừ khi điều-kiện hỗ trợ đúng đắn không được thiết lập. (Ví dụ, dù có nỗ lực muốn có được đời sống phúc lành nhưng không có giới-hạnh được thiết lập thì rất khó; nếu điều-kiện hỗ trợ là giới-hạnh được thiết lập trước thì trình tự nhân quả theo lẽ tự nhiên sẽ có đời sống phúc lành).] (1965)

1966 [Nguyên văn đoạn cuối là: *Iti kho, bhikkhave, dhammā dhamme abhisandenti, dhammā dhamme paripūrenti apārā pāraṃ gamanāyā*. **Mp** giải nghĩa: “*Để đi từ bờ này qua bờ kia: ‘bờ này’ [bờ gần, bờ gần]* là chỉ vòng luân-hồi hiện-hữu trong 03 cõi (dục giới, sắc giới, và vô sắc giới), qua ‘*bờ kia*’ [bờ xa, bờ xa] là qua ‘*Niết-bàn*’ (*orimatīrabhūtā tebhūmakavaṭṭā nibbānapāraṃ gamanatthāya*). Ở đây có chữ gốc là *dhammā* (pháp, các pháp) mà tôi dịch là các “*giai-đoạn*” có lẽ diễn tả rằng tiến trình tu tập sẽ cho thấy những nguyên lý tự nhiên là ‘*một giai đoạn tu này làm điều-kiện (duyên) để khởi sinh giai đoạn tu kế tiếp suốt từ đầu của con-đường (đạo) cho đến chung-cuộc của nó*. Một dãy các giai-đoạn này tạo thành một chuỗi sự kiện ‘*khởi-sinh tùy thuộc*’. Chúng ta sẽ gặp lại chuỗi nhân-duyên ‘*tích cực*’ này trong kinh “*Những Nhân Kế Trước*” (*Upanisā Sutta*, tức **SN 12:23** (Quyển 2)). Mời quý vị coi bài tham luận của tôi về bài kinh này, trong tập **Bodhi 1980**.] (1966)

1967 [Đây là một kinh song hành được mở rộng của các kinh **5:24**, **6:50**, **7:65**,

và **8:81.**] (1967)

1968 [**Mp** giải nghĩa câu này là: “*Người đó sẽ không lấy đất là đối-tượng và không nhận thức thông qua nhận-thức đã khởi sinh là ‘đất’.*” Dường như câu này phủ định có một tầng thiền định sắc giới (*jhāna*) dựa trên đối-tượng thiền (*kasīṇa*) là đất. Sự giải thích cũng tương tự đối với những *kasīṇa* là nước, lửa, và khí. Ý này đã được xác nhận bởi 04 bước tiếp theo, cũng phủ định luôn 04 tầng chứng đắc vô sắc giới. Nói cách khác, sự định-tâm này không phải là một tầng thiền định sắc giới dựa trên những *kasīṇa* (đất, nước, lửa, khí) cũng không phải là những tầng chứng đắc vô sắc.] (1968)

1969 [**Mp** nhận dạng đây là *sự (trạng thái) định-tâm của sự chứng quả (phalasamāpattisamādhī)*. Sự chứng đắc này không phải là quả xảy ra lập tức trong vài khoảng-khắc (sát-na) sau thánh đạo, mà là một trạng thái thiền định đặc biệt chỉ có thể tiếp cận được bởi những người đã chứng đắc một trong 04 thánh đạo và thánh quả theo nó. Sự chứng đắc này, như được thấy trong bài kinh này, không lấy bất kỳ đối-tượng thiền thế tục có điều-kiện (hữu vi) nào làm sự trợ giúp cho nó; sự trợ giúp của nó chính là *Niết-bàn không còn điều-kiện* (vô vi Niết-bàn), được trải nghiệm trực tiếp và tức thì. Các luận giảng thì cho rằng sự chứng đắc này được xếp loại là *04-tầng* theo *04-giai đoạn chứng đắc* [từ Nhập-lưu đến A-la-hán].] (1969)

1970 [Nguyên văn câu kép này là: *Bhavanirodho nibbānaṃ bhavanirodhaṃ nibbānaṃ*. **Mp** diễn dịch câu này nghĩa là: “*Này đạo hữu, trong thời lúc đó tôi đã có nhận thức bằng nhận-thức của sự chứng quả*”. Chỗ này đang nói về loại *trí-biết hồi nhớ (paccavekkhaṇā)* để chỉ ra rằng sự chứng đắc này đã có đi kèm bởi tâm.” Nói cách khác, do nhận-thức (tưởng) vẫn có mặt, nên trạng thái này chưa phải là “*sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*” (*saññāvedayitanirodha*).] (1970)

1971 [Đây là một kinh song hành dựa trên kinh **8:71**. Coi thêm kinh **9:04** cũng có một phần song hành tương đương.] (1971)

1972 [Đây là một kinh song hành được mở rộng của kinh **8:72.**] (1972)

1973 [Đây là một kinh do kết-hợp thành kinh “*10-điều*”. 05 điều đầu tiên là 05 điều trong kinh **5:53.**] (1973)

- 1974** [Đây cũng là một kinh kết-hợp để thành kinh “10-điều”.] (1974)
- 1975** [Đây là một kinh kết-hợp, gồm các phần “05-điều” song hành trong các kinh **5:205–206** và **9:71–72**.] (1975)
- 1976** [Lẽ ra nên làm theo **Be** ở đây ghi là *susamucchinnā*, nhưng tôi làm theo **Ce** và **Ee**, ở đây chỉ ghi đơn giản là *samucchinnā*, mặc dù bên dưới thì vẫn ghi chữ *susamucchinnā*.] (1976)
- 1977** [Lời (1) này giống như lời đoạn (1) của kinh **4:34**. Còn loạt 09 ví dụ kế tiếp dưới cũng lần lượt có trong các kinh từ **SN 45:139–147** (Quyển 5); còn ví dụ thứ (10) trong kinh **SN 45:148** là ví dụ về *vái*, trong kinh này điều (10) là ví dụ về *đại dương*.] (1977)
- 1978** [Đây là một kinh song hành với kinh **9:10**. Về “*người họ tộc*” mời coi lại chú thích 1850 trong kinh đó.] (1978)
- 1979** [*Nāthakaraṇā dhammā*. **Mp** giải thích: “*Chúng như những người bảo hộ (bảo vệ, phòng hộ, phù hộ) cho một người, có nghĩa chúng là những sự hộ giúp (hộ trợ, trợ giúp,)*” (*attano sanāthabhāvakarā patiṭṭhākarā ti attho*).] (1979)
- 1980** [**Mp** giải thích chữ *piyasamudāhāro* có nghĩa nói là: “*Người đó lắng nghe cẩn thận khi người khác đang chỉ dạy, và bản thân mình cũng muốn chỉ dạy cho những người khác.*” Ở đây có hai chữ là *abhidhamme* và *abhivinaye*: tôi hiểu 02 chữ này chỉ đơn giản là nói về Giáo Pháp (chứ không phải về phần Vi Diệu Pháp hay phần Vi Diệu Luật nào cả) như tôi cũng đã giải thích trong chú thích 1080 ở kinh **5:79**, đoạn (3). Tuy nhiên, **Mp** thì phân biệt cứng nhắc rằng chữ *dhamma* (giáo pháp) là thuộc Kinh Tạng (*Sutta Piṭaka*) và chữ *abhidhamma* (giáo pháp bậc cao, vi diệu pháp) là thuộc bảy phần của *Vi Diệu Pháp Tạng* (*Abhidhamma Piṭaka*); và chữ *vinaya* (luật) là thuộc hai phần *Phân Tích Giới Bồn* (*Suttavibhaṅga*) và chữ *abhivinaya* (luật bậc cao, vi diệu luật) là thuộc những phần *Hợp Phần* (*Khandhaka*) và *Tập Yếu* (*Parivāra*) của Luật Tạng (*Vinaya Piṭaka*). Kiểu chú giải như vậy của **Mp** coi như đã giả định như đã có-trước (những Tạng và phần đó của) kinh điển, nhưng thực tế thì chúng chỉ được phân xếp và kết tập sau trong 07 thế hệ sau khi Phật mất; (nhưng những chữ trong lời kinh này thì đã được Đức Phật nói ra đầu tiên, từ

khi Phật còn sống, tức trước xa những phần phân xếp sau đó mà **Mp** đã nói tới.) (1980)

1981 [Nguyên văn kinh gốc dùng 03 thì quá khứ, hiện tại, và tương lai của động từ *āvasati* (trú, ở). Vì nếu dịch nguyên văn vậy thì sẽ hơi lợm thợm, nên tôi đã diễn dịch cụm chữ ra theo từng nghĩa riêng như vậy.] (1981)

1982 [Lời đoạn (2) này giống trong kinh **6:01**.] (1982)

1983 [Từ chỗ này trở đi là lặp lại 06 điều trong kinh song hành **6:64**. Điều (1)-(6) trong kinh **6:64** là điều (1), (2) và (7), (8), (9), (10) trong kinh này, và kinh này được mở rộng thêm 04 điều là điều (3), (4), (5), và (6). Mời quý vị coi lại các chú thích 1423, 1424, 1525 ở điều (1), (2), (3) trong kinh **6:64** đó, tương ứng với điều (1), (2), (7) trong kinh này.

- *10 năng-lực của Như Lai* cũng được nói trong kinh **MN 12** (Tiếng Gâm Sư Tử), mục 10–19, và cũng được phân tích chi tiết trong **Vibh 336–344** [của **Be** §809–831.] (1983)

1984 [Nguyên văn mệnh đề này: *sabbatthagāminiṃ paṭipadam yathābhūtaṃ ñāṇaṃ*. **Vibh 339** (**Be** §811) đã nhận dạng đây là trí-biết (minh) của Phật về những con đường dẫn tới địa-ngục, cõi súc-sinh, cảnh giới hồn ma ngạ quỷ, cảnh giới con người, cảnh giới thiên thần, và Niết-bàn. Coi thêm kinh **MN 12**, mục 37–43.] (1984)

1985 [Nguyên văn mệnh đề này là: ‘*anekadhātunānādhātulokaṃ yathābhūtaṃ ñāṇaṃ*’. **Vibh 339** (**Be** §812) định nghĩa đây là trí-biết (minh) của Phật về sự đa-dạng của *những uẩn, những cơ-sở cảm-nhận* (căn xứ, giác quan), và *những yếu-tố* (giới).] (1985)

1986 [Nguyên văn mệnh đề này: ‘*Sattānaṃ nānādhimuttikataṃ yathābhūtaṃ ñāṇaṃ*’. **Vibh 339** (§813) giải thích đây là trí-biết (minh) của Phật về những chúng sinh có những khuynh hướng căn cơ cao thấp ưu nhược khác nhau, và Phật được hiểu cách mà những người có những khuynh hướng căn cơ giống nhau thường (tốt) giao lưu, giao kết, học hỏi nhau, hay (xấu) kết hội, kết bè phái, xúi giục nhau.] (1986)

1987 [Nguyên văn mệnh đề này: ‘*Parasattānaṃ parapuggalānaṃ indriyaparo-pariyattaṃ yathābhūtaṃ ñānaṃ*’. **Vibh** 340–42 (§814–27) giải thích đây là trí-biết của Phật về tình-trạng của những chúng sinh hữu tình: từ (*tam dịch Việt*) những xu-hướng khác nhau, những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên), những tính khí, những căn cơ, các căn, những tính cách, khả năng tiếp thu, và tiềm năng. Những thuật ngữ này đều được **Vibh** giảng giải một cách chi tiết. **Mp** thì giải thích ngắn gọn hơn, chỉ định nghĩa đơn giản đây là trí-biết của Phật về năm-căn của chúng sinh (*căn niềm-tin ... căn chánh-niệm*) của họ là đang tăng hay giảm.] (1987)

1988 [“*Những điều/ những pháp (ye te dhammā)* ở đây chính là: *10 năng-lực*, hoặc chính là: *những điều thuộc sự hiểu-biết tất cả khoa-học* (thuộc sự toàn-tri). *Những nguyên lý học thuyết (adhivuttipadānaṃ)*: là *những nguyên lý được quy ước* (là những nguyên lý được chế định, tức là những học lý, nguyên lý học thuyết (đã được Phật đặt tên hay quy ước) để trình bày, để giảng dạy, phát triển một học thuyết khoa học (ở đây là Phật giáo); nói cụ thể luôn, các nguyên lý học thuyết đó là gồm: *năm-uẩn* (thân và tâm), *sáu cơ-sở cảm-nhận* (sáu xứ), và *những yếu-tố* (giới), chúng là những nền tảng cho những nguyên lý của Giáo Pháp.”] (1988)

1989 [Nguyên văn cả câu này là: *Etadānuttariyaṃ, Ānanda, ñāṇānaṃ yadidaṃ tattha tattha yathābhūtañānaṃ*. **Mp** giải thích câu này nghĩa là: “*Sự-biết về những hiện-tượng khác nhau đúng theo bản-chất bản thể của nó; nhờ có sự-biết này, Phật cho thấy ‘trí-biết về tất cả khoa-học’ (trí toàn-tri của Phật)*” (*tesu tesu dhammesu yathāsabhāvañānaṃ; iminā sabbaññutaññānaṃ dase-ti*).] (1989)

1990 [Cụm chữ này **Ce** và **Ee** ghi là *paññāya disvā disvā*. **Be** không lặp lại chữ *disvā*, nhưng **Mp** (của **Be**) hình như ủng hộ cách ghi của **Ce** và **Ee** với lời giải nghĩa của nó là: *sahavipassanāya maggapaññāya passitvā passitvā pahātabbā* (*nên được dẹp bỏ sau khi đã nhìn-thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ của đạo cùng với trí-tuệ của minh-sát (quán tuệ)*”).] (1990)

1991 [Ác-ghen: *pāpikā issā*. Khó mà tính vai trò của tính từ *pāpikā*, vì trong toàn kinh điển đâu có chỗ nào nói tới loại thiện-ghen hay ghen-lành nào (vì tính ghen tỵ là đã thuộc xấu ác rồi).] (1991)

1992 [Nguyên văn cụm chữ này là: *abhibhuyya iriyati* (*chi phối và cứ tiếp diễn*), **Mp** giải nghĩa là *vattati*.] (1992)

1993 [**Mp** diễn dịch rằng: những lời tuyên bố về trí-biết, sự tu-tập, và cả trí-biết và sự tu-tập, thành 03 phần dưới đây, đều là những lời tuyên bố về thánh quả A-la-hán.] (1993)

1994 [*‘Chi phối và duy trì tiếp diễn’* là dịch mức độ cụm chữ gốc *‘abhibhuyya tiṭṭhati*. Cụm chữ này dường như không khác với cụm chữ *abhibhuyya iriyati* (*chi phối và cứ tiếp diễn*) trong kinh kể trước.] (1994)

1995 [*“Cơ-sở (xứ) kasina”* (*kasinaṅgatanāni*). Những *kasina* (*kasina* tạm dịch là một vật thể làm đối-tượng thiền định; thầy Thích Minh Châu dịch là *‘thiền án xứ’*) là những cái đĩa thể hiện những thành-tổ hay màu-sắc được dùng làm những đối-tượng để thiền định-tâm (*samādhī*). Ví dụ, *kasina đất* là một cái đĩa được đựng đầy đất sét màu nâu đỏ; *kasina nước* là một bát nước; những *kasina màu* là những đĩa được sơn màu riêng. Mặc dù những người thiền định thường bắt đầu với một đĩa vật chất, khi người đó có thể nhìn thấy *kasina* đó một cách rõ ràng bằng con mắt của tâm, người đó sẽ loại bỏ cái đĩa vật chất và chỉ chú tụ duy nhất vào *hình ảnh trong tâm* (*tâm ảnh*) của nó mà thôi. Khi sự định-tâm được thâm sâu, một hình ảnh khác được gọi là một *hình-ảnh đối ứng* hay một *đối-tượng* (*paṭibhāganimitta*) nổi lên như một cái neo của sự chú-tâm (tác ý). Trong *Thanh Định Đạo* [**Vism**, Chương 4 và 5 có đưa ra sự giảng giải chi tiết về những *kasina*. Theo hệ thống *Thanh Tịnh Đạo*, *kasina không gian* [vốn khởi đầu là *‘không vô biên xứ’* (cảnh xứ của không gian vô biên)] được thay thế bằng *kasina không gian hữu hạn*, và *kasina thức* thì được thay bằng *kasina ánh sáng*.] (1995)

1996 [Chữ *“vô nhị”* (*advaya*) ở đây đơn giản nói về sự thể-hiện của đối-tượng chứ không nói về nghĩa bất nhị hay nhất thể theo nghĩa bản thể học của nó. **Mp** giải thích: “Nói như vậy là bởi vì một *kasina* không tích thêm bản chất của một đối-tượng khác. Giống như, khi một người lội xuống (trong) nước, thì lúc đó chỉ toàn nước và bốn phía không có gì ngoài nước; cũng giống như vậy, *kasina đất* chỉ là *kasina đất*. Nó không lẫn trộn với những *kasina* khác. Cách giải thích tương tự đối với những *kasina* khác.” - Về chữ *appamāṇa* (*vô lượng*), **Mp** nói rằng: “Đó là nói theo cách của *sự bao trùm vô lượng* của

[đối-tượng] này hay [đối-tượng] kia. Do bao trùm nó bằng cái tâm, người tu bao trùm toàn thể nó; người đó không nắm chấp những biên giới, không nghĩ ‘*Đây là đầu của nó; đây là giữa của nó*’ gì cả.] (1996)

1997 [Trong kinh **1:267** cô Kālī được Phật tuyên bố là “*đệ nhất trong số nữ đệ tử tại gia có niềm-tin dựa vào những tin tức bên ngoài*” (tức chỉ cần nghe nói về Đức Phật, Giáo Pháp, Tăng Đoàn là đã đắc được niềm-tin). Rõ ràng cô chưa bao giờ gặp Đức Phật nhưng dựa trên sự tin-tưởng vào Phật do suy xét từ những thông tin mà cô đã nghe được từ những người khác nói lại.] (1997)

1998 [Chỗ này muốn chỉ bài thi kệ số 510 trong kinh **SN 4:25** (Quyển 1). Chữ “*những thiếu nữ*” (hay *những ma nữ*) là chỉ 03 *con gái của Ma-vương* (Māra), là những ma nữ đã đến hiện hình đủ loại phụ nữ để cám dỗ Đức Phật ngay sau khi Phật đã giác-ngộ. Đây là bài ‘thi kệ trả lời’ của Đức Phật cho ‘thi kệ câu hỏi’ của con gái của Ma Vương có tên là Taṇhā (Dục-Vọng, Ái). (Mời đọc thêm kinh **SN 4:25** này để biết thêm chi tiết).] (1998)

1999 [**Ce** và **Ee** ghi là: *atthābhinibbattesuṃ*. **Be** ghi là: *attho ti abhinibbattesuṃ*. **Mp** giải nghĩa là: “Họ tạo ra nó, nghĩ rằng sự chứng đắc về *kaṣiṇa* là tối thượng, coi đó là mục tiêu tột cùng.”] (1999)

2000 [Chỗ này **Ce** và **Ee** ghi là: *ādimaddasa*; **Be** ghi là: *assādamaddasa*. Cách ghi của **Ce** và **Ee** chỗ này là bất bình thường. Thuật ngữ ‘*03-sự*’ theo công thức tiêu chuẩn chúng ta quen thấy là “*sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi*” (*assāda, ādīnava, nissaraṇa*), như đã được ghi trong **Be**. Bản kinh tương đương trong Hán tạng [**SĀ 549** (**T II 143a2–b17**)] là chỗ chúng ta có thể đối chiếu về 02 cách ghi khác nhau này. Mặc dù kinh **SĀ 549** khác đi về một số mặt, nhưng danh sách những sự minh-sát đối với những *kaṣiṇa* đã được ghi như vậy: “*[Bậc ấy] đã nhìn thấy nguồn-gốc, đã nhìn thấy sự nguy-hại, đã nhìn thấy sự chám-dứt, đã nhìn thấy con-đường dẫn tới sự chám-dứt*” (見其本. 見患. 見滅. 見滅道跡). Chữ 本 của tiếng Hán là tương ứng với chữ *ādi* [không phải chữ *assāda*] trong tiếng Pāli, do vậy nó ủng hộ cách ghi của **Ce** và **Ee** hơn là **Be**; **Be** có thể đã ‘thông thường hóa’ cách ghi của mình. Những cách ghi của luận giảng **Mp** phiên bản **Ce** và **Be** là khác nhau đối với cùng một chữ này.] (2000)

- (Người dịch Việt không hiểu vì sao câu hỏi này của cô Kālī lại được thầy Đại Ca-chiên-diên trả lời bằng cách nói về những sự chứng đắc *kaṣiṇa* như vậy!)

2001 [*Tất cả mọi hiện-tượng*’ hay ‘*mọi pháp*’ (*sabbam dhammam*); tôi hiểu thể số ít này có vai trò diễn đạt cho thể số nhiều là *sabbe dhamme*.] (2001)

2002 [**Ce** và **Ee** ghi câu này là *sabbam dhammam abhiññāya abhiññāya*. **Be** thì không lặp lại chữ cuối hai lần.] (2002)

2003 [Chỗ này, cho dù về văn phạm các câu kinh gốc đã ghi rõ rệt, nhưng tôi đã diễn dịch chỗ này như vậy và hy vọng đã diễn tả đúng hơn với ý lời kinh. Tức là, câu “*một*” đầu tiên thì đúng nghĩa đen, nhưng từ câu “*hai*” ... câu “*mười*” không phải nghĩa là ‘*hai câu hỏi*’ ... ‘*mười câu hỏi*’ mà có nghĩa là “*một câu hỏi về hai điều*” ... “*một câu hỏi về mười điều*”.] (2003)

2004 [Về bài kinh này, khi tra cứu với phiên bản Hán tạng tương đương ở [EĀ 46.8 (T II 778b17)] thì rất thú vị khi nhận thấy những điểm tương phản. Phiên bản Pāli thì rất rõ rệt đối với những điều mục, đặc biệt ở mục ‘*bốn điều*’, ‘*năm điều*’, ‘*sáu điều*’, và ‘*mười điều*’; còn ở đây EĀ 46.8 lại ghi là bốn điều để, năm căn tâm linh, sáu nguyên-tắc để hòa hợp cộng đồng, và mười loại sự chánh-niệm (gồm 10 chi mục là: sáu sự tưởng-niệm, sự chánh-niệm về thân, về cái chết, về hơi-thở, và về sự bình-an). EĀ 46.8 có giảng giải thêm về các chi mục này trong mỗi điều mục đó, điều này làm chúng ta chú ý tới khả năng những chi mục này đã bị bỏ mất trong phiên bản Pāli. Phiên bản Pāli tuyên thuyết 03 nội dung trong mỗi điều mục là—*câu hỏi (pañha)*, *tuyên bố rõ gọn (uddesa)*, và *sự giảng giải (veyyākaraṇa)*—nhưng trong phiên bản Hán tạng bài kinh chỉ ghi 02 nội dung là *câu hỏi* và *tuyên bố rõ gọn*, chứ không có *sự giảng giải*. Trong chương *Kumārapañha* (chương thứ tư) của tập *Khuddakapāṭha* (*Kinh Tiểu Tụng*), phần (4), có phần trùng lặp với danh sách này nhưng nó không ghi những phẩm chất như “*sự tỉnh-ngộ*”, “*sự chán-bỏ*”, và nó lại ghi những đề mục khác là (4) *bốn điều để*, (7) *bảy chi giác-ngộ*, (8) *tám thánh đạo*, và (10) *mười yếu-tố của một A-la-hán*.] (2004)

2005 [Nguyên văn câu này: *Sabbe sattā āhāraṭṭhitikā*. (Về ‘*04 dưỡng-chất*’ giúp duy trì sự liên tục sự hiện-hữu, coi thêm chú thích ở điều (4) bên dưới).] (2005)

- 2006** [Cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, và cảm-giác trung tính.] (2006)
- 2007** [Gồm có: *Thức-ăn, sự tiếp-xúc, sự cố-ý của tâm* (tâm tư), và *thức*. Đây được gọi là những *duy-trì-chất* (*āhāra*) theo cái nghĩa chúng (góp phần) duy trì sự liên tục sự hiện-hữu (= duy trì và liên tục sự sống của một ‘cá thể’ chúng sinh).] (2007)
- 2008** [Về ‘*bảy trạm-trú của thức*’, coi lại kinh **7:44**.] (2008)
- 2009** [Về ‘*tám tình trạng thế tục*’, coi lại kinh **8:06**.] (2009)
- 2010** [Về ‘*chín cõi chúng sinh*’, coi lại kinh **9:24**.] (2010)
- 2011** [Chỗ này tôi làm theo **Be** và **Ee** ghi điều (10) là: *dasasu akusalesu kamma pathesu* (mười đường nghiệp bất thiện), khác với **Ce** ghi là: *dasasu akusalesu dhammesu*. Phiên bản **Ce**, trong kinh **10:28** kể dưới thì ghi điều (10) là: *dasasu kusalesu kamma pathesu* (mười đường nghiệp thiện).] (2011)
- 2012** [*Kajāṅgalikā bhikkhunī: Tỳ kheo ni* (là người ở vùng) *Kajāṅgalā*. Rất khó xác định chữ *Kajāṅgalikā* [người đến từ *Kajāṅgalā*] có phải là tên riêng của Tỳ kheo ni này, hay lời kinh có nghĩa là [*Tỳ kheo ni đến từ *Kajāṅgalā**]. Tuy nhiên, nếu đây là một tên riêng thì lời kinh có lẽ đã ghi thêm chữ *nāma* (tên là) thành *Kajāṅgalikā nāma bhikkhunī*.] (2012)
- 2013** [Đề ý: trong các đoạn (1), (2), (3) thì lời kinh có ghi đoạn [*hoàn toàn tỉnh-ngộ về một điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó*.] (*sammā nibbindamāno sammā virajjamāno sammā vimuccamāno*), nhưng tới điều (4) thì khúc này lại được đổi thành {*có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về bốn điều*.} (*sammā subhāvitacitto*) và tiếp tục điều (5), (6), (8), và (10) cũng đổi theo như vậy. Nhưng tới điều (9) thì lời kinh quay lại khúc [...] giống như điều (1), (2), (3).] (2013)
- 2014** [Kinh này bản gốc Pāli cũng ghi giản lược các điều (5)-(8) y như vậy, (khác với kinh kể trên thì ghi lần lượt đầy đủ các điều; nhưng kinh kể trên người dịch Việt cũng ghi giản lược).] (2014)
- 2015** [Coi lại ‘*06 yếu-tố của (làm nên) sự thoát-khỏi*’ trong kinh **6:13** (và *05 yếu tố* đó trong kinh **5:200** và chú thích 1402).] (2015)

2016 [Về các hệ vũ trụ, coi thêm kinh **3:80**.] (2016)

2017 [Nguyên văn câu cuối này: *Yebhuyyena sattā ābhassarasamvattanikā bhavanti*. Câu này dường như có nghĩa là họ được tái sinh trong số những thiên thần chiếu hào quang thành dòng (*ābhassara deva*), là hạng cảnh giới cao nhất tương ứng với tầng thiên định thứ hai. Ở cõi này thì vẫn còn, trong khi những cảnh giới hiện hữu thấp hơn đều bị sự tan hoại.] (2017)

2018 [Cả đoạn này giống kinh **10:25**, mời coi lại kinh và các chú-thích trong đó.] (2018)

2019 [Toàn bộ đoạn (5) từ (i)-(viii) này giống nội dung (1)-(5) của kinh **8:65** (chỉ khác một chút là trong các đoạn từ (v)-(viii) ở đây có thêm mỗi ví dụ “*Giống như ...*”).

- Mời quý vị coi lại chú thích 1771 ở đầu kinh **8:65** để hiểu thêm nghĩa của cụm từ “*tám ‘cơ-sở để vượt trên’*” (tám tầng xứ) này, và lần lượt các chú thích 1772, 1773, 1774 và 1775 cho các điều (1), (2), (3) và (5) tương ứng với các điều (i), (ii), (iii) và (v) kể dưới trong kinh này.] (2019)

2020 [Giống tương tự các điều (1)-(4) trong kinh **4:161** và **4:162**.] (2020)

2021 [**Mp** không chú giải về chỗ này, nhưng tôi giả định 04 nhận-thức này lần lượt là: nhận-thức trong (cõi) dục-giới, nhận-thức trong (cảnh) bốn tầng thiên định sắc-giới, nhận-thức trong 02 tầng chứng đắc vô-sắc đầu tiên, và nhận-thức trong tầng chứng đắc vô-sắc thứ ba là vô sở hữu xứ.] (2021)

2022 [Về ý nghĩa câu mật ngữ này: mời quý vị coi lại kinh **7:55**, đoạn (1) và chú thích số 1532 ở đó để ôn lại.] (2022)

2023 (Nghĩa nôm na của câu là: Người mà có được cách-nhìn (quan điểm) như vậy thì (i) sẽ không ưa thích [chán-ngán, nản-chí] với *sự tiếp tục hiện-hữu* (tái sinh, sinh tử), và (ii) sẽ ưa thích [không nản-chí, không chán-ngán] với sự chấm-dứt sự hiện-hữu (hết tái sinh, hết sinh tử).

- [Nguyên văn cả câu này là: *Yā cāyaṃ bhavē appaṭikulyatā, sā c’assa na bhavissati, yā cāyaṃ bhavanirodhe pāṭikulyatā, sā c’assa na bhavissati*. Dường như luận điểm của lời kinh này muốn nói là: bởi vì ‘*tu tưởng diệt-*

vong’ đã khởi sinh từ sự ác-cảm đối với ‘*sự tiếp-tục sự hiện-hữu cá thể*’, cho nên người có tư tưởng diệt-vong này chào đón ‘*sự chấm-dứt hiện-hữu*’, mặc dù theo cách-nhìn của Phật giáo thì tư tưởng diệt-vong này đã đi *quá xa* vì nó đã diễn dịch sự chấm-dứt đó là = sự hủy diệt cái bản thân ‘*bằng xương bằng thịt*’, tức hủy diệt cái ‘*sự hiện-hữu cá thể*’ (thân) này. Coi thêm **It §49**, 43–44.] (2023)

2024 [Nguyên văn cụm chữ này: *paramatthavisuddhim paññāpenti*. **Mp** diễn dịch: “Đây là một cách để chỉ ‘*phi tướng phi phi tướng xứ*’ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức]. Bởi vì ‘*vô sở hữu xứ*’ [cảnh xứ trống-không] là cao nhất trong những “*nền-tảng để minh-sát*” (thiền quán); còn ‘*phi tướng phi phi tướng xứ*’ cao nhất về “*tuổi thọ*” (trong số những cõi vô sắc).] (2024)

2025 [Nguyên văn cụm chữ này: *paramadiṭṭhadhammaṃ nibbānaṃ paññāpenti*. Coi kinh dài **DN 1**, mục 3.19–25, trong đó có xem xét *05 quan-điểm* về “*niết-bàn tối thượng ngay trong kiếp này*”. Những người này nắm giữ quan điểm rằng ‘*Niết-bàn là sự thụ-hưởng hết mức* (thỏa thích, không bị hạn chế) *nằm loại đục-lạc*, hoặc coi đó chính là *mỗi tầng thiền định sắc giới (jhāna)*. Đức Phật đã phản đối những quan-điểm này bằng cách khẳng định rằng: ‘*Niết-bàn tối thượng*’ được chứng ngộ bằng *sự hoàn-toàn hiểu* (hiểu ngộ) *sáu cơ-sở cảm-nhận để tiếp-xúc* (sáu xúc xứ, sáu giác quan). Điều này cũng được nói ở **DN 1**, mục 3.71.] (2025)

2026 [**Mp** giải thích chữ “*hoàn-toàn hiểu*” (*pariññā*, liễu ngộ) ở đây là = *vượt-qua, vượt trên (samatikkama)*. *Sự hoàn-toàn hiểu* [hay *sự vượt-qua*] *những khoái-lạc giác quan* (đục lạc) xảy ra ở tầng thiền định thứ nhất (= *tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan ...*) ; *sự hoàn-toàn hiểu những thể-sắc* (sắc giới) có được bằng những tầng chứng đắc vô sắc (= *đã vượt trên sắc giới*); *sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác* có được bằng sự chứng ngộ Niết-bàn, ở đó *tất cả mọi cảm-giác đều đã được làm tịch lặng*.)] (2026)

2027 [**Mp** giải thích về bối cảnh lịch sử lúc này là: khi *Vua Kosala Đại Đế* [là cha của *Vua Pasenadi* (Ba-tư-nặc) này] gả con gái *Kosala Devi* của mình cho *Vua Bimbisāra* (Tần-bà-sa-la) [là vua của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà)], ông đã ban tặng cho công chúa đó *ngôi làng Kāsi* [nằm giữa 02 vương quốc đó] làm

món quà cưới. Những năm sau đó, sau khi vua con Ajātasattu (A-xà-thế) giết cha mình là Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), thì mẫu hậu của ông (tức công chúa *Kosala Devi*) cũng chết do sầu não (vì sự bất hiếu khủng khiếp đó của ông vua con). (i) Lúc đó Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc, là anh ruột của công chúa *Kosala Devi*) mới quyết định: “Do Ajātasattu đã bất hiếu giết chết vua cha rồi mẹ của mình chết như vậy, cho nên *ngôi làng Kāsi* phải thuộc về lại vua cha Kosala Đại Đế của ta.” (ii) Còn Ajātasattu thì nghĩ: “Nó đã thuộc về mẹ của ta” (tức nó đã được cho công chúa *Kosala Devi*, là con gái của Vua Kosala Đại Đế và là em gái của vua Pasenadi; tức vua Pasenadi là cậu ruột của vua con Ajātasattu mới giết vua cha Bimbisāra để lên ngôi). Do vậy là 02 bên, cậu ruột và cháu ruột đánh nhau để giành lấy *ngôi làng Kāsi*. Vua Pasenadi đã 02 lần chiến bại bởi Ajātasattu và phải bỏ trận trốn chạy, nhưng lần thứ ba thì ông thắng trận và bắt được cả vua con Ajātasattu. Cho nên lời kinh đã nói lúc này “*mục-đích của ông đã đạt được*” (*laddhādhippāyo*).] (2027)

2028 [Tình huống giống như **MN 89**, mục 6-9. Rồi tiếp tục giống như mục 10-19, chúng ta thấy Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) cũng thể hiện *sự lễ-lạy* giống như vậy đối với Đức Phật và ông nói ra *10 lý-do* mà mình kính lễ Phật với sự tôn-vinh và sự mến-mộ tối thượng như vậy. Tuy nhiên, những chi tiết nhỏ của sự lễ-lạy thì trong kinh **MN 89** ghi có khác ít nhiều so với các câu ở đây.] (2028)

2029 [Nguyên văn câu này: *Bahunō janassa ariye ñāye patitṭhāpitā yadidaṃ kalyāṇadhammatāya kusaladhammatāya*. **Mp** giải nghĩa chữ “*trong phương pháp thánh thiện*” là “*trong đạo cùng với minh-sát*” (*sahavipassanake magge*). Chỗ này tôi làm theo **PED** coi chữ *patitṭhāpitā* là một danh từ tác nhân trong thể số ít.] (2029)

2030 [Mặc dù ở đây ghi chữ *sikkhāpadam* (*điều luật, điều giới luật*) là số ít, nhưng tôi vẫn hiểu câu này muốn chỉ *toàn-bộ* (tạng) *những giới luật tu hành* [những giới luật để tu học] và do vậy tôi đã dịch theo nghĩa số nhiều. Trong *Luật Tạng* (*Vinaya Piṭaka*), câu này có xảy ra liên quan tới việc đưa ra điều luật *Pārājika* (ba-la-di) đầu tiên, và do vậy dùng số ít ở đó là đúng; coi thêm *Luật Tạng Vin III 21,15–23*.] (2030)

2031 [Phiên bản **Ee** đã sai lầm khi nhập kinh này vào kinh kế trước, do vậy số kinh của nó cũng giảm đi 1. Trong *Luật Tạng*, **Vin II 240–47**, *sự đình chi*

Pātimokkha (*pātimokkhaṭṭhapana*) chỉ nói về sự hủy bỏ quyền của một cá nhân tham dự vào buổi tụng giảng hay tụng đọc *Pātimokkha* vào ngày bố-tát (*uposatha*). Tôi thấy hình như kinh này chỉ nói về *sự đình chỉ Pātimokkha* vì một Tỳ kheo nào đó và hoãn dời sự tụng giảng *Pātimokkha* đến khi đã loại bỏ điều-kiện cản trở đó (ví dụ như có một Tỳ kheo đó phạm luật đang có mặt ở đó ...). Mời đọc thêm chỗ nhà sư **Ṭhānissaro 2007b: 270–71**, để coi nói về loạt những điều-kiện mà do đó sự tụng giảng hay tụng đọc *Pātimokkha* bị hoãn hay hủy bỏ.] (2031)

2032 [Nguyên văn mệnh đề này: *Pārājikakathā vipakatā hoti*. **Mp** giải thích là: “Sự nói chuyện (thảo luận, đàm đạo) về sự việc ‘một người nào đó có phạm một tội *Pārājika* hay không?’ đã được bắt đầu nói và chưa kết thúc (chưa kết luận, còn đang dang dở) (*asukapuggalo pārājikaṃ āpanno nu kho no’ ti evaṃ kathā ārabhitvā aniṭṭhāpitā hoti*).”

- Lưu ý rằng đoạn kinh này đã ủng hộ cách dịch của câu hỏi “*mẫu*” mà Đức Phật hay dùng để hỏi các Tỳ kheo khi Phật đến chỗ họ đang ngồi đàm đạo với nhau, là câu—*kā ca pana vo antarākathā vipakatā?*—nghĩa là: “Cuộc đàm đạo của các thầy *đang diễn ra* là gì vậy?” Còn những câu hỏi khác Phật cũng hay dùng để hỏi lúc này là câu—“Cuộc đàm đạo của các thầy *đã bị làm gián đoạn* là gì vậy?” và câu—“Cuộc đàm đạo của các thầy *đã bị kết thúc* là gì vậy?”—là không hợp nghĩa trong ngữ cảnh này, và trong mọi trường hợp chúng đều bị làm mâu thuẫn bởi các luận giảng, những luận giảng cứ khẳng khẳng giải nghĩa chữ *vipakatā* là “*không được đưa đến kết thúc, không được hoàn thành*” (*apariniṭṭhitā sikhaṃ appattā* ở **Sv** I 49,27–28, **Ps** II 169,15–16; *pariyantaṃ na gatā* ở **Ps** III 226,1–4; *apariyositā* ở **Ud-a** 104,26–30).] (2032)

2033 [Chữ *paṇḍaka* (hoạn nhân) có nghĩa rộng hơn nghĩa là ‘người bị thiếu’; như thường được hiểu. **Sp** V 1016,1–9 đã mô tả 05 loại *paṇḍaka*. Trong số đó, có 02 dạng chính là (i) người đã cắt thiếu (*opakkamikapaṇḍaka*) và (ii) người không xác định được giới tính từ bẩm sinh (*napuṃsakapaṇḍaka*). Sự phân biệt tương tự có thể tìm thấy trong quyển **Matthew 19:12** (phiên bản tiếng Anh): “Bởi vì (a) có những người là hoạn nhân từ bẩm sinh, và (b) có những hoạn nhân là do bị cắt thiếu bởi người khác, và (c) có những hoạn nhân do tự mình cắt thiếu vì (muốn được sinh lên) cõi trời gì đó.” Dạng thứ

nhất (a) tương ứng với những *napuṃsaka* (ii), dạng thứ hai (b) tương ứng với những *opakkamika* (i), và dạng thứ ba (c) có lẽ tương ứng với những người chọn cuộc sống độc-thân [hoặc tự thiên mình] vì những lý do đạo giáo nào đó.] (2033)

2034 [Nhưng nghĩa cụ thể của chữ *bhikkhunīdūsaka* (tạm dịch chung là: người tán tỉnh một Tỷ kheo ni) thì đã không được nói rõ ra trong Kinh Tạng. Tuy nhiên, trong bộ *Phụ Chú Giải về Luật Tạng* (*Vinayavinicchaya-ṭīkā* I 121 [ấn bản VRI; **Be** §322]) có định nghĩa chữ này theo một cách áp dụng cho một Tỷ kheo đã có quan hệ tính dục với một Tỷ kheo ni, như vậy: “Người được cho là một *bhikkhunīdūsaka* sau khi người đó đã làm ô uế một Tỷ kheo ni có tư cách tốt thiện bằng cách quan hệ tính dục với ni đó” (*dūsako ti pakatattāya bhikkhuniyā methunaṃ paṭisevitvā tassā dūsitattā bhikkhuniṃ dūsetīti ‘bhikkhunīdūsako’ ti vutto ca*). Như vậy chữ này không nhất thiết chỉ hàm nghĩa ‘hãm hiếp’, và do vậy ‘người tán tỉnh một Tỷ kheo ni’ có lẽ là cách diễn dịch ‘nghĩa chung’ là phù hợp cho chữ này.] (2034)

2035 [*Chữ gốc là: ubbāhikā. DOP* định nghĩa là “sự tham vấn [về một tranh cãi, vụ xử] cho một ủy ban các Tỷ kheo được bầu ra.” **Mp** giải thích: “*Sự phán quyết* có nghĩa là chọn ra, chọn lấy (ý kiến?) từ Tăng Đoàn để giải quyết một vấn đề (tranh chấp, vụ xử) thuộc giới-luật đã khởi sinh” (*sampattādhikaraṇaṃ vūpasametum saṅghato ubbāhitvā uddharitvā gahaṇatthāya*). Các thủ tục được mô tả chi tiết trong Luật Tạng **Vin** II 95, 25–97,16.] (2035)

2036 [**Mp** nói đó là: *04 loại vấn đề thuộc về giới-luật*. 04 đó là: một sự tranh-chấp, một sự buộc-tội, sự phạm-tội [một tội], và những thủ-tục (*vivādādhikaraṇa, anuvādādhikaraṇa, āpattādhikaraṇa, kiccādhikaraṇa*). (Như vậy câu kinh này có nghĩa là người đó phải biết rõ vấn đề ở đây thuộc loại vấn đề nào trong 04 loại trên). Mời coi thêm lời kinh và chú thích ở kinh **MN 104**, mục 12–20.] (2036)

2037 [**Mp** định nghĩa “*cách*” (cách thức, phương cách) ở đây chính là 07 cách phân xử những vấn đề thuộc về giới-luật (*satta adhikaraṇasamathā*).] (2037)

2038 [**Ee** nhập kinh này vào kinh kế trước, do vậy từ chỗ này sự đánh số kinh của tôi sẽ vượt quá **Ee** là 2 số.] (2038)

2039 [Phiên bản **Ee** kết thúc bài kinh này ngay chấm này. Phần còn lại bên dưới **Ee** tách ra thành một kinh riêng kế tiếp, và đánh số là kinh **38**. Như vậy sự đánh số kinh của **Ee** đã tăng thêm được 1 số, do vậy giờ nó chỉ còn chênh lệch ít hơn số kinh của các phiên bản khác 1 số.] (2039)

2040 [Nguyên văn cả câu này là: *Kappaṭṭhiyaṃ kibbisaṃ pasavati*. **Mp** giải nghĩa chữ *kibbisaṃ* là *pāpaṃ* và nói rằng câu hỏi này liên quan tới nguyên nhân bị đày trong địa ngục suốt một *āyukappa* (một kiếp sống). Cách giải thích về chữ *kappa* như vậy là không thấy có trong *Kinh Tạng* các *Nikaya*, và dường như đây chỉ là một sự sáng tạo của luận giảng mà thôi. Về chữ *kappa* có nghĩa là một *đại-kiếp* vũ trụ chứ không phải chỉ là một *kiếp-người*: mời quý vị coi lại chú thích chi tiết số 1786 trong kinh **8:70**.] (2040)

2041 [Tương tự như ở kinh **40:39** kể trên: phiên bản **Ee** kết thúc bài kinh này ngay chấm này. Phần còn lại bên dưới **Ee** tách ra thành một kinh riêng kế tiếp, và đánh số là kinh **40**. Như vậy từ lúc này cách số kinh của **Ee** bắt đầu trùng lại với cách đánh số kinh của những phiên bản khác.] (2041)

2042 [Tôi đã thêm chữ “*lấn nhau*” dựa trên sự giải nghĩa của **Mp** là: *aññamaññassa saṅgahānuggaho*.] (2042)

2043 [Trong dãy kinh **1:151-159** có chú thích số 66 về những tội này.] (Sẵn đây người dịch dẫn ra để khỏi mất thời gian tra cứu trong *Quyển “Một”*:

[**Mp** chú giải: “Có 05 cấp tội được gọi là *nhẹ* (*lahuka*) và 02 cấp tội được gọi là *nặng* (*gāruka*). 02 cấp tội là *thô* (phạm tội với tâm ý suy đồi) và 05 cấp tội là *không thô*. 06 cấp tội là *có thể tu sửa được* (sám hối được) và 01 cấp tội là *không thể tu sửa được* (không phải chỉ cần sám hối là có thể bỏ qua). *Những tội có sự khôi phục* thì cũng giống *những tội có thể tu sửa được*; còn *những tội không có sự khôi phục* thì giống *những tội không thể tu sửa được*.”

- 02 cấp tội *nặng* (trọng tội, tội ‘chết chóc’ (nghĩa đen)) là: (1) những tội *pārājika* (tội ba-la-di, ba-la-thị-ca; tội bất cộng trụ, triệt khai) là những tội bị trục xuất vĩnh viễn (triệt khai) khỏi Tăng Đoàn, và (2) những tội *saṅghādisesa* (tội tăng-tàn, tăng-tàn, tăng-già-bà-thi-sa) là những tội cần phải có những cuộc họp hay hội nghị Tăng Đoàn (địa phương) để giải quyết và có một lộ-trình để khôi phục.

- 05 cấp tội *nhẹ* là gồm (i) những tội *thullaccaya* (tội thô tục; tội thô suât), (ii) những tội *pācittiya* (tội chuộc lỗi được bằng cách nào đó; tội ung đối trị), (iii) những tội *pātidēsānīya* (cần được công nhận; tội ung phát lộ), (iv) những tội *dukkata* (hành vi xấu; tội ác tác), và (v) những tội *dubbhāsita* (lời nói xấu; tội ác ngữ). Năm cấp tội này có thể được bỏ qua sau khi người phạm tội đã thú nhận với một Tỷ kheo khác. - Những tội *nặng* cũng được gọi là thuộc những tội *thô* (*duṭṭhulla*); những tội *nhẹ* là *không thô* (*aduṭṭhulla*). - Những tội *pārājika* (ba-la-di) là thuộc những tội “*không thể tu sửa (khắc phục) được*” (*anavasesa*) và “*không có sự khôi phục (phục hồi)*” (*appatikamma*) bởi vì chúng không cho cơ hội để người phạm chuộc lỗi hay bù đắp (vì đã quá nghiêm trọng). - Còn 06 cấp tội “*có thể tu sửa (khắc phục) được*” (*sāvasesa*) và “*có sự khôi phục (phục hồi)*” (*sappatikamma*) là bởi vì chúng có thể được xóa bỏ bằng cách chuộc lỗi hay bù đắp hay sửa chữa theo cách nào đó.] (66.) (2043)

2044 [Kinh này kết hợp 02 phần ‘05-điều’ để thành kinh ‘10-điều’.] (2044)

2045 [Chữ *guyhavantā* ghi trong **Ce** nên được sửa lại là *guyhamantā*, giống như trong **Be** và **Ee**. Ở đây chữ *guyhamantā* hầu như chắc chắn có nghĩa là *những mưu tính bí mật* hay *những điều cơ mật* chứ không có nghĩa là những ‘mật chú, bùa chú’.] (2045)

2046 [Trong đoạn này **Mp** giải nghĩa chữ *pattheti* là *māretuṃ icchati* (sự muốn giết). Tôi không hiểu tại sao từ tiếng Pāli chữ này lại có thể có nghĩa là ‘*muốn giết*’, do vậy tôi nghĩ nên lấy nghĩa thông thường của chữ *pattheti* là “*muốn, ước, cầu*”. Tôi nghĩ ý của lời kinh ở đây là ‘có người là cha của con trai của một cung phi muốn gặp mặt con trai mình’ hoặc ‘một hoàng tử là con của một cung phi biết cha mình không phải là nhà vua nên muốn gặp cha ruột của mình’, và nhà vua nghi ngờ Tỷ kheo đó chính ‘cha’ đó, là ‘người mong gặp’ hay ‘người được mong gặp’ đó.] (2046)

2047 [**Ce** và **Be** ghi là *hatthisammaddaṃ*; **Ee** ghi là *hatthisammadaṃ* trong lời kinh, nhưng đuôi chữ *-sammaddaṃ* và đuôi chữ *-sambādhaṃ* là những cách ghi thay thế tương đương nhau. **Mp** [của **Be**] đọc là *hatthisambādhaṃ*, và gút lại nghĩa là *hatthīhi sambādhaṃ* (có voi đông đúc). **Mp** [của **Ce**] cũng cho rằng cách đọc này là đúng, mặc dù lời kinh của nó có vẻ bị hư (không nguyên

ven). Cả 02 phiên bản đó của **Mp** đều nhận chữ thay thế tương đương là *hatthisammaddam*.] (2047)

2048 [*Tám chi phần* hay *tám chi giới* là = *tám giới-hạnh* (bát quan trai giới) trong dịp bố-tát mà những đệ tử tại gia tuân giữ; về chi tiết *tám giới* này, mời coi lại kinh **8:41**.] (2048)

2049 [**Ce** và **Ee** chỉ ghi tới năm mươi *kahāpaṇa*, nhưng trong **Be** thì ghi thêm tới một trăm *kahāpaṇa*. Đồng *kahāpaṇa* là đơn vị tiền tệ của thời Phật đang sống.] (2049)

2050 [Nghĩa chữ gốc là: *một trăm lần một trăm năm* (*satampi vassasatāni*).] (2050)

2051 [Nghĩa chữ gốc là: *một trăm lần một trăm ngàn năm* (*satampi vassasatasahassāni*).] (2051)

2052 [Bởi do sự ‘đa nghĩa’ của chữ *kamma* [vừa có nghĩa là “*một việc làm, một hành động, một nghiệp*” vừa có nghĩa là “*những hậu quả tiềm năng của hành động hay việc làm đó*”, cho nên câu hỏi và trả lời ở đây đang hàm nghĩa nói về những “*ngiệp xấu, nghiệp ác*”. Tương tự như vậy, đoạn bên dưới là hàm nghĩa nói về những “*ngiệp tốt, nghiệp thiện*”.] (2052)

2053 [Nguyên văn câu này: *Vevañṇiy’amhi ajjhupagato*. Có 04 giai cấp chính ở Ấn Độ thời Phật được gọi là 04 *vaṇṇa* nghĩa gốc là “*màu sắc*”, và *vivaṇṇa* có nghĩa là “*không có giai cấp*” (vô giai cấp, phi giai cấp). Chữ *vevañṇiya* là danh từ trừu tượng, nghĩa là “*sự không có giai cấp*”, nghĩa ở đây chỉ những người xuất gia là đã từ bỏ những giai cấp trước đó của mình như bà-la-môn, chiến-sĩ, nông thương, bần lao/hạ tiện, và trở thành chỉ là những *tu sĩ* (*samôn*) *đi tu theo người con của dân tộc Thích-Ca* (tức Phật; trở thành Phật tử) [coi thêm kinh **8:19**, đoạn (4)]. Vào thời sau đó các luận giảng dường như đã bỏ quên cái nghĩa gốc của chữ này, do vậy luận giảng **Mp** đã giải nghĩa chữ này là “*đơn sơ*” hay “*không trang hoàng*”, và diễn giải rằng: “*Vevañṇiya* có 02 nghĩa: nghĩa về thân và nghĩa về những vật dụng thường dùng. *Vevañṇiya* về thân có nghĩa là cạo bỏ râu tóc. *Vevañṇiya* về những vật dụng là mặc áo cà-sa màu vàng úa được may từ những mảnh vải hay giẻ rách (nhặt được); ăn thức-ăn trộn với nước trong bình bát bằng sắt hay đất nung; ngủ dưới gốc cây

... và nằm trên thảm lót bằng rom, rạ, hay cỏ ... ; ngồi trên miếng da lót hay giẻ lót ...; và dùng nước tiểu bò lên men ... để làm thuốc thang. Khi một người quán chiếu như vậy thì sự sân hay sự tự-đại sẽ được dẹp bỏ.”] (2053)

2054 [Nguyên văn câu này: *Parapaṭibaddhā me jīvikā*. Những tu sĩ thì không đi làm ăn hay làm việc để có tiền có lương để có thể mua những thứ nhu yếu cần thiết cho mình mà họ phải nhận mọi thứ trợ giúp vật chất—y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh—từ cộng đồng người tại gia (thí chủ). Người tu không sử dụng 04 loại đồ cúng dường này mà không biết suy xét về chúng như vậy (tức khi người tu hưởng dụng những thứ được cúng dường thì phải biết suy xét quán chiếu về chúng như vậy).] (2054)

2055 [Nguyên văn câu này: *Añño me ākappo karaṇīyo*. (Nghĩa là, người xuất gia thì những hành vi, phong cách, biểu hiện, đi đứng, bộ dạng, thái độ, tư cách ... phải khác với những người tại gia). **Mp** diễn tả luôn là: “Những người tại gia đi uốn ngực, ngẩng đầu, tung tăng vui vẻ, bước nhanh bước chậm, bước cao bước thấp. Nhưng tư cách của người tu thì phải khác. Người tu phải bước đi với các giác-quan bình lặng, với một cái tâm bình lặng, từng bước chậm và đều, giống như chiếc xe bò đi chậm rãi từng bước qua vũng nước hay nơi gồ ghề vậy.”] (2055)

2056 [Ở đây và trong điều (5) kế tiếp thì ý của lời kinh sẽ được chuyển dịch rõ ràng hơn nếu bỏ qua không cần dịch chữ *na*.] (2056)

2057 [Về những sự quán chiếu về những lẽ-thực như vậy, có thể coi thêm lại kinh **5:57**.] (2057)

2058 [Nguyên văn câu cuối này: *Ponobhaviko bhavasāṅkhāro*. **Mp** chú giải nghĩa là: “*Nghịệp tạo ra sự hiện-hữu, sự chủ động sản sinh sự tái hiện-hữu*” (*ponobbhaviko ti punabbhavanibbattako, bhavasāṅkhāro ti bhavasāṅkharan-akammaṃ*). Ở đây có thể hiểu, “*tồn tại qua/nhờ thân*” bởi vì thân là công cụ để lập thành và thể hiện sự cố-ý (tu, hữu hành).] (2058)

2059 [Thể thức bài kinh này giống như kinh **6:12**, mặc dù phần nội dung có khác nhau. 10 nguyên-tắc này là cũng giống với 10 phẩm-chất “*như một người bảo hộ*” được nói trong kinh **10:18**.] (2059)

2060 [Chữ *paripuṇṇam* trong **Ce** nên được sửa lại là *parisuddham* như trong **Be** và **Ee**. **Ce** ghi đúng chữ *parisuddham* trong các đoạn song hành trong các bài kinh sau của NHÓM kinh này, như vậy rõ ràng chữ *paripuṇṇam* trong kinh này chỉ là lỗi do ghi chép mà thôi.] (2060)

2061 [Bản kinh tương đương trong Hán Tạng [MĀ 110 (T I 598c21–599b7)] hơi khác với bản Pāli về danh sách những ô-nhiễm, và ngược lại với chúng là những phẩm-chất thiện lành. Trong đó gồm có sự thiếu niềm-tin và niềm-tin, sự mờ-rối của tâm và sự chánh-niệm, và sự ngu-đần và trí-tuệ. Có (i) niềm-tin, (ii) sự chánh-niệm, và (iii) trí-tuệ—cùng với (iv) sự nỗ-lực tu và (v) sự định-tâm [trùng với danh sách trong bản Pāli]—tạo thành *05 căn tâm linh*, được tính là ‘không có mặt’ hay ‘có mặt’.] (2061)

2062 [Tôi dùng chữ “*sa-sút*” để dịch chữ *parihāni* và chữ “*suy-đôi*” để dịch chữ *hāni*. Ở đây 02 chữ này hầu như là đồng nghĩa.] (2062)

2063 [Kế tiếp là những điều tự xem-xét lại chính mình, được dựa theo ‘khuôn-mẫu’ của kinh **4:93**.] (2063)

2064 [Tiếp tục bên dưới cho đến hết kinh là nội dung và lời kinh giống hệt nội dung và khuôn mẫu của kinh **9:06**, chỉ khác trong kinh này thì điều ‘*giao lưu với người*’ được đặt sau cùng và chỉ nói tóm gọn ý chính chứ không phân tích chi tiết như trong kinh **9:06**.] (2064)

2065 [Đầu kinh **6:51** có một đoạn giống với đoạn này ở thể ‘khẳng định’. Trong kinh này, **Be** và **Ee** điều thứ hai (b) ghi là *sammosaṃ gacchanti*, nghĩa gốc là “*đi đến sự quên*”, có vẻ đúng hơn so với chữ ghi trong **Ce** là *sammosaṃ gacchanti* nghĩa là “*đi đến sự ngu mờ*”. Trong kinh **6:51** thì tất cả 03 phiên bản đều ghi là *na sammosaṃ gacchanti*, cách ghi này cũng được ủng hộ bởi **Mp** vì **Mp** đã giải nghĩa là = *vināsaṃ na gacchanti* (chúng đã bị mất). Ở đây và bên dưới, **Ce** và **Ee** ghi là *pubbe cetaso samphuṭṭhapubbā*, **Be** thì ghi ở thể “phủ định” là *pubbe cetaso asamphuṭṭhapubbā* (với (những giáo lý) người đó đã quen thuộc trước đó). Chỗ này có lẽ sai do lỗi ghi chép; trong kinh **6:51** thì **Be** ghi đúng với **Ce** và **Ee** là *pubbe cetaso samphuṭṭhapubbā*.] (2065)

2066 [Đây là một kinh được mở rộng từ các kinh song hành là **5:61**, **7:48**, và

9:16.] (2066)

2067 [Đây là 05 đề-mục cuối trong số 10 đề-mục thiền quán về sự ô-úế (của thân) được nói chi tiết trong **Vism**, chương 6.] (2067)

2068 [Đây là một kinh song hành, dựa theo kinh **8:83** (và thêm điều 9 và 10). Nó cũng có sự tương ứng nhiều với kinh **9:14**, trong đó đưa ra 09 trong số những câu hỏi, nhưng chủ đề khởi sự là “những ý-định và ý-nghĩ” (*sāṅkap-pavitakkā*) thay vì “tất cả mọi thứ” (*sabbe dhammā*, mọi pháp)]. (2068)

2069 [Nguyên văn 02 điều cuối là: *amatogadhā sabbe dhammā* và *nibbāna-pariyosānā sabbe dhammā*, chúng dường như là đồng nghĩa. Nhân tiện, bản kinh tương đương trong Hán Tạng, **MĀ 113** (ở **T I 602c1–16**) thì đưa ra những điều sau: “Mọi thứ đều bắt rễ từ tham-muốn [*dục*]; tất cả đến với nhau trong tiếp-xúc [*xúc*]; tất cả hội tụ vào cảm-giác [*thọ*]; tất cả phát sinh từ sự chú-tâm [*tác ý*]; tất cả bị dừng lại bởi sự chánh-niệm [coi **Sn 1035**]; tất cả được dẫn đầu bởi sự định-tâm; trí-tuệ là trên tất cả; sự giải-thoát là sự thật [*cốt lõi*] của tất cả; tất cả đều có Niết-bàn là chung-cuộc của nó.” Thật thú vị là, kinh **MĀ 113** còn tiếp tục (ở **T I 602c17–28**) bằng một đoạn mà trong **AN** là tương ứng với bài kinh kế tiếp là **10:59**, mặc dù (ý kinh đó) thay vì bảo đảm người tu thực hành theo cách như vậy sẽ đạt được một trong 02 thánh quả, thì nó lại ghi là người tu nhất định sẽ chứng quả A-la-hán.] (2069)

- (Nhân tiện, về 08 điều đầu: ở cuối kinh song hành là **8:83** có một chú thích 1801 dài của nhà sư Brahmāli. Mời coi lại.)

2070 [Nguyên văn cả câu này: *Na c’uppannā pāpakā akusalā dhammā cittaṃ pariyādāya ṭhassanti*. Như cách diễn đạt, lời kinh dường như muốn nói những phẩm chất bất thiện đó có khởi sinh nhưng không nắm sự kiểm soát chi phối tâm của các Tỷ kheo đó. Tuy nhiên, cũng có thể ý lời kinh là những phẩm chất bất thiện đó không khởi sinh và không nắm sự kiểm soát chi phối tâm của những người đó.] (2070)

2071 [Nguyên văn cụm chữ này: *lokassa samañca visamañca*. **Mp** giải nghĩa 02 nghĩa đó chính là: “hành vi tốt (thiện hạnh) và hành vi xấu (ác hạnh) trong thế giới chúng sinh” (*sattalokassa sucaritaduccaritāni*).] (2071)

2072 [Nguyên văn cụm chữ này: *lokassa bhavañca vibhavañca*. **Mp** giải nghĩa đó là “*sự tăng trưởng và sự hoại diệt của nó*, cũng có nghĩa là *sự thành công và sự thất bại*.”] (2072)

2073 [Những nhận-thức (8), (9), (10) sẽ được giảng giải trong kinh **10:60** kể dưới.] (2073)

2074 [Ngoài một bài kinh này ra, trong các kinh bộ *Nikāya* không thấy có kinh nào khác hay thông tin khác về *Tỳ kheo Girimānanda* này. Những nước theo Phật giáo Trưởng Lão Bộ (*Theravāda*) coi kinh này là một kinh phòng-hộ hay hộ-niệm (*paritta*), các *Tỳ kheo* thường tụng đọc cho những người đang bị đau đớn vì bệnh.

► (Nhân tiện, có một quyển sách tên là “*Thiền Về Sự Nhận-Thức*” do thiền sư Bhante Gunarantana giảng giải dựa trên bài kinh này đã được dịch bởi cùng người dịch Việt.) (2074)

2075 [Riêng trong phiên bản **Be** ghi chỗ này là *bệnh môi (oṭṭharogo)*, nằm giữa *bệnh miệng (dantarogo)* và *bệnh ho (kāso)*.] (2076)

2076 [Sự nhận-thức này [và sự nhận-thức kể dưới] đều là *những sự quán chiếu về Niết-bàn*. Trong khuôn-mẫu kinh điển của *40 chủ-đề thiền*, thì 02 nhận-thức này có thể nằm thuộc phần “*quán tưởng về sự bình-an*” (*upasaṃanusati*), như đã được giảng giải trong *Thanh Tịnh Đạo*, **Vism** 293–294, **Ppn** 8:245–251.] (2076)

2077 [Chỗ này **Ce** và **Ee** ghi là: *pajahanto viramati anupādiyanto*, **Be** ghi: *pajahanto viharati anupādiyanto*. **Mp** không giải nghĩa gì chỗ này.] (2077)

2078 [Đoạn kinh (9) lời kinh diễn tả như vậy thì chúng ta khó nhìn ra được lý do gì nó liên quan tới sự vô-thường. Một số bản gốc chép ghi sự nhận-thức này là *sabbasaṅkhāresu anicchāsaññā: nhận-thức về sự không ước-muốn* (vô nguyện) [hay *sự không-muốn* (vô dục)] *đối với tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện*. Chủ đề “*về sự không ước-muốn ...*” này thì có vẻ phù hợp hơn với định nghĩa của lời kinh đang diễn tả (hơn là *sự vô-thường trong những pháp hữu vi*).] (2078)

2079 [*Sự tạo-tác của tâm (citta-saṅkhāra) ở đây chính là = nhận-thức và cảm-giác (tưởng và thọ), bởi nhận-thức và cảm-giác được cho là dính kết với tâm và xảy ra tùy thuộc theo tâm [coi thêm kinh MN 44, mục 15].*] (2079)

2080 [Đó là, sự giải thoát tâm khỏi những chướng-ngại để đạt tới sự thanh lọc của sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ).] (2080)

2081 [Tôi đọc cả câu này như vậy: “*Purimā bhikkhave koṭi na paññāyati avijjāya, ito pubbe avijjā nāhosi atha pacchā samabhavī*” ti: *evametaṃ bhikkhave vuccati*. Sự đánh dấu câu trong cả 03 phiên bản tạo ấn tượng cho chúng ta rằng chỉ có phần trong câu tiếng Pāli tạo nên câu trích dẫn trực tiếp là từ chữ *ito pubbe* tới chữ *sambhavī*. Tôi nghĩ đúng hơn là cụm chữ *evametaṃ bhikkhave vuccati* cũng được tính vào tròn vẹn cả câu tuyên bố, tức là từ chữ *purimā* tới chữ *sambhavī* luôn chứ không chỉ một phần đó, và do vậy tôi đã dịch như vậy.] (2081)

2082 [**Mp** giải nghĩa “*có một dưỡng-chất*” (*sāhāraṃ*) là = *có một điều-kiện, có một duyên (sapaccayaṃ)*] (2082)

2083 [Mặc dù phần đầu (phần tiêu cực) của kinh chỉ có 09 thứ được nói ra, nhưng nó vẫn được kết tập như kinh ‘10-điều’ bởi trong phần thứ hai (phần tích cực) thì có 10 thứ. Kinh **10:62** tiếp theo dùng y hệt ‘khuôn-mẫu’ này nhưng phần đầu của nó đã được thêm vào ‘*dục-vọng muốn hiện-hữu*’ (hữu ái) cho đủ ‘10-điều’.] (2083)

2084 [Ở đây có một sự chơi chữ. “*Sau khi đã đạt tới sự chắc-chắn về ta*” (*mayi niṭṭhaṃ gatā*) là một thành ngữ có nghĩa một người đã thành tựu niềm-tin chắc chắn (chánh tín bất lay chuyển) về Đức Phật: đây là dấu-hiệu của một bậc Nhập-lưu. Nhưng chữ *niṭṭhā* cũng có nghĩa là ‘mục-tiêu’, đó là, quả A-la-hán. Như vậy sự ‘*đạt tới sự chắc-chắn về Phật*’ là đánh dấu sự chứng ngộ quả Nhập-lưu [hoặc cao hơn], trong khi sự ‘*đạt được mục-tiêu*’ là đánh dấu sự chứng ngộ quả A-la-hán. Dưới ánh sáng của sự phân biệt này, **Mp** đã giải nghĩa câu ‘*đạt được mục-tiêu trong thế gian này*’ (*idha niṭṭhā*) là “*đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này*” (*imasmimyeva loke parinibbānaṃ*). ‘*Thế gian này*’ (*idha*, nghĩa gốc là “*ở đây, tại đây*”) rõ ràng có nghĩa chỉ chung cõi dục giới, vì bậc Nhập-lưu và Nhất-lai có thể ‘*đạt được mục-tiêu*’ trong một cõi trời (thuộc dục giới), không nhất thiết phải từ cõi người. **Mp** nói ‘*sau khi rời*

bồ thế gian này’ (*idha vihāya*) có nghĩa là “*khi đang ở trong những cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) thuộc cảnh trời brahmā (phạm thiên giới) (suddhāvāsabrahmalokaṃ).*”] (2084)

2085 [Nguyên văn 03 hạng người này là: *ekabījī, kolaṃkola, và sattakkhat-tuparama* [như cũng được nói trong kinh **3:88**, đoạn 3-]. Đây là 03 hạng của những bậc thánh Nhập-lưu được xếp theo nghĩa kỹ thuật. Họ được phân biệt tùy theo sự sắc-bén của những căn tâm linh của họ. Sự phân biệt giữa họ cũng được nói tới trong kinh **3:89**.] (2085)

2086 [(05 hạng này cũng được nói trong kinh **3:88**, đoạn 2-). Để coi sự phân biệt giữ 05 hạng của những bậc Bất-lai, mời coi lại kinh **7:55**. Và 05 hạng này cũng được đề cập dựa trên mức độ của 03 phần tu tập (giới, định, tuệ) trong kinh **3:87** và kinh **3:88**.] (2086)

2087 [Ở đây lời kinh dùng chữ *sotāpanna* (Nhập-lưu, Tu-đà-hoàn) theo một nghĩa lỏng lẻo, không nghiêm ngặt lắm. **Mp** nói chữ đó có nghĩa chỉ chung *những người đã nhập vào “dòng” thánh đạo (ariyamaggasotaṃ āpannā)*. Như vậy chữ đó cũng áp dụng cho những thánh đệ tử thuộc tất cả *04 bậc giác-ngộ* (vì 03 bậc trên là Nhất-lai, Bất-lai, và A-la-hán cũng từ bậc (đã) Nhập-lưu đi lên, và dĩ nhiên họ cũng đã có niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật. Người dịch Việt thêm vào chữ (đã) để bao gồm cả 02 nghĩa: *bậc thánh Nhập-lưu* và *bậc đã nhập-lưu vào dòng thánh đạo*.)] (2087)

2088 [**Ee** đã bỏ đoạn dẫn nhập này, mặc dù họ thừa biết đoạn này có ghi trong những bản chép tay mà từ đó **Ee** đã đọc ra. Cả **Ce** và **Be** đều có ghi đoạn này.

- Kế tiếp chỗ này: tự dung cụm chữ tên kinh “*mười chủ-đề để thảo-luận*” đột ngột chuyển thành “*mười cơ-sở để khen ngợi*”, lý do của sự ‘chuyển đề tài’ này thật sự không rõ ràng; trừ khi chúng ta giả định rằng: như trong kinh kể trên Phật đã đến chỗ các Tỷ kheo đó và đã ‘quở trách’ họ vì đã tham gia nói những chuyện vô bổ vô ích, và do vậy giờ Phật mới Phật mới ra những chủ-đề *đổi ngược* mà Phật gọi là “*mười cơ-sở để khen-ngợi*”, như dưới đây.] (2088)

2089 [Kinh này như một phiên bản nén gọn của kinh **MN 6**. Kinh **MN 6** thì gồm có những phần nói về *03 bậc giác-ngộ đầu* và *05 trí-biết trực tiếp thuộc*

thế tục nhưng các điều (5) và (6) ở đó thì không có trong kinh này.] (2089)

2090 [Đây là một kinh song hành được mở rộng của kinh **5:63** và **5:64**.] (2090)

2091 [Đây là một kinh song-hành một phần (không hoàn toàn) đối với kinh **6:44**, khuôn mẫu bố cục của kinh là giống hệt, chỉ khác phần nội dung ở sau về *10 loại người* trong kinh này và *06 loại người* trong kinh **6:44**. ► (Những chỗ đánh dấu [a], [b], [c], [d], [e], [f], [g] có các chú thích tương ứng số 1329, 1330, 2331, 1332, 1335, 1336, 1340 trong kinh **6:44**.)] (2091)

2092 [Ở đây **Ce** ghi là *pettā pi yo*; **Be** ghi *pitāmaho*, **Ee** ghi *pettā piyo*. **PEĐ** giải thích chữ *pitāmahā* (dưới *pitara*) là “ông nội” dường như là không đúng ở đây. **PEĐ**, dưới chữ *pettāpiya* (tiếng Phạn *pitṛvya*) thì cho nghĩa là “em của cha, là chú”, nghĩa này ủng hộ **Ce** và **Ee** nếu những khoảng cách được bỏ đi. Coi thêm chú thích ở kinh **6:44** như kể trên.] (2092)

2093 [Tôi nghĩ **Ce** đã ghi nhầm tiếp vĩ ngữ *-ñāṇo* ở đây thay vì đúng là *-ñāṇe*, chữ này cũng được ghi trong chỗ lặp lại lời tuyên thuyết cho đến cuối kinh. Trong kinh **6:44** thì **Ce** đã ghi đúng là *-ñāṇe* ở cả hai chỗ.] (2093)

2094 [Nguyên văn câu này: *Dussīlyam aparisesam nirujjhati*. **Mp** chú giải nghĩa là: “Ở đây, *05 loại sự vô đạo đĩc* được trừ bỏ bởi thánh đạo Nhập-lưu; còn *10 [đường nghiệp bất thiện]* được trừ bỏ bởi thánh đạo A-la-hán. Chúng được nói là đã được trừ bỏ ngay thời-khắc (sát-na) của thánh quả. Với chữ *nirujjhati* lời kinh đề cập đến thời-khắc của thánh quả. Một phạm nhân (phạm tăng) phá vỡ giới-hạnh theo 05 cách: (i) bằng cách phạm tội nặng nhất (*pārājika*, ba-la-di), (ii) bằng cách bỏ tu, (iii) bằng cách chuyển qua đạo giáo khác, (iv) bằng cách chứng A-la-hán, và (v) bằng cách chết. *03 cách đầu* là *sự suy-đổi* trong sự tu tập, *cách thứ 4* là *sự tu tiến* của nó, và *cách thứ 5* thì không sa sút hay tu tiến gì cả. Nhưng theo cách nào là giới-hạnh bị phá bỏ bởi sự đạt tới thánh quả A-la-hán? Bởi vì một phạm nhân có thể có giới-hạnh ‘*cực kỳ thiện lành*’, nhưng thánh đạo A-la-hán là dẫn tới *sự tiêu diệt mọi nghiệp thiện và nghiệp ác*, cho nên nó bị phá bỏ theo cách như vậy.” Nên chỉ ra rằng: cách chú giải như vậy là theo quan-điểm của *Vi Diệu Pháp* (Abhidhamma), theo đó những hành-động của một A-la-hán, vốn chỉ là những sinh hoạt (*kiriya*) không mang nghiệp quả, thì không được xếp là thiện hay bất thiện. Tuy nhiên, còn theo ngôn ngữ của các kinh thì chúng được mô tả là

‘*cực kỳ thiện lành*’ hay ‘*cực thiện*’.] (2094)

2095 [Tôi dịch dựa theo **Ce** và **Be** chỗ này ghi là *tayo me*. **Ee** thì nhất quyết chỉ ghi *tayo*, không có *me*.] (2095)

2096 [Tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là *micchādittḥikā*, khác với **Be** là *pāpamittā* (có bạn tốt).] (2096)

2097 [Đây là kinh song hành của kinh **9:29**.] (2097)

2098 [Nguyên văn câu cuối: *Aṭṭhāne ca kuppati*. **Mp** giải thích: “Những sự tức giận kia đều có lý do, ví dụ như khi người ta làm hại mình ... Nhưng đây cũng không phải trường hợp do mình tự làm hại mình, ví dụ như do tự đi mình vấp phải gốc cây bị té hay do chuyện gì khác ... Vì vậy trong trường hợp này mới nói là tức giận không vì lý do gì (*aṭṭhāne āghāto*).] (2098)

2099 [Đây là kinh song hành được mở rộng từ kinh **9:30**, chỉ thêm điều thứ mười. (Mời coi lại chú thích 1899 trong kinh **9:30**).] (2099)

2100 [Ví dụ hoa sen giống trong kinh **4:36**.] (2100)

2101 [Đây là một kinh song hành của kinh **8:82**. (Mời coi các chú thích 1798 và 1799 trong kinh đó).] (2101)

2102 [Tôi đọc chỗ này theo cách ghi của **Be** là: *Sati kho pana ayamāyasmā uttari karaṇīye*, khác với **Ce** và **Ee** ghi là: *Muṭṭhassati kho pana ayamāyasmā uttari karaṇīye* (*Vị này, là người có tâm mờ-rối, khi còn có điều gì cần phải làm thêm nữa ...*). Trong **Be** chữ *sati* là một hiện tại phân từ được dùng trong một cấu trúc sở cách tuyệt đối; nó hoàn toàn không liên quan gì với danh từ *sati* có nghĩa là *sự chánh-niệm*. Có khả năng là cách ghi chữ *muṭṭhassati* đã phát sinh do bị ảnh hưởng bởi cách ghi ở điều (7) của kinh **10:85** kể dưới (*Vị này có tâm mờ-rối*).] (2102)

2103 [**Ce** còn ghi thêm một lần nói gạt nữa. Nhưng tôi làm theo **Be** và **Ee**, bỏ bớt lần lặp lại nữa. (A và B là do người dịch đặt để để thấy người gạt và người bị gạt).] (2103)

2104 [Điều (10) này cũng như điều (10) của kinh **10:84**, tôi chọn cách ghi của

Be, như đã nói trong chú thích 2102 ở kinh đó.) (2104)

2105 [Đây là tên được ghi trong **Ce**. **Ee** ghi là *kālakam*, nó cũng được coi là một danh từ riêng. Nhưng **Be** thì ghi là *kālakatam*, có nghĩa là “người đã chết rồi”.] (2105)

2106 [Nguyên văn cả câu là: *Ayampi dhammo na piyatāya na garutāya na bhāvanāya na sāmāññāya na ekībhāvāya saṃvattati*. **Mp** giải nghĩa chữ *na sāmāññāya* là = *na samaṇadhammabhāvāya* (cũng không tới trạng thái [hay bốn phần] của một sa-môn). Như vậy rõ ràng **Mp** đã coi chữ *sāmāñña* là xuất thân từ chữ *samaṇa*. Tuy nhiên, chữ *sāmāñña* cũng là một danh từ trừu tượng từ chữ *samāna* (có nghĩa là: *thứ giống hết, giống nhau*) và tôi tin đây là nghĩa lời kinh ở đây! Tôi dịch nó là sự “*đồng thuận*” cũng rất phù hợp với chữ kế sau nó là *ekībhāvāya* (*đoàn kết*). Mời quý vị coi thêm lại chú thích 1623 ở cuối đoạn (1), phần (II), kinh **8:02**. Trong đó **Mp** không giải nghĩa chữ *bhāvanāya*, mà khi luận giải về kinh **8:02** nó đưa ra 02 nghĩa thay thế nhau là “*sự tu tập [thiền tập]*” và “*sự kính trọng đối với những đức-hạnh [giới-hạnh]*”. Trong kinh này lấy nghĩa sau thì có vẻ phù hợp hơn. - Bản kinh tương đương trong Hán tạng, **MĀ 94** [ở **T I** 576a23–25], có giải nghĩa chữ *bhāvanāya* là 不能令修習 (cũng không dẫn tới sự thiền tập); và giải nghĩa chữ *sāmāñña* là 不能令得沙門 (cũng không dẫn tới đạt được trạng thái sa-môn). Cho dù có sự tương đồng giữa luận giảng **Mp** và bản Hán tạng **MĀ 94**, tôi vẫn nghĩ rằng có thể những chữ đó đã bị hiểu sai ngay từ thời Phật giáo tiền thân, và tôi vẫn ưu tiên cách diễn dịch của mình.] (2106)

2107 [Kinh này có một phần lặp lại kinh **5:211**, nhưng vì câu cú hành văn có sự khác nhau quá rõ nên khó có thể gọi là một kinh song hành được mở rộng từ kinh **5:211**. - (Có lẽ đúng hơn kinh này là kinh song hành của kinh **11:06**.)] (2107)

2108 [Theo **Ce**, **Be**, và **Mp** [của **Ce** và **Be**] tôi đọc chỗ này là *saddhammassa na vodāyanti*. **Ee** ghi động từ số ít là *vodāyati*, nhưng những chú thích trong **Ee** cũng đề cập trong bản viết tay là *vodāyanti*. Chữ *saddhammassa* nên được ghi đúng lại là *saddhammā assa*. **Mp** chú giải rằng: “*Những phẩm chất tốt của giáo lý, gồm có trong ba phần tu học (giới, định, tuệ), không được làm sáng bóng vì người đờ*” (*sikkhāttayasāṅkhātā sāsanasaddhammā assa*

vodānaṃ na gacchanti). (Có lẽ theo nghĩa là: nếu người tu là thiện tu và tu tiến thì những phẩm chất của giáo lý càng được làm sáng ngời; còn những người tu là tà tu và sa sút thì những phẩm chất của giáo lý sẽ bị làm lu mờ.) (2108)

2109 [Các phiên bản khác của kinh này là các kinh **SN 6:09–10** và **Sn 3:10**.] (2109)

2110 [Nguyên văn câu này là: *Mā h’evaṃ Kokālika, mā h’evaṃ Kokālika*. Trong tập kinh **Sn** [trang 124] cũng ghi giống vậy, nhưng trong kinh **SN 6:09** thì ghi là: *mā h’evaṃ Kokālika avaca, mā h’evaṃ Kokālika avaca*.] (2110)

2111 [Trái *belli* chưa chín thì khoảng bằng cỡ trái đào, trái chín rồi thì bằng cỡ trái lựu.] (2111)

2112 [Bài kinh đã đề cập tới vị trời *Tudu* [độc lập] như một vị Phật Độc Giác hay Duyên Giác (*paccekabrahmā*). Các luận giảng **Mp** và **Mp-ṭ** đều không định nghĩa chữ này, nhưng luận giảng **Spk-pt** I 213 [ấn bản VRI] khi luận giải về câu chuyện trong kinh **SN 6:09** đã giải thích đó là một vị trời đi lại một mình (độc hành), không phải thành viên của hội chúng nào (*paccekabrahmā ti ca ekacārī brahmā, na parisacārī brahmāti attho*). **Mp** nói rằng trong kiếp trước vị trời này chính là thầy hướng dẫn (giáo thọ hay y chỉ sư) của Tỳ kheo Kokālika. Vị ấy qua đời là một bậc Bất-lai và được tái sinh trong cõi trời brahmā (phạm thiên giới). Khi vị trời nghe thầy Kokālika đang nói xấu về thầy Xá-lợi-phát và Mục-kiền-liên, vị ấy đã hiện xuống để yêu cầu thầy Kokālika hãy đặt niềm-tin vào 02 vị thánh tăng đó.] (2112)

2113 [Vị Phật đã tuyên bố vị trời *Tudu* là một bậc Bất-lai, nên thầy Kokālika đã trách vị trời tại sao quay lại thế gian cõi người. Dĩ nhiên, khi đã là một bậc thánh Bất-lai thì không còn bị tái sinh trở lại thế gian này nữa, nhưng một vị thánh Bất-lai vẫn có thể hiện thị ở cõi người trước mặt con người (giống như những vị thiên thần ở cõi những thiên thần cũng xuất hiện ở cõi người và gặp người, hay gặp các Tỳ kheo hay Phật).] (2113)

2114 [03 thi kệ dưới đây là giống hệt 03 thi kệ cuối kinh **4:03**.] (2114)

2115 (Chỗ [a] này kinh **4:03** có chú thích 625 như vậy: [**Mp** giải thích: những

sự xui rủi làm mất hết tiền của và cả bản thân ... cũng chỉ là nhỏ nhất nếu so với sự xui rủi và sự bất hạnh của người đi thù-ghét những bậc thánh. **Mp** giải nghĩa chữ *sugatesu* (bậc thánh hiền) bằng chữ = *sammaggatesu puggalesu* (người đã chứng ngộ một cách chân chính; bậc chân ngộ), tức chỉ tất cả những bậc A-la-hán, không riêng Phật.] (625.)

- [Chỗ **[b]** này kinh **4:03** có chú thích 626 như vậy: [Nguyên văn câu cuối này: *Sataṃ sahaṣṣānaṃ nirabbudānaṃ/chattimsatī pañca ca abbudāni*. Tôi dịch theo **Mp**, **Mp** nói về những con số đó là bằng: “100 ngàn *nirabbuda*, cộng thêm 36 ngàn *nirabbud*, cộng thêm 5 *abbuda*” (*sataṃ sahaṣṣānaṃ ti nirabbudagaṇanāya sataṣaṣṣaṃ; chattimsatī ti aparāni ca chattimsati nirabbudāni; pañca cā ti abbudagaṇanāya ca pañca abbudāni*). Tuy nhiên, nhà sư **Vanarata** thì chắc chắn chữ *pañca* không thể trực tiếp bỏ nghĩa cho chữ *abbudānaṃ*, và do vậy đã nối tiếp chữ *sahaṣṣānaṃ* với *chattimsatī* và *pañca* luôn, làm nên nghĩa là: *thêm 36 ngàn nirabbuda* và 5 ngàn *abbuda*. **Mp**, khi chú giải về kinh **AN 10:89**, đã giải thích sự đếm số theo Phật giáo như sau: 1 *koṭi* = 10 triệu; 1 *koṭi* lần *koṭi* = 1 *pakoṭi*; một *koṭi* lần *pakoṭi* = 1 *koṭipakoṭi*; 1 *koṭi* lần *koṭipakoṭi* = 1 *nahuta*; 1 *koṭi* lần *nahuta* = 1 *ninnahuta*; 1 *koṭi* lần *ninnahuta* = *abbuda*; 20 *abbuda* = 1 *nirabbuda*.] (626).

- (Chỉ đề hình dung đôi chút: theo cách tính theo bản dịch của nhà sư Sujato, 436.000 *nirabbuda*: khoảng = hơn 02 triệu năm, và 05 *abbuda* = hơn 25.000 năm nữa.) (2115)

2116 [**Mp** nói rằng *địa ngục sen hồng (paduma)* không phải là một cõi ngục tách riêng khỏi địa ngục mà là một nơi nằm trong *đại địa ngục A-tỳ (avīci)* trong đó *thời-hạn* bị đày đọa được tính theo những đơn vị là *những (cánh?) Sen Hồng (paduma)*. Cách tương tự với những địa ngục *abbuda* ... vân vân, được nói tới bên dưới.] (2116)

2117 [**Ce** nên sửa lại bằng cách mang chữ *dīghaṃ* xuống một dòng. Như vậy đoạn kinh bắt đầu bằng chữ *evaṃ vutte* và câu hỏi bắt đầu bằng *kīva dīghaṃ nu kho bhante*. Lỗi chỗ này thấy có trong cả bản in và bản điện tử của **Ce**.] (2117)

2118 [Đây là một kinh song hành của kinh **8:28**, (chi thêm 02 phần là tứ chánh cần và ngũ lực).] (2118)

2119 [Phiên bản **Ee** đặt tên nhóm này là *Upāsakavagga (Nhóm Những Đệ Tử Tại Gia [U-bà-tắc])*.] (2119)

2120 [Kinh này toàn bộ phần **[I.]** và phần **[II.]** là song hành tương tự với phần **(II)** và **(III)** của kinh **SN 42:12** (Quyển 4), [chỉ hơi khác một chút về bố cục sắp xếp] (như thứ tự ‘*căn cứ để khen*’ và ‘*căn cứ để chê*’, nhưng người dịch Việt đã làm thứ tự đó trong kinh **AN** này giống thứ tự trong kinh **SN** đó cho người đọc dễ đọc đối chiếu 02 kinh).] (2120)

2121 [10 loại người dưới đây được tính theo dựa trên 03 trường hợp là: (i) (x) tìm kiếm của cải theo cách bất chính, (y) theo cả cách bất chính và chân chính, hay (z) theo cách chân chính; và trên mỗi trường hợp đó sẽ kết hợp với: (ii) có làm cho mình hạnh phúc và vui lòng hay không, và (iii) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức hay không. Tích hợp tất cả sẽ có 09 loại người. Rồi loại người thứ 9 lại được suy xét thành 02 loại là loại (9): còn bị trói buộc với của-cải và loại (10): không bị trói buộc bởi của-cải.] (2121)

► (Nhân tiện: trong phần **[II. Đánh Giá]** đến cuối kinh: các chi mục (a), (b), (c), (d) do người dịch Việt đặt ra và ghi giản lược để người đọc dễ nhìn và khỏi lặp lại nhiều lần nguyên văn những ‘*căn cứ*’, nhưng vẫn giữ đúng nguyên ý nghĩa của lời kinh gốc.)

2122 [Kinh này chính là một kinh song hành được mở rộng của kinh **9:27**, tức gồm phần (I) và (II) giống hết kinh **9:27**, và cộng thêm phần (III) chính là phần (III) của kinh **SN 12:41** (Quyển 2). Nghĩa là, kinh **SN 12:41** là bản song hành đầy đủ của kinh này. (Chỗ **[a]** và **[b]** mời coi lại các chú thích 1897, 1898 trong kinh **9:29**; **[c]** và **[d]** thì coi các chú thích 120 và 121 trong kinh **SN 12:41**) (2122)

2123 [**Mp** giải nghĩa: ‘*Phương pháp thánh thiện*’ (*ariya ñāya*) chính là (thánh) đạo cùng với sự minh-sát (tuệ quán). (Chỗ **[e]** này mời coi thêm chú thích 122 trong kinh song hành **SN 12:41**).] (2123)

2124 [Kinh này được kết tập vào Quyển “*Mười*” này có lẽ là do 10 ‘*sự-thấy (quan điểm, cách nhìn) do suy đoán*’ này.] (2124)

2125 [Nguyên văn cả câu này: *Evam kho te, gahapati, moghapurisā kālena*

kālaṃ sahadhammena suniggahitaṃ niggahetabbā. **Mp** giải nghĩa cụm chữ *sahadhammena* là “có một nguyên do, có một lý do, có một điều (khẳng định)” (*sahetukena kāraṇena vacanena*).] (2125)

2126 [Nguyên văn cả câu này: *Vibhajjavādī bhagavā, na so bhagavā ettha ekamsavādī*. Cách diễn đạt dùng chữ *vibhajjavādī*, được dùng để tả Phật, đôi lúc bị hiểu là Phật luôn phân tách những thành phần của mọi vấn đề. Nhưng cách dùng chữ này ở đây [cũng như những chỗ khác trong các bộ kinh *Nikāya*] cho thấy nó có nghĩa là Phật thường chỉ ra sự khác-biệt cần có để tránh cái sự ‘quơ đũa cả nắm’. Coi thêm cách mà chữ này đã được dùng trong kinh **MN 99**, mục 4,10–18.] (2126)

2127 [Giống như kinh **10:93**, kinh này có lẽ cũng được kết tập trong *Quyển “Mười”* vì nêu ra *10 quan-điểm do suy đoán* này.] (2127)

2128 [**Mp** diễn dịch với nghĩa như vậy: “*Câu hỏi leo thang cao nhất trong tất cả*”, ở đây ý thầy Ananda muốn nói là: “*Đừng để ông ta có quan-điểm xấu là: “Khi tôi đặt sa-môn Cồ-đàm câu hỏi leo cao nhất trong tất cả, ông ta lưỡng lự và không trả lời. Đây có phải là trường hợp ông ta không thể theo tới điểm này và không thể trả lời?”*”] (2128)

2129 [**Mp** chú giải: “*Cùng loại câu hỏi*”: Thầy ấy đã chỉ ra rằng du sĩ Uttiya lại hỏi câu hỏi cùng loại không hợp lệ (viển vong, do suy đoán) giống như 10 câu hỏi ông đã hỏi ở trên về ‘thế giới là bất diệt’ ... hay không.”] (2129)

2130 [Trong phiên bản **Be** và **Ee** thì ghi là *Kokanuda*.] (2130)

2131 [Trong kinh **4:38** và kinh **6:54** tôi dịch chữ *ditthiṭṭhāna* là “*quan-điểm*” nhưng ở đây tôi dịch là “*cơ-sở cho cách-nhìn*” hay “*cơ-sở cho quan-điểm*”. Tôi làm theo luận giảng **Mp**, giải nghĩa chữ trước đó là *những quan-điểm*, còn đây là = “*những nhân cho (của, tạo nên) quan-điểm*” (*ditthikāraṇa*). **Mp** đề cập *08 nhân* như vậy, gồm: các uẩn, sự vô-minh, sự tiếp-xúc, nhận-thức, ý-nghĩ, sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác-ý), sự có bạn-xấu, và sự nghe theo lời người khác nói (*khandhā, avijjā, phasso, saññā, vitakko, ayoniso manasikāro, pāpamittā, paragghoso*).] (2131)

2132 [Ở đây tôi làm theo **Be**: cách nó ghi đoạn kinh mẫu này là khớp với thứ

tự được thấy ghi trong các kinh khác thuộc bộ kinh AN. **Ce** và **Ee** thì đảo thứ tự các chữ thành “*bao la*”, “*đạt định*”, và “*được giải thoát*” theo thứ tự từ ‘thấp lên cao’. Những cách ghi của **Ce** và **Ee** trong tất cả những kinh trước đây của bộ kinh AN đều ghi giống thứ tự này của **Be**, và do vậy không có lý do gì đến kinh này lại đảo lộn trật tự của các chữ theo thứ tự lộn xộn khác đi như vậy.] (2132)

– (Nhân tiện, kinh này thực sự là một kinh song hành của kinh khuôn-mẫu **6:02**; chỉ thêm 04 điều đầu tiên. Tức là kinh này, ngoài điều (1)-(4), các điều còn lại (5), (6), (7), (8), (9), (10) là giống hệt tất cả các điều (1), (2), (3), (4), (5), (6) của kinh **6:02**.)

2133 [**Mp** giải thích nghĩa là: “Người đó sẽ *chìm* (*samsīdissati*) vì những ý nghĩ tham-dục hoặc *trôi đi* (*uplavissati*) vì những ý nghĩ ác-ý và gây-hại. (Nôm na: tham và sân sẽ nhấn chìm và cuốn trôi tâm của một người tu chưa đắc thiền định nếu người đó lánh tu trong rừng núi hẻo lánh).] (2133)

2134 [Kế tiếp dưới đây từ hầu như giống lời nội dung của kinh **4:198**, từ chỗ (*) cho tới hết đoạn “... và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.” (**), theo ‘trình-tự tiêu chuẩn’ của sự bắt-đầu và tu-tập tiến dần từ một người tại gia thành Tỷ kheo và sau đó ... Nhân tiện, bên dưới ở điều (.3) chỗ đánh dấu [a], mời coi lại chú thích số 931 trong kinh **4:198**.] (2134)

2135 [Nguyên văn câu cuối là: *No ca kho tāva anuppattasadatthā viharanti*. Công thức tiêu chuẩn đối với một bậc A-la-hán, như ở kinh **3:37** và **6:49**, mô tả A-la-hán là người “*đã đạt tới mục-tiêu của mình*” (*anuppattasadattho*). Do vậy luận giảng **Mp II 235**,14–15, và **Mp III 380**,17–18, khi chú giải về công thức chuẩn này, đã coi chữ *sadattha* (*đạt tới mục-tiêu*) là thánh quả A-la-hán. (Vay ý kinh ở đây muốn nói là: những đệ tử đó chưa đạt tới A-la-hán).] (2135)

2136 [Chỗ này tôi đọc theo **Be** là: *anuppattasadatthā ca viharanti*— có lẽ cần thiết phải đúng như vậy. **Ce** và **Ee** trong những đoạn đầu thì ghi là: *no ca kho tāva anuppattasadatthā viharanti* (nhưng họ vẫn chưa đạt được mục-tiêu của họ). Do ở đây chỉ có 09 tầng chứng đắc thiền định được nói ra, cho nên

không hiểu sao kinh này lại được xếp vào *Quyển* “Mười” này. Để đạt được 10 giai-đoạn, tôi đã phân chia giai-đoạn cuối thành 02 phần như vậy (tách trạng thái cuối ra thành thứ 10, nghe cũng hợp lý). Nhưng tôi không chắc làm như vậy có đúng với ý định nguyên thủy của bài kinh hay không!] (2136)

2137 [Câu cuối: *Saṅghe te viharato pāso bhavissati*. Nghĩa gốc là: “*Vì thầy sống trong Tăng Đoàn, sẽ có sự an ổn [thư thái, dễ sống].*” (Chúng ta luôn thấy trong hầu hết các kinh khác Đức Phật luôn luôn khuyến khích những Tỳ kheo, sau khi đã học hiểu giáo lý, hãy tự mình đi tìm chỗ-trú xa lánh tách-ly ẩn dật để thiền tu, vì đó là cách tốt nhất để tu tập cái tâm của mỗi người. Nhưng ở cuối kinh này Phật lại có lời khuyên ngược lại với thầy Upāli! Vì sao vậy?). **Mp** đã diễn dịch và giải thích ý nghĩa ở đây là: “[*Phật*] *yêu cầu thầy ấy sống giữa Tăng Đoàn và không cho phép thầy ấy lánh về sống tu trong rừng núi. Tại sao? [Vì Phật nghĩ như vậy:] ‘Nếu thầy ấy sống trong rừng núi, thầy ấy chỉ hoàn thành được bốn phạm tu-tập của mình, chứ không hoàn thành được bốn phạm về pháp học. Nhưng nếu thầy ấy sống giữa Tăng Đoàn, thì thầy ấy sẽ hoàn thành được cả 02 bốn phạm đó: (i) tức sẽ đạt tới mục tiêu A-la-hán và (ii) cũng trở thành bậc đệ nhất về Luật Tạng. Vậy thì, ta sẽ giải thích cho thầy ấy hiểu về tâm-nguyện và quyết-tâm của thầy ấy trong kiếp trước, và sau đó sẽ chọn thầy ấy là đệ nhất trong những đệ tử thiện thảo về Luật Tạng.’* Sau khi đã nhìn thấy ích-lợi lớn lao này, Vị Thầy đã không cho phép thầy Upāli đi sống tu ẩn lánh ở những nơi rừng núi xa xôi.”] (2137)

- (Nhân tiện: trong kinh **SN 16:05** (Quyển 2), Phật cũng khuyên Ngài Đại Ca-diếp hãy về sống với Tăng Đoàn và Phật, đừng tiếp tục sống đời lang bạt theo 13 hạnh đầu-đà bởi vì lúc đó thầy Đại Ca-diếp đã tuổi già. Tuy nhiên thầy Đại Ca-diếp đã không chịu và nói với Phật thầy muốn tiếp tục sống như vậy để làm gương cho những thế hệ sau vì thầy có lòng bi-mẫn đối với họ. Sau khi nghe vậy Phật cũng không ngăn cản hay chỉ thị nữa. Còn trong trường hợp thầy Upāli trong kinh này thì Phật vẫn khuyên nên sống trong Tăng Đoàn.)

2138 [*Samaṇasaññā: nhận-thức của sa-môn*. Giống 03 điều đầu tiên trong “10 điều một người đã xuất gia thường nên quán chiếu”. Coi kinh **10:48** và các chú thích số 2053, 2054, 2055 trong kinh đó về 03 điều này.] (2138)

2139 [Trong kinh gốc thì cả 03 loại trí-biết (tam minh) này đều được ghi giản lược như vậy. Kinh **6:02** (và nhiều kinh khác) thì ghi *sự mô tả đầy đủ chi tiết* của từng loại trí-biết này.] (2139)

2140 [**Ps I 188,32–189,4**, khi luận giải kinh **MN 8**, mục 12, (19), (20), đã chú giải *sự-biết sai lạc* (*micchāñāṇa*) là *sự ngu-mờ*, tức *si* (*moha*) khởi sinh khi một người, sau khi đã làm những hành-động xấu ác hay suy niệm một ý-nghĩ xấu ác, người đó quán chiếu lại điều đó và vẫn nghĩ rằng “Tôi đã làm điều tốt”. (Vậy là ngu mờ, không nhìn ra sự sai-lạc của mình). Còn *sự giải-thoát sai lạc* (*micchāvimutti*) khởi sinh khi một người không được giải thoát mà nghĩ “Tôi đã được giải thoát” hoặc không phải là sự giải-thoát (chỉ là sự giải-thoát giả) mà người đó cứ tin đó là sự giải-thoát thực sự.] (2140)

2141 [Theo chỗ **Ps I 188,35–189,9**, *sự-biết đúng đắn* (*sammā-ñāṇa*, chánh tri) được giải thích là *19 loại ‘trí-biết (nhờ) quán chiếu lại’* [coi *Thanh Tịnh Đạo*, **Vism** 676,4–29, **Ppn** 22.20–21], và *sự giải-thoát đúng đắn* (*sammāvimutti*) là những *yếu-tố của tâm* đồng hành với thánh quả. Tôi thấy cách đơn giản hơn nhiều là diễn dịch “*sự-biết đúng đắn*” (chánh tri) chính là *sự trực-tiếp biết* (liễu tri) dẫn tới đỉnh cao là thánh quả A-la-hán và “*sự giải-thoát đúng đắn*” đơn giản là sự giải-thoát của tâm khỏi những ô-nhiễm trọng yếu (tức những *āsava* (lậu hoặc) lớn như *tham*, *sân*, *si*) và những loại ô-nhiễm nhỏ hơn khác.] (2141)

2142 [Đây là một kinh song hành được mở rộng từ kinh **1:314** và **1:315**.] (2142)

2143 [Kinh này giống kinh **SN 45:01**, nhưng kinh đó chỉ nói tới chỗ (8) *sự định-tâm sai lạc* (*micchāsamādhi*) (mặt tối, vô minh) và (8) *sự định-tâm đúng đắn* (*samsamādhi*) (mặt sáng, minh). Luận giảng **Mp** không chú giải gì nhiều ở đây, nhưng chỗ luận giảng **Spk** III 116,5–6, khi chú giải về câu này trong kinh **SN 45:01**, giải thích rằng: {*Vô-minh* là thứ dẫn đầu (*pubbaṅgama*) theo 02 cách: (i) là một *điều-kiện đồng khởi sinh* (*sahajāta*: một điều-kiện (duyên) cho những hiện-tượng khởi sinh đồng thời) và (ii) là *điều-kiện trợ giúp quyết định* (*upanissaya*: một điều-kiện (duyên) mạnh mẽ cho các hiện-tượng khởi sinh ngay sau đó). **Spk-pt** II 103 [ấn bản VRI] còn nói thêm rằng *vô-minh* là thứ dẫn đầu đồng khởi sinh khi nó tạo ra những trạng thái đồng

thời khớp với sự không-hiểu của nó về đối-tượng, vì vậy chúng chấp những hiện-tượng vô thường là thường hằng ... Nó vừa là một thứ dẫn đầu đồng khởi sinh vừa là bị chi phối bởi vô-minh, không nhìn thấy sự nguy-hại, và sát sinh, gian cấp, tà dâm tà dục, nói dối nói láo, và dính vào những hành-động thất giới-hạnh khác. }

- (Nhân tiện, **Spk** giải thích luôn: {*Sự không biết xấu-hổ lương tâm (ahirika, vô tầm) có tính chất của sự thiếu si-nhục (alajjanā) hay sự thiếu lương-tâm đối với những điều xấu ác; sự không biết sợ-hãi việc làm sai trái (anottappa, vô quý) có tính chất của sự thiếu vắng sự sợ-hãi (abhāyanā, đối với hành vi xấu ác).* **Spk** giải nghĩa chữ *anudeva* [hay *anvadeva* trong **Be**] là: *sah' eva ekato' va, na vinātena uppajjati (nó khởi sinh cùng với nó, trong sự đồng nhất, không phải không cùng với nó).*}] (2143)

2144 [Chỗ luận giảng **Spk** III 117,27–31 có nói rằng những chi phần này không cùng nhau xảy ra trong đạo thế-tục mà chỉ xảy ra cùng nhau trong đạo siêu-thế. Thậm chí trong sự tu tập phần đạo thế-tục, sẽ là một sai lầm nếu cho rằng 08 phần (08 chi đạo) sẽ lần lượt xảy ra theo thứ tự như vậy. *Cách-nhìn đúng đắn* (chánh kiến) nói chung là người dẫn-dắt cho 07 phần (chi đạo) kia, và nói riêng nó là điều-kiện trực tiếp (duyên) cho *ý-định đúng đắn* (chánh tư duy). *Cách-nhìn đúng đắn* và *ý-định đúng đắn* sẽ hợp nhau làm điều-kiện (duyên) cho 03 phần *lời-nói đúng đắn* (chánh ngữ), *hành-động đúng đắn* (chánh nghiệp), và *sự mưu-sinh đúng đắn* (chánh mạng). Đến lượt 03 phần này lại làm cơ sở cho *sự nỗ-lực tu đúng đắn* (chánh tinh tấn) và *sự tâm-niệm đúng đắn* (chánh niệm). *Sự định-tâm đúng đắn* (chánh định) là kết quả từ sự phối-hợp của *sự nỗ-lực tu đúng đắn* và *sự tâm-niệm đúng đắn*. Còn *sự-biết đúng đắn* (chánh tri, *sammā ñāṇa*) là trí-tuệ của thánh đạo A-la-hán, và *sự giải-thoát đúng đắn* (chánh giải-thoát, *sammā vimutti*) là sự giải-thoát khỏi những ô-nhiễm lớn (lậu hoặc, *āsava*) xảy ra thông qua *sự-biết đúng đắn*. Đỉnh cao của nó (của *sự giải-thoát*) chính là “*sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ*” (*anāsava cetovimutti paññāvimutti*) của một A-la-hán.] (2144)

2145 [*Nijjarā: sự phai mòn, sự mòn đi. “Sự phai mòn” của nghiệp cũ thông qua những sự khổ-hạnh là quan niệm căn bản của đạo Jain (Ni-kiền-tử). Phật đã mượn chữ này để đưa ra ý nghĩa mới. Coi thêm kinh 3:74 về 03 loại “sự phai*

mòn” đã được dạy bởi Phật.] (2145)

2146 [Mp giải thích rằng ở đất nước này, người ta không hỏa táng thi thể người thân mà đem chôn. Sau khi thời gian xác đã hủy hoại hết chỉ còn bộ xương, họ đào lên và rửa sạch xương và sắp xếp các xương lại, và thờ cúng với nhang hương và những vòng hoa. Khi nào có chòm sao [điềm lành] xuất hiện, họ sẽ mang xương ra để than khóc và ai oán, sau đó họ chơi [trò chơi, quay quần kiêu] chòm sao.] (2146)

2147 [*Asekha: vô học nhân*, nghĩa người đã vượt qua sự tu học, đã tu học xong, đã hoàn thành tám phần thánh đạo, và do vậy, có được sự-biết đúng đắn (*sammāñāṇa*, chánh trí) và sự giải-thoát đúng đắn (*sammāvimutti*) vượt trên tám phần thánh đạo đó.] (2147)

2148 [Nguyên văn cả câu này: *Adhammo ca bhikkhave veditabbo anatto ca; dhammo ca veditabbo attho ca*. Ở đây, chữ *dhamma* nên được hiểu rộng hơn theo nghĩa là ‘nguyên-lý của sự tốt lành’ và ‘chân lý, sự thật’ hơn nghĩa hẹp tiêu chuẩn của nó là ‘giáo lý’ hay ‘giáo pháp’ của Phật. Và chữ *attha* nên được hiểu theo nghĩa là ‘điều tốt lành, ích lợi, và lợi lộc’ [theo nghĩa tâm linh], ‘điều dẫn tới sự an-sinh và hạnh-phúc dài lâu’ cho con người. Chữ này cũng có nghĩa là ‘ý nghĩa’. Thường thì chữ *dhamma* và *attha* thường được sánh đôi những 02 vấn đề được hiểu và cần được đề cao trong tiến trình quán niệm, ví dụ như trong các thuật ngữ thường thấy *atthaveda* và *dhammaveda*, hoặc *atthapaṭisaṃvedī dhammapaṭisaṃvedī*.] (2148)

2149 [Từ chỗ này ... cho tới tận cuối câu “*Vậy thì, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ. Tôi sẽ nói.*” là các đoạn *kinh mẫu* thường thấy trong các kinh, rồi sau đó mới dẫn tới sự giảng giải chi tiết bởi một Tỷ kheo về ‘*lời dạy vấn tắt*’ của Đức Phật, thường người giảng giải đó là Ngài Đại Ca-chiên-diên (*Mahākaccāna*) hoặc Ngài Ānanda.] (2149)

2150 [Bản tương đương trong Hán tạng là kinh **MĀ 188**. Phần đầu [chỗ **T I 734a29–c24**], là gần như tương ứng với kinh **10:116**, nhưng nó có thêm một “khối” lời kinh giống như kinh **MN 76**, mục 21,13–29, là phần chuyện châm biếm về lời tuyên bố đã đạt tới sự toàn-tri của một vị thầy nào đó. Phần sau của kinh [chỗ **T I 734c25–735b25**], thì tương tự với kinh **10:115**.] (2150)

2151 [Chữ *Paṇḍita* có nghĩa là “người có trí người, người có học”. Vì vậy tôi không chắc đây là tên riêng hay chỉ là biệt danh của người đó.] (2151)

2152 [Nguyên văn chữ này là *cittaṭṭhānasatāni*. **Mp** giải nghĩa nó là = *cittuppādasatāni*. Tôi nghĩ có lẽ nên thay *cinta-* vào chỗ *citta-* (nghĩa là *tâm-*) thì sẽ hợp nghĩa với ngữ cảnh lời kinh. Bản chép tay của Miến Điện có đề cập chỗ này trong những “chú thích” thuộc **Ee** cũng thực sự ghi là *cinta-*] (2152)

2153 [Nguyên văn câu này: *Paṇḍito vata bho paṇḍito vata bho*. Chữ *Paṇḍito* đề cập lại cái tên của vị du sĩ nguy biến này.] (2153)

2154 [03 trường hợp này là ghi giống nhau trong cả **Ce**, **Be**, và **Ee**. Phiên bản **Be** thì kết thúc tại đây, nhưng **Ce** thì ghi thêm 02 đoạn là (iv) và (v), và **Ee** thì chỉ ghi thêm 01 đoạn (iv).] (2154)

2155 [02 đoạn (iv) và (v) trong ngoặc [...] là có ghi trong **Ce** nhưng không có trong **Be** và **Ee**. Ở đoạn cuối tôi thấy rất lạ là trong “*thế giới tư duy*” của kinh tạng Nikāya lại có đặt vấn đề là 02 *triết lý hợp với Giáo Pháp* được dùng để chống đối bác bỏ nhau trong một sự bài bác, và cũng vô lý là “*một hội chúng hợp với Giáo Pháp*” (*dhammikā parisā*) lại được mô tả là “*ồn ào và náo nhiệt*” (*uccāsaddā mahāsaddā*). Thông thường, cách mô tả như vậy chỉ dành cho một hội chúng những du sĩ ngoài đạo Phật [như trong kinh **10:93**] hoặc một nhóm những gia chủ ồn ào gây nên sự huyên náo [như trong kinh **5:30** ...]. Chỉ có 01 trường hợp cụm chữ này được dùng để mô tả một nhóm Tỷ kheo [kinh **MN 67**], nhưng bởi do huyên náo như vậy nên sau đó họ đã bị Đức Phật đuổi đi.

- Ở chỗ 02 đoạn trong ngoặc [...] này của **Ce** thì **Be** lại có 01 đoạn ghi là: “*Có người bài bác và bác bỏ một triết lý trái với Giáo Pháp bằng một triết lý hợp với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng hợp với Giáo Pháp. Vì lý do này hội chúng hợp với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: ‘Thưa quý ngài, vị này thực sự là có trí!’.*” Lời kinh này là đúng với lẽ thường, rằng một triết lý hợp với Giáo Pháp sẽ thắng một triết lý trái với Giáo Pháp; nhưng ở đây câu sau cũng lại thấy là vô lý, rằng “*một hội chúng hợp với Giáo Pháp*” lại được mô tả là “*ồn ào và náo nhiệt*”.] (2155)

2156 [Phần thi kệ này cũng được ghi trong tập kinh “Pháp Cú”, **Dhp 86–89**.]

(2156)

2157 [Nguyên văn câu này: *Te loke parinibbutā*. Câu này cũng có thể dịch nghĩa là: “*Họ đã (chúng) niết-bàn trong thế gian*” (theo nghĩa gốc của động từ *đã niết-bàn (nibbutā)* là *đã tắt ngấm/ đã thổi tắt dục-vọng*).] (2157)

2158 [**PED** explains *paccorohaṇī* có nghĩa là “*lễ bước xuống lại*” (?), là tiếp cận hay bước xuống tới [đặc biệt bước xuống tới chỗ lửa thiêng]. **SED**, mục chữ *pratyavarohana* ghi đó là: “*Một lễ hội Gṛhya [gia chủ] trong tháng Mārgasīrṣa*” [Cỡ tháng 10-11].] (2158)

2159 [Nguyên văn câu này: *Paccorohāma bhavantam, paccorohāma bhavantam*. Rõ ràng từ câu đánh lễ này cho thấy chữ *Lễ hội Paccorohaṇī* là từ tên riêng của nó. **SED** chú giải động từ *pratyavarohati* có nghĩa là: *bước xuống* [khỏi chỗ ngồi, khỏi xe ...] để tôn kính [gì đó].” Rõ ràng ở đây các bà-la-môn đã bước xuống để tôn kính thần lửa Agni, thần đại diện có nguồn năng lượng bao trùm khắp vũ trụ.] (2159)

2160 [Chỗ này tôi làm theo **Ce** không có ghi chữ *dhammam* trong câu; **Be** và **Ee** thì có ghi.] (2160)

2161 (Ngay chỗ kinh (146) này người dịch cũng đảo thứ tự thành *đường sáng* trước *đường tối*, và do vậy tên kinh cũng được sửa thành “*Đường Sáng*”. Đúng theo bản gốc của Tỳ Kheo Bô-Đề thì ghi ngược lại và thấy ấy có chú thích chỗ này như vậy:) [Ở đây tôi làm theo **Be**, ghi *đường tối* trước, *đường sáng* sau trong kinh này và kinh **10:190**. **Ce** và **Ee** ở đây thì ghi *đường sáng* trước *đường tối* sau, nhưng cả 02 lại ghi ngược lại trong kinh **10:190**. Còn tên bài kinh của tôi thì khớp với tên trong **Be**, trong khi **Ce** thì ghi tên kinh này là “*Đường Sáng*” nhưng kinh **10:190** nó lại ghi là “*Đường Tối*”.] (2161).

2162 [Kinh **10:167** này là kinh song hành tương ứng của kinh **10:119**; và kinh kế sau **10:168** là song hành tương ứng của kinh **10:120**.

- (02 kinh trước (**10:119** và **10:120**) là nói về *10 phần tà-đạo*; 02 kinh sau (**10:167** và **10:168**) là nói về *10 điều (nghị) bất thiện*.) (2162)

- (02 phần đầu được người dịch đánh dấu trong ngoặc {...} trong 02 kinh

10:119 và **10:138** là giống hệt nhau).

2163 [Kinh **10:169** này là kinh song hành tương ứng của kinh **10:117**; kinh kế sau **10:170** là song hành tương ứng của kinh **10:118**.

- (02 kinh trước (**10:117** và **10:118**) là nói về *10 phần tà-đạo*; 02 kinh sau (**10:169** và **10:170**) là nói về *10 điều (nghệp) bất thiện*.) (2163)

2164 [Có những sự song hành tương ứng giữa các kinh **10:171** và **10:113**; **10:172** và **10:115**; **10:173** và **10:114**.

- (03 kinh trước (**10:113**, **10:115**, và **10:114**) là nói về *10 phần tà-đạo* và *10 phần chánh-đạo*; 03 kinh sau (**10:171**, **10:172**, và **10:173**) là nói về *10 điều (nghệp) ác* và *10 điều (nghệp) thiện*.) (2164)

2165 [Đây chính là Cunda đã cúng dường bữa ăn cuối cùng cho Đức Phật. Coi thêm kinh dài **DN 16**, mục 4.17–19.] (2165)

2166 [Nguyên văn chữ này: *soceyyāni*. Nghĩa của nó không được rõ ràng ngay và **Mp** không giải nghĩa chữ này. Chữ *soceyya* thông thường có nghĩa là “*sự trong sạch, sự thanh lọc*” (sự tinh khiết, sự thanh tẩy, sự thanh tịnh), nhưng từ ngữ cảnh này của bài kinh, dường như điều này đề cập tới một loại lễ nghi, lễ cúng.] (2166)

2167 [04 loại phụ nữ sau là: (ii) những phụ nữ được bảo vệ bởi những người đồng đạo trong đạo của họ, (iii) những phụ nữ đã có chồng hoặc đã được (cha mẹ) hứa gả cho người khác từ lúc mới sinh ra hay lúc còn nhỏ, (iv) những phụ nữ mà ai quan hệ tính dục với họ sẽ dẫn tới bị kết án hình sự (theo tục lệ hay pháp luật), và (v) một cô gái đã được quen biết hay gần như đã hứa hôn với một người nam (như kiểu: đã có ‘bạn trai’ hay ‘hôn thê’).] (2167)

2168 [Cả 03 phiên bản đầu ghi chữ này là *bajjhantu* (*để họ bị trôi*). **Mp** không đưa ra chú giải nào, nhưng kinh **MN 41**, mục 10 chúng ta thấy ghi chữ *vajjhantu*, được giải nghĩa bởi **Ps II 332,16** là *vadham pāpuṇantu* (*để họ bị tàn sát*) và bởi **Ps-pt II 230** (ấn bản VRI) là *marañam pāpuṇantu* (*để họ chết*). Vì vậy tôi chọn nghĩa theo chữ *vajjhantu* coi đây là cách ghi đúng ở đây.] (2168)

2169 [Nghỉ lễ này được gọi trong tiếng Pāli là: *saddhāni*; tiếng Phạn:

śrāddhāni. **SED**, mục chữ *śrāddha* ghi rằng: “Đây là một nghi lễ để tôn vinh và làm ích lợi cho những người thân đã chết, được tuân thủ một cách nghiêm ngặt tại những thời điểm chu kỳ ấn định khác nhau (giông giống phong tục cúng kính ở Việt Nam như cúng cơm, cúng bữa, cúng theo ngày, cúng ba ngày (mở cửa mã), cúng bảy ngày (thất) ... vậy), và đây là dịp để những người còn sống xum họp vui vầy cũng như để họ thương khóc người đã mất. [Vào những dịp lễ cúng này, mỗi ngày họ đều dâng cúng nước uống và ngày cúng chính thì có dâng cúng những *piṇḍa* (cơm vo tròn) và bữa ăn (mâm cỗ) cho ba thế hệ ông bà phía nội và ba thế hệ ông bà phía ngoại [cha, ông nội, ông cố]. Nên nhớ rằng lễ cúng *śrāddha* không phải lễ cúng đám tang, mà là các lễ cúng cơm nước bổ sung sau đó; đây là một hành động tôn kính mà những người thân thuộc con cháu thực hiện đối với một người chết, và được cho là cung cấp cho người chết ‘những dưỡng-chất’ sau khi những nghi lễ đám tang trước đó để giúp cho họ có được thân thể thanh khiết nhẹ tinh; thật vậy, sau khi những nghi lễ đám tang (*anteyeṣṭi*) đã thực hiện xong, và cho đến kế tiếp là lễ cúng (*śrāddha*) đầu tiên thì người chết mới trở thành một hồn ma bất an lang thang (*preta*) và không có thân thực ... ; chỉ sau khi lễ cúng (*śrāddha*) đầu tiên đã diễn ra xong thì người đó mới đạt được trạng thái như những *Pitṛ* (Những Vị Cha Thiên Thánh) trong một cõi phúc lành được gọi là *Cõi Pitṛ* (*Pitṛ-loka*), và lễ cúng *śrāddha* được mong muốn nhất và hiệu quả nhất là khi nó được thực hiện bởi một người con trai của người mất.] (2169)

2170 [10 đường nghiệp bất thiện này, và 10 đường nghiệp thiện ở phần sau, chắc là lý do kinh này được kết tập trong *Quyển “Mười”* .] (2170)

2171 [Chữ *anuppannā* ghi trong **Ce** nên được sửa lại thành *upapannā* như cách ghi trong **Be** và **Ee**, và rõ ràng cần phải được sửa lại cho đúng với ngữ cảnh lời kinh ở đây.] (2171)

2172 [Nguyên văn câu này: *Aṭṭhānepi bhavaṃ gotamo parikkappaṃ vadati*. **Mp** giải thích: “[Bằng câu này] ý bà-la-môn muốn hỏi: ‘Trường hợp là dịp sai [để chia sẻ công đức bố thí] mà Thầy Cồ-đàm cũng tuyên bố có phước quả của việc cúng thí cho người thân đó?’ Ở đây vì bà-la-môn nắm giữ niềm tin rằng người cúng sẽ không có được phước quả gì nếu sự cúng đồ được cúng vào những dịp sai như vậy. Nhưng đức Thế Tôn, sau khi đã biết được ý ông ta hỏi

nên đã chỉ ra rằng: ‘Người cúng sẽ có được (hưởng) phước-quả của việc cúng-thí đó’ ở bất cứ nơi nào mà người cúng (sau này) tái sinh vào đó, ở bất cứ chỗ nào người cúng (sau khi chết) sẽ sống còn nhờ những phước của chính mình.’”.] (2172)

2173 [NHÓM 3 này là trùng tên và song hành tương ứng với NHÓM 4 của phần “NĂM MƯƠI KINH THỨ BA”.] (2173)

- (Lưu ý: trong dãy này kinh tóm lược này: (a) để cho tương ứng với kinh dẫn đầu là kinh **10:178**, và (b) để cho người đọc dễ đọc theo một chiều ‘tốt và xấu’, người dịch đã tự ý đảo thứ tự chỗ số kinh (183), (184), (185); trong kinh gốc thứ tự những chỗ này là ngược lại. Nhưng trong giảng giải sau đó thì luôn ghi theo thứ tự ‘10 xấu’ trước, và ‘10 tốt’ sau.)

- (Ngay chỗ kinh (190) này người dịch cũng tự ý đảo thứ tự thành *đường sáng* trước *đường tối*; do vậy tên kinh cũng được sửa lại “*Đường Sáng*”, (a) để cho tương ứng khớp với kinh dẫn đầu là **10:189** và người đọc dễ đọc theo một chiều ‘tốt và xấu’. Đúng theo bản dịch của Tỳ Kheo Bồ-Đề thì chỗ này là ngược lại và thầy ấy có ghi trong chú thích 2161 ở dãy kinh **146 (2)—154 (10)** ở trên như vậy: [Ở đây tôi làm theo **Be**, ghi *đường tối* trước, *đường sáng* sau trong kinh (146) ở trên và và kinh (190) này. **Ce** và **Ee** ở (146) ghi *đường sáng* trước, *đường tối* sau, nhưng ghi ngược lại ở (190) này. Còn tên bài kinh của tôi thì khớp với tên trong **Be**, trong khi **Ce** thì kinh (146) ghi tên là “*Đường Sáng*” nhưng kinh (190) ghi là lại ghi tên là “*Đường Tối*”.] (2161).)

2174 [NHÓM 5 này là được tạo thêm, trùng tên và song hành tương ứng với NHÓM 1 của phần “NĂM MƯƠI KINH THỨ TƯ” (cho nên đánh dấu là (1) và (2).] (2174)

2175 [**Ee** sáp nhập 11 kinh này với NHÓM kế trước, do vậy nó chỉ tính như 01 kinh trong NHÓM kế trước. Tôi làm theo **Ce** và **Be** ghi thành 12 kinh riêng biệt. Như vậy từ chỗ này trở đi, cách đánh số kinh của tôi đã khác lệch rất nhiều với số kinh của **Ee**.] (2175)

2176 [Tôi không thấy kinh này khác với kinh kế trên điều gì, ngoại trừ phần ghi tóm lược. Tôi vẫn dịch y theo kinh gốc, chỉ tóm lược thêm chút chỗ *cách-nhìn sai lạc* (tà kiến) và *cách-nhìn đúng đắn* (chánh kiến). Không có văn bản

nào nói về điều này. **Mp** cũng không chú giải gì về 05 kinh đầu tiên của NHÓM này.] (2176)

2177 [Nguyên văn cả câu này: *Samsappanīyapariyāyaṃ vo bhikkhave dhammapariyāyaṃ desessāmi*. **Mp** giải nghĩa là: “Một bài thuyết Pháp có “sự bò trườn” là chủ đề của nó.”] (2177)

2178 [**Mp** giải nghĩa: “Bằng cách làm nghiệp (sát sinh) đó, người đó đó trườn tới, bò trườn quanh quần, uốn éo quanh co.”] (2178)

2179 [*Ulūkā*: con cú. Con cú được đưa vào đây vì nó hoạt động một cách lén lút và lẩn trốn (khi thấy người). Bản Hán tạng tương đương ở **T I 273c27–28** thì đề cập chỉ 04 động vật là: rắn, chuột, mèo, và cáo.] (2179)

2180 [Nguyên văn cụm chữ này là *sañcetanikānaṃ kammānaṃ*, trong đó chữ *kammānaṃ* được ghi ở thể số nhiều. Tôi đã thường dùng/dịch chữ “*kamma*” theo nghĩa số ít. Nhìn vào sự thật rằng chữ *kamma* (nghiệp) theo định nghĩa đã là (hành động) cố-ý (*cetanā* ‘*haṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi*’), cho nên chữ “*nghiệp cố-ý*” (tư nghiệp) nghe hơi thừa, nhưng tôi vẫn dịch đúng theo nguyên chữ Pāli. Rõ ràng lời kinh ở đây đang diễn đạt lại theo 02 nghĩa của chữ *kamma*: (i) nghĩa gốc của nó là “*hành động, việc làm*” và (ii) nghĩa mở rộng của nó là ‘*khả năng tạo ra những quả nhất định về mặt lương tâm*’. Nghĩa đầu, có lẽ, được nhấn mạnh bằng nghĩa *kata* (*đã làm, đã được làm*), và nghĩa thứ hai được nhấn mạnh bằng nghĩa *upacita* (*đã được tích lũy, được tàng trữ*) cũng như bằng sự đề cập tới những thời gian nghiệp có thể chín muồi.] (2180)

2181 [Về 03 thời kiếp có thể chín muồi của nghiệp, mời coi lại chú thích số 372 ở kinh **3:34**, đoạn (1). Lời tuyên thuyết của Phật rằng ‘*không có sự kết-thúc nghiệp cố-ý cho tới chừng nào người (tạo nghiệp) chưa nếm trải những quả của nghiệp*’ dường như mâu thuẫn với một trong những tiên-đề chính của giáo lý Phật giáo, đó là, ‘sự giải-thoát—tức sự chấm-dứt khổ—trong đó người tu không cần phải nếm trải những quả của tất cả nghiệp mình đã tích lũy trong quá khứ.’ Tư tưởng giáo lý này [ít nhất theo sự mô tả trong các bộ kinh *Nikāya*] đã được chủ trương bởi những người đạo Jain (Ni-kiền-tử), như đã được ghi trong kinh **MN 14**, mục 17; **MN 101**, mục 10. Tuy nhiên, do vòng luân-hồi tái sinh là “*không có điểm khởi đầu có thể nhìn thấy được*”

(*anamatagga saṃsāra*), và trong một quãng thời gian dài thăm thẳm như vậy chúng ta đều đã tích lũy *muôn trùng* nghiệp, điều đó hầu như cần một thời gian *vô hạn* để tiêu trừ hết nghiệp đó bằng cách ném trái những quả của chúng. Đức Phật đã dạy chìa khóa dẫn tới sự giải-thoát không phải là phải xóa sạch tất cả nghiệp quá khứ [bằng cách ném trái quả của chúng hay bằng sự hành-xác khổ hạnh như các giáo phái khác đã chủ trương] mà *bằng cách loại bỏ những ô-nhiễm* (lậu hoặc). Những bậc A-la-hán, bằng cách kết liễu những ô-nhiễm (lậu tận), đã dập tắt tiềm-năng chín quả của tất cả mọi nghiệp trong quá khứ, vượt khỏi tàn dư có thể chín quả của chúng trong kiếp cuối cùng của họ. - **Mp** thì giải thích lời tuyên bố này của kinh có một hàm nghĩa là: “Lời tuyên bố muốn cho thấy rằng chừng nào vòng luân-hồi (*saṃsāra*) còn tiếp tục, nếu còn nghiệp đã có được khả năng chín muồi (*paṭiladdhavipākārahakamma*) thì ‘không có nơi nào trên trái đất một người có thể thoát khỏi một nghiệp ác’.” [Ở đây câu trích dẫn: *na vijjati so jagatippadeso, yathatthito mucceyya pāpakammā* là từ kinh Pháp Cú, **Dhp 127**]. Nói cách khác, luận điểm ở đây là *không phải tất cả mọi nghiệp đã tạo ra sẽ phải chín muồi thành quả, mà bất kỳ nghiệp nào được tạo ra và được tích lũy đều có tiềm năng chín muồi chừng nào một người còn trôi giạt trong vòng luân-hồi.*

- Kinh **10:219** bên dưới có bản tương đương trong Hán tạng là **MĀ 15** (T I 437b24–438b11) cũng mở đầu bằng lời tuyên thuyết tương tự như kinh **10:217** này. Lời tuyên thuyết (ở T I 437b26–28) được ghi như là: “*Nếu một người đã làm một nghiệp trong quá khứ, ta nói rằng người đó phải ném trái quả của nó: người đó ném trái nó trong kiếp này hay trong một kiếp sau. Nhưng nếu người đó đã không làm một nghiệp trong quá khứ, ta nói rằng người đó sẽ không ném trái quả của nó*” (若有故作業, 我說彼必受其報, 或現世受或後世受. 若不故作業, 我說此不必受報). Bản Hán tạng chỉ đưa ra 02 khả năng thời gian chín muồi thành quả của nghiệp và không nói gì về lời tuyên thuyết gây khó hiểu này.”] (2181)

2182 [Nguyên văn câu này: *Kāyakammantasandosabyāpatti*. **Mp** giải nghĩa là “*một tội lỗi có trong hành-động (nghiệp) của thân*” (*kāyakammanta saṅkhātā vipatti*). Rõ ràng ở đây **Mp** hiểu chữ *sandosa* và *byāpatti* chuyển tải cùng một nghĩa là *vipatti*, nhưng tôi vẫn coi đây là một dạng chữ ghép đồng-đẳng (*dvanda*) có nghĩa là: “*sự suy-đổi và sự thất-bại*”.] (2182)

2183 [Về ví dụ con súc sắc, kinh **3:118** có chú thích như vậy: [Hột súc sắc (*apaṇṇako maṇi*). **Mp-t** nói đó là một loại súc sắc đặc biệt có 6 mặt cắt, giống như hột xoàng 6 mặt vẩy, được dùng bởi những người chuyên chơi trò súc sắc (*evaṃ chahi talehi samannāgato pāsakakīlāpasu-tānaṃ maṇisadiso pāsakaviseso*).] (582).] (2183)

2184 [Bài kinh này rõ ràng không khác gì kinh **10:217** kể trên, chỉ khác là: nội dung các điều (1)-(10) chỉ được dẫn tóm lược và bỏ đi câu ví dụ con súc sắc.] (2184)

2185 [Mặc dù lời của bài kinh [trong cả 03 phiên bản] đều không có ghi chữ *peyyāla* (tóm lược) ở đây [để chỉ có sự ‘giảm lược’ lời kinh lặp lại ở đây] nhưng có thể rằng ngay chỗ này bài kinh từ nguyên gốc đã có ghi đoạn nói về ‘10 đường nghiệp’ [giống như 02 kinh kể trên]. Vì chỉ có đúng như vậy thì mới đúng lý do để bài kinh được kết tập trong *Quyển “Mười”* này. Thêm nữa, sự chuyển đổi thành câu “*sa kho so ... ariyasāvako evaṃ vigatābhijjho vigatabyāpādo asammūlho*” trong đoạn tiếp theo, với sự đề cập *một chủ-đề xác định*, đã hàm nghĩa rằng nguyên gốc chỗ này được dẫn trước bằng một đoạn kinh đã được nói trước đó về người thánh đệ tử. Chúng tôi tìm thấy đầy đủ đoạn đó, đúng thực vậy, trong bản Hán tạng tương đương là kinh **MĀ 15**, vốn là sự tổng hợp của 02 kinh **10:217–10:218** và kinh này.

- Cấu trúc của kinh **MĀ 15** là như sau: Sau lời tuyên thuyết mở đầu, Đức Phật đã định nghĩa 10 loại nghiệp thiện của thân, lời-nói, và tâm. Rồi Phật nói rằng, một thánh đệ tử đã được chỉ dạy giục bỏ 03 loại nghiệp bất thiện [thân, lời-nói, và tâm] và tu dưỡng 03 loại nghiệp thiện. Tại chỗ này thì “người thánh đệ tử đó” (彼多聞聖弟子), sau khi đã có được sự nỗ-lực tu (tinh tấn) và giới-hạnh, đã thanh lọc nghiệp thân, lời-nói, và tâm của mình. Vị đó không còn sự sân-giận và sự hung-dữ, đã xua tan sự buồn-ngủ đờ đẫn (hôn trầm thụy miên), đã loại bỏ sự bất-an và sự kiêu-ngạo, đã dẹp bỏ sự nghi-ngờ, và đã vượt khỏi sự tự-ta (ngã mạn). Người đó có chánh-niệm, có được sự rõ-biết (tinh giác), và không còn ngu-mờ. Rồi vị đó bao trùm 10 phương và toàn thể thế gian với một cái tâm từ-ái và 03 tâm vô-lượng kia.] (2185)

2186 [Nguyên văn cả câu trong ngoặc là: ‘*Yaṃ kho pana kiñci pamānakataṃ*

kammaṃ, na taṃ tatrāvasissati, na taṃ tatrāvatiṭṭhati.’ **Mp** nhận định “*nghiệp hữu lượng*” là nghiệp trong cõi dục giới (*kāmāvacarakamma*), đó là, nghiệp sẽ tới lúc sản sinh những quả của nó trong cõi dục giới. Do người đệ tử ở đây được mô tả là một bậc Bất-lai [hay người sẽ trở thành Bất-lai] nên người đó sẽ tái sinh trong cõi sắc giới và không bao giờ rớt xuống lại cảnh dục giới. Như vậy nghiệp dục giới không thể tìm thấy cơ hội nào để chín muồi.] (2186)

2187 [Như đã nói trong những chú thích trước đây, chữ *kamma* trong tiếng Pāli mang 02 nghĩa thường khó phân biệt: (i) theo nghĩa từ nguyên của nó chỉ là *một hành-động* hay *một việc-đã-làm*, và (ii) theo nghĩa cứu rỗi hay tâm thần học là *một hành-động (có-ý)* được coi là *nguồn lực về mặt lương tâm có thể đưa đến những hậu-quả mang tính ‘trả giá’ hay ‘thưởng phạt’*. Còn lời kinh chỗ này nghe cũng lạ, nó nói dứt khoát rằng ‘*một người tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ thì không thể làm nghiệp xấu*’. Đối với tôi hình như, cho dù người một người (tâm-từ) có thể không làm hành-động xấu bởi do *sự sân* và *sự ác-ý* nhưng họ vẫn có thể làm những nghiệp xấu, thậm chí nhiều nghiệp nhỏ xấu, do bị thúc đẩy bởi *tham* và *si*; (cách hiểu tương tự đối với người tu tập *tâm-bi, tâm-hỷ, tâm-xả*).] (2187)

2188 [Tiếp theo chú thích kể trên: Câu này nghe cũng thấy cũng không đúng [trái với trực giác nhận biết của người đọc]. Bởi vì những ai không làm những nghiệp xấu trong kiếp này thì chắc chắn vẫn có thể phải chịu những quả của những nghiệp xấu trong những kiếp trước. Có như vậy nên thầy Mục-kiền-liên mới bị ám sát và bản thân Đức Phật cũng bị thương bởi một mảnh đá nhọn bung ra từ tảng đá mà Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã xô để ám sát Phật. Những người có giới-hạnh (giới-hạnh thanh tịnh) không phải là những A-la-hán cũng chịu đựng sự khổ đau về tâm lý (khổ tâm), chứ không chỉ bị khổ đau về thân (khổ thân), là hậu quả của những tình huống không mong muốn. Ví dụ, thầy Ānanda, là một Tỳ kheo đại đức, đã cảm thấy buồn rầu và lo âu khi Phật ngã bệnh, còn cô đại thí chủ Visākha, là một bậc thánh Nhập-lưu, đã khóc lóc vì cái chết của đứa cháu ngoại của cô.] (Chỗ này người dịch Việt nghĩ rằng: lời kinh chỗ này chỉ đơn giản là một câu ‘chân lý’ Phật đã nói ra theo ngữ cảnh đang chỉ dạy giáo-lý, tức là: “*không làm nghiệp xấu thì không nếm trải khổ đau; có làm nghiệp xấu thì ắt sẽ nếm trải quả khổ đau*”, chứ không phải nói theo toàn bối cảnh thực tế hay hiện thực (của cả

vòng luân hồi) của một người đang sống trong kiếp này, bởi vì người trong kiếp này, như thầy TKBD mới nói, chắc chắn phải ném trái những nghiệp xấu đã làm trong những kiếp trước, và điều này lại nữa cũng đúng theo nghĩa ‘chân lý’ mà Phật mới nói mà thôi!). (2188)

2189 [Nguyên văn câu này: *Cittantaro ayam bhikkhave macco*. **Mp** chú giải nghĩa là: “*Họ có tâm là nhân của họ, hoặc có nội tâm [bên trong] của họ là do tâm (cittakāraṇo, atha vā citten’eva antariko)*. Bởi vì với cái tâm vào lúc tái-sinh theo sau cái tâm lúc chết không gián đoạn [không có trung-gian] mà một người (lập tức) trở thành một thiên thần, một chúng sinh trong địa ngục, hay một súc sinh.”.] (2189)

2190 [‘*Thân được sinh từ nghiệp*’, nguyên văn chữ này là *karajakāya*. Tôi dịch đúng theo nghĩa chữ nhưng chữ này trong ngôn ngữ dịch [tiếng Anh, tiếng Việt] có thể hàm nghĩa là “*cái thân hữu tử này*” hay “*cái thân xác hữu hình này*”. **DOP**, mục chữ *kara*, định nghĩa đây là: “*Một thân được sản sinh bởi nghiệp, là một thân thể*”. Kinh **SN 12:37** (Quyển 2) thì nói thân là “*nghiệp cũ*” (*purāṇamidam ... kammaṃ*). Bản kinh tương đương trong Hán tạng không ghi lời kinh có nghĩa tương ứng như vậy.] (2190)

2191 [**Mp** giải thích nghĩa câu này như vậy: “*Bằng phương tiện tâm-từ, cái cảm-giác (lẽ ra) sẽ được ném trái khi tái-sinh sẽ được dứt bỏ, và do vậy nó không còn đi theo người đó. Đây là cách quán-chiếu về một thánh đệ tử là một bậc Nhập-lưu hay Nhất-lai.*” Giả định rằng, tất cả nghiệp xấu đều được ném trái ở đây (*sabbaṃ taṃ idha vedanīyaṃ*), ngay trong kiếp này, và sẽ không đi theo người (*na taṃ anugaṃ bhavissati*) bởi vì sự tái-sinh kiếp sau là trong cõi sắc giới, ở đó không có trải nghiệm khổ đau, và người đó sẽ chứng luôn Niết-bàn từ cõi sắc giới đó chứ không quay lại thế gian dục giới này nữa.] (2191)

2192 [Nguyên văn câu này: *Idha paññassa bhikkhuno uttarim vimuttim ap-
paṭivijjhato*. **Mp** diễn dịch và giải nghĩa là: “*Một Tỳ kheo có trí ở đây*: Trí-tuệ trong giáo lý này được gọi là ‘*trí-tuệ ở đây*’. Nghĩa [của chữ ‘*một Tỳ kheo có trí ở đây*’] là một thánh đệ tử là người đã ổn định trong trí-tuệ thánh thiện thuộc giáo lý này” (*imasmim sāsane paññā idhapaññā nāma, sāsana-caritāya ariyapaññāya ʔhitassa ariyasāvakaṃsā ti attho*).] (2192)

2193 [**Mp** gọi đây là một bậc “*Bất-lai thiên định*” (*jhānānāgāmitā*). Những người như vậy đã chứng ngộ 02 thánh quả thấp (Nhập-lưu và Nhất-lai) và chứng đắc những tầng thiên định sắc giới (*jhāna*) nhưng chưa thực sự đạt tới giai đoạn Bất-lai. Bằng nghiệp lực của các tầng thiên định của họ, họ sẽ được tái sinh trong cảnh sắc giới, ở đó họ sẽ chứng đắc những thánh đạo và thánh quả cao hơn chứ không còn quay lại xuống cảnh dục giới; như vậy họ được gọi là những bậc “*Bất-lai thiên định*”. “*Sự giải-thoát xa hơn*” (*uttarim vimutti*) là chỉ thánh quả A-la-hán (xa hơn Bất-lai). Quý vị có thể coi thêm chú thích 539 ở cuối kinh **3:94**.] (2193)

2194 [**Ee** thì dồn 03 kinh **226, 227, 228** này vào kinh kế trước thành 01 kinh là **225** luôn.] (2194)

2195 [Cả **Ce** và **Ee** đều không đánh số cho NHÓM này. Tuy nhiên, **Ce** có đánh số các kinh trong nhóm này như thể nhóm này là được tính là *NHÓM 3* [do vậy nó bắt đầu bằng số kinh là **10.5.3.1**, trong đó số **5** là phần “*NĂM MƯỜI KINH THỨ NĂM*” VÀ **3** (như) là *NHÓM 3* vậy]. Còn **Be** thì bắt đầu đánh số kinh là **23**, tức là *liên tục* theo số kinh của những NHÓM trước. - Bởi vì cho đến chỗ này thì mới 26 kinh (211-236) của phần “*NĂM MƯỜI KINH THÊM*” này, cho nên tôi đã đánh số là “*NHÓM 3*”, với giả định nó thuộc về phần “*NĂM MƯỜI KINH THÊM*” này.] (2195)

2196 [**Ce** đánh số các kinh của nó từ chỗ này là **10.5.3.1** cho đến **10.5.3.510**. **Be**, như đã nói, thì luôn đếm số liên tục từ đầu tới cuối *Quyển*, nên nó đánh số kinh ở đây từ **237** đến **746**. Còn **Ee** thì đánh số kinh từ **217** đến **219**, tức là nó sáp nhập tất cả những phần còn lại vào 01 kinh là kinh **219**. Tôi thì làm theo **Be**: từ **237-746**.] (2196)

2197 [Hơi lạ và cá biệt rằng: *sự-biết đúng đắn* (chánh tri) và *sự giải-thoát đúng đắn* (chánh giải-thoát) mà lại được coi là những là *điều-kiện* (duyên) để có được *sự trực-tiếp biết* (liễu tri); bởi vì [như định nghĩa và chú giải thì 02 đó chính là *trí-biết* và *sự giải-thoát* của A-la-hán] bản thân chúng là kết quả của *sự trực-tiếp biết* (liễu tri) {và cả *sự hoàn-toàn hiểu* (liễu ngộ)}.] (2197)

2198 [Ngay chỗ này **Ce** và **Ee** còn thêm chữ *upasamāya* (*sự làm lẫn dục tham*).] (2198)

Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: (+84)—0898909451; 0909503993, hoặc liên hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính)

Hoặc anh Huỳnh Văn Thịnh, điện thoại: 0363316764 hoặc email: huynhvanthinh@gmail.com